

## DANH MỤC TRƯỜNG THPT NĂM 2021

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1   | 01         | Hà Nội      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài                           |                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 2   | 01         | Hà Nội      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ                 |                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 3   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 062       | THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình                   | Số 50 phố Nam Cao, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 4   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 066       | THPT Phan Đình Phùng                       | Số 30, phố Phan Đình Phùng, phường Quán Thánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội   | Khu vực 3 | Không       |
| 5   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 068       | THPT Phạm Hồng Thái                        | Số 1 Phố Nguyễn Văn Ngọc, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP Hà Nội        | Khu vực 3 | Không       |
| 6   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 088       | TH,THCS&THPT Thực nghiệm Khoa học Giáo dục | Số 50 đường Liễu Giai, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 7   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 211       | THPT Đinh Tiên Hoàng-Ba Đình               | Số 67 Phố Đức Chính, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 8   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 223       | THPT Hoàng Long                            | Số 347, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 9   | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 401       | GDNN-GDTX quận Ba Đình                     | Số 1 Ngõ 294 Đội Cấn, phường Cống Vị, quận Ba Đình, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 10  | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 441       | GDTX Ba Đình                               | Ngõ 294 Phố Đội Cấn, quận Ba Đình, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 11  | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 610       | CD nghề Hùng Vương                         | Số 324, Đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 12  | 01         | Hà Nội      | 01            | Quận Ba Đình           | 621       | CD nghề VIGLACERA                          | Số 92 phố Vĩnh Phúc, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 13  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 098       | THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm                    | Số 8 phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội      | Khu vực 3 | Không       |
| 14  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 111       | THPT Việt Đức                              | Số 47 Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |
| 15  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 406       | GDNN-GDTX Nguyễn Văn Tố quận Hoàn Kiếm     | Số 47 Hàng Quạt, phường Hàng Gai, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 16  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 456       | GDTX Nguyễn Văn Tố                         | Số 47 Hàng Quạt- Quận Hoàn Kiếm- TP Hà Nội                               | Khu vực 3 | Không       |
| 17  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 501       | Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội                 | Số 7 phố Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội      | Khu vực 3 | Không       |
| 18  | 01         | Hà Nội      | 02            | Quận Hoàn Kiếm         | 636       | TC nghề đồng hồ - điện tử - tin học HN     | Số 55 Hàng Bông, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội                               | Khu vực 3 | Không       |
| 19  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 024       | THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng                 | Số 174 Hồng Mai, phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội          | Khu vực 3 | Không       |
| 20  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 087       | THPT Thăng Long                            | Số 44 phố Tạ Quang Bửu, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |
| 21  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 097       | THPT Trần Nhân Tông                        | Số 15 phố Hương Viên, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội     | Khu vực 3 | Không       |
| 22  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 214       | THPT Đông Kinh                             | Số 18C Tam Trinh, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 23  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 222       | THPT Hoàng Diệu                            | Số 9 Phố Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội   | Khu vực 3 | Không       |
| 24  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng      | 228       | THPT Hồng Hà                               | Số 67, phố Lê Văn Hưu, phường Ngô Thì Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                                                         | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 25  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 241       | THPT Mai Hắc Đế                         | Ngõ 29A Phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 26  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 271       | THCS&THPT Tạ Quang Bửu                  | Số 92 Phố Lê Thanh Nghị, phường Bách Khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                         | Khu vực 3 | Không       |
| 27  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 295       | TH,THCS&THPT Vinschool                  | Tòa nhà T37 khu đô thị Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 28  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 297       | THPT Hòa Bình-La Trobe-Hà Nội           | Số 65 Cầm Hội, phường Đồng Mác, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 29  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 405       | GDNN-GDTC quận Hai Bà Trưng             | Số 15 phố Bùi Ngọc Dương, phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                         | Khu vực 3 | Không       |
| 30  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 450       | GDTC Hai Bà Trưng                       | Số 14- Phố Lê Gia Đình, phường Phố Huế, quận Hai Bà Trưng- TP Hà Nội                            | Khu vực 3 | Không       |
| 31  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 603       | CD nghề Bách Khoa Hà Nội                | Số 15A Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 32  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 612       | CD nghề KT công nghệ LOD - Phân hiệu HN | Số 924 Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 33  | 01         | Hà Nội      | 03            | Quận Hai Bà Trưng | 631       | TC nghề Dân lập Công nghệ Thăng Long    | Số 28 Ngõ 20 Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 34  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 027       | THPT Đống Đa                            | Số 10 ngõ Quan Thô 1 Phố Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đống Đa, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 35  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 031       | THPT Hoàng Cầu                          | Số 27/44 Nguyễn Phúc Lai, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 36  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 038       | THPT Kim Liên                           | Số 1 Ngõ 4C Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 37  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 041       | THPT Lê Quý Đôn-Đống Đa                 | Số 195 Ngõ Xã Đàn II, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 38  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 067       | THPT Phan Huy Chú-Đống Đa               | Số 34 Ngõ 49 Huỳnh Thúc Kháng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội                          | Khu vực 3 | Không       |
| 39  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 074       | THPT Quang Trung-Đống Đa                | Số 178 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 40  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 201       | THCS&THPT Alfred Nobel                  | Ngõ 14C Pháo đài Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 41  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 203       | THPT Bắc Hà-Đống Đa                     | Số 1A, ngõ 538 Đường Láng, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 42  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 218       | THPT Hà Nội                             | Số 106, phố Thái Thịnh, quận Đống Đa, TP Hà Nội                                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 43  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 259       | THPT Nguyễn Văn Huyền                   | Ngõ 157 Chùa Láng, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 44  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 266       | THPT Phùng Khắc Khoan                   | Số 85 phố Lương Đình Của, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP Hà Nội                            | Khu vực 3 | Không       |
| 45  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 275       | THPT Tô Hiến Thành                      | Số 27 ngõ Giếng, phố Đông Các, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 46  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa      | 283       | THPT Văn Hiến                           | Số 101A, phố Nguyễn Khuyến, quận Đống Đa, TP Hà Nội                                             | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 47  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 284       | THPT Văn Lang                            | Số 160 Tôn Đức Thắng, quận Đống Đa, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 48  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 301       | THCS&THPT TH School                      | Số 4-6 Chùa Bộc, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội                 | Khu vực 3 | Không       |
| 49  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 403       | GDNN-GDTX quận Đống Đa                   | Số 5 ngõ 4A Phố Đặng Văn Ngữ, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |
| 50  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 449       | GDTX Đống Đa                             | Số 5 ngõ 4A Đặng Văn Ngữ- Quận Đống Đa- TP Hà Nội                         | Khu vực 3 | Không       |
| 51  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 503       | Học viện âm nhạc QGVN                    | Số 77 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP Hà Nội                  | Khu vực 3 | Không       |
| 52  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 507       | Đại học Văn Hóa Nghệ thuật Quân đội      | số 101 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |
| 53  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 601       | CD Kỹ thuật thiết bị y tế                | Số 1 Ngõ 89, Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                          | Khu vực 3 | Không       |
| 54  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 606       | CD nghề Công nghiệp Hà Nội               | Số 131 Phố Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                            | Khu vực 3 | Không       |
| 55  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 625       | TC nghề Công đoàn Việt Nam               | Số 21 ngõ 167 Tây Sơn, Quang Trung, Quận Đống Đa, TP Hà Nội               | Khu vực 3 | Không       |
| 56  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 647       | TC nghề may và thời trang Hà Nội         | Số 56 Khâm Thiên, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 57  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 648       | TC nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn HN | Số 6, ngõ Lệnh Cư, Khâm Thiên, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                    | Khu vực 3 | Không       |
| 58  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 659       | TC nghề thông tin và truyền thông HN     | Số 30 Trung Liệt, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 59  | 01         | Hà Nội      | 04            | Quận Đống Đa   | 668       | Trường Nghệ thuật Quân đội               | Đường Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội                           | Khu vực 3 | Không       |
| 60  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 008       | THPT Chu Văn An                          | Số 10 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 61  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 082       | THPT Tây Hồ                              | Số 41, phố Phú Thượng, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP Hà Nội          | Khu vực 3 | Không       |
| 62  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 213       | THPT Đông Đô                             | Số 8 Vông Thị, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 63  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 219       | THPT Hà Nội Academy                      | Nhà D45-D46 Khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 64  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 262       | THPT Phan Chu Trinh                      | Số 481 đường Âu Cơ, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, TP Hà Nội               | Khu vực 3 | Không       |
| 65  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 270       | Song ngữ QT Horizon                      | Số 98 Tô Ngọc Vân, phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 66  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 410       | GDNN-GDTX quận Tây Hồ                    | Số 43 Phố Phú Thượng, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 67  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 463       | GDTX Tây Hồ                              | Số 57/15 đường An Dương Vương- Phú Thượng- Quận Tây Hồ- TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 68  | 01         | Hà Nội      | 05            | Quận Tây Hồ    | 642       | TC nghề Kỹ nghệ thực hành HIPT           | Ngõ 28, tầng 2, chung cư nhà F, Xuân La, Quận Tây Hồ, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 69  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy  | 007       | THPT Cầu Giấy                            | Ngõ 118, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 70  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy  | 009       | THPT chuyên Đại học Sư phạm              | Số 136 đường Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                                                        | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 71  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 010       | THPT chuyên Hà Nội Amsterdam          | Số 1, đường Hoàng Minh Giám, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                          | Khu vực 3 | Không       |
| 72  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 013       | THPT chuyên Ngoại ngữ                 | Số 2 đường Phạm Văn Đồng, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội       | Khu vực 3 | Không       |
| 73  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 060       | THCS&THPT Nguyễn Tất Thành            | Số 136 Đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 74  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 117       | THPT Yên Hòa                          | Số 251 Nguyễn Khang, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                  | Khu vực 3 | Không       |
| 75  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 215       | THPT Einstein                         | Số 169, phố Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 76  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 221       | PTDL Hermann Gmeiner                  | Số 2 Doãn Kế Thiện, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                  | Khu vực 3 | Không       |
| 77  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 226       | THPT Hồng Bàng                        | Số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                                | Khu vực 3 | Không       |
| 78  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 236       | THCS&THPT Lương Thế Vinh              | C5 khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu giấy, TP Hà Nội        | Khu vực 3 | Không       |
| 79  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 238       | THPT Lương Văn Can                    | Lô NT1, khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội   | Khu vực 3 | Không       |
| 80  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 239       | THPT Lý Thái Tổ                       | Số 165 Đường Hoàng Ngân, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 81  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 250       | THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm- Cầu Giấy | Số 6 Trần Quốc Hoàn, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 82  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 253       | THCS&THPT Nguyễn Siêu                 | Phố Mạc Thái Tô, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                      | Khu vực 3 | Không       |
| 83  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 296       | THPT Global                           | Lô C1, C2 Khu đô thị mới Yên Hòa, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội     | Khu vực 3 | Không       |
| 84  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 402       | GDNN-GDTEX quận Cầu Giấy              | Số 2 Ngõ 181 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội   | Khu vực 3 | Không       |
| 85  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 443       | GDTX&DN Cầu Giấy                      | Ngõ 223 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 86  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 505       | Trung cấp NT Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam  | Khu Văn hóa nghệ thuật, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 87  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 506       | Cao đẳng Sư phạm Trung ương           | Số 387 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội             | Khu vực 3 | Không       |
| 88  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 604       | CE ngành cơ điện Hà Nội               | Số 160 Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 89  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 617       | CE ngành Phú Châu                     | Số 104, đường Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 90  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 619       | CE ngành Trần Hưng Đạo                | Số 24, ngõ 4, Phố Phạm Tuấn Tài, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội                      | Khu vực 3 | Không       |
| 91  | 01         | Hà Nội      | 06            | Quận Cầu Giấy   | 669       | Trường CE Múa Việt Nam                |                                                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 92  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 011       | THPT chuyên Khoa học tự nhiên         | Số 182 đường Lương Thế Vinh, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 93  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 065       | THPT Nhân Chính                       | Phố Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 94  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 096       | THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân         | Ngõ 477 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |



| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                         | Địa Chỉ                                                                             | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 95  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 207       | THPT Đào Duy Từ                    | Số 182 đường Lương Thế Vinh, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội      | Khu vực 3 | Không       |
| 96  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 208       | THPT Đại Việt                      | Số 301 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội             | Khu vực 3 | Không       |
| 97  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 224       | THPT Hồ Tùng Mậu                   | Số 18 Khương Hạ, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                     | Khu vực 3 | Không       |
| 98  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 225       | THPT Hồ Xuân Hương                 | Số 1 Nguyễn Quý Đức, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 99  | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 229       | THPT Huỳnh Thúc Kháng              | Số 131, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                               | Khu vực 3 | Không       |
| 100 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 251       | THPT Nguyễn Du-Mê Linh             | Nhà C3, số 131 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 101 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 254       | THPT Nguyễn Tất Thành-Sơn Tây      | Số 54, phố Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                               | Khu vực 3 | Không       |
| 102 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 255       | THPT Hoàng Mai                     | Số 54A2, đường Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                           | Khu vực 3 | Không       |
| 103 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 261       | THPT Phan Bội Châu                 | Số 21 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 104 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 322       | THPT Lương Thế Vinh (Trước 9/2015) | Số 233 Vũ Tông Phan, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 105 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 335       | THPT Nguyễn Trường Tộ              | Số 30 ngõ 208 tổ 20 phố Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 106 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 342       | THPT Đông Nam Á (Trước 12/2017)    | Số 19 Cự Lộc, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                         | Khu vực 3 | Không       |
| 107 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 411       | GDNN-GDTX quận Thanh Xuân          | Số 140 phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội          | Khu vực 3 | Không       |
| 108 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 466       | GDTX Thanh Xuân                    | Số 140 phố Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội          | Khu vực 3 | Không       |
| 109 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 502       | BTVH Công ty Xây dựng Công nghiệp  | Số 25 ngõ 85 phố Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                                | Khu vực 3 | Không       |
| 110 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 626       | TC nghề Công nghệ ô tô             | Số 83 Triều Khúc, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                                        | Khu vực 3 | Không       |
| 111 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 641       | TC nghề Kinh tế Kỹ thuật vinamotor | Số 35 B Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 112 | 01         | Hà Nội      | 07            | Quận Thanh Xuân | 652       | TC nghề số 10                      | Số 101 Tô Vĩnh Diện, Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội                       | Khu vực 3 | Không       |
| 113 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai  | 032       | THPT Hoàng Văn Thụ                 | Số 234 Đường Lĩnh Nam, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                   | Khu vực 3 | Không       |
| 114 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai  | 102       | THPT Trương Định                   | Số 204 phố Tân Mai, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                       | Khu vực 3 | Không       |
| 115 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai  | 112       | THPT Việt Nam-Ba Lan               | Số 1 ngõ 48, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 116 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai  | 252       | THPT Nguyễn Đình Chiểu             | Lô 12 Đền Lừ II, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                    | Khu vực 3 | Không       |
| 117 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai  | 268       | THPT Phương Nam                    | Lô18 khu đô thị Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                            | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 118 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 279       | THPT Trần Quang Khải                   | Số 11 ngách 1277/26 đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 119 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 294       | THCS&THPT Quốc tế Thăng Long           | Lô X1 Khu đô thị Bắc Linh Đàm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 120 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 407       | GDNN-GDTX quận Hoàng Mai               | Số 8 ngõ 22, tổ 5, đường Khuyến Lương, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội  | Khu vực 3 | Không       |
| 121 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 453       | GDTX Hoàng Mai                         | Tổ 10 Phường Trần Phú- Quận Hoàng Mai- TP Hà Nội                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 122 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 611       | CD nghề kinh doanh và công nghệ Hà Nội | Số 29A, ngõ 124, Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 123 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 637       | TC nghề Du lịch Hà Nội                 | Số 24 Ngõ 85 Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 124 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 639       | TC nghề Giao thông Vận tải             | 5B12A, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 125 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 646       | TC nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ XD HN    | 16C đường Tam Trinh, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 126 | 01         | Hà Nội      | 08            | Quận Hoàng Mai | 653       | TC nghề số 17                          | Ngõ 228 Lê Trọng Tấn, Khu đô thị mới Định Công, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội          | Khu vực 3 | Không       |
| 127 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 045       | THPT Lý Thường Kiệt                    | Tổ 12, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, TP Hà Nội                              | Khu vực 3 | Không       |
| 128 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 059       | THPT Nguyễn Gia Thiều                  | Số 27 ngõ 298, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP Hà Nội                          | Khu vực 3 | Không       |
| 129 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 085       | THPT Thạch Bàn                         | Tổ 12, phường Thạch Bàn, quận Long Biên, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 130 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 121       | THPT Phúc Lợi                          | Tổ 4 Phường Phúc Lợi, quận Long Biên, TP Hà Nội                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 131 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 234       | THPT Lê Văn Thiêm                      | Số 44 phố Ô Cách, phường Đức Giang, quận Long Biên, TP Hà Nội                      | Khu vực 3 | Không       |
| 132 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 273       | THPT Tây Sơn                           | Số 17, ngõ 28, phố Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội        | Khu vực 3 | Không       |
| 133 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 282       | THPT Vạn Xuân-Long Biên                | Số 56 Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội                      | Khu vực 3 | Không       |
| 134 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 287       | THPT Wellspring-Mùa Xuân               | Số 95 Phố Ái Mộ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP Hà Nội                           | Khu vực 3 | Không       |
| 135 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 300       | TH,THCS&THPT Vinschool The Harmony     | Đường Chu Huy Mân, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội                     | Khu vực 3 | Không       |
| 136 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 408       | GDNN-GDTX quận Long Biên               | Ngõ 161 phố Hoa Lâm, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội                   | Khu vực 3 | Không       |
| 137 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 471       | GDTX Việt Hưng                         | Ngách 161 Hoa Lâm, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội                     | Khu vực 3 | Không       |
| 138 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 504       | Trung cấp Quang Trung                  | Tổ 14 phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 139 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 608       | CD nghề đường sắt I                    | Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, TP Hà Nội                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 140 | 01         | Hà Nội      | 09            | Quận Long Biên | 616       | CD nghề Long Biên                      | 2/765 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Sài Đồng, Quận Long Biên, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                                            | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 141 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 061       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                  | Đường Võ Quý Huân, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                   | Khu vực 3 | Không       |
| 142 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 090       | THPT Thượng Cát                            | Đường Sùng Khang, phường Thượng Cát, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                   | Khu vực 3 | Không       |
| 143 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 113       | THPT Xuân Đình                             | Số 178, đường Xuân Đình, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội             | Khu vực 3 | Không       |
| 144 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 122       | THPT Khoa học Giáo dục                     | Phố Kiều Mai, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 145 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 212       | THPT Đoàn Thị Điểm                         | Khu DT Bắc Cỗ Nhuế, phường Cỗ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                  | Khu vực 3 | Không       |
| 146 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 220       | THCS&THPT Hà Thành                         | Số 36A Phạm Văn Đồng, phường Cỗ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 147 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 245       | THCS&THPT Newton                           | 136 Hồ Tùng Mậu, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                      | Khu vực 3 | Không       |
| 148 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 272       | THPT Tây Đô                                | Đường Phú Minh tổ dân phố Phúc Lý 2, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 149 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 285       | THPT Việt Hoàng                            | Km12 đường Cầu Diễn, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                 | Khu vực 3 | Không       |
| 150 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 298       | THPT Nguyễn Huệ                            | Khu đô thị Nam Cường, ngõ 234 Hoàng Quốc Việt, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 151 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 321       | THPT Lê Thánh Tông (Từ 12/2013 đến 9/2015) | Số 154 Phạm Văn Đồng, quận Bắc Từ Liêm- TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 152 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 620       | CD nghề Văn Lang Hà Nội                    | Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 153 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 634       | TC nghề Dân lập Quang Trung                | 104 Hoàng Quốc Việt, X. Cỗ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                       | Khu vực 3 | Không       |
| 154 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 638       | TC nghề Giao thông Công chính Hà Nội       | Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 155 | 01         | Hà Nội      | 10            | Quận Bắc Từ Liêm | 640       | TC nghề Giao thông Vận tải Thăng Long      | Xóm 1, xã Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 156 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 054       | THPT Ngọc Hồi                              | Xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội                                            | Khu vực 2 | Không       |
| 157 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 057       | THPT Ngô Thị Nhậm                          | Xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 158 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 123       | THPT Đông Mỹ                               | Xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 159 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 233       | THPT Lê Thánh Tông                         | Thôn Việt Yên, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội                             | Khu vực 2 | Không       |
| 160 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 323       | THPT Lương Thế Vinh (Từ 9/2015 đến 4/2017) | Thôn Yên Xá, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội                              | Khu vực 2 | Không       |
| 161 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 426       | GDNN-GDTX huyện Thanh Trì                  | Km 2,5 đường Phan Trọng Tuệ, Xã Thanh Liệt, Huyện Thanh Trì, TP Hà Nội             | Khu vực 2 | Không       |
| 162 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 448       | GDTX Đông Mỹ                               | Xã Đông Mỹ- Huyện Thanh Trì- TP Hà Nội                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 163 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 465       | GDTX Thanh Trì                             | Km 2,5 đường Phan Trọng Tuệ- Xã Thanh Liệt- Huyện Thanh Trì- TP Hà Nội             | Khu vực 2 | Không       |
| 164 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 654       | TC nghề số 18                              | Huỳnh Cung, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh trì, TP Hà Nội                                | Khu vực 2 | Không       |
| 165 | 01         | Hà Nội      | 11            | Huyện Thanh Trì  | 657       | TC nghề T thực Formach                     | Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh trì, TP Hà Nội                                      | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                        | Địa Chỉ                                                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 166 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 005       | THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm          | Số 57 đường Cổ Bi, Xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 167 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 019       | THPT Dương Xá                     | Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 168 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 064       | THPT Nguyễn Văn Cừ                | Thôn Thuận Tốn, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 169 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 119       | THPT Yên Viên                     | Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                             | Khu vực 2 | Không       |
| 170 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 205       | THPT Bắc Đuống                    | Số 76 Thôn Dốc Lã, xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội              | Khu vực 2 | Không       |
| 171 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 232       | THPT Lê Ngọc Hân                  | Số 36/670 đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 172 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 240       | THPT Lý Thánh Tông                | Thôn Dương Đan, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 173 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 276       | THPT Tô Hiệu-Gia Lâm              | Xã Tiêu Kỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 174 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 417       | GDNN-GDTH huyện Gia Lâm           | Số 6, đường Cổ Bi, xã Cổ Bi, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 175 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 446       | GDTX Đình Xuyên                   | xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 176 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 457       | GDTX Phú Thị                      | Xã Đặng Xá- Huyện Gia Lâm- TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 177 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 615       | CD nghề Kỹ thuật Mỹ nghệ Việt Nam | Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 178 | 01         | Hà Nội      | 12            | Huyện Gia Lâm  | 624       | TC nghề Cơ khí xây dựng           | Số 73 Đường Cổ Bi, xã Cổ Bi, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 179 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 003       | THPT Bắc Thăng Long               | Thôn Bàu, Xã Kim Chung, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội                       | Khu vực 2 | Không       |
| 180 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 017       | THPT Cổ Loa                       | Đường Đông Hội, xã Đông Hội, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                  | Khu vực 2 | Không       |
| 181 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 025       | THPT Đông Anh                     | Tổ 8, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                      | Khu vực 2 | Không       |
| 182 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 043       | THPT Liên Hà                      | Thôn Lỗ Khê, xã Liên Hà, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                      | Khu vực 2 | Không       |
| 183 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 109       | THPT Vân Nội                      | Thôn Ba Chữ, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                      | Khu vực 2 | Không       |
| 184 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 202       | THPT An Dương Vương               | Tổ 12, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 185 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 246       | THPT Ngô Quyền-Đông Anh           | Thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 186 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 248       | THPT Ngô Tất Tố                   | Xã Kim Chung, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 187 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 264       | THPT Phạm Ngũ Lão                 | Thôn Đa, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 188 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 291       | THPT Lê Hồng Phong                | Xã Đông Hội, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 189 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 299       | THPT Kinh Đô                      | Thôn Ngoài, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 190 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 340       | THPT Hoàng Long (Trước 7/2016)    | Xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 191 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 416       | GDNN-GDTH huyện Đông Anh          | Xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 192 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 447       | GDTX Đông Anh                     | Xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 193 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 614       | CD nghề Kỹ thuật Công nghệ        | Tổ 59, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 194 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 618       | CĐ nghề Thăng Long                         | Tổ 45, TT Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội                        | Khu vực 2 | Không       |
| 195 | 01         | Hà Nội      | 13            | Huyện Đông Anh | 623       | TC nghề Cơ khí 1 Hà Nội                    | Số 28 tổ 47, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, TP Hà Nội            | Khu vực 2 | Không       |
| 196 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 020       | THPT Đa Phúc                               | Số 19 đường Núi Đồi, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội      | Khu vực 2 | Không       |
| 197 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 037       | THPT Kim Anh                               | Thôn Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 198 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 049       | THPT Minh Phú                              | Thôn Phú Thịnh, xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 199 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 078       | THPT Sóc Sơn                               | Km số 1 Quốc lộ 2, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội               | Khu vực 2 | Không       |
| 200 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 100       | THPT Trung Giã                             | Phổ Ni, xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                       | Khu vực 2 | Không       |
| 201 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 114       | THPT Xuân Giang                            | Khu Thá, xã Xuân Giang, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 202 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 209       | THPT Đăng Thai Mai                         | Thôn 4, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 203 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 230       | THPT Lam Hồng                              | Khối 5, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                          | Khu vực 2 | Không       |
| 204 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 231       | THPT Lạc Long Quân                         | Ngõ 84 đường Núi Đồi, Thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội     | Khu vực 2 | Không       |
| 205 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 243       | THPT Mạc Đình Chi                          | Số 128 Phố Kim Anh, xã Thanh Xuân, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội          | Khu vực 2 | Không       |
| 206 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 244       | THPT Minh Trí                              | Thôn Thắng Trí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 207 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 339       | THPT DL Nguyễn Thượng Hiền (Trước 10/2017) | Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                                | Khu vực 2 | Không       |
| 208 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 341       | THPT DL Phùng Khắc Khoan (Trước 7/2017)    | Xã Minh Phú, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                                | Khu vực 2 | Không       |
| 209 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 424       | GDNN-GDTH huyện Sóc Sơn                    | Thôn Miếu Thờ, xã Tiên Dược, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 210 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 461       | GDTH Sóc Sơn                               | Xã Tiên Dược- Huyện Sóc Sơn- TP Hà Nội                               | Khu vực 2 | Không       |
| 211 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 607       | CĐ nghề điện                               | Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 212 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 628       | TC nghề Công trình I                       | Xã Tân Dân, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 213 | 01         | Hà Nội      | 14            | Huyện Sóc Sơn  | 630       | TC nghề Dân lập Cờ Đỏ                      | Thôn Bình An, xã Trung Giã, Huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội                 | Khu vực 2 | Không       |
| 214 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 012       | THPT chuyên Nguyễn Huệ                     | Số 560B đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội    | Khu vực 3 | Không       |
| 215 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 040       | THPT Lê Lợi                                | 72 Phố Bà Triệu, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội         | Khu vực 3 | Không       |
| 216 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 042       | THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông                    | Số 4 Phố Nhuệ Giang, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội     | Khu vực 3 | Không       |
| 217 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 075       | THPT Quang Trung-Hà Đông                   | Ngõ 2 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 218 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 095       | THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông                 | Số 157, phố Xôm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, TP Hà Nội             | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 219 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 217       | THPT Hà Đông                                 | Khu đô thị Mộ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội                        | Khu vực 3 | Không       |
| 220 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 269       | PT Quốc Tế Việt Nam                          | Khu đô thị mới Dương Nội, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP Hà Nội              | Khu vực 3 | Không       |
| 221 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 288       | THPT Xa La                                   | Số 1 dãy 5 lô 3 Khu Đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội        | Khu vực 3 | Không       |
| 222 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 290       | THPT Ban Mai                                 | Lô TH4 khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội                   | Khu vực 3 | Không       |
| 223 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 292       | THPT Ngô Gia Tự                              | Ngõ 2 Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội                             | Khu vực 3 | Không       |
| 224 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 324       | PT Phùng Hưng (Trước 9/2016)                 | Ngõ 2 Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông - Hà Nội                               | Khu vực 3 | Không       |
| 225 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 404       | GDNN-GDTX quận Hà Đông                       | Số 23 Bùi Bằng Đoàn, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, TP Hà Nội                 | Khu vực 3 | Không       |
| 226 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 451       | GDTX Hà Tây                                  | Số 23 Bùi Bằng Đoàn- Quận Hà Đông- TP Hà Nội                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 227 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 635       | TC nghề Đào tạo nhân lực Vinaconex           | Xã Đồng Mai, Quận Hà Đông, TP Hà Nội                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 228 | 01         | Hà Nội      | 15            | Quận Hà Đông   | 660       | TC nghề Tổng hợp Hà Nội                      | Số 21 Phố Bùi Bằng Đoàn, Quận Hà Đông, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 229 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 036       | Hữu Nghị 80                                  | Số 109, đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội               | Khu vực 2 | Có          |
| 230 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 079       | THPT Sơn Tây                                 | Số 57 đường Đền Và, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                 | Khu vực 2 | Không       |
| 231 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 103       | THPT Tùng Thiện                              | Số 20 Phố Tùng Thiện, phường Sơn Lộc, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                  | Khu vực 2 | Không       |
| 232 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 115       | THPT Xuân Khanh                              | Số 175, đường Đá Bạc, phường Xuân Khanh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội               | Khu vực 2 | Không       |
| 233 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 337       | PT Vô Thuật Bảo Long                         | xã Cô Đông, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                                            | Khu vực 2 | Không       |
| 234 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 344       | THPT Nguyễn Tất Thành-Sơn Tây (Trước 3/2019) | Số 35 phố Chùa Thông, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 235 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 412       | GDNN-GDTX thị xã Sơn Tây                     | Số 129 Phố Hàng, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 236 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 462       | GDTX Sơn Tây                                 | Phường Phú Thịnh- Thị xã Sơn Tây- TP Hà Nội                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 237 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 656       | TC nghề Sơn Tây                              | Thanh Mỹ, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 238 | 01         | Hà Nội      | 16            | Thị xã Sơn Tây | 658       | TC nghề Thăng Long                           | Số 46 phường Sơn Lộc, Thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 239 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 001       | THPT Ba Vì                                   | Thôn 7, xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 240 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 004       | THPT Bất Bạt                                 | Thôn Khê Thượng, Xã Sơn Đà, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội                               | Khu vực 2 | Không       |
| 241 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 018       | PT Dân tộc nội trú                           | Thôn 7, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                       | Khu vực 1 | Có          |
| 242 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 056       | THPT Ngô Quyền-Ba Vì                         | Xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 243 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 076       | THPT Quảng Oai                               | Số 288 đường Quảng Oai, thôn Hưng Đạo, Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 244 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì    | 120       | THPT Minh Quang                              | Thôn Lặt, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                  | Khu vực 1 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 245 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 149       | THPT Ba Vì (Trước 4/2017)               | Thôn 7, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 246 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 150       | PT Dân tộc nội trú (Trước 4/2017)       | Thôn 7, xã Ba Trại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                                  | Khu vực 1 | Có          |
| 247 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 151       | THPT Minh Quang (Trước 4/2017)          | Thôn Lật, xã Minh Quang, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 248 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 237       | THPT Lương Thế Vinh-Ba Vì               | Thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                            | Khu vực 2 | Không       |
| 249 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 278       | THPT Trần Phú-Ba Vì                     | Thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 250 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 413       | GDNN-GDTH huyện Ba Vì                   | Quốc lộ 32 thôn Vật Phụ, xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 251 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 442       | GDTH Ba Vì                              | Xã Vật Lại, huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 252 | 01         | Hà Nội      | 17            | Huyện Ba Vì      | 609       | CD nghề Giao thông vận tải Trung ương I | Xã Thụy An, Huyện Ba Vì, TP Hà Nội                                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 253 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 035       | Hữu Nghị T78                            | Xã Thọ Lộc, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                                       | Khu vực 2 | Có          |
| 254 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 055       | THPT Ngọc Tảo                           | Cụm 8 Thôn Ngọc Tảo, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 255 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 072       | THPT Phúc Thọ                           | Xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 256 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 108       | THPT Vân Cốc                            | Xã Vân Nam, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 257 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 227       | PT Hồng Đức                             | Thôn Tây, xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 258 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 422       | GDNN-GDTH huyện Phúc Thọ                | Cụm 8, thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 259 | 01         | Hà Nội      | 18            | Huyện Phúc Thọ   | 459       | GDTH Phúc Thọ                           | Xã Võng Xuyên- Huyện Phúc Thọ- TP Hà Nội                                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 260 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 002       | THPT Bắc Lương Sơn                      | Thôn Đình, Xã Yên Bình, Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 261 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 028       | THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất            | Thôn Mục Uyên 1, xã Tân Xã, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 262 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 069       | THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất        | Thôn Bình Xá, xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 263 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 086       | THPT Thạch Thất                         | Số 120 đường 420, xã Kim Quan, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 264 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 216       | THPT FPT                                | Km28 Đại lộ Thăng Long Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 265 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 263       | THPT Phan Huy Chú-Thạch Thất            | Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 266 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 427       | GDNN-GDTH huyện Thạch Thất              | Số 226, đường 419, thôn Đồng Cam, thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội           | Khu vực 2 | Không       |
| 267 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 467       | GDTH Thạch Thất                         | Thị trấn Liên Quan, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 268 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 650       | TC nghề Phùng Khắc Khoan                | Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 269 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 661       | TC nghề Tư thực ASEAN                   | Xã Tiên Xuân, Huyện Thạch Thất , TP Hà Nội                                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 270 | 01         | Hà Nội      | 19            | Huyện Thạch Thất | 662       | TC nghề tư thực Âu Việt                 | Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, TP Hà Nội                                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 271 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 006       | THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai               | Thôn Thổ Ngõa, Xã Tân Hoà, Huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 272 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 048       | THPT Minh Khai                          | Thôn Đình Tú, xã Cấn Hữu, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 273 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 077       | THPT Quốc Oai                           | Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                                | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                    | Địa Chỉ                                                                                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 274 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 258       | PT Nguyễn Trực                | Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 275 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 267       | PT Phú Bình                   | Thôn 7, xã Phú Cát, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 276 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 423       | GDNN-GDTEX huyện Quốc Oai     | Tổ dân phố Đình Tổ, thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 277 | 01         | Hà Nội      | 20            | Huyện Quốc Oai   | 460       | GDTEX Quốc Oai                | Thị trấn Quốc Oai- Huyện Quốc Oai- TP Hà Nội                                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 278 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 014       | THPT Chúc Động                | Xóm Bền, xã Tốt Động, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 279 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 015       | THPT Chương Mỹ A              | Số 42, Khu Yên Sơn, thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 280 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 016       | THPT Chương Mỹ B              | Xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 281 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 039       | THPT Lâm Nghiệp               | Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Có          |
| 282 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 116       | THPT Xuân Mai                 | Tổ 5 khu Tân Bình, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 283 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 141       | ĐH Lâm Nghiệp (Trước 11/2017) | Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Có          |
| 284 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 210       | THPT Đặng Tiến Đông           | Thôn Nội An, xã Đại Yên, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 285 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 247       | THPT Ngô Sỹ Liên              | Tổ 5 khu Chiến Thắng, Thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 286 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 277       | THPT Trần Đại Nghĩa           | Khuôn viên Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể Thao Hà Nội, xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 287 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 414       | GDNN-GDTEX huyện Chương Mỹ    | Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 288 | 01         | Hà Nội      | 21            | Huyện Chương Mỹ  | 444       | GDTEX Chương Mỹ               | Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 289 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 023       | THPT Đan Phượng               | Số 19 phố Phan Đình Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                               | Khu vực 2 | Không       |
| 290 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 033       | THPT Hồng Thái                | Cụm 8, xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 291 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 081       | THPT Tân Lập                  | Xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 292 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 257       | THPT Green City Academy       | Cụm 13, thôn Thượng Hội, xã Tân Hội, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 293 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 415       | GDNN-GDTEX huyện Đan Phượng   | Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 294 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 445       | GDTEX Đan Phượng              | Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 295 | 01         | Hà Nội      | 22            | Huyện Đan Phượng | 627       | TC nghề Công nghệ Tây An      | Xã Tân Hội, Huyện Đan Phượng, TP Hà Nội                                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 296 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức   | 029       | THPT Hoài Đức A               | Thôn Yên Bệ, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 297 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức   | 030       | THPT Hoài Đức B               | Thôn Ngải Cầu, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                                | Khu vực 2 | Không       |
| 298 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức   | 107       | THPT Vạn Xuân-Hoài Đức        | Đội 2, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                                         | Khu vực 2 | Không       |



| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                                        | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 299 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 206       | THPT Bình Minh                             | Thôn Cựu Quán, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                        | Khu vực 2 | Không       |
| 300 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 293       | THCS&THPT Phạm Văn Đồng                    | Lô A26, Geleximco, Nam An Khánh, đường Lê Trọng Tấn, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 301 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 418       | GDNN-GDTX huyện Hoài Đức                   | Thôn Yên Vĩnh, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 302 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 452       | GDTX Hoài Đức                              | Xã Kim Chung- Huyện Hoài Đức- TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 303 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 602       | CĐ nghề bách Khoa                          | Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 304 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 649       | TC nghề Nhân lực Quốc tế                   | Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 305 | 01         | Hà Nội      | 23            | Huyện Hoài Đức  | 664       | TC nghề Vân Canh                           | Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 306 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 058       | THPT Nguyễn Du-Thanh Oai                   | Km 16+500 quốc lộ 21B, xã Dân Hoà, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                  | Khu vực 2 | Không       |
| 307 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 083       | THPT Thanh Oai A                           | Thôn Văn Quán, xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                          | Khu vực 2 | Không       |
| 308 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 084       | THPT Thanh Oai B                           | Xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 309 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 204       | THPT IVS                                   | Tổ 1 Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                              | Khu vực 2 | Không       |
| 310 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 274       | THPT Thanh Xuân                            | Thôn Đại Định, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 311 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 336       | THPT Bắc Hà-Thanh Oai                      | Tổ 1 Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                              | Khu vực 2 | Không       |
| 312 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 425       | GDNN-GDTX huyện Thanh Oai                  | Thôn Đại Định, xã Tam Hưng, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                         | Khu vực 2 | Không       |
| 313 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 464       | GDTX Thanh Oai                             | Xã Phương Trung- Huyện Thanh Oai- TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 314 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 613       | CĐ nghề kỹ thuật - công nghệ - kinh tế S   | Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 315 | 01         | Hà Nội      | 24            | Huyện Thanh Oai | 663       | TC nghề Tư thực Điện tử - Cơ khí và Xây    | Xã Cao Dương, Huyện Thanh Oai, TP Hà Nội                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 316 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 034       | THPT Hợp Thanh                             | Thôn Vải, xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                | Khu vực 2 | Không       |
| 317 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 050       | THPT Mỹ Đức A                              | Thôn Văn Giang, Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |
| 318 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 051       | THPT Mỹ Đức B                              | Xã An Mỹ, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 319 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 052       | THPT Mỹ Đức C                              | Xã Đốc Tín, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                            | Khu vực 2 | Không       |
| 320 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 338       | THPT Đinh Tiên Hoàng-Mỹ Đức (Trước 9/2016) | Thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 321 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 420       | GDNN-GDTX huyện Mỹ Đức                     | Thôn 5, xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 322 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 455       | GDTX Mỹ Đức                                | Xã Lê Thanh- Huyện Mỹ Đức- TP Hà Nội                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 323 | 01         | Hà Nội      | 25            | Huyện Mỹ Đức    | 643       | TC nghề kỹ thuật công nghệ vạn xuân        | Thị trấn Đại Nghĩa, Huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 324 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa   | 021       | THPT Đại Cường                             | Xóm 25 thôn Kim Giang, xã Đại Cường, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                  | Khu vực 2 | Không       |
| 325 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa   | 044       | THPT Lưu Hoàng                             | Xã Lưu Hoàng, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 326 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa   | 094       | THPT Trần Đăng Ninh                        | Xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                                           | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 327 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa    | 105       | THPT Ứng Hòa A                           | Số 175 Nguyễn Thương Hiền, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội    | Khu vực 2 | Không       |
| 328 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa    | 106       | THPT Ứng Hòa B                           | Thôn Đồng Xung, xã Đồng Tân, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 329 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa    | 256       | THPT Nguyễn Thương Hiền-Ứng Hòa          | Số 2 Đường Đê, TT Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                      | Khu vực 2 | Không       |
| 330 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa    | 429       | GDNN-GDTX huyện Ứng Hòa                  | Xóm Thủy Nông, thôn Thanh Âm, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội | Khu vực 2 | Không       |
| 331 | 01         | Hà Nội      | 26            | Huyện Ứng Hòa    | 470       | GDTX Ứng Hòa                             | Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội                               | Khu vực 2 | Không       |
| 332 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 046       | THPT Lý Tử Tấn                           | Thôn Lộc Dư, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội                  | Khu vực 2 | Không       |
| 333 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 063       | THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín              | Xã Nhị Khê, huyện Thường Tín, TP Hà Nội                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 334 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 089       | THPT Thường Tín                          | Tổ dân phố Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội     | Khu vực 2 | Không       |
| 335 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 093       | THPT Tô Hiệu-Thường Tín                  | Thôn An Duyên, xã Tô Hiệu, huyện Thường Tín, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |
| 336 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 110       | THPT Vân Tảo                             | Số 34 Vân Hòa, xã Vân Tảo, huyện Thường Tín, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |
| 337 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 265       | PT Phùng Hưng                            | Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội                          | Khu vực 2 | Không       |
| 338 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 428       | GDNN-GDTX huyện Thường Tín               | Tiểu khu Trần Phú, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, TP Hà Nội       | Khu vực 2 | Không       |
| 339 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 468       | GDTX Thường Tín                          | Thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín- TP Hà Nội                          | Khu vực 2 | Không       |
| 340 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 644       | TC nghề Kỹ thuật và Công nghệ            | Minh Cường, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 341 | 01         | Hà Nội      | 27            | Huyện Thường Tín | 665       | TC nghề Việt Tiệp                        | Km16+500 QL 1A, Duyên Thái, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 342 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 026       | THPT Đồng Quan                           | Thôn Phụng Vũ, xã Phụng Dực, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 343 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 070       | THPT Phú Xuyên A                         | Tiểu khu Phú Mỹ, Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội           | Khu vực 2 | Không       |
| 344 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 071       | THPT Phú Xuyên B                         | Thôn Tri Thủy, xã Tri Thủy, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |
| 345 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 080       | THPT Tân Dân                             | Thôn Đại Nghiệp, xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 346 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 249       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                   | Thôn Vĩnh Thượng, xã Khai Thái, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                | Khu vực 2 | Không       |
| 347 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 421       | GDNN-GDTX huyện Phú Xuyên                | Thôn Nam Quát, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                   | Khu vực 2 | Không       |
| 348 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 458       | GDTX Phú Xuyên                           | Xã Nam Triều- Huyện Phú Xuyên- TP Hà Nội                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 349 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 622       | TC nghề Cơ điện và Chế biến thực phẩm Hà | Thị trấn Phú Minh, Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                             | Khu vực 2 | Không       |
| 350 | 01         | Hà Nội      | 28            | Huyện Phú Xuyên  | 655       | TC nghề số I Hà Nội                      | Huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội                                                | Khu vực 2 | Không       |
| 351 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 047       | THPT Mê Linh                             | Thôn Thường Lê, xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 352 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 073       | THPT Quang Minh                         | Tổ 2, Thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 353 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 091       | THPT Tiên Phong                         | Thôn Trung Hậu Đoài, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 354 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 092       | THPT Tiến Thịnh                         | Thôn Chu Trần, xã Tiến Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 355 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 104       | THPT Tự Lập                             | Thôn Phú Mỹ, xã Tự Lập, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 356 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 118       | THPT Yên Lãng                           | Thôn Bồng Mạc, xã Liên Mạc, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 357 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 343       | THPT Nguyễn Du-Mê Linh (Trước 5/2019)   | Xã Đại Thịnh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 358 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 419       | GDNN-GDTH huyện Mê Linh                 | Khu Hành chính, huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 359 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 454       | GDTH Mê Linh                            | Khu Hành chính- Huyện Mê Linh- TP Hà Nội                                                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 360 | 01         | Hà Nội      | 29            | Huyện Mê Linh    | 645       | TC nghề Kỹ thuật và Nghiệp vụ Du lịch   | Thị trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội                                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 361 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 022       | THPT Đại Mỗ                             | Tổ dân phố An Thái, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 362 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 053       | PT Năng khiếu TDTT Hà Nội               | Đường Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 363 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 099       | THCS-THPT Trần Quốc Tuấn                | Phường Mỹ Đình II, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 364 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 101       | THPT Trung Văn                          | Phố Tổ Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 365 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 235       | THCS&THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp              | Khu đô thị Mỹ Đình 2, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 366 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 242       | THCS&THPT Marie Curie                   | Lô TH1 phố Trần Văn Lai KĐT Mỹ Đình Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                | Khu vực 3 | Không       |
| 367 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 260       | THPT Olympia                            | Khu đô thị mới Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 368 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 280       | THPT Trần Thánh Tông                    | Trường Cao đẳng Xây dựng số 1, đường Trung Văn, phường Trung văn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội            | Khu vực 3 | Không       |
| 369 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 281       | THPT Trí Đức                            | Tổ dân phố 5 Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 370 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 286       | THCS&THPT Việt Úc Hà Nội                | Khu Đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 371 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 289       | THPT Xuân Thủy                          | Trung tâm huấn luyện thể thao Quốc Gia Hà Nội, Tu Hoàng, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 372 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 345       | THCS&THPT Phạm Văn Đồng (Trước 02/2020) | Số 8A, phố Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 373 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 409       | GDNN-GDTH quận Nam Từ Liêm              | Tổ dân phố số 7, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                         | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 374 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 469       | GDTX Từ Liêm                               | Tổ dân phố số 7, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội           | Khu vực 3 | Không       |
| 375 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 605       | CD nghề công nghệ cao Hà Nội               | Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 376 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 629       | TC nghề Dân lập CN và NV tổng hợp HN       | Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 377 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 632       | TC nghề Dân lập Kỹ nghệ thực hành Tây Mỗ   | Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 378 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 633       | TC nghề Dân lập Kỹ thuật tổng hợp Hà Nội   | Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội                                | Khu vực 3 | Không       |
| 379 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 651       | TC nghề Q. tế Đông dương - Phân hiệu HN    | Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội               | Khu vực 3 | Không       |
| 380 | 01         | Hà Nội      | 30            | Quận Nam Từ Liêm | 666       | TC nghề Việt Úc                            | Tầng 3, toà Intracom, Lô C2F, Khu tiểu thủ CN, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội | Khu vực 3 | Không       |
| 381 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 142       | THPT Đại Mỗ (Trước 12/2013)                | Xã Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 382 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 143       | PT Năng khiếu TDTT Hà Nội (Trước 12/2013)  | Đường Lê Đức Thọ, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                     | Khu vực 2 | Không       |
| 383 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 144       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai (Trước 12/2013)  | xã Phúc Diễn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 384 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 145       | THPT Thượng Cát (Trước 12/2013)            | xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 385 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 146       | THCS-THPT Trần Quốc Tuấn (Trước 12/2013)   | Xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 386 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 147       | THPT Trung Văn (Trước 12/2013)             | Tổ Hữu , xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                            | Khu vực 2 | Không       |
| 387 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 148       | THPT Xuân Đình (Trước 12/2013)             | Số 178, Đường Xuân Đình, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                          | Khu vực 2 | Không       |
| 388 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 320       | THPT Lê Thánh Tông (Trước 12/2013)         | Số 154 Phạm Văn Đồng- huyện Từ Liêm- TP Hà Nội                             | Khu vực 2 | Không       |
| 389 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 325       | THPT DL Đoàn Thị Điểm (Trước 12/2013)      | Khu ĐT Bắc Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                               | Khu vực 2 | Không       |
| 390 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 326       | THCS-THPT Hà Thành (Trước 12/2013)         | Số 36A Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                    | Khu vực 2 | Không       |
| 391 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 327       | THPT Huỳnh Thúc Kháng (Trước 12/2013)      | Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 392 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 328       | THCS&THPT M.V.Lô-mô-nô-xốp (Trước 12/2013) | Đường Lê Đức Thọ- Huyện Từ Liêm- TP Hà Nội                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 393 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 329       | THCS-THPT Newton (Trước 12/2013)           | Lô TH2 Khu đô thị Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội       | Khu vực 2 | Không       |
| 394 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 330       | THPT Olympia (Trước 12/2013)               | Xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 395 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 331       | THPT Tây Đô (Trước 12/2013)                | Xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 396 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 332       | THPT Trí Đức (Trước 12/2013)               | Tổ dân phố 5 Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội.           | Khu vực 2 | Không       |
| 397 | 01         | Hà Nội      | 31            | Huyện Từ Liêm    | 333       | THCS&THPT Việt Úc Hà Nội (Trước 12/2013)   | Khu Đô thị Mỹ Đình 1, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội                             | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 398 | 01         | Hà Nội          | 31            | Huyện Từ Liêm          | 334       | THPT Xuân Thủy (Trước 12/2013)        | phường Phương Canh, huyện Từ Liêm, TP Hà Nội     | Khu vực 2 | Không       |
| 399 | 01         | Hà Nội          | 31            | Huyện Từ Liêm          | 472       | GDTX Từ Liêm (Trước 12/2013)          | Phường Phương Canh- Huyện Từ Liêm- TP Hà Nội     | Khu vực 2 | Không       |
| 400 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 02                   |                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 401 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 02         |                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 402 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 001       | THPT Trung Vương                      | 03 Nguyễn Bình Khiêm, P.Bến Nghé, Q.1            | Khu vực 3 | Không       |
| 403 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 002       | THPT Bùi Thị Xuân                     | 73-75 Bùi Thị Xuân, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1          | Khu vực 3 | Không       |
| 404 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 003       | THPT Tenloman                         | 08 Trần Hưng Đạo, Q.1                            | Khu vực 3 | Không       |
| 405 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 004       | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa            | 20 Lý Tự Trọng, P.Bến Nghé, Q.1                  | Khu vực 3 | Không       |
| 406 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 005       | THPT Lương Thế Vinh                   | 131 Cô Bắc, P.Cô Giang, Q.1                      | Khu vực 3 | Không       |
| 407 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 006       | THPT Năng Khiếu Thể dục thể thao      | 43 Điện Biên Phủ, P.Đa Kao, Q.1                  | Khu vực 3 | Không       |
| 408 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 201       | THCS, THPT Đăng Khoa                  | 571 Cô Bắc, P.Cầu Ông Lãnh, Q.1                  | Khu vực 3 | Không       |
| 409 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 202       | TH THCS và THPT Quốc tế á Châu        | 41/3-41/4 bis Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1    | Khu vực 3 | Không       |
| 410 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 203       | Song ngữ Quốc tế Horizon              | 2 Lương Hữu Khánh, P.Phạm Ngũ Lão, Q.1           | Khu vực 3 | Không       |
| 411 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 204       | THCS, THPT Châu á Thái Bình Dương     | 33 C-D-E Nguyễn Bình Khiêm, P.Đa Kao, Q.1        | Khu vực 3 | Không       |
| 412 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 205       | TH, THCS và THPT Úc Châu              | 49 Điện Biên Phủ, P.Đa Kao, Q.1                  | Khu vực 3 | Không       |
| 413 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 501       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 1                | 65 Huỳnh Thúc Kháng, Q.1                         | Khu vực 3 | Không       |
| 414 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 525       | TT GDTX Lê Quý đôn                    | 94 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1                        | Khu vực 3 | Không       |
| 415 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 526       | Nhạc Viện Thành phố Hồ Chí Minh       | 112 Nguyễn Du, Q.1                               | Khu vực 3 | Không       |
| 416 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 537       | BT VH CĐKT Cao Thắng                  | 65 Huỳnh Thúc Kháng, Q.1                         | Khu vực 3 | Không       |
| 417 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 601       | TC KT Nông Nghiệp                     | 40 Đinh Tiên Hoàng, Q.1                          | Khu vực 3 | Không       |
| 418 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 701       | CĐ nghề Thành phố Hồ Chí Minh         | 38 Trần Khánh Dư, P.Tân Định, Q.1                | Khu vực 3 | Không       |
| 419 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 01            | Quận 1                 | 713       | ĐH Sân Khấu Điện Ảnh                  | ABC                                              | Khu vực 3 | Không       |
| 420 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 02            | Quận 2                 | 007       | THPT Giồng Ông Tố                     | 200/10 Nguyễn Thị Định, P.Bình Trưng Tây, Q.2    | Khu vực 3 | Không       |
| 421 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 02            | Quận 2                 | 008       | THPT Thủ Thiêm                        | 01 Vũ Tông Phan, KĐT mới An Khánh, P.An Phú, Q.2 | Khu vực 3 | Không       |
| 422 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 02            | Quận 2                 | 714       | Đại học Văn Hóa Thành Phố Hồ Chí Minh |                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 423 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 009       | THPT Lê Quý Đôn                       | 110 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3                    | Khu vực 3 | Không       |
| 424 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 010       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai             | 275 Điện Biên Phủ, Q.3                           | Khu vực 3 | Không       |
| 425 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 011       | THPT Marie Curie                      | 159 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3                  | Khu vực 3 | Không       |
| 426 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 012       | Phân hiệu THPT Lê Thị Hồng Gấm        | 147 Pasteur, Q.3                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 427 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 013       | THPT Nguyễn Thị Diệu                  | 12 Trần Quốc Toản, P.8, Q.3                      | Khu vực 3 | Không       |
| 428 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 206       | THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm          | 140 Lý Chính Thắng, Q.3                          | Khu vực 3 | Không       |
| 429 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 284       | TH Múa                                | 155 BIS Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3                   | Khu vực 3 | Không       |
| 430 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 296       | TH, THCS và THPT Tây Úc               | 157 Lý Chính Thắng, P.7, Q.3                     | Khu vực 3 | Không       |
| 431 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 502       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 2                | 45 Phan Bá Vành, P.Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. HCM | Khu vực 3 | Không       |
| 432 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 527       | TT BTDN&TVL cho người tàn tật         | 215 Võ Thị Sáu, P.7, Q.3                         | Khu vực 3 | Không       |
| 433 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 538       | Phân hiệu BTVH Lê Thị Hồng Gấm        | 147 Pasteur, Q.3                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 434 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3                 | 602       | TC nghề Nhân Đạo                      | 648/28 Cách mạng tháng Tám, P.11, Q.3            | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                            | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|----------------|-----------|---------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 435 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3         | 603       | TC nghề TT Kinh tế kỹ thuật Sài Gòn 3 | 49/6B Trần Văn Đang, P.9, Q.3                      | Khu vực 3 | Không       |
| 436 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3         | 702       | CD Giao thông Vận tải                 | 252 Lý Chính Thắng, Q.3                            | Khu vực 3 | Không       |
| 437 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 03            | Quận 3         | 703       | CD nghề Việt Mỹ                       | 21 Lê Quý Đôn, P.6, Q.3                            | Khu vực 3 | Không       |
| 438 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 04            | Quận 4         | 014       | THPT Nguyễn Trãi                      | 364 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4                    | Khu vực 3 | Không       |
| 439 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 04            | Quận 4         | 015       | THPT Nguyễn Hữu Thọ                   | 02 Bến Vân Đồn, P.12, Q.4                          | Khu vực 3 | Không       |
| 440 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 04            | Quận 4         | 504       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 4                | 64-66 Nguyễn Khoái, P.2, Q.4                       | Khu vực 3 | Không       |
| 441 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 016       | THPT chuyên Lê Hồng Phong             | 235 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Q.5                        | Khu vực 3 | Không       |
| 442 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 017       | THPT Hùng Vương                       | 124 Hồng Bàng, P.12, Q.5                           | Khu vực 3 | Không       |
| 443 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 018       | THPT Trần Khai Nguyên                 | 225 Nguyễn Tri Phương, Q.5                         | Khu vực 3 | Không       |
| 444 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 019       | Phổ Thông Năng Khiếu ĐHQG TP. HCM     | 153 Nguyễn Chí Thanh, Q.5                          | Khu vực 3 | Không       |
| 445 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 020       | Trung học Thực hành Đại học Sư phạm   | 280 An Dương Vương, Q.5                            | Khu vực 3 | Không       |
| 446 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 021       | THPT Trần Hữu Trang                   | 276 Trần Hưng Đạo B, Q.5                           | Khu vực 3 | Không       |
| 447 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 022       | THTH Đại học Sài Gòn                  | 220 Trần Bình Trọng, Q.5                           | Khu vực 3 | Không       |
| 448 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 207       | THCS THPT An Đông                     | 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.5                           | Khu vực 3 | Không       |
| 449 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 208       | THPT Thăng Long                       | 118-120 Hải Thượng Lãn Ông, Q.5                    | Khu vực 3 | Không       |
| 450 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 209       | THPT Văn Lang                         | 02-04 Tân Thành, P.12, Q.5                         | Khu vực 3 | Không       |
| 451 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 210       | THCS, THPT Quang Trung Nguyễn Huệ     | 223 Nguyễn Tri Phương, Q.5                         | Khu vực 3 | Không       |
| 452 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 285       | THCS THPT Khai Trí                    | 133 Nguyễn Trãi, Q.5                               | Khu vực 3 | Không       |
| 453 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 286       | THPT Tân Nam Mỹ                       | 67-69 Dương Tử Giang, Q.5                          | Khu vực 3 | Không       |
| 454 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 505       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 5                | 770 Nguyễn Trãi, Q.5                               | Khu vực 3 | Không       |
| 455 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 528       | TT GDTX Chu Văn An                    | 546 Ngô Gia Tự, Q.5                                | Khu vực 3 | Không       |
| 456 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 05            | Quận 5         | 604       | TC Kinh tế Du lịch TP. Hồ Chí Minh    | 137E Nguyễn Chí Thanh, P.9, Q.5                    | Khu vực 3 | Không       |
| 457 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 023       | THPT Mạc Đĩnh Chi                     | 04 Tân Hòa Đông, P.14, Q.6                         | Khu vực 3 | Không       |
| 458 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 024       | THPT Bình Phú                         | 102 Trần Văn Kiêu, P.10, Q.6                       | Khu vực 3 | Không       |
| 459 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 025       | THPT Nguyễn Tất Thành                 | 249C Nguyễn Văn Luông, P.11, Q.6                   | Khu vực 3 | Không       |
| 460 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 111       | THPT Phạm Phú Thứ                     | Quận 6                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 461 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 211       | THCS THPT Phan Bội Châu               | 293-299 Nguyễn Đình Chi, Q.6                       | Khu vực 3 | Không       |
| 462 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 212       | THPT Quốc Trí                         | 313 Nguyễn Văn Luông, Q.6                          | Khu vực 3 | Không       |
| 463 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 213       | THCS và THPT Đào Duy Anh              | 355 Nguyễn Văn Luông, Q.6                          | Khu vực 3 | Không       |
| 464 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 214       | THPT Phú Lâm                          | 12-24 đường số 3 Phú Lâm, Q.6                      | Khu vực 3 | Không       |
| 465 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 506       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 6                | 743/15 Hồng Bàng, P.6, Q.6                         | Khu vực 3 | Không       |
| 466 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 704       | CD GTVT 3                             | 569 Kinh Dương Vương, Q.6                          | Khu vực 3 | Không       |
| 467 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 06            | Quận 6         | 705       | CD Kỹ thuật Phú Lâm                   | 215-217 Nguyễn Văn Luông, Q.6                      | Khu vực 3 | Không       |
| 468 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 026       | THPT Lê Thánh Tôn                     | 124 Đường 17, P.Tân Kiểng, Q.7                     | Khu vực 3 | Không       |
| 469 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 027       | THPT Ngô Quyền                        | 1360 Huỳnh Tấn Phát, P.Phú Mỹ, Q.7                 | Khu vực 3 | Không       |
| 470 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 028       | THPT Tân Phong                        | 19F KDC ven sông Nguyễn Văn Linh, P.Tân Phong, Q.7 | Khu vực 3 | Không       |
| 471 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 029       | THPT Nam Sài gòn                      | Khu A Đô thị mới Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phú, Q.7       | Khu vực 3 | Không       |
| 472 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 215       | THCS và THPT Đinh Thiện Lý            | Lô P1, Khu A, Đô thị mới Nam TP, P.Tân Phong, Q.7  | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|----------------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 473 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 216       | THCS và THPT Sao Việt                | KDC Him Lam đường Nguyễn Hữu Thọ, Q.7                   | Khu vực 3 | Không       |
| 474 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 217       | THCS và THPT Đức Trí                 | 39/23 Bùi Văn Ba, P.Tân Thuận Đông, Q.7                 | Khu vực 3 | Không       |
| 475 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 218       | TH THCS và THPT quốc tế Canada       | 86 Đường 23, P.Tân Phú, Q.7                             | Khu vực 3 | Không       |
| 476 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 287       | THPT quốc tế Khai Sáng               | 74 Nguyễn Thị Thập, P.Bình Thuận, Q.7                   | Khu vực 3 | Không       |
| 477 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 507       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 7               | 27/3 đường số 10 KP3, P.Bình Thuận, Q.7                 | Khu vực 3 | Không       |
| 478 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 605       | TCKTNV Nguyễn Hữu Cảnh               | 500-502 Huỳnh Tấn Phát, P.Bình Thuận, Q.7               | Khu vực 3 | Không       |
| 479 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 07            | Quận 7         | 706       | CĐ BC CN&QTDN                        | Trần Văn Trà KP1, P.Tân Phú Q.7                         | Khu vực 3 | Không       |
| 480 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 030       | THPT Lương Văn Can                   | 173 Phạm Hùng, P.4, Q.8                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 481 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 031       | THPT Ngô Gia Tự                      | 360E Bến Bình Đông, P.15, Q.8                           | Khu vực 3 | Không       |
| 482 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 032       | THPT Tạ Quang Bửu                    | 909 Tạ Quang Bửu, P.5, Q.8                              | Khu vực 3 | Không       |
| 483 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 033       | THPT Chuyên NKTDĐT Nguyễn Thị Định   | Đường 41 P.16, Q.8                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 484 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 034       | THPT Nguyễn Văn Linh                 | Lô F' khu dân cư, P.7, Q.8                              | Khu vực 3 | Không       |
| 485 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 035       | THPT Võ Văn Kiệt                     | 629 Bến Bình Đông, P.13, Q.8                            | Khu vực 3 | Không       |
| 486 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 219       | TH THCS và THPT Nam Mỹ               | 23 Đường 1011 Phạm Thế Hiển, P.5, Q.8                   | Khu vực 3 | Không       |
| 487 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 508       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 8               | 3-5 Huỳnh Thị Phụng, P.4, Q.8                           | Khu vực 3 | Không       |
| 488 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 606       | THCN L.Thực T.Phẩm                   | 296 Lưu Hữu Phước, P.15, Q.8                            | Khu vực 3 | Không       |
| 489 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 08            | Quận 8         | 607       | TCKT&NV Nam Sài Gòn                  | 47 Cao Lỗ, P.4, Q.8                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 490 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 036       | THPT Nguyễn Huệ                      | Nguyễn Văn Tăng, KP Chân Phúc Cẩm, P.Long Thạnh Mỹ, Q.9 | Khu vực 3 | Không       |
| 491 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 037       | THPT Phước Long                      | Đường Dương Đình Hội, P.Phước Long B, Q.9               | Khu vực 3 | Không       |
| 492 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 038       | THPT Long Trường                     | 309 Võ Văn Hát, KP Phước Hiệp, P.Long Trường, Q.9       | Khu vực 3 | Không       |
| 493 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 039       | THPT Nguyễn Văn Tăng                 | Khu tái định cư Phước Thiện, P.Long Bình, Q.9           | Khu vực 3 | Không       |
| 494 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 220       | TH, THCS và THPT Ngô Thời Nhiệm      | 65D Hồ Bá Phấn, P.Phước Long A, Q.9                     | Khu vực 3 | Không       |
| 495 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 221       | THCS và THPT Hoa Sen                 | 26 Phan Chu trình, P.Hiệp Phú, Q.9                      | Khu vực 3 | Không       |
| 496 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 509       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 9               | Đình Phong Phú KP1, P.Tăng Nhơn Phú B, Q.9              | Khu vực 3 | Không       |
| 497 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 608       | TC nghề xây lắp điện                 | 356A Xa lộ Hà Nội, P.Phước Long A, Q.9                  | Khu vực 3 | Không       |
| 498 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 609       | TC nghề Lê Thị Riêng                 | Đường 9, P.Phước Bình, Q.9                              | Khu vực 3 | Không       |
| 499 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 707       | CĐ KT KT Công Nghiệp 2               | P.Phước Long B, Q.9                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 500 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 09            | Quận 9         | 708       | CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ           | 502 Đỗ Xuân Hợp, P.Phước Bình, Q.9                      | Khu vực 3 | Không       |
| 501 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 040       | THPT Nguyễn Khuyến                   | 50 Thành Thái, P.12, Q.10                               | Khu vực 3 | Không       |
| 502 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 041       | THPT Nguyễn Du                       | XX1 Đồng Nai, P.15, Q.10                                | Khu vực 3 | Không       |
| 503 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 042       | THPT Nguyễn An Ninh                  | 93 Trần Nhân Tôn, P.2, Q.10                             | Khu vực 3 | Không       |
| 504 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 043       | THPT Sương Nguyệt Anh                | 249 Hoà Hảo, Q.10                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 505 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 044       | THCS VÀ THPT Diên Hồng               | 11 Thành Thái, P.14, Q.10                               | Khu vực 3 | Không       |
| 506 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 222       | TH THCS và THPT Vạn Hạnh             | 781E Lê Hồng Phong nối dài, Q.10                        | Khu vực 3 | Không       |
| 507 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 223       | THCS, THPT Duy Tân                   | 106 Nguyễn Giản Thanh, P.15, Q.10                       | Khu vực 3 | Không       |
| 508 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 224       | TH THCS và THPT Việt úc              | 594 Đường 3/2, P.14, Q.10                               | Khu vực 3 | Không       |
| 509 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 510       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 10              | 461 Lê Hồng Phong, Q.10                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 510 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 530       | Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu | 184 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10                         | Khu vực 3 | Không       |
| 511 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 610       | TC Hồng Hà                           | 700A Lê Hồng Phong, P.12, Q.10                          | Khu vực 3 | Không       |
| 512 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 611       | TC Vạn Tường                         | 469 Lê Hồng Phong, Q.10                                 | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                          | Địa Chỉ                                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|----------------|-----------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 513 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 612       | TC nghề KTNV Tôn Đức Thắng          | 17 Tam Đảo, P.5, Q.10                                            | Khu vực 3 | Không       |
| 514 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 613       | TC nghề số 7                        | 51/2 Thành Thái, P.14, Q.10                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 515 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 10            | Quận 10        | 709       | CĐ Kinh Tế                          | 33 Vĩnh Viễn, Q.10                                               | Khu vực 3 | Không       |
| 516 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 045       | THPT Nguyễn Hiền                    | 03 Dương Đình Nghệ, Q.11                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 517 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 046       | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa              | 269/8 Nguyễn Thị Nhỏ, P.16, Q.11                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 518 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 047       | THPT Trần Quang Khải                | 343D Lạc Long Quân, P.5, Q.11                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 519 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 225       | TH, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký     | 21 Trịnh Đình Trọng, P.5, Q.11                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 520 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 226       | THPT Trần Nhân Tông                 | 66 Tân Hóa, P.1, Q.11                                            | Khu vực 3 | Không       |
| 521 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 227       | THPT Trần Quốc Tuấn                 | 236/10-12 Thái Phiên, P.8, Q.11                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 522 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 228       | THPT Việt Mỹ Anh                    | 252 Lạc Long Quân, P.10, Q.11                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 523 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 288       | THPT Quốc tế APU                    | 286 Lãnh Binh Thăng, P.11, Q.11                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 524 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 511       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 11             | 133-135 Nguyễn Chí Thanh, P.16, Q.11                             | Khu vực 3 | Không       |
| 525 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 529       | PH Văn Hóa ĐH Tài Chính - Marketing | 33 đường 52 cư xá Lữ Gia, P.15, Q.11                             | Khu vực 3 | Không       |
| 526 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 11            | Quận 11        | 531       | TT Huấn luyện và Thi đấu TDTT       | 02 Lê Đại Hành, P.15, Q.11                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 527 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 048       | THPT Võ Trường Toản                 | 482 Nguyễn Thị Đặng, KP1, P.Hiệp Thành, Q.12                     | Khu vực 3 | Không       |
| 528 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 049       | THPT Thạnh Lộc                      | Số 116 đường Nguyễn Thị Sáu, KP1, P.Thạnh Lộc, Q.12              | Khu vực 3 | Không       |
| 529 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 050       | THPT Trường Chinh                   | 01 Đường DN11 KP4 , P.Tân Hưng Thuận, Q.12                       | Khu vực 3 | Không       |
| 530 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 109       | THCS THPT Ngọc Viễn Đông            | 53/1,2,3 ĐƯỜNG ĐHT 02,KHU PHỐ 4, P. TÂN HƯNG THUẬN QUAN 12 TPHCM | Khu vực 3 | Không       |
| 531 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 229       | THCS THPT Bắc Sơn                   | 338/24 Nguyễn Văn Quá, P.Đông Hưng Thuận, Q.12                   | Khu vực 3 | Không       |
| 532 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 230       | THCS và THPT Lạc Hồng               | 2276/5 Quốc lộ 1A KP2, P.Trung Mỹ Tây, Q.12                      | Khu vực 3 | Không       |
| 533 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 231       | THCS và THPT Hoa Lư                 | 201 Phan Văn Hón, P.Tân Thới Nhất, Q.12                          | Khu vực 3 | Không       |
| 534 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 232       | TH THCS và THPT Mỹ Việt             | 95 Phan Văn Hón, P.Tân Thới Nhất, Q.12                           | Khu vực 3 | Không       |
| 535 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 512       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 12             | 2 bis, Tô Ký, KP3, P.Tân Hiệp Chánh, Q.12                        | Khu vực 3 | Không       |
| 536 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 614       | TC Phương Đông                      | 69A Đường TTN06, P.Tân Thới Nhất, Q.12                           | Khu vực 3 | Không       |
| 537 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 615       | TC nghề Ngọc Phước                  | 159/13 Lê Thị Riêng, P.Thới An, Q.12                             | Khu vực 3 | Không       |
| 538 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 616       | TC Thông tin Truyền thông           | Lô 24 CVPM Quang Trung, P.Tân Chánh Hiệp, Q.12                   | Khu vực 3 | Không       |
| 539 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 617       | TC KTKT Quận 12                     | 592 Nguyễn ảnh Thủ, P.Trung Mỹ Tây, Q.12                         | Khu vực 3 | Không       |
| 540 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 12            | Quận 12        | 618       | TC ánh Sáng                         | 802-804, Nguyễn Văn Quá, P.Đông Hưng Thuận, Q.12                 | Khu vực 3 | Không       |
| 541 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 051       | THPT Gò Vấp                         | 90A Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q.Gò Vấp                               | Khu vực 3 | Không       |
| 542 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 052       | THPT Nguyễn Trung Trực              | 9/168 Lê Đức Thọ, P.15, Q.Gò Vấp                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 543 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 053       | THPT Nguyễn Công Trứ                | Số 97 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 544 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 054       | THPT Trần Hưng Đạo                  | 88/955E Lê Đức Thọ, P.6, Q.Gò Vấp                                | Khu vực 3 | Không       |
| 545 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 234       | THCS và THPT Phạm Ngũ Lão           | 69/11 Phạm Văn Chiêu, P.14, Q.Gò Vấp                             | Khu vực 3 | Không       |
| 546 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 235       | Phổ thông DL Hermann Gmeiner        | Tân Sơn, P.12, Q.Gò Vấp                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 547 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 236       | THCS THPT Bạch Đằng                 | 83/1 Phan Huy Ích, P.12, Q.Gò Vấp                                | Khu vực 3 | Không       |
| 548 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 237       | THCS THPT Hồng Hà                   | 170 Quang Trung, P.10, Q.Gò Vấp                                  | Khu vực 3 | Không       |



| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|----------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 549 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 238       | THPT Việt Âu                          | 107B/4 Lê Văn Thọ, P.9, Q.Gò Vấp                      | Khu vực 3 | Không       |
| 550 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 239       | THPT Đông Dương                       | 114/37/12A-E, Đường số 10 (Cây Trâm), P.9, Q.Gò Vấp   | Khu vực 3 | Không       |
| 551 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 240       | TH THCS và THPT Đại Việt              | 521 Lê Đức Thọ, P.16, Q.Gò Vấp                        | Khu vực 3 | Không       |
| 552 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 241       | THPT Lý Thái Tổ                       | 1/22/2A Nguyễn Oanh, P.6, Q.Gò Vấp                    | Khu vực 3 | Không       |
| 553 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 242       | THCS và THPT Âu Lạc                   | 647 Nguyễn Oanh, Q.Gò Vấp                             | Khu vực 3 | Không       |
| 554 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 243       | THPT Đào Duy Từ                       | 48/2B-48/2C-48/3-48/7B Cây Trâm, P.9, Q.Gò Vấp        | Khu vực 3 | Không       |
| 555 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 244       | TH THCS và THPT Nguyễn Tri Phương     | Số 61a đường 30, P.12, Q.Gò Vấp                       | Khu vực 3 | Không       |
| 556 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 289       | THCS và THPT Phùng Hưng               | 25/2D Quang Trung, Q.Gò Vấp                           | Khu vực 3 | Không       |
| 557 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 297       | THPT Việt Nhật                        | 785/5 Nguyễn Kiệm, P.3, Q. Gò Vấp, TP.HCM             | Khu vực 3 | Không       |
| 558 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 503       | TT GDNN VÀ GDTX Quận 3                | 204 Lý Chính Thắng, P.9, Q.3                          | Khu vực 3 | Không       |
| 559 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 513       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Gò Vấp           | 582 Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp                      | Khu vực 3 | Không       |
| 560 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 532       | ĐH Công nghiệp                        | 12 Nguyễn Văn Bảo, Q.Gò Vấp                           | Khu vực 3 | Không       |
| 561 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 539       | TT GDNN VÀ GDTX Trần Hưng Đạo         | 88/955E Lê Đức Thọ, Q.Gò Vấp                          | Khu vực 3 | Không       |
| 562 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 619       | TC nghề Quang Trung                   | 12 Quang Trung, P.8, Q.Gò Vấp                         | Khu vực 3 | Không       |
| 563 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 620       | TC Âu Việt                            | 371 Nguyễn Kiệm, P.3, Q.Gò Vấp                        | Khu vực 3 | Không       |
| 564 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 621       | TC Tổng Hợp Thành phố Hồ Chí Minh     | 516 Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp                      | Khu vực 3 | Không       |
| 565 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 13            | Quận Gò Vấp    | 622       | TC KTKT Sài Gòn                       | 6A-8A Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q.Gò Vấp                  | Khu vực 3 | Không       |
| 566 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 055       | THPT Nguyễn Thượng Hiền               | 544 Cách Mạng Tháng Tám, P.4, Q.Tân Bình              | Khu vực 3 | Không       |
| 567 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 056       | THPT Nguyễn Thái Bình                 | 913-915 Lý Thường Kiệt, P.9, Q.Tân Bình               | Khu vực 3 | Không       |
| 568 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 057       | THPT Nguyễn Chí Thanh                 | 189/4 Hoàng Hoa Thám, P.13, Q.Tân Bình                | Khu vực 3 | Không       |
| 569 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 058       | THPT Lý Tự Trọng                      | 390 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q.Tân Bình                    | Khu vực 3 | Không       |
| 570 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 245       | THCS và THPT Nguyễn Khuyến            | 136 Cộng Hoà, P.4, Q.Tân Bình                         | Khu vực 3 | Không       |
| 571 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 246       | THCS THPT Thái Bình                   | 236/10 Nguyễn Thái Bình, P.12, Q.Tân Bình             | Khu vực 3 | Không       |
| 572 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 247       | TH, THCS và THPT Thanh Bình           | 192/12 Nguyễn Thái Bình, Q.Tân Bình                   | Khu vực 3 | Không       |
| 573 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 248       | THCS THPT Việt Thanh                  | 261 Cộng Hòa P.13, Q.Tân Bình                         | Khu vực 3 | Không       |
| 574 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 249       | TH THCS và THPT Thái Bình Dương       | 125 Bạch Đằng, P.2, Q.Tân Bình                        | Khu vực 3 | Không       |
| 575 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 250       | THCS và THPT Hoàng Diệu               | 57/37 Bàu Cát, Q.Tân Bình                             | Khu vực 3 | Không       |
| 576 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 251       | THCS và THPT Bác ái                   | 187 Gò Cẩm Đệm, Q.Tân Bình                            | Khu vực 3 | Không       |
| 577 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 252       | THPT Hai Bà Trưng                     | 51/4 Nguyễn Thị Nhỏ, P.9, Q.Tân Bình                  | Khu vực 3 | Không       |
| 578 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 253       | THPT Thủ Khoa Huân                    | 481/8 Trường Chinh, P.14, Q.Tân Bình                  | Khu vực 3 | Không       |
| 579 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 290       | THCS và THPT Hiền Vương               | 75 Nguyễn Sĩ Sách, Q.Tân Bình                         | Khu vực 3 | Không       |
| 580 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 291       | THPT Tân Trào                         | 112 Bàu cát, Q.Tân Bình                               | Khu vực 3 | Không       |
| 581 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 514       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Tân Bình         | 95/55 Trường Chinh, Q.Tân Bình                        | Khu vực 3 | Không       |
| 582 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 536       | TT GDNN VÀ GDTX Thanh niên xung phong | 189A Đặng Công Bình Ấp 5, Xã Xuân Thới Sơn, H.Hóc Môn | Khu vực 3 | Không       |
| 583 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 623       | TC TC KT TH Sài Gòn                   | 327 Nguyễn Thái Bình, P.12, Q.Tân Bình                | Khu vực 3 | Không       |
| 584 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 14            | Quận Tân Bình  | 710       | CDKT Lý Tự Trọng TP. HCM              | 390 Hoàng Văn Thụ, P.4, Q.Tân Bình                    | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                                         | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|-----------------|-----------|----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 585 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 059       | THPT Tân Bình                    | 97/11 Nguyễn Cửu Đàm, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú  | Khu vực 3 | Không       |
| 586 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 060       | THPT Trần Phú                    | 18 Lê Thúc Hoạch, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú      | Khu vực 3 | Không       |
| 587 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 061       | THPT Tây Thạnh                   | 27 Đường C2, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú             | Khu vực 3 | Không       |
| 588 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 106       | THPT Lê Trọng Tấn                | Quận Tân Phú                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 589 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 233       | THCS THPT Đông Du                | Số 8 đường TTN17, P.Tân Thới Nhất, Q.12         | Khu vực 3 | Không       |
| 590 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 254       | TH, THCS VÀ THPT TUỆ ĐỨC         | Quận Tân Phú                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 591 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 255       | THCS THPT Hồng Đức               | 8 Hồ Đắc Di, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú             | Khu vực 3 | Không       |
| 592 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 256       | THCS và THPT Nhân Văn            | 17 Kỳ Sơn, P.Sơn kỳ, Q.Tân Phú                  | Khu vực 3 | Không       |
| 593 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 257       | THCS và THPT Trí Đức             | 1333A Thoại Ngọc Hầu, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú    | Khu vực 3 | Không       |
| 594 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 258       | TH THCS và THPT Hòa Bình         | 69 Trịnh Đình Thảo, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú      | Khu vực 3 | Không       |
| 595 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 259       | THPT Vĩnh Viễn                   | 73/7 Lê Trọng Tấn, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú          | Khu vực 3 | Không       |
| 596 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 260       | TH THCS và THPT Quốc Văn Sài Gòn | 300 Hòa Bình, P.Hiệp Tân, Q.Tân Phú             | Khu vực 3 | Không       |
| 597 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 261       | THPT Minh Đức                    | 277 Tân Quý, P.Tân Quý, Q.Tân Phú               | Khu vực 3 | Không       |
| 598 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 262       | THCS THPT Tân Phú                | 519 Kênh Tân Hóa, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú        | Khu vực 3 | Không       |
| 599 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 263       | THPT Trần Quốc Toản              | 208 Lê Thúc Hoạch, P.Tân Quý, Q.Tân Phú         | Khu vực 3 | Không       |
| 600 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 264       | THCS và THPT Khai Minh           | 410 Tân Kỳ Tân Quý, P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú         | Khu vực 3 | Không       |
| 601 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 265       | THCS và THPT Đinh Tiên Hoàng     | 85 Chê Lan Viên, Q.Tân Phú                      | Khu vực 3 | Không       |
| 602 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 266       | THPT An Dương Vương              | 51/4 Hòa Bình, P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú        | Khu vực 3 | Không       |
| 603 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 267       | THPT Nhân Việt                   | 39-41 Đoàn Hồng Phước, P.Hòa Thạnh, Q.Tân Phú   | Khu vực 3 | Không       |
| 604 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 268       | THPT Đông á                      | 234 Tân Hương, Q.Tân Phú                        | Khu vực 3 | Không       |
| 605 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 269       | THPT Thành Nhân                  | 69/12 Nguyễn Cửu Đàm, Q.Tân Phú                 | Khu vực 3 | Không       |
| 606 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 270       | THCS, THPT Nam Việt              | 25 Dương Đức Hiền, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú       | Khu vực 3 | Không       |
| 607 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 271       | THCS THPT Trần Cao Vân           | 247 Tân Kỳ Tân Quý, P.Tân Sơn Nhì, Q.Tân Phú    | Khu vực 3 | Không       |
| 608 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 298       | TH-THCS-THPT Lê Thánh Tông       | Tân Phú                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 609 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 515       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Tân Phú     | 78/2/45 Phan Đình Phùng, P.Tân Thành, Q.Tân Phú | Khu vực 3 | Không       |
| 610 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 533       | ĐH Công Nghiệp Thực Phẩm TP.HCM  | 140 Lê Trọng Tấn, P.Tây Thạnh, Q.Tân Phú        | Khu vực 3 | Không       |
| 611 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 624       | TCKTKT Tây Nam á                 | 254 Lê Trọng Tấn, Q.Tân Phú                     | Khu vực 3 | Không       |
| 612 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 625       | TC Y dược Kỹ thương              | 302A Vườn Lài, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú         | Khu vực 3 | Không       |
| 613 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 15            | Quận Tân Phú    | 711       | CĐ nghề Giao thông vận tải TW3   | 73 Văn cao, P.Phú Thọ Hòa, Q.Tân Phú            | Khu vực 3 | Không       |
| 614 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 062       | THPT Thanh Đa                    | Lô G CX Thanh Đa, Q.Bình Thạnh                  | Khu vực 3 | Không       |
| 615 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 063       | THPT Võ Thị Sáu                  | 95 Đinh Tiên Hoàng, P.3, Q.Bình Thạnh           | Khu vực 3 | Không       |
| 616 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 064       | THPT Phan Đăng Lưu               | 27 Nguyễn Văn Đậu, Q.Bình Thạnh                 | Khu vực 3 | Không       |
| 617 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 065       | THPT Hoàng Hoa Thám              | 6 Hoàng Hoa Thám, Q.Bình Thạnh                  | Khu vực 3 | Không       |
| 618 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 066       | THPT Gia Định                    | 195/29 Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.Bình Thạnh    | Khu vực 3 | Không       |
| 619 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 067       | THPT Trần Văn Giàu               | 203/40 đường Trục, P.13, Q.Bình Thạnh           | Khu vực 3 | Không       |
| 620 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 272       | THPT Hưng Đạo                    | 103 Nguyễn Văn Đậu, Q.Bình Thạnh                | Khu vực 3 | Không       |
| 621 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 273       | THPT Đông Đô                     | 12B Nguyễn Hữu Cánh, Q.Bình Thạnh               | Khu vực 3 | Không       |
| 622 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 274       | THPT Lam Sơn                     | 451/45 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Q.Bình Thạnh          | Khu vực 3 | Không       |
| 623 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 294       | THCS THPT Mùa Xuân               | Quận Bình Thạnh                                 | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|-----------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 624 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 516       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Bình Thạnh       | 801/19 Tầm Vu, P.26, Q.Bình Thạnh                     | Khu vực 3 | Không       |
| 625 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 534       | TT GDTX Gia đình                      | 153A Xô Viết Nghệ Tĩnh, P.17, Q.Bình Thạnh            | Khu vực 3 | Không       |
| 626 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 535       | TT GDNN VÀ GDTX Tôn Đức Thắng         | 37/3-5 Ngô Tất Tố, P.21, Q.Bình Thạnh                 | Khu vực 3 | Không       |
| 627 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 540       | BT VH Thanh Đa                        | Lô G Cư Xá Thanh Đa, Q.Bình Thạnh                     | Khu vực 3 | Không       |
| 628 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 626       | TC nghề Du lịch và Tiếp thị Quốc tế   | 27 Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Bình Thạnh                   | Khu vực 3 | Không       |
| 629 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 627       | TC nghề Công nghiệp & Xây dựng FICO   | 465 Nơ Trang Long, P.13, Q.Bình Thạnh                 | Khu vực 3 | Không       |
| 630 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 299       | TH, THCS VÀ THPT ANH QUỐC             | 48 Võ Oanh, P. 25, Q. Bình Thạnh                      | Khu vực 3 | Không       |
| 631 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 16            | Quận Bình Thạnh | 716       | ĐH DL Văn Hiến                        | ABC                                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 632 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 068       | THPT Phú Nhuận                        | 05 Hoàng Minh Giám, P.9, Q.Phú Nhuận                  | Khu vực 3 | Không       |
| 633 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 069       | THPT Hàn Thuyên                       | 37 Đặng Văn Ngữ, P.10, Q.Phú Nhuận                    | Khu vực 3 | Không       |
| 634 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 275       | TH, THCS và THPT Quốc tế              | 305 Nguyễn Trọng Tuyển, Q.Phú Nhuận                   | Khu vực 3 | Không       |
| 635 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 276       | TH, THCS, THPT Việt Mỹ                | 126D Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận                       | Khu vực 3 | Không       |
| 636 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 277       | THCS và THPT Việt Anh                 | 269A Nguyễn Trọng Tuyển, P.10, Q.Phú Nhuận            | Khu vực 3 | Không       |
| 637 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 292       | THPT quốc tế Việt úc                  | 21K Nguyễn Văn Trỗi, P.12, Q.Phú Nhuận                | Khu vực 3 | Không       |
| 638 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 517       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Phú Nhuận        | 109 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận                        | Khu vực 3 | Không       |
| 639 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 541       | BT VH ĐH Ngoại Thương                 | 55A Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận                        | Khu vực 3 | Không       |
| 640 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 628       | TC nghề Công nghệ Bách khoa           | 185 -187 Hoàng Văn Thụ, P.8, Q.Phú Nhuận              | Khu vực 3 | Không       |
| 641 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 17            | Quận Phú Nhuận  | 629       | TC Mai Linh                           | 03 Nguyễn Văn Đậu, P.5, Q.Phú Nhuận                   | Khu vực 3 | Không       |
| 642 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 070       | THPT Nguyễn Hữu Huân                  | 11 Đoàn Kết, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức                    | Khu vực 3 | Không       |
| 643 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 071       | THPT Hiệp Bình                        | 63 đường Hiệp Bình, KP6, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức | Khu vực 3 | Không       |
| 644 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 072       | THPT Thủ Đức                          | 166/24 Đặng Văn Bi KP1, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức         | Khu vực 3 | Không       |
| 645 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 073       | THPT Tam Phú                          | 31 Phú Châu, P.Tam Phú, Q.Thủ Đức                     | Khu vực 3 | Không       |
| 646 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 074       | THPT Đào Sơn Tây                      | 53/5 đường 10 KP3, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức             | Khu vực 3 | Không       |
| 647 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 107       | Phổ thông Năng khiếu Thể thao Olympic | Quận Thủ Đức                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 648 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 278       | THPT Bách Việt                        | 653 QL13 KP3, P.Hiệp Bình Phước, Q.Thủ Đức            | Khu vực 3 | Không       |
| 649 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 293       | THPT Phương Nam                       | Đường số 3, KP6, P. Trường Thọ, Q.Thủ Đức             | Khu vực 3 | Không       |
| 650 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 518       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Thủ Đức          | 25/9 Võ Văn Ngân, Q.Thủ Đức                           | Khu vực 3 | Không       |
| 651 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 630       | TC nghề Thủ Đức                       | 17 đường số 8 Tô Vĩnh Diện, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức   | Khu vực 3 | Không       |
| 652 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 631       | TC nghề Công nghiệp tàu thủy II       | Đường 16 KP3, P.Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức            | Khu vực 3 | Không       |
| 653 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 632       | TC Đại Việt                           | 01 Đoàn Kết, P.Bình Thọ, Q.Thủ Đức                    | Khu vực 3 | Không       |
| 654 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 633       | TC Đông Dương                         | 577 Hiệp Bình Phước, P.Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức    | Khu vực 3 | Không       |
| 655 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 18            | Quận Thủ Đức    | 712       | CĐ Công nghệ Thủ Đức                  | 53 Võ Văn Ngân, P.Linh Chiểu, Q.Thủ Đức               | Khu vực 3 | Không       |
| 656 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân   | 075       | THPT An Lạc                           | 595 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Q.Bình Tân            | Khu vực 3 | Không       |
| 657 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân   | 076       | THPT Vĩnh Lộc                         | 87, đg số 3, KDC Vĩnh Lộc, Q.Bình Tân                 | Khu vực 3 | Không       |
| 658 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân   | 077       | THPT Bình Hưng Hòa                    | 79/19 KP7, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân                | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                                                   | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|------------------|-----------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 659 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 078       | THPT Nguyễn Hữu Cánh             | 845 Hương lộ 2, P.Bình Trị Đông A, Q.Bình Tân             | Khu vực 3 | Không       |
| 660 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 079       | THPT Bình Tân                    | 117/4H Hồ Văn Long KP2, P.Tân Tạo, Q.Bình Tân             | Khu vực 3 | Không       |
| 661 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 279       | THCS, THPT Ngôi Sao              | Đường 18, P.Bình Trị Đông B, Q.Bình Tân                   | Khu vực 3 | Không       |
| 662 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 280       | THCS và THPT Phan Châu Trinh     | 12 Đường 23, P.Bình Trị Đông, Q.Bình Tân                  | Khu vực 3 | Không       |
| 663 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 281       | TH, THCS và THPT Chu Văn An      | Số 7 đường số 1, Q.Bình Tân                               | Khu vực 3 | Không       |
| 664 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 282       | THPT Hàm Nghi                    | 911 Quốc lộ 1A, P.An Lạc, Q.Bình Tân                      | Khu vực 3 | Không       |
| 665 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 519       | TT GDNN VÀ GDTX Quận Bình Tân    | 31A Hồ Học Lãm, P.An Lạc, Q.Bình Tân                      | Khu vực 3 | Không       |
| 666 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 19            | Quận Bình Tân    | 634       | TC Quang Trung                   | 106 Đường 34, P.Bình trị Đông B, Q.Bình Tân               | Khu vực 3 | Không       |
| 667 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 080       | THPT Đa Phước                    | D14/410A QL 50, Xã Đa Phước, H.Bình Chánh                 | Khu vực 2 | Không       |
| 668 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 081       | THPT Lê Minh Xuân                | G11/1 Ấp 7, Xã Lê Minh Xuân, H.Bình Chánh                 | Khu vực 2 | Không       |
| 669 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 082       | THPT Bình Chánh                  | D17/1D Huỳnh Văn Trí, Xã Bình Chánh, H.Bình Chánh         | Khu vực 2 | Không       |
| 670 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 083       | THPT Tân Túc                     | C1/3K Bùi Thanh Khiết, Thị trấn Tân Túc, H.Bình Chánh     | Khu vực 2 | Không       |
| 671 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 084       | THPT Vĩnh Lộc B                  | Đường số 3, KDC Vĩnh Lộc B, Xã Vĩnh Lộc B, H.Bình Chánh   | Khu vực 2 | Không       |
| 672 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 108       | THPT Năng khiếu TDTT Bình Chánh  | Huyện Bình Chánh                                          | Khu vực 2 | Không       |
| 673 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 283       | TH, THCS và THPT Quốc Tế Bắc Mỹ  | 5A KDC Trung Sơn, Xã Bình Hưng, H.Bình Chánh              | Khu vực 2 | Không       |
| 674 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 295       | TH THCS và THPT Albert Einstein  | Khu dân cư 13C, Xã Phong Phú, H.Bình Chánh                | Khu vực 2 | Không       |
| 675 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 20            | Huyện Bình Chánh | 520       | TT GDNN VÀ GDTX Huyện Bình Chánh | Xã An Phú Tây, H.Bình Chánh                               | Khu vực 2 | Không       |
| 676 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 085       | THPT Củ Chi                      | KP1, Thị trấn Củ Chi, H.Củ Chi                            | Khu vực 2 | Không       |
| 677 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 086       | THPT Trung Phú                   | 1318 tỉnh lộ 8 ấp 12, Xã Tân Thạnh Đông, H.Củ Chi         | Khu vực 2 | Không       |
| 678 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 087       | THPT Quang Trung                 | Ấp Phước An, Xã Phước Thạnh, H.Củ Chi                     | Khu vực 2 | Không       |
| 679 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 088       | THPT Trung Lập                   | Xã Trung Lập Thượng, H.Củ Chi                             | Khu vực 2 | Không       |
| 680 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 089       | THPT An Nhơn Tây                 | 227 Tỉnh Lộ 7, Xã An Nhơn Tây, H.Củ Chi                   | Khu vực 2 | Không       |
| 681 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 090       | THPT Tân Thông Hội               | Đường Suối Lội ấp Bàu Sim, Xã Tân Thông Hội, H.Củ Chi     | Khu vực 2 | Không       |
| 682 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 091       | THPT Phú Hòa                     | Ấp Phú Lợi, Xã Phú Hòa Đông, H.Củ Chi                     | Khu vực 2 | Không       |
| 683 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 092       | Thiếu Sinh Quân                  | Ấp Bến đĩnh, Xã Nhuận đức, H.Củ Chi                       | Khu vực 2 | Không       |
| 684 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 521       | TT GDNN VÀ GDTX Huyện Củ Chi     | KP3 Thị Trấn, H.Củ Chi                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 685 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 635       | TC Bách Khoa Sài Gòn             | 83A Bùi Thị He KP1, TT Củ Chi, H.Củ Chi                   | Khu vực 2 | Không       |
| 686 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 636       | TC Tây sài Gòn                   | Ấp Bàu Sim, Xã Tân Thông Hội, H.Củ Chi                    | Khu vực 2 | Không       |
| 687 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 21            | Huyện Củ Chi     | 637       | TC nghề Củ Chi                   | 2 Nguyễn Đại Nãng KP1, TT Củ Chi, H.Củ Chi                | Khu vực 2 | Không       |
| 688 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn    | 093       | THPT Lý Thường Kiệt              | Đường Nam Thới 2 ấp Nam Thới, Xã Thới Tam Thôn, H.Hóc Môn | Khu vực 2 | Không       |
| 689 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn    | 094       | THPT Nguyễn Hữu Cầu              | 07 Nguyễn Ánh Thủ, Xã Trung Chánh, H.Hóc Môn              | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                    | Địa Chỉ                                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 690 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 095       | THPT Bà Điểm                  | 07 Nguyễn Thị Sóc ấp Bắc Lân, Xã Bà Điểm, H.Hóc Môn     | Khu vực 2 | Không       |
| 691 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 096       | THPT Nguyễn Văn Cừ            | 100A, ấp 6, Xã Xuân Thới Thượng, H.Hóc môn              | Khu vực 2 | Không       |
| 692 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 097       | THPT Nguyễn Hữu Tiến          | 9A ấp 7, Xã Đông Thạnh, H.Hóc môn                       | Khu vực 2 | Không       |
| 693 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 098       | THPT Phạm Văn Sáng            | Xã Xuân Thới Sơn, H.Hóc Môn                             | Khu vực 2 | Không       |
| 694 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 522       | TT GDNN VÀ GDTX Huyện Hóc Môn | 65 Đỗ Văn Dậy Ấp Tân Thới 1, Xã Tân Hiệp, H.Hóc Môn     | Khu vực 2 | Không       |
| 695 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 22            | Huyện Hóc Môn          | 638       | TC KTKT Huyện Hóc Môn         | 146 Đỗ Văn Dậy, Xã tân Hiệp, H.Hóc Môn                  | Khu vực 2 | Không       |
| 696 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 23            | Huyện Nhà Bè           | 099       | THPT Long Thới                | 280 Nguyễn Văn Tạo, Xã Long Thới, H.Nhà Bè              | Khu vực 2 | Không       |
| 697 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 23            | Huyện Nhà Bè           | 100       | THPT Phước Kiển               | Đào Sư Tích ấp 3, Xã Phước Kiển, H.Nhà Bè               | Khu vực 2 | Không       |
| 698 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 23            | Huyện Nhà Bè           | 101       | THPT Dương Văn Dương          | 39 đường số 6, KDC Phú Gia, ấp 2, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè | Khu vực 2 | Không       |
| 699 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 23            | Huyện Nhà Bè           | 523       | TT GDNN VÀ GDTX Huyện Nhà Bè  | Xã Nhơn Đức, H.Nhà Bè                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 700 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 24            | Huyện Cần Giờ          | 102       | THPT Cần Thạnh                | Duyên Hải, TT Cần Thạnh, H.Cần Giờ                      | Khu vực 2 | Không       |
| 701 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 24            | Huyện Cần Giờ          | 103       | THPT Bình Khánh               | Bình An, Xã Bình Khánh, H.Cần Giờ                       | Khu vực 2 | Không       |
| 702 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 24            | Huyện Cần Giờ          | 104       | THPT An Nghĩa                 | Ấp An Nghĩa, Xã An Thới Đông, H.Cần Giờ                 | Khu vực 2 | Không       |
| 703 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 24            | Huyện Cần Giờ          | 110       | THCS THPT Thạnh An            | XÃ ĐẢO THANH AN                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 704 | 02         | Tp. Hồ Chí Minh | 24            | Huyện Cần Giờ          | 524       | TT GDNN VÀ GDTX Huyện Cần Giờ | Lương Văn Nho, Thị trấn Cần Thạnh, H.Cần Giờ            | Khu vực 2 | Không       |
| 705 | 03         | Hải Phòng       | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 03           |                                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 706 | 03         | Hải Phòng       | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 03 |                                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 707 | 03         | Hải Phòng       | 01            | Quận Hồng Bàng         | 001       | THPT Lê Hồng Phong            | P. Hạ Lý, Q.Hồng Bàng HP                                | Khu vực 3 | Không       |
| 708 | 03         | Hải Phòng       | 01            | Quận Hồng Bàng         | 002       | THPT Hồng Bàng                | P.Sở Dầu, Q.Hồng Bàng HP                                | Khu vực 3 | Không       |
| 709 | 03         | Hải Phòng       | 01            | Quận Hồng Bàng         | 003       | THPT Lương Thế Vinh           | P..Minh Khai, Q.Hồng Bàng                               | Khu vực 3 | Không       |
| 710 | 03         | Hải Phòng       | 01            | Quận Hồng Bàng         | 005       | TT DN&GDTX Hồng Bàng          | P.Quán Toan 1,Q. Hồng Bàng                              | Khu vực 3 | Không       |
| 711 | 03         | Hải Phòng       | 01            | Quận Hồng Bàng         | 090       | TT GDNN-GDTX Hồng Bàng        | Số 1 đường Quán Toan 1, P.Quán Toan, Q.Hồng Bàng        | Khu vực 3 | Không       |
| 712 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 007       | THPT Ngô Quyền                | P..Mê Linh, Q. Lê chân                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 713 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 008       | THPT Trần Nguyên Hân          | P.Lam Sơn, Q. Lê Chân                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 714 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 009       | THPT Lê Chân                  | P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân                                | Khu vực 3 | Không       |
| 715 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 010       | THPT Lý Thái Tô               | P. Nghĩa Xá, Q. Lê Chân                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 716 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 011       | TT GDTX Hải Phòng             | P. An Biên, Q. Lê Chân                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 717 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 016       | PT NCH Nguyễn Tất Thành       | Số 36/84 đường Dân lập P.Dư Hàng Kênh Q. Lê Chân        | Khu vực 3 | Không       |
| 718 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 086       | TT DN&GDTX Lê Chân            | P. Dư Hàng, Q. Lê Chân                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 719 | 03         | Hải Phòng       | 02            | Quận Lê Chân           | 091       | TT GDNN-GDTX Lê Chân          | Số 8/170 Hai Bà Trưng, Q. Lê Chân                       | Khu vực 3 | Không       |
| 720 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 014       | THPT Thái Phiên               | P.Cầu Tre, Q. Ngô Quyền                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 721 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 015       | THPT Hàng Hải                 | P. Đồng Quốc Bình, Q. Ngô Quyền                         | Khu vực 3 | Không       |
| 722 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 017       | THPT Thăng Long               | P. Lạch Tray, Q. Ngô Quyền                              | Khu vực 3 | Không       |
| 723 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 018       | THPT Marie Curie              | P. Đằng Giang, Q. Ngô Quyền                             | Khu vực 3 | Không       |
| 724 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 020       | THPT Anhtan                   | P. Máy Tơ, Q. Ngô Quyền                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 725 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 021       | TT DN&GDTX Ngô Quyền          | P. Gia Viên, Q. Ngô Quyền                               | Khu vực 3 | Không       |
| 726 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 081       | THPT Lương Khánh Thiện        | số 39 Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền                    | Khu vực 3 | Không       |
| 727 | 03         | Hải Phòng       | 03            | Quận Ngô Quyền         | 092       | TT GDNN-GDTX Ngô Quyền        | Số 147 Nguyễn Hữu Tuệ, P. Gia Viên, Q. Ngô Quyền        | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 728 | 03         | Hải Phòng   | 04            | Quận Kiến An      | 023       | THPT Kiến An                           | P. Ngọc Sơn, Q. Kiến An                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 729 | 03         | Hải Phòng   | 04            | Quận Kiến An      | 024       | THPT Phan Đăng Lưu                     | P. Ngọc Sơn, Q. Kiến An                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 730 | 03         | Hải Phòng   | 04            | Quận Kiến An      | 026       | TT DN&GDTX Kiến An                     | P. Văn Đâu, Q. Kiến An                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 731 | 03         | Hải Phòng   | 04            | Quận Kiến An      | 079       | THPT Đồng Hòa                          | P. Đồng Hòa, Q. Kiến An                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 732 | 03         | Hải Phòng   | 04            | Quận Kiến An      | 093       | TT GDNN-GDTX Kiến An                   | Số 87 Nguyễn Lương Bằng, P. Văn Đâu, Q. Kiến An            | Khu vực 3 | Không       |
| 733 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 004       | Trường Trung học phổ thông Hùng Vương  | Số 498 đường Đà Nẵng, Phường Đông Hải                      | Khu vực 3 | Không       |
| 734 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 013       | THPT Chuyên Trần Phú                   | lô 10A, đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An. | Khu vực 3 | Không       |
| 735 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 019       | THPT Hermann Gmeiner                   | 543 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải I, Q. Hải An  | Khu vực 3 | Không       |
| 736 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 025       | THPT Hải An                            | P. Cát Bi, Q. Hải An                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 737 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 028       | THPT Lê Quý Đôn                        | P. Cát Bi, Q. Hải An                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 738 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 029       | THPT Phan Chu Trinh                    | P. Đằng Lâm, Q. Hải An                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 739 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 030       | TT DN&GDTX Hải An                      | P. Đằng Lâm, Q. Hải An                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 740 | 03         | Hải Phòng   | 05            | Quận Hải An       | 094       | TT GDNN-GDTX Hải An                    | Số 70 Trung Hành 5, P. Đằng Lâm, Q. Hải An                 | Khu vực 3 | Không       |
| 741 | 03         | Hải Phòng   | 06            | Quận Đồ Sơn       | 032       | THPT Đồ Sơn                            | P. Ngọc Xuyên, Q. Đồ Sơn                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 742 | 03         | Hải Phòng   | 06            | Quận Đồ Sơn       | 033       | Trường PT Nội Trú Đồ Sơn               | P. Vạn Sơn, Q. Đồ Sơn                                      | Khu vực 3 | Có          |
| 743 | 03         | Hải Phòng   | 06            | Quận Đồ Sơn       | 034       | TT DN&GDTX Đồ Sơn                      | P. Ngọc Hải, Q. Đồ Sơn                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 744 | 03         | Hải Phòng   | 06            | Quận Đồ Sơn       | 095       | TT GDNN-GDTX Đồ Sơn                    | Số 1 đường Đinh Đoài, P. Ngọc Hải, Q. Đồ Sơn               | Khu vực 3 | Không       |
| 745 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 036       | THPT An Lão                            | ITr. An Lão, H. An Lão                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 746 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 037       | THPT Trần Hưng Đạo                     | Xã An Thái, H. An Lão                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 747 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 038       | THPT Tân Trào                          | Thôn Quán Rễ, xã Mỹ Đức, huyện An Lão                      | Khu vực 2 | Không       |
| 748 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 039       | THPT Trần Tất Văn                      | Xã An Thắng, H. An Lão                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 749 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 040       | TT DN&GDTX An Lão                      | ITr. An Lão, H. An Lão                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 750 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 084       | THPT Quốc Tuấn                         | Xã Quốc Tuấn, H. An Lão                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 751 | 03         | Hải Phòng   | 07            | Huyện An Lão      | 096       | TT GDNN-GDTX An Lão                    | ITr. An Lão, H. An Lão                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 752 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 042       | THPT Kiến Thụy                         | ITr. Núi Đồi, H. Kiến Thụy                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 753 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 043       | THPT Nguyễn Đức Cảnh                   | Xã Tú Sơn, H. Kiến Thụy                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 754 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 045       | THPT Nguyễn Huệ                        | ITr. Núi Đồi, H. Kiến Thụy                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 755 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 046       | TT DN&GDTX Kiến Thụy                   | ITr. Núi Đồi, H. Kiến Thụy                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 756 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 082       | THPT Thụy Hương                        | Xã Thụy Hương, H. Kiến Thụy                                | Khu vực 2 | Không       |
| 757 | 03         | Hải Phòng   | 08            | Huyện Kiến Thụy   | 097       | TT GDNN-GDTX Kiến Thụy                 | Khu Hồ Sen, TTr. Núi Đồi, H. Kiến Thụy                     | Khu vực 2 | Không       |
| 758 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 048       | THPT Phạm Ngũ Lão                      | Xã Ngũ Lão, H. Thủy Nguyên                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 759 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 049       | THPT Bạch Đằng                         | Xã Lưu Kiếm, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 1 | Không       |
| 760 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 050       | THPT Quang Trung                       | Xã Cao Nhân, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |
| 761 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 051       | THPT Lý Thường Kiệt                    | Xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |
| 762 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 052       | THPT Lê ích Mộc                        | Xã Kỳ Sơn, H. Thủy Nguyên                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 763 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 053       | THPT Thủy Sơn                          | Xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |
| 764 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 054       | THPT 25/10                             | Xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |
| 765 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 055       | THPT Nam Triệu                         | Xã Phục Lễ, H. Thủy Nguyên                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 766 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 056       | TT DN&GDTX Thủy Nguyên                 | Xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |
| 767 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 087       | Trường Trung học phổ thông Quảng Thanh | Xã Quảng Thanh, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng           | Khu vực 2 | Không       |
| 768 | 03         | Hải Phòng   | 09            | Huyện Thủy Nguyên | 098       | TT GDNN-GDTX Thủy Nguyên               | Xã Thủy Sơn, H. Thủy Nguyên                                | Khu vực 2 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                    | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 769 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 058       | THPT Nguyễn Trãi              | Xã An Hưng, H. An Dương                                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 770 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 059       | THPT An Dương                 | ITr. An Dương, H. An Dương                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 771 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 060       | THPT Tân An                   | Xã Tân Tiến, H. An Dương                                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 772 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 061       | THPT An Hải                   | ITr. An Dương, H. An Dương                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 773 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 062       | TT DN&GDTX An Dương           | ITr. An Dương, H. An Dương                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 774 | 03         | Hải Phòng   | 10            | Huyện An Dương         | 099       | TT GDNN-GDTX An Dương         | ITr. An Dương, H. An Dương                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 775 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 064       | THPT Tiên Lãng                | ITr. Tiên lãng, H. Tiên Lãng                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 776 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 065       | THPT Toàn Thắng               | Xã Toàn Thắng, H. Tiên Lãng                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 777 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 066       | THPT Hùng Thắng               | Xã Hùng Thắng, H. Tiên Lãng                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 778 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 067       | THPT Nhữ Văn Lan              | ITr. Tiên Lãng, H. Tiên Lãng                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 779 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 068       | TT DN&GDTX Tiên Lãng          | ITr. Tiên Lãng, H. Tiên Lãng                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 780 | 03         | Hải Phòng   | 11            | Huyện Tiên Lãng        | 100       | TT GDNN-GDTX Tiên Lãng        | ITr. Tiên Lãng, H. Tiên Lãng                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 781 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 070       | THPT Nguyễn Bình Khiêm        | Xã Lý Học, H. Vĩnh Bảo                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 782 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 071       | THPT Tô Hiệu                  | Xã Vĩnh An, H. Vĩnh Bảo                                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 783 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 072       | THPT Vĩnh Bảo                 | ITr. Vĩnh Bảo, H. Vĩnh Bảo                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 784 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 073       | THPT Cộng Hiền                | Xã Cộng Hiền, H. Vĩnh Bảo                                                | Khu vực 2 | Không       |
| 785 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 074       | THPT Nguyễn Khuyến            | ITr. Vĩnh Bảo, H. Vĩnh Bảo                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 786 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 075       | TT DN&GDTX Vĩnh Bảo           | ITr. Vĩnh Bảo, H. Vĩnh Bảo                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 787 | 03         | Hải Phòng   | 12            | Huyện Vĩnh Bảo         | 101       | TT GDNN-GDTX Vĩnh Bảo         | ITr. Vĩnh Bảo, H. Vĩnh Bảo                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 788 | 03         | Hải Phòng   | 13            | Huyện Cát Hải          | 077       | THPT Cát Bà                   | ITr. Cát Bà, H. Cát Hải                                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 789 | 03         | Hải Phòng   | 13            | Huyện Cát Hải          | 078       | THPT Cát Hải                  | Xã Văn Phong, H. Cát Hải                                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 790 | 03         | Hải Phòng   | 13            | Huyện Cát Hải          | 080       | THPT Cát Hải                  | Xã Văn Phong, Huyện Cát Hải                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 791 | 03         | Hải Phòng   | 13            | Huyện Cát Hải          | 083       | TT DN&GDTX Cát Hải            | ITr. Cát Bà, H. Cát Hải                                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 792 | 03         | Hải Phòng   | 13            | Huyện Cát Hải          | 102       | TT GDNN-GDTX Cát Hải          | ITr. Cát Bà, H. Cát Hải                                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 793 | 03         | Hải Phòng   | 15            | Quận Dương Kinh        | 044       | THPT Mạc Đĩnh Chi             | P. Anh Dũng, Q. Dương Kinh                                               | Khu vực 3 | Không       |
| 794 | 03         | Hải Phòng   | 15            | Quận Dương Kinh        | 089       | TT DN&GDTX Q. Dương Kinh      | P. Anh Dũng, Q. Dương Kinh                                               | Khu vực 3 | Không       |
| 795 | 03         | Hải Phòng   | 15            | Quận Dương Kinh        | 103       | TT GDNN-GDTX Q. Dương Kinh    | Tổ Dân phố số 3, P. Hải Thành, Q. Dương Kinh                             | Khu vực 3 | Không       |
| 796 | 04         | Đà Nẵng     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_04           |                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 797 | 04         | Đà Nẵng     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an_04         |                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 798 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 001       | THPT Nguyễn Hiền              | Số 61 Phan Đăng Lưu, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng          | Khu vực 3 | Không       |
| 799 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 002       | THPT Phan Châu Trinh          | Số 154 Lê Lợi, P. Hải châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng                   | Khu vực 3 | Không       |
| 800 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 003       | THPT Trần Phú                 | Số 11 Lê Thánh Tôn, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng              | Khu vực 3 | Không       |
| 801 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 004       | THPT Diên Hồng                | 365 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng | Khu vực 3 | Không       |
| 802 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 006       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Hải Châu  | Số 105 Lê Sát, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng                | Khu vực 3 | Không       |
| 803 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 033       | THPT Sky-Line Đà Nẵng         | Lô A2.4 Trần Đăng Ninh, quận Hải Châu                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 804 | 04         | Đà Nẵng     | 01            | Quận Hải Châu          | 037       | TH-THCS&THPT Sky-line         | Lô A2.4 Trần Đăng Ninh, P. Hoà Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng       | Khu vực 3 | Không       |
| 805 | 04         | Đà Nẵng     | 02            | Quận Thanh Khê         | 007       | THPT Thái Phiên               | Số 735 Trần Cao Vân, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng        | Khu vực 3 | Không       |
| 806 | 04         | Đà Nẵng     | 02            | Quận Thanh Khê         | 008       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Thanh Khê | Số 725 Trần Cao Vân, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng        | Khu vực 3 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                                | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 807 | 04         | Đà Nẵng     | 02            | Quận Thanh Khê    | 009       | THPT Quang Trung                          | 68 Đỗ Quang, P. Vĩnh Trung, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng                     | Khu vực 3 | Không       |
| 808 | 04         | Đà Nẵng     | 02            | Quận Thanh Khê    | 028       | THPT Thanh Khê                            | Số 232 Kinh Dương Vương, P. Thanh Khê Tây, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng      | Khu vực 3 | Không       |
| 809 | 04         | Đà Nẵng     | 02            | Quận Thanh Khê    | 035       | Trung tâm GDTX số 2                       | Số 725 Trần Cao Văn, P. Thanh Khê Đông, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng         | Khu vực 3 | Không       |
| 810 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 005       | THPT chuyên Lê Quý Đôn                    | Số 01 Vũ Văn Dũng, P. An Hải Tây, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng                 | Khu vực 3 | Không       |
| 811 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 010       | THPT Hoàng Hoa Thám                       | Số 63 Phạm Cự Lượng, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng              | Khu vực 3 | Không       |
| 812 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 011       | THPT Ngô Quyền                            | Số 57 Phạm Cự Lượng, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng              | Khu vực 3 | Không       |
| 813 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 012       | TT GDTX Thành Phố                         | 1093 đường Ngô Quyền, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng | Khu vực 3 | Không       |
| 814 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 013       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Sơn Trà               | 196 Nguyễn Công Trứ, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, Đà Nẵng            | Khu vực 3 | Không       |
| 815 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 027       | THPT Tôn Thất Tùng                        | Số 200 Trần Nhân Tông, P. An Hải Bắc, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng             | Khu vực 3 | Không       |
| 816 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 034       | Trung tâm GDTX số 1                       | Số 1093 Ngô Quyền, P. An Hải Đông, Q. Sơn Trà, TP. Đà Nẵng                | Khu vực 3 | Không       |
| 817 | 04         | Đà Nẵng     | 03            | Quận Sơn Trà      | 039       | THPT Sơn Trà                              | Đường Lê Văn Quý, P. An Hải Bắc                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 818 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 014       | THPT Ngũ Hành Sơn                         | Số 24 Bà Bang Nhân, P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng              | Khu vực 3 | Không       |
| 819 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 015       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Ngũ Hành Sơn          | 527 Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng           | Khu vực 3 | Không       |
| 820 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 016       | PT Hermann Gmeiner                        | Số 15 Nguyễn Đình Chiểu, P. Khuê Mỹ, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng         | Khu vực 3 | Không       |
| 821 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 032       | THPT Võ Chí Công                          | Cao Hồng Lãnh, P. Hoà Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng                   | Khu vực 3 | Không       |
| 822 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 038       | TH, THCS, THPT Quốc tế Hoa Kỳ APU-Đà Nẵng | Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng                      | Khu vực 3 | Không       |
| 823 | 04         | Đà Nẵng     | 04            | Quận Ngũ Hành Sơn | 040       | TH, THCS&THPT FPT                         | Khu đô thị FPT city, P. Hòa Hải                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 824 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 017       | THPT Nguyễn Trãi                          | Số 01 Phan Văn Định, P. Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng         | Khu vực 3 | Không       |
| 825 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 018       | TH-THCS&THPT Khai Trí                     | 116 Nguyễn Huy Tường, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng       | Khu vực 3 | Không       |
| 826 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 019       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Liên Chiểu            | 571/1 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng   | Khu vực 3 | Không       |
| 827 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 026       | THPT Nguyễn Thượng Hiền                   | Số 54 Thích Quảng Đức, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng            | Khu vực 3 | Không       |
| 828 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 030       | THPT Liên Chiểu                           | 02 Trần Tấn, P. Hòa Hiệp Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng                  | Khu vực 3 | Không       |
| 829 | 04         | Đà Nẵng     | 05            | Quận Liên Chiểu   | 042       | THPT Khai Trí                             | Số 116 Nguyễn Huy Tường                                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 830 | 04         | Đà Nẵng     | 06            | Huyện Hòa Vang    | 021       | THPT Phan Thành Tài                       | QL1A, Phong Nam, xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng                 | Khu vực 2 | Không       |



| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                      | Địa Chỉ                                                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 831 | 04         | Đà Nẵng     | 06            | Huyện Hòa Vang     | 022       | THPT Ông Ích Khiêm              | Thôn Cẩm Toại Trung, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng        | Khu vực 2 | Không       |
| 832 | 04         | Đà Nẵng     | 06            | Huyện Hòa Vang     | 023       | THPT Phạm Phú Thứ               | Thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng            | Khu vực 2 | Không       |
| 833 | 04         | Đà Nẵng     | 06            | Huyện Hòa Vang     | 025       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Hòa Vang    | Thôn Tuỷ Loan Đông 2, xã Hoà Phong, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng | Khu vực 2 | Không       |
| 834 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 020       | THPT Hòa Vang                   | Số 101 Ông Ích Đường, P. Hòa Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng         | Khu vực 3 | Không       |
| 835 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 024       | TT GDTX, KTTH-HN&DN Cẩm Lệ      | Tổ 4, Quốc lộ 1A, Hoà Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng                       | Khu vực 3 | Không       |
| 836 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 029       | THPT Cẩm Lệ                     | Số 02 Nguyễn Thế Lịch, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng                         | Khu vực 3 | Không       |
| 837 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 031       | THCS&THPT Hiền Nhân             | Số 204 Lương Nhữ Hộc, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng                          | Khu vực 3 | Không       |
| 838 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 036       | Trung tâm GDTX số 3             | Tổ 4, Quốc lộ 1A, P. Hoà Thọ Đông, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng             | Khu vực 3 | Không       |
| 839 | 04         | Đà Nẵng     | 07            | Quận Cẩm Lệ        | 041       | THCS&THPT Nguyễn Khuyến         | Số 2A Đặng Xuân Bảng, P. Khuê Trung                                   | Khu vực 3 | Không       |
| 840 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 012       | THPT Chuyên                     | P. Nguyễn Trãi, TP Hà Giang                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 841 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 013       | THPT Lê Hồng Phong              | P.Minh Khai, TP Hà Giang                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 842 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 014       | THPT Ngọc Hà                    | Xã Ngọc Đường, TP Hà Giang                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 843 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 015       | PTDT Nội trú tỉnh               | P.Minh Khai, TP Hà Giang                                              | Khu vực 1 | Có          |
| 844 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 031       | GDTX Tỉnh                       | P. Minh Khai, TP Hà Giang                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 845 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 050       | CD Nghề Hà Giang                | Tổ 8 Ph. Quang Trung, TP Hà Giang                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 846 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 054       | CDSP Hà Giang                   | Tổ 16, P. Nguyễn Trãi, TP Hà Giang                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 847 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 058       | PTDT Nội trú THPT tỉnh Hà Giang | P.Minh Khai, TP Hà Giang                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 848 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 063       | GDTX - HN tỉnh Hà Giang         | P. Minh Khai, TP Hà Giang                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 849 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 800       | Học ở nước ngoài 05             | P.Nguyễn Trãi, TP Hà Giang                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 850 | 05         | Hà Giang    | 01            | Thành phố Hà Giang | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 05   | P.Nguyễn Trãi, TP Hà Giang                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 851 | 05         | Hà Giang    | 02            | Huyện Đồng Văn     | 026       | THPT Đồng Văn                   | IT. Đồng Văn, H. Đồng Văn                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 852 | 05         | Hà Giang    | 02            | Huyện Đồng Văn     | 032       | GDTX Đồng Văn                   | IT. Đồng Văn, H. Đồng Văn                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 853 | 05         | Hà Giang    | 02            | Huyện Đồng Văn     | 064       | GDNN - GDTX Đồng Văn            | IT. Đồng Văn, H. Đồng Văn                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 854 | 05         | Hà Giang    | 03            | Huyện Mèo Vạc      | 017       | THPT Mèo Vạc                    | IT. Mèo Vạc, H. Mèo Vạc                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 855 | 05         | Hà Giang    | 03            | Huyện Mèo Vạc      | 033       | GDTX Mèo Vạc                    | IT. Mèo Vạc, H. Mèo Vạc                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 856 | 05         | Hà Giang    | 03            | Huyện Mèo Vạc      | 065       | GDNN - GDTX Mèo Vạc             | Xã Tả Lũng, H. Mèo Vạc                                                | Khu vực 1 | Không       |
| 857 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 018       | THPT Yên Minh                   | IT. Yên Minh, H. Yên minh                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 858 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 034       | GDTX Yên Minh                   | IT. Yên Minh, H. Yên Minh                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 859 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 045       | PT DTNT cấp 2-3 Yên Minh        | IT Yên Minh, H. Yên Minh                                              | Khu vực 1 | Có          |
| 860 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 051       | THPT Mậu Duệ                    | Xã Mậu Duệ, H. Yên Minh                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 861 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 059       | PTDT Nội trú THCS&THPT Yên Minh | IT Yên Minh, H. Yên Minh                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 862 | 05         | Hà Giang    | 04            | Huyện Yên Minh     | 066       | GDNN - GDTX Yên Minh            | IT. Yên Minh, H. Yên Minh                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 863 | 05         | Hà Giang    | 05            | Huyện Quản Bạ      | 019       | THPT Quản Bạ                    | IT. Tam Sơn, H. Quản Bạ                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 864 | 05         | Hà Giang    | 05            | Huyện Quản Bạ      | 035       | GDTX Quản Bạ                    | IT. Tam Sơn, H. Quản Bạ                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 865 | 05         | Hà Giang    | 05            | Huyện Quản Bạ      | 053       | THPT Quyết Tiến                 | Xã Quyết Tiến, H. Quản Bạ                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 866 | 05         | Hà Giang    | 05            | Huyện Quản Bạ      | 067       | GDNN - GDTX Quản Bạ             | IT. Tam Sơn, H. Quản Bạ                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 867 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên     | 020       | THPT Vị Xuyên                   | IT. Vị Xuyên, H. Vị Xuyên                                             | Khu vực 1 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------------|-----------|-------------|
| 868 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 021       | THPT Việt Lâm                    | TT. Việt Lâm, H. Vị Xuyên                  | Khu vực 1 | Không       |
| 869 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 036       | GDTX Vị Xuyên                    | TT. Vị Xuyên, H. Vị Xuyên                  | Khu vực 1 | Không       |
| 870 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 043       | PT Cấp 2-3 Phương Tiến           | Xã Phương Tiến, H. Vị Xuyên                | Khu vực 1 | Không       |
| 871 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 048       | THCS và THPT Linh Hồ             | Xã Linh Hồ, H. Vị Xuyên                    | Khu vực 1 | Không       |
| 872 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 056       | THCS&THPT Tùng Bá                | Xã Tùng Bá, H. Vị Xuyên                    | Khu vực 1 | Không       |
| 873 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 062       | THCS&THPT Phương Tiến            | Xã Phương Tiến, H. Vị Xuyên                | Khu vực 1 | Không       |
| 874 | 05         | Hà Giang    | 06            | Huyện Vị Xuyên         | 068       | GDNN - GDTX Vị Xuyên             | TT. Vị Xuyên, H. Vị Xuyên                  | Khu vực 1 | Không       |
| 875 | 05         | Hà Giang    | 07            | Huyện Bắc Mê           | 022       | THPT Bắc Mê                      | TT. Yên Phú, H. Bắc Mê                     | Khu vực 1 | Không       |
| 876 | 05         | Hà Giang    | 07            | Huyện Bắc Mê           | 037       | GDTX Bắc Mê                      | TT. Bắc Mê, H. Bắc Mê                      | Khu vực 1 | Không       |
| 877 | 05         | Hà Giang    | 07            | Huyện Bắc Mê           | 047       | THCS và THPT Minh Ngọc           | Xã Minh Ngọc, H. Bắc Mê                    | Khu vực 1 | Không       |
| 878 | 05         | Hà Giang    | 07            | Huyện Bắc Mê           | 069       | GDNN - GDTX Bắc Mê               | TT. Bắc Mê, H. Bắc Mê                      | Khu vực 1 | Không       |
| 879 | 05         | Hà Giang    | 08            | Huyện Hoàng Su Phì     | 023       | THPT Hoàng Su Phì                | TT. Vinh Quang, H. Hoàng Su Phì            | Khu vực 1 | Không       |
| 880 | 05         | Hà Giang    | 08            | Huyện Hoàng Su Phì     | 038       | GDTX Hoàng Su Phì                | TT. Vinh Quang, H. Hoàng Su Phì            | Khu vực 1 | Không       |
| 881 | 05         | Hà Giang    | 08            | Huyện Hoàng Su Phì     | 041       | THPT Thông Nguyên                | Xã Thông Nguyên, H. Hoàng Su Phì           | Khu vực 1 | Không       |
| 882 | 05         | Hà Giang    | 08            | Huyện Hoàng Su Phì     | 061       | THCS&THPT Thông Nguyên           | Xã Thông Nguyên, H. Hoàng Su Phì           | Khu vực 1 | Không       |
| 883 | 05         | Hà Giang    | 08            | Huyện Hoàng Su Phì     | 070       | GDNN - GDTX Hoàng Su Phì         | TT. Vinh Quang, H. Hoàng Su Phì            | Khu vực 1 | Không       |
| 884 | 05         | Hà Giang    | 09            | Huyện Xín Mần          | 024       | THPT Xín Mần                     | TT. Cốc Pài, H. Xín Mần                    | Khu vực 1 | Không       |
| 885 | 05         | Hà Giang    | 09            | Huyện Xín Mần          | 039       | GDTX Xín Mần                     | TT. Cốc Pài, H. Xín Mần                    | Khu vực 1 | Không       |
| 886 | 05         | Hà Giang    | 09            | Huyện Xín Mần          | 049       | THCS và THPT Nà Chì              | Xã Nà Chì, H. Xín Mần                      | Khu vực 1 | Không       |
| 887 | 05         | Hà Giang    | 09            | Huyện Xín Mần          | 057       | THCS&THPT Xín Mần                | Xã Xín Mần, H. Xín Mần                     | Khu vực 1 | Không       |
| 888 | 05         | Hà Giang    | 09            | Huyện Xín Mần          | 071       | GDNN - GDTX Xín Mần              | TT. Cốc Pài, H. Xín Mần                    | Khu vực 1 | Không       |
| 889 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 016       | THPT Đồng Yên                    | Xã Đồng Yên, H. Bắc Quang                  | Khu vực 1 | Không       |
| 890 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 025       | THPT Việt Vinh                   | TT. Việt Quang, H. Bắc Quang               | Khu vực 1 | Không       |
| 891 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 028       | THPT Hùng An                     | Xã Hùng An, H. Bắc Quang                   | Khu vực 1 | Không       |
| 892 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 029       | THPT Liên Hiệp                   | Xã Liên Hiệp, H. Bắc quang                 | Khu vực 1 | Không       |
| 893 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 030       | THPT Tân Quang                   | Xã Tân Quang, H. Bắc quang                 | Khu vực 1 | Không       |
| 894 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 040       | GDTX Bắc Quang                   | TT. Việt Quang, H. Bắc Quang               | Khu vực 1 | Không       |
| 895 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 046       | PT DTNT cấp 2-3 Bắc Quang        | TT Việt Quang, H. Bắc Quang                | Khu vực 1 | Có          |
| 896 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 052       | THPT Kim Ngọc                    | Xã Kim Ngọc, H. Bắc Quang                  | Khu vực 1 | Không       |
| 897 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 055       | Trung cấp Nghề Bắc Quang         | Tổ 13, TT Việt Quang, H. Bắc Quang         | Khu vực 1 | Không       |
| 898 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 060       | PTDT Nội trú THCS&THPT Bắc Quang | TT Việt Quang, H. Bắc Quang                | Khu vực 1 | Không       |
| 899 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 072       | GDNN - GDTX Bắc Quang            | TT. Việt Quang, H. Bắc Quang               | Khu vực 1 | Không       |
| 900 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 074       | THCS&THPT Liên Hiệp              | X. Liên Hiệp-H. Bắc Quang                  | Khu vực 1 | Không       |
| 901 | 05         | Hà Giang    | 10            | Huyện Bắc Quang        | 075       | Trung cấp DTNT-GDTX Bắc Quang    | Thị trấn Việt Quang - Bắc Quang - Hà Giang | Khu vực 1 | Không       |
| 902 | 05         | Hà Giang    | 11            | Huyện Quang Bình       | 027       | THPT Xuân Giang                  | Xã Xuân Giang, H. Quang Bình               | Khu vực 1 | Không       |
| 903 | 05         | Hà Giang    | 11            | Huyện Quang Bình       | 042       | GDTX Quang Bình                  | TT. Yên Bình - H. Quang Bình               | Khu vực 1 | Không       |
| 904 | 05         | Hà Giang    | 11            | Huyện Quang Bình       | 044       | THPT Quang Bình                  | TT. Yên Bình - H. Quang Bình               | Khu vực 1 | Không       |
| 905 | 05         | Hà Giang    | 11            | Huyện Quang Bình       | 073       | GDNN - GDTX Quang Bình           | TT. Yên Bình - H. Quang Bình               | Khu vực 1 | Không       |
| 906 | 06         | Cao Bằng    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 06              | 035, Bể Vãn Đàn, Hợp Giang, TP Cao Bằng    | Khu vực 3 | Không       |
| 907 | 06         | Cao Bằng    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 06    | 035, Bể Vãn Đàn, Hợp Giang, TP Cao Bằng    | Khu vực 3 | Không       |
| 908 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng     | 000       | Sở GD&ĐT Cao Bằng                | 035, Bể Vãn Đàn, P. Hợp Giang, TP Cao Bằng | Khu vực 1 | Không       |
| 909 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng     | 002       | THPT DTNT tỉnh Cao Bằng          | Km4, P. Đề Thám, Thành phố Cao Bằng        | Khu vực 1 | Có          |
| 910 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng     | 003       | THPT Thành phố Cao Bằng          | Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng       | Khu vực 1 | Không       |
| 911 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng     | 004       | THPT Chuyên Cao Bằng             | Phường Hòa Chung, Thành phố Cao Bằng       | Khu vực 1 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                | Địa Chỉ                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-------------------------------------------|---------------------------------------|-----------|-------------|
| 912 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 005       | TT GDNN-GDTX Thành phố Cao Bằng           | Phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng  | Khu vực 1 | Không       |
| 913 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 006       | TT KTTH-HN tỉnh Cao Bằng                  | Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng  | Khu vực 1 | Không       |
| 914 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 028       | THPT Cao Bình                             | Xã Hưng Đạo, Thành phố Cao Bằng       | Khu vực 1 | Không       |
| 915 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 044       | THPT Bế Văn Đàn                           | Nà Cáp, Ph. sông Hiến, TP Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 916 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 058       | Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh      | Km 4 Đê Thám , TP Cao Bằng            | Khu vực 1 | Không       |
| 917 | 06         | Cao Bằng    | 01            | Thành phố Cao Bằng | 059       | TC nghề Cao Bằng                          | P. Sông Hiến, TP Cao Bằng , Cao Bằng  | Khu vực 1 | Không       |
| 918 | 06         | Cao Bằng    | 02            | Huyện Bảo Lạc      | 008       | THPT Bảo Lạc                              | IT Bảo Lạc, Cao Bằng                  | Khu vực 1 | Không       |
| 919 | 06         | Cao Bằng    | 02            | Huyện Bảo Lạc      | 055       | THPT Bản Ngà                              | Huy Giáp, Bảo Lạc, Cao Bằng           | Khu vực 1 | Không       |
| 920 | 06         | Cao Bằng    | 02            | Huyện Bảo Lạc      | 056       | TT GDNN-GDTX Bảo Lạc                      | ITr Bảo Lạc, Cao Bằng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 921 | 06         | Cao Bằng    | 03            | Huyện Thông Nông   | 010       | THPT Thông Nông (Trước 10/01/2020)        | ITr Thông Nông, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 922 | 06         | Cao Bằng    | 03            | Huyện Thông Nông   | 053       | TT GDNN-GDTX Thông Nông                   | ITr Thông Nông, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 923 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 012       | THPT Hà Quảng                             | ITr Xuân Hoà, Hà Quảng, Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |
| 924 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 013       | THPT Nà Giàng                             | Nà Giàng, Hà Quảng, Cao Bằng          | Khu vực 1 | Không       |
| 925 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 047       | TT GDNN-GDTX Hà Quảng                     | ITr Xuân Hoà, Hà Quảng, Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |
| 926 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 050       | THPT Đàm Quang Trung                      | Thị trấn Xuân Hòa                     | Khu vực 1 | Không       |
| 927 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 054       | THPT Lục Khu                              | Xã Thượng Thôn, Hà Quảng, Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 928 | 06         | Cao Bằng    | 04            | Huyện Hà Quảng     | 061       | THPT Thông Nông (Từ 10/01/2020)           | ITr Thông Nông, Hà Quảng, Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 929 | 06         | Cao Bằng    | 05            | Huyện Trà Lĩnh     | 015       | THPT Trà Lĩnh (Trước 01/3/2020)           | ITr Hùng Quốc, Trà Lĩnh, Cao Bằng     | Khu vực 1 | Không       |
| 930 | 06         | Cao Bằng    | 05            | Huyện Trà Lĩnh     | 016       | THPT Quang Trung (Trước 01/3/2020)        | Xã Quang Trung, Trà Lĩnh, Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 931 | 06         | Cao Bằng    | 05            | Huyện Trà Lĩnh     | 046       | TT GDNN-GDTX Trà Lĩnh                     | ITr Hùng Quốc,Trà Lĩnh, Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |
| 932 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 018       | THPT Trùng Khánh                          | ITr Trùng Khánh,Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 933 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 019       | THPT Pò Tàu                               | Xã Chí Viễn, Trùng Khánh, Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 934 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 020       | THPT Thông Huê                            | Xã Thông Huê, Trùng Khánh, Cao Bằng   | Khu vực 1 | Không       |
| 935 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 021       | TT GDNN-GDTX Trùng Khánh                  | ITr. Trùng Khánh, Cao Bằng            | Khu vực 1 | Không       |
| 936 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 062       | THPT Trà Lĩnh (Từ 01/3/2020)              | ITr Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Cao Bằng   | Khu vực 1 | Không       |
| 937 | 06         | Cao Bằng    | 06            | Huyện Trùng Khánh  | 063       | THPT Quang Trung (Từ 01/3/2020)           | Xã Quang Trung, Trùng Khánh, Cao Bằng | Khu vực 1 | Không       |
| 938 | 06         | Cao Bằng    | 07            | Huyện Nguyên Bình  | 023       | THPT Nguyên Bình                          | IT Nguyên Bình, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 939 | 06         | Cao Bằng    | 07            | Huyện Nguyên Bình  | 024       | THPT Tinh Túc                             | Tinh Túc, Nguyên Bình, Cao Bằng       | Khu vực 1 | Không       |
| 940 | 06         | Cao Bằng    | 07            | Huyện Nguyên Bình  | 025       | THPT Nà Bao                               | Xã Lang Môn, Nguyên Bình, Cao Bằng    | Khu vực 1 | Không       |
| 941 | 06         | Cao Bằng    | 07            | Huyện Nguyên Bình  | 052       | TT GDNN-GDTX Nguyên Bình                  | ITr Nguyên Bình, Cao Bằng             | Khu vực 1 | Không       |
| 942 | 06         | Cao Bằng    | 08            | Huyện Hòa An       | 027       | THPT Hoà An                               | ITr Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng        | Khu vực 1 | Không       |
| 943 | 06         | Cao Bằng    | 08            | Huyện Hòa An       | 029       | TT GDNN-GDTX Hoà An                       | ITr Nước Hai, Hoà An, Cao Bằng        | Khu vực 1 | Không       |
| 944 | 06         | Cao Bằng    | 09            | Huyện Quảng Uyên   | 031       | THPT Quảng Uyên (Trước 01/3/2020)         | ITr Quảng Uyên, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 945 | 06         | Cao Bằng    | 09            | Huyện Quảng Uyên   | 032       | THPT Đồng Đa (Trước 01/3/2020)            | Xã Ngọc Động, Quảng Uyên              | Khu vực 1 | Không       |
| 946 | 06         | Cao Bằng    | 09            | Huyện Quảng Uyên   | 033       | TT GDNN-GDTX Quảng Uyên (Trước 01/3/2020) | ITr Quảng Uyên, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 947 | 06         | Cao Bằng    | 10            | Huyện Thạch An     | 035       | THPT Thạch An                             | ITr Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |
| 948 | 06         | Cao Bằng    | 10            | Huyện Thạch An     | 036       | THPT Canh Tân                             | Xã Canh Tân, Thạch An , Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |
| 949 | 06         | Cao Bằng    | 10            | Huyện Thạch An     | 048       | TT GDNN-GDTX Thạch An                     | ITr Đông Khê, Thạch An, Cao Bằng      | Khu vực 1 | Không       |

| STT | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                 | Địa Chỉ                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|-----|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 950 | 06         | Cao Bằng    | 11            | Huyện Hạ Lang          | 038       | THPT Hạ Lang                                               | ITr Thanh Nhật, Hạ Lang, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 951 | 06         | Cao Bằng    | 11            | Huyện Hạ Lang          | 039       | THPT Bằng Ca                                               | Xã Lý Quốc, Hạ Lang, Cao Bằng                    | Khu vực 1 | Không       |
| 952 | 06         | Cao Bằng    | 11            | Huyện Hạ Lang          | 051       | TT GDNN-GDTX Hạ Lang                                       | ITr Thanh Nhật, Hạ Lang, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 953 | 06         | Cao Bằng    | 12            | Huyện Bảo Lâm          | 041       | THPT Bảo Lâm                                               | ITr Pắc Miếu, Bảo Lâm, Cao Bằng                  | Khu vực 1 | Không       |
| 954 | 06         | Cao Bằng    | 12            | Huyện Bảo Lâm          | 057       | THPT Lý Bôn                                                | Xã Lý Bôn, Bảo Lâm, Cao Bằng                     | Khu vực 1 | Không       |
| 955 | 06         | Cao Bằng    | 12            | Huyện Bảo Lâm          | 060       | TT GDNN-GDTX Bảo Lâm                                       | ITr Pắc Miếu, Bảo Lâm, Cao Bằng                  | Khu vực 1 | Không       |
| 956 | 06         | Cao Bằng    | 13            | Huyện Phục Hòa         | 043       | THPT Phục Hoà (Trước 01/3/2020)                            | ITr Hòa Thuận, Phục Hoà, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 957 | 06         | Cao Bằng    | 13            | Huyện Phục Hòa         | 045       | THPT Cách Linh (Trước 01/3/2020)                           | Xã Cánh Linh, Phục Hoà, Cao Bằng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 958 | 06         | Cao Bằng    | 13            | Huyện Phục Hòa         | 049       | TT GDNN-GDTX Phục Hoà                                      | ITr Hòa Thuận, Phục Hoà, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 959 | 06         | Cao Bằng    | 14            | Huyện Quảng Hòa        | 064       | THPT Quảng Uyên (Từ 01/3/2020)                             | ITr Quảng Uyên, Quảng Hòa, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 960 | 06         | Cao Bằng    | 14            | Huyện Quảng Hòa        | 065       | THPT Đồng Đa (Từ 01/3/2020)                                | Xã Ngọc Động, Quảng Hòa, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 961 | 06         | Cao Bằng    | 14            | Huyện Quảng Hòa        | 066       | TT GDNN - GDTX Quảng Hòa                                   | ITr Quảng Uyên, Quảng Hòa, Cao Bằng              | Khu vực 1 | Không       |
| 962 | 06         | Cao Bằng    | 14            | Huyện Quảng Hòa        | 067       | THPT Phục Hòa (Từ 01/3/2020)                               | ITr Hòa Thuận, Quảng Hòa, Cao Bằng               | Khu vực 1 | Không       |
| 963 | 06         | Cao Bằng    | 14            | Huyện Quảng Hòa        | 068       | THPT Cách Linh (Từ 01/3/2020)                              | Xã Cách Linh, Quảng Hòa, Cao Bằng                | Khu vực 1 | Không       |
| 964 | 07         | Lai Châu    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 07                                        |                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 965 | 07         | Lai Châu    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 07                              |                                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 966 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 001       | THPT Chuyên Lê Quý Đôn                                     | Phường Đông Phong -TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu   | Khu vực 1 | Không       |
| 967 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 002       | THPT Thành Phố Lai Châu                                    | Phường Đông Phong - TP. Lai Châu - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Không       |
| 968 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 003       | THPT Quyết Thắng                                           | Xã Sùng Phài- TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu        | Khu vực 1 | Không       |
| 969 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 017       | PTDTNT Tỉnh Lai Châu                                       | Phường Quyết Thắng - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Có          |
| 970 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 028       | Trung tâm GDTX tỉnh Lai Châu                               | Phường Quyết Thắng - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Không       |
| 971 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 035       | Trung tâm GDTX - Hướng nghiệp Tỉnh                         | Phường Quyết Thắng -TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu  | Khu vực 1 | Không       |
| 972 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 042       | Trường Trung cấp nghề Lai Châu                             | Phường Quyết Thắng - TP Lai Châu - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Không       |
| 973 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 043       | CD Cộng đồng Lai Châu                                      | Phường Quyết Thắng-Thành Phố Lai Châu            | Khu vực 1 | Không       |
| 974 | 07         | Lai Châu    | 01            | Thành Phố Lai Châu     | 044       | Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Lai Châu        | Thành Phố Lai Châu                               | Khu vực 1 | Có          |
| 975 | 07         | Lai Châu    | 02            | Huyện Tam Đường        | 004       | THPT Bình Lư                                               | IT Tam Đường - huyện Tam Đường- Lai Châu         | Khu vực 1 | Không       |
| 976 | 07         | Lai Châu    | 02            | Huyện Tam Đường        | 023       | PTDTNT huyện Tam Đường                                     | IT Tam Đường - huyện Tam Đường - tỉnh Lai Châu   | Khu vực 1 | Có          |
| 977 | 07         | Lai Châu    | 02            | Huyện Tam Đường        | 029       | Trung tâm GDTX huyện Tam Đường                             | IT Tam Đường - huyện Tam Đường - tỉnh Lai Châu   | Khu vực 1 | Không       |
| 978 | 07         | Lai Châu    | 02            | Huyện Tam Đường        | 036       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Tam Đường | IT Tam Đường - huyện Tam Đường - tỉnh Lai Châu   | Khu vực 1 | Không       |
| 979 | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ        | 005       | THPT Phong Thổ                                             | IT Phong Thổ - huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu   | Khu vực 1 | Không       |
| 980 | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ        | 006       | THPT Mường So (Trước ngày 16/12/2019)                      | Xã Mường So - huyện Phong Thổ - huyện Lai Châu   | Khu vực 1 | Không       |
| 981 | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ        | 007       | THPT Đào San                                               | Xã Đào San - huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                                 | Địa Chỉ                                            | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 982  | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ | 025       | PTDTNT huyện Phong Thổ                                     | TT Phong Thổ - huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Có          |
| 983  | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ | 030       | Trung tâm GDTX huyện Phong Thổ                             | TT Phong Thổ - huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 984  | 07         | Lai Châu    | 03            | Huyện Phong Thổ | 037       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Phong Thổ | TT Phong Thổ - huyện Phong Thổ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 985  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 008       | THPT Sìn Hồ                                                | IT Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu           | Khu vực 1 | Không       |
| 986  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 009       | THPT Nậm Tăm                                               | Xã Nậm Tăm - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu          | Khu vực 1 | Không       |
| 987  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 019       | PTDTNT huyện Sìn Hồ                                        | IT Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu           | Khu vực 1 | Có          |
| 988  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 021       | DTNT THPT huyện Sìn Hồ                                     | IT Sìn Hồ - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu           | Khu vực 1 | Có          |
| 989  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 031       | Trung tâm GDTX huyện Sìn Hồ                                | Xã Phăng Xô Lin - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 990  | 07         | Lai Châu    | 04            | Huyện Sìn Hồ    | 038       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Sìn Hồ    | Xã Phăng Xô Lin - huyện Sìn Hồ - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 991  | 07         | Lai Châu    | 05            | Huyện Mường Tè  | 010       | THPT Mường Tè                                              | IT Mường Tè - huyện Mường Tè - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Không       |
| 992  | 07         | Lai Châu    | 05            | Huyện Mường Tè  | 018       | THPT Dân tộc Nội trú Ka Lăng                               | Xã Ka Lăng - huyện Mường Tè - tỉnh Lai Châu        | Khu vực 1 | Có          |
| 993  | 07         | Lai Châu    | 05            | Huyện Mường Tè  | 027       | PTDTNT huyện Mường Tè                                      | TT Mường Tè - huyện Mường Tè - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Có          |
| 994  | 07         | Lai Châu    | 05            | Huyện Mường Tè  | 032       | Trung tâm GDTX huyện Mường Tè                              | IT Mường Tè - huyện Mường Tè - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Không       |
| 995  | 07         | Lai Châu    | 05            | Huyện Mường Tè  | 039       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Mường Tè  | IT Mường Tè - huyện Mường Tè - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Không       |
| 996  | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 011       | THPT Than Uyên                                             | IT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 997  | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 012       | THPT Mường Than                                            | Xã Phúc Than - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 998  | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 013       | THPT Mường Kim                                             | Xã Mường Kim - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 999  | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 020       | PTDTNT huyện Than Uyên                                     | IT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Có          |
| 1000 | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 022       | DTNT THPT huyện Than Uyên                                  | IT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Có          |
| 1001 | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 033       | Trung tâm GDTX huyện Than Uyên                             | IT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 1002 | 07         | Lai Châu    | 06            | Huyện Than Uyên | 040       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Than Uyên | IT Than Uyên - huyện Than Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 1003 | 07         | Lai Châu    | 07            | Huyện Tân Uyên  | 014       | THPT Tân Uyên                                              | IT Tân Uyên - huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu         | Khu vực 1 | Không       |
| 1004 | 07         | Lai Châu    | 07            | Huyện Tân Uyên  | 015       | THPT Trung Đồng (Trước ngày 16/12/2019)                    | Xã Trung Đồng - huyện Tân Uyên - tỉnh Lai Châu     | Khu vực 1 | Không       |
| 1005 | 07         | Lai Châu    | 07            | Huyện Tân Uyên  | 026       | PTDTNT huyện Tân Uyên                                      | IT Tân Uyên - huyện Tân Uyên - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Có          |
| 1006 | 07         | Lai Châu    | 07            | Huyện Tân Uyên  | 034       | Trung tâm GDTX huyện Tân Uyên                              | IT Tân Uyên - huyện Tân Uyên - tỉnh Lai Châu       | Khu vực 1 | Không       |
| 1007 | 07         | Lai Châu    | 07            | Huyện Tân Uyên  | 041       | Trung tâm GD nghề nghiệp - GD thường xuyên huyện Tân Uyên  | IT Tân Uyên - Tân Uyên - tỉnh Lai Châu             | Khu vực 1 | Không       |
| 1008 | 07         | Lai Châu    | 08            | Huyện Nậm Nhùn  | 016       | THPT Nậm Nhùn                                              | Thị trấn Nậm Nhùn - huyện Nậm Nhùn - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                         | Địa Chỉ                                      | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1009 | 07         | Lai Châu    | 08            | Huyện Nậm Nhùn         | 024       | DTNT THPT huyện Nậm Nhùn           | TT Nậm Nhùn - huyện Nậm Nhùn - tỉnh Lai Châu | Khu vực 1 | Có          |
| 1010 | 07         | Lai Châu    | 08            | Huyện Nậm Nhùn         | 046       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nậm Nhùn | TT Nậm Nhùn huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu    | Khu vực 1 | Không       |
| 1011 | 08         | Lào Cai     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 08                | Sở Lào Cai                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1012 | 08         | Lào Cai     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 08      | Sở Lào Cai                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1013 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 001       | THPT số 1 huyện Bảo Thắng          | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1014 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 002       | THPT số 2 huyện Bảo Thắng          | Xã Xuân Giao - huyện Bảo Thắng               | Khu vực 1 | Không       |
| 1015 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 003       | THPT số 3 huyện Bảo Thắng          | Thị trấn Phong Hải - huyện Bảo Thắng         | Khu vực 1 | Không       |
| 1016 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 033       | TT DN&GDTX huyện Bảo Thắng         | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1017 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 043       | TT GDTX huyện Bảo Thắng            | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1018 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 055       | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng   | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Có          |
| 1019 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 062       | TT GDNN-GDTX huyện Bảo Thắng       | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1020 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 079       | THPT số 1 huyện Bảo Thắng          | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1021 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 080       | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Thắng   | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Có          |
| 1022 | 08         | Lào Cai     | 01            | Huyện Bảo Thắng        | 082       | TT GDNN-GDTX huyện Bảo Thắng       | Thị trấn Phố Lu - huyện Bảo Thắng            | Khu vực 1 | Không       |
| 1023 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 004       | THPT số 1 huyện Bảo Yên            | Thị trấn Phố Ràng - huyện Bảo Yên            | Khu vực 1 | Không       |
| 1024 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 005       | THPT số 2 huyện Bảo Yên            | Xã Bảo Hà - huyện Bảo Yên                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1025 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 006       | THPT số 3 huyện Bảo Yên            | Xã Nghĩa Đô - huyện Bảo Yên                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1026 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 034       | TT DN&GDTX huyện Bảo Yên           | Thị trấn Phố Ràng - huyện Bảo Yên            | Khu vực 1 | Không       |
| 1027 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 044       | TT GDTX huyện Bảo Yên              | Thị trấn Phố Ràng - huyện Bảo Yên            | Khu vực 1 | Không       |
| 1028 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 056       | PTDTNT THCS&THPT huyện Bảo Yên     | Thị trấn Phố Ràng - huyện Bảo Yên            | Khu vực 1 | Có          |
| 1029 | 08         | Lào Cai     | 02            | Huyện Bảo Yên          | 063       | TT GDNN-GDTX huyện Bảo Yên         | Thị trấn Phố Ràng - huyện Bảo Yên            | Khu vực 1 | Không       |
| 1030 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 007       | THPT số 1 huyện Bát Xát            | Thị trấn Bát Xát - huyện Bát Xát             | Khu vực 1 | Không       |
| 1031 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 008       | THPT số 2 huyện Bát Xát            | Xã Bàn Vược - huyện Bát Xát                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1032 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 009       | THCS và THPT huyện Bát Xát         | Xã Mường Hum - huyện Bát Xát                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1033 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 035       | TT DN&GDTX huyện Bát Xát           | Thị trấn Bát Xát - huyện Bát Xát             | Khu vực 1 | Không       |
| 1034 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 045       | TT GDTX huyện Bát Xát              | Thị trấn Bát Xát - huyện Bát Xát             | Khu vực 1 | Không       |
| 1035 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 057       | PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát     | Thị trấn Bát Xát - huyện Bát Xát             | Khu vực 1 | Có          |
| 1036 | 08         | Lào Cai     | 03            | Huyện Bát Xát          | 064       | TT GDNN-GDTX huyện Bát Xát         | Thị trấn Bát Xát - huyện Bát Xát             | Khu vực 1 | Không       |
| 1037 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 010       | THPT số 1 huyện Bắc Hà             | Thị trấn Bắc Hà - huyện Bắc Hà               | Khu vực 1 | Không       |
| 1038 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 011       | THPT số 2 huyện Bắc Hà             | Xã Bảo Nhai - huyện Bắc Hà                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1039 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 012       | PTDTNT THCS&THPT huyện Bắc Hà      | Thị trấn Bắc Hà - huyện Bắc Hà               | Khu vực 1 | Có          |
| 1040 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 036       | TT DN&GDTX huyện Bắc Hà            | Xã Na Hối - huyện Bắc Hà                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1041 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 046       | TT GDTX huyện Bắc Hà               | Xã Na Hối - huyện Bắc Hà                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1042 | 08         | Lào Cai     | 04            | Huyện Bắc Hà           | 065       | TT GDNN-GDTX huyện Bắc Hà          | Xã Na Hối - huyện Bắc Hà                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1043 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai      | 013       | THPT số 1 Tp Lào Cai               | Phường Cốc Lều - Tp. Lào Cai                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1044 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai      | 014       | THPT số 2 Tp Lào Cai               | Phường Bình Minh - Tp. Lào Cai               | Khu vực 1 | Không       |
| 1045 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai      | 015       | THPT số 3 Tp Lào Cai               | Phường Duyên Hải - Tp. Lào Cai               | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                 | Mã Trường | Tên Trường                                      | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1046 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 016       | THPT số 4 Tp Lào Cai                            | Xã Cam Đường - Tp. Lào Cai                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1047 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 017       | THPT DTNT tỉnh                                  | Phường Kim Tân -Tp. Lào Cai                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1048 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 018       | THPT Chuyên tỉnh Lào Cai                        | Phường Bắc Cường - TP. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1049 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 037       | TT DN&GDTX TP Lào Cai                           | Phường Nam Cường - TP. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1050 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 038       | TT KTTH-HNDN&GDTX tỉnh                          | Phường Kim Tân - Tp. Lào Cai                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1051 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 047       | TT GDTX số 1 TP Lào Cai                         | Phường Duyên Hải - Tp. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1052 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 048       | TT GDTX số 2 TP Lào Cai                         | Phường Thống Nhất - Tp. Lào Cai                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1053 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 053       | CĐ nghề tỉnh Lào Cai                            | Phường Bắc Cường - Tp. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1054 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 054       | Trung cấp Y tế Lào Cai                          | Phường Bắc Cường - Tp. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1055 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 059       | CĐ Cộng đồng Lào Cai                            | Phường Nam Cường - TP. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1056 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 060       | Cao Đẳng Sư Phạm Lào Cai                        | Phường Bình Minh - Tp. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1057 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 061       | Trường TC Văn hóa Nghệ thuật và Du lịch Lào Cai | Phường Cốc Lếu - TP. Lào Cai                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1058 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 066       | TT GDNN-GDTX thành phố Lào Cai                  | Phường Nam Cường - TP. Lào Cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1059 | 08         | Lào Cai     | 05            | Thành phố Lào Cai              | 071       | Cao đẳng Lào Cai                                | Đường M9, Phường Bắc Cường, Thành Phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai | Khu vực 1 | Không       |
| 1060 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 019       | THPT số 1 huyện Mường Khương                    | Thị trấn Mường Khương - huyện Mường Khương                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1061 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 020       | THPT số 2 huyện Mường Khương                    | Xã Bản Lầu - huyện Mường Khương                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1062 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 021       | THPT số 3 huyện Mường Khương                    | Xã Cao Sơn - huyện Mường Khương                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1063 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 022       | PTDTNT THCS&THPT huyện Mường Khương             | Thị trấn Mường Khương - huyện Mường Khương                  | Khu vực 1 | Có          |
| 1064 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 039       | TT DN&GDTX huyện Mường Khương                   | Thị trấn Mường Khương - huyện Mường Khương                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1065 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 049       | TT GDTX huyện Mường Khương                      | Thị trấn Mường Khương - huyện Mường Khương                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1066 | 08         | Lào Cai     | 06            | Huyện Mường Khương             | 067       | TT GDNN-GDTX huyện Mường Khương                 | Thị trấn Mường Khương - huyện Mường Khương                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1067 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 023       | THPT số 1 huyện Sa Pa                           | Thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa (Trước ngày 01/01/2020)        | Khu vực 1 | Không       |
| 1068 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 024       | THPT số 2 huyện Sa Pa                           | Xã Bản Hồ - huyện Sa Pa                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1069 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 025       | PTDTNT THCS&THPT huyện Sa Pa                    | Thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa (Trước ngày 01/01/2020)        | Khu vực 1 | Có          |
| 1070 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 040       | TT DN&GDTX huyện Sa Pa                          | Thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1071 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 050       | TT GDTX huyện Sa Pa                             | Thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1072 | 08         | Lào Cai     | 07            | Huyện Sa Pa (Trước 01/01/2020) | 068       | TT GDNN-GDTX huyện Sa Pa                        | Thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1073 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai                | 026       | THPT số 1 huyện Si Ma Cai                       | Xã Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai (Trước ngày 01/03/2020)      | Khu vực 1 | Không       |
| 1074 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai                | 027       | THPT số 2 huyện Si ma cai                       | Xã Sín Chéng - huyện Si ma cai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1075 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai                | 028       | PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai                | Xã Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai (Trước ngày 01/3/2020)       | Khu vực 1 | Có          |
| 1076 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai                | 041       | TT DN&GDTX huyện Si Ma Cai                      | Xã Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai (Trước ngày 01/3/2020)       | Khu vực 1 | Không       |
| 1077 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai                | 051       | TT GDTX huyện Si Ma Cai                         | Xã Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai (Trước ngày 01/3/2020)       | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện               | Mã Trường | Tên Trường                                             | Địa Chỉ                                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1078 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai              | 069       | TT GDNN-GDTX huyện Si Ma Cai                           | Xã Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai (Trước ngày 01/3/2020) | Khu vực 1 | Không       |
| 1079 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai              | 073       | THPT số 1 huyện Si Ma Cai                              | Thị trấn Si Ma Cai - Huyện Si Ma Cai                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1080 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai              | 074       | PTDTNT THCS&THPT huyện Si Ma Cai                       | Thị trấn Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai                  | Khu vực 1 | Có          |
| 1081 | 08         | Lào Cai     | 08            | Huyện Si Ma Cai              | 075       | TT GDNN-GDTX huyện Si Ma Cai                           | Thị trấn Si Ma Cai - huyện Si Ma Cai                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1082 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 029       | THPT số 1 huyện Văn Bàn                                | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1083 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 030       | THPT số 2 huyện Văn Bàn                                | Xã Võ Lao - huyện Văn Bàn                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1084 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 031       | THPT số 3 huyện Văn Bàn                                | Xã Dương Quỳ - huyện Văn Bàn                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1085 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 032       | THPT số 4 huyện Văn Bàn                                | Khánh Yên Hạ - huyện Văn Bàn                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1086 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 042       | TT DN&GDTX huyện Văn Bàn                               | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1087 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 052       | TT GDTX huyện Văn Bàn                                  | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1088 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 058       | PTDTNT THCS&THPT huyện Văn Bàn                         | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn                    | Khu vực 1 | Có          |
| 1089 | 08         | Lào Cai     | 09            | Huyện Văn Bàn                | 070       | TT GDNN-GDTX huyện Văn Bàn                             | Thị trấn Khánh Yên - huyện Văn Bàn                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1090 | 08         | Lào Cai     | 10            | Thị xã Sa Pa (Từ 01/01/2020) | 072       | THPT số 1 Thị xã Sa Pa                                 | Phường Phan Si Păng (Từ 01/01/2020)                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1091 | 08         | Lào Cai     | 10            | Thị xã Sa Pa (Từ 01/01/2020) | 076       | THPT số 2 thị xã Sa Pa                                 | Xã Bản Hồ - Thị Xã Sa Pa                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1092 | 08         | Lào Cai     | 10            | Thị xã Sa Pa (Từ 01/01/2020) | 077       | PTDTNT THCS&THPT thị xã Sa Pa                          | Phường Phan Si Păng - Thị xã Sa Pa                    | Khu vực 1 | Có          |
| 1093 | 08         | Lào Cai     | 10            | Thị xã Sa Pa (Từ 01/01/2020) | 078       | TT GDNN-GDTX thị xã Sa Pa                              | Phường Sa Pả - thị xã Sa Pa                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1094 | 09         | Tuyên Quang | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo       | 800       | Học ở nước ngoài 09                                    |                                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 1095 | 09         | Tuyên Quang | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo       | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 09                          |                                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 1096 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 008       | Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT tỉnh Tuyên Quang | Ph. Nông Tiến, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang       | Khu vực 1 | Có          |
| 1097 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 009       | THPT Chuyên tỉnh                                       | Ph. Minh Xuân, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang       | Khu vực 1 | Không       |
| 1098 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 010       | THPT Tân Trào                                          | Ph. Tân Quang, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang       | Khu vực 1 | Không       |
| 1099 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 011       | THPT Ý La                                              | Ph.Tân Hà, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang           | Khu vực 1 | Không       |
| 1100 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 012       | THPT Nguyễn Văn Huyền                                  | Phường An Tường, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang     | Khu vực 1 | Không       |
| 1101 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 013       | THPT Sông Lô                                           | xã Đội Cấn, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang          | Khu vực 1 | Không       |
| 1102 | 09         | Tuyên Quang | 01            | Thành phố Tuyên Quang        | 014       | Trung tâm GDTX-HN tỉnh                                 | Ph. Tân Quang, TP.Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang       | Khu vực 1 | Không       |
| 1103 | 09         | Tuyên Quang | 02            | Huyện Lâm Bình               | 015       | THPT Thượng Lâm                                        | Xã Thượng Lâm, H. Lâm Bình, Tuyên Quang               | Khu vực 1 | Không       |
| 1104 | 09         | Tuyên Quang | 02            | Huyện Lâm Bình               | 037       | THPT Lâm Bình                                          | Xã Lăng Can, H.Lâm Bình, Tuyên Quang                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1105 | 09         | Tuyên Quang | 03            | Huyện Na Hang                | 016       | THPT Na Hang                                           | IT Na Hang, H. Na Hang, Tuyên Quang                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1106 | 09         | Tuyên Quang | 03            | Huyện Na Hang                | 017       | THPT Yên Hoa                                           | Xã Yên Hoa, Na Hang, Tuyên Quang                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1107 | 09         | Tuyên Quang | 03            | Huyện Na Hang                | 041       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Na Hang                      | Tổ 15, thị trấn Na Hang                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1108 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa              | 018       | THPT Chiêm Hóa                                         | TT. Vĩnh Lộc, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang               | Khu vực 1 | Không       |
| 1109 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa              | 019       | THPT Kim Bình                                          | Xã Kim Bình, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang                | Khu vực 1 | Không       |
| 1110 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa              | 020       | THPT Minh Quang                                        | Xã Minh Quang, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang              | Khu vực 1 | Không       |
| 1111 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa              | 021       | THPT Hà Lang                                           | Xã Hà Lang, H.Chiêm Hóa, Tuyên Quang                  | Khu vực 1 | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                        | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1112 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa        | 022       | THPT Đầm Hồng                           | Xã Ngọc Hội, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1113 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa        | 023       | THPT Hòa Phú                            | Xã Hòa Phú, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1114 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa        | 039       | Trung tâm dạy nghề huyện Chiêm Hóa      | Xã Xuân Quang, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1115 | 09         | Tuyên Quang | 04            | Huyện Chiêm Hóa        | 040       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Chiêm Hóa     | Xã Xuân Quang, H. Chiêm Hóa, Tuyên Quang                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1116 | 09         | Tuyên Quang | 05            | Huyện Hàm Yên          | 024       | THPT Hàm Yên                            | IT. Tân Yên, H. Hàm Yên, Tuyên Quang                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1117 | 09         | Tuyên Quang | 05            | Huyện Hàm Yên          | 025       | THPT Phù Lưu                            | Xã Phù Lưu, Hàm Yên, Tuyên Quang                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1118 | 09         | Tuyên Quang | 05            | Huyện Hàm Yên          | 026       | THPT Thái Hòa                           | Xã Thái Hòa, Hàm Yên, Tuyên Quang                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1119 | 09         | Tuyên Quang | 05            | Huyện Hàm Yên          | 042       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hàm Yên       | Xã Tân Thành                                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1120 | 09         | Tuyên Quang | 06            | Huyện Yên Sơn          | 027       | THPT Xuân Huy                           | Xã Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1121 | 09         | Tuyên Quang | 06            | Huyện Yên Sơn          | 028       | THPT Trung Sơn                          | Xã Trung Sơn, Yên Sơn, Tuyên Quang                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1122 | 09         | Tuyên Quang | 06            | Huyện Yên Sơn          | 029       | THPT Xuân Vân                           | Xã Xuân Vân, Yên Sơn, Tuyên Quang                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1123 | 09         | Tuyên Quang | 06            | Huyện Yên Sơn          | 030       | THPT Tháng 10                           | Xã Mỹ Bằng, Yên Sơn, Tuyên Quang                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1124 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 031       | THPT Sơn Dương                          | IT. Sơn Dương, H. Sơn Dương, Tuyên Quang                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1125 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 032       | THPT Kim Xuyên                          | Xã Hồng Lạc, Sơn Dương, Tuyên Quang                            | Khu vực 1 | Không       |
| 1126 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 033       | THPT ATK Tân Trào                       | Xã Minh Thanh, Sơn Dương, Tuyên Quang                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1127 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 034       | THPT Đông Thọ                           | Xã Đông Thọ, Sơn Dương, Tuyên Quang                            | Khu vực 1 | Không       |
| 1128 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 035       | THPT Kháng Nhật                         | Xã Kháng Nhật, Sơn Dương, Tuyên Quang                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1129 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 036       | THPT Sơn Nam                            | Xã Sơn Nam, Sơn Dương, Tuyên Quang                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1130 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 038       | Phổ thông Dân tộc nội trú ATK Sơn Dương | Xã Minh Thanh, H. Sơn Dương, Tuyên Quang                       | Khu vực 1 | Có          |
| 1131 | 09         | Tuyên Quang | 07            | Huyện Sơn Dương        | 043       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Dương     | Tổ Dân phố An Kỳ                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1132 | 10         | Lạng Sơn    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 10                     |                                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 1133 | 10         | Lạng Sơn    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 10           |                                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 1134 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 001       | THPT Việt Bắc                           | Số 72, đường Phai Vệ, P. Đông Kinh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn | Khu vực 1 | Không       |
| 1135 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 002       | THPT Chuyên Chu Văn An                  | P. Đông Kinh- TP Lạng Sơn                                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1136 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 003       | THPT DT Nội trú tỉnh                    | Xã Mai Pha, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                         | Khu vực 1 | Có          |
| 1137 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 004       | Cao đẳng nghề Lạng Sơn                  | Xã Hoàng Đồng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1138 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 005       | TT GDTX 1 tỉnh                          | Đường Ba Sơn, P. Tam Thanh, TP Lạng Sơn.                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1139 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 006       | THPT DL Ngô Thi Sỹ                      | Ph. Vĩnh Trại, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1140 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 040       | THPT Hoàng Văn Thụ                      | Số 55- Đường Tổ Sơn- P. Chi Lăng- TP Lạng Sơn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1141 | 10         | Lạng Sơn    | 01            | Thành phố Lạng Sơn     | 051       | TC Văn hóa Nghệ thuật Lạng Sơn          | phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1142 | 10         | Lạng Sơn    | 02            | Huyện Tràng Định       | 007       | THPT Tràng Định                         | ITr Thất Khê, H. Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1143 | 10         | Lạng Sơn    | 02            | Huyện Tràng Định       | 008       | TT GDNN-GDTX Tràng Định                 | Số 197, đường Hoàng Văn thụ, Thất Khê, Tràng Định              | Khu vực 1 | Không       |
| 1144 | 10         | Lạng Sơn    | 02            | Huyện Tràng Định       | 009       | THPT Bình Độ                            | Thôn Nà Nạ, Xã Quốc Việt, H. Tràng Định                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1145 | 10         | Lạng Sơn    | 02            | Huyện Tràng Định       | 041       | TT GDTX Tràng Định                      | Số 197, đường Hoàng Văn thụ, Thất Khê, Tràng Định              | Khu vực 1 | Không       |
| 1146 | 10         | Lạng Sơn    | 03            | Huyện Bình Gia         | 010       | THPT Bình Gia                           | Thôn Pá Nim, TTr. Bình Gia, H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn         | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường            | Địa Chỉ                                                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1147 | 10         | Lạng Sơn    | 03            | Huyện Bình Gia | 011       | TT GDNN-GDTX Bình Gia | Thôn Pá Nim, TTr. Bình Gia, H. Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn               | Khu vực 1 | Không       |
| 1148 | 10         | Lạng Sơn    | 03            | Huyện Bình Gia | 012       | THPT Pác Khuông       | Thôn Pác Khuông, xã Thiện Thuật, H. Bình Gia, LS                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1149 | 10         | Lạng Sơn    | 03            | Huyện Bình Gia | 042       | TT GDTX Bình Gia      | Thôn Pá Nim, xã Tô Hiệu, H. Bình Gia, Lạng Sơn                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1150 | 10         | Lạng Sơn    | 03            | Huyện Bình Gia | 054       | TT GDNN-GDTX Bình Gia | Nà Pải, xã Tân Văn, Bình Gia, Lạng Sơn                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1151 | 10         | Lạng Sơn    | 04            | Huyện Văn Lãng | 013       | THPT Văn Lãng         | TTr. Na Sầm, H. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1152 | 10         | Lạng Sơn    | 04            | Huyện Văn Lãng | 014       | TT GDNN-GDTX Văn Lãng | TTr. Na Sầm, H. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1153 | 10         | Lạng Sơn    | 04            | Huyện Văn Lãng | 043       | TT GDTX Văn Lãng      | Tân Hội - Tân Lang - Văn Lãng - Lạng Sơn                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1154 | 10         | Lạng Sơn    | 05            | Huyện Bắc Sơn  | 015       | THPT Bắc Sơn          | TTr. Bắc Sơn, H. Bắc Sơn, Lạng Sơn                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1155 | 10         | Lạng Sơn    | 05            | Huyện Bắc Sơn  | 016       | THPT Vũ Lễ            | Xã Vũ Lễ, H. Bắc Sơn, Tỉnh Lạng Sơn                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1156 | 10         | Lạng Sơn    | 05            | Huyện Bắc Sơn  | 017       | TT GDNN-GDTX Bắc Sơn  | Khu Hoàng Văn Thụ, TT Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1157 | 10         | Lạng Sơn    | 05            | Huyện Bắc Sơn  | 044       | TT GDTX Bắc Sơn       | Khu Hoàng Văn Thụ, TT Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1158 | 10         | Lạng Sơn    | 06            | Huyện Văn Quan | 018       | THPT Lương Văn Tri    | TTr. Văn Quan, H. Văn Quan, Lạng Sơn                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1159 | 10         | Lạng Sơn    | 06            | Huyện Văn Quan | 019       | THPT Văn Quan         | Phố Diềm He 2, xã Diềm He, H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn                | Khu vực 1 | Không       |
| 1160 | 10         | Lạng Sơn    | 06            | Huyện Văn Quan | 020       | TT GDNN-GDTX Văn Quan | Phố Thanh Xuân, TTr. Văn Quan, H. Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn            | Khu vực 1 | Không       |
| 1161 | 10         | Lạng Sơn    | 06            | Huyện Văn Quan | 045       | TT GDTX Văn Quan      | Phố Tân Xuân-TTr. Văn Quan-H. Văn Quan                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1162 | 10         | Lạng Sơn    | 07            | Huyện Cao Lộc  | 021       | THPT Đồng Đăng        | Khu Hoàng V.Thụ, T.trần Đồng Đăng, H. Cao Lộc                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1163 | 10         | Lạng Sơn    | 07            | Huyện Cao Lộc  | 022       | THPT Cao Lộc          | Khối 3, TTr. Cao Lộc, H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1164 | 10         | Lạng Sơn    | 07            | Huyện Cao Lộc  | 023       | TT GDNN-GDTX Cao Lộc  | Số 23, đường Mỹ Sơn, khối 6, TTr. Cao Lộc, H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn | Khu vực 1 | Không       |
| 1165 | 10         | Lạng Sơn    | 07            | Huyện Cao Lộc  | 039       | THPT Ba Sơn           | Xã Cao Lâu, H. Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1166 | 10         | Lạng Sơn    | 07            | Huyện Cao Lộc  | 046       | TT GDTX Cao Lộc       | Số 79 đường Mỹ Sơn, khối 6 TTr. Cao Lộc, Cao Lộc                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1167 | 10         | Lạng Sơn    | 08            | Huyện Lộc Bình | 024       | THPT Lộc Bình         | TTr. Lộc Bình, H. Lộc Bình, Lạng Sơn                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1168 | 10         | Lạng Sơn    | 08            | Huyện Lộc Bình | 025       | THPT Na Dương         | Khu 7+9, TTr. Na Dương, H. Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1169 | 10         | Lạng Sơn    | 08            | Huyện Lộc Bình | 026       | TT GDNN-GDTX Lộc Bình | Khu Phiêng Quân-TT Lộc Bình-H Lộc Bình                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1170 | 10         | Lạng Sơn    | 08            | Huyện Lộc Bình | 035       | THPT Tú Đoạn          | Thôn Rình Chùa, xã Tú Đoạn, H. Lộc Bình                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1171 | 10         | Lạng Sơn    | 08            | Huyện Lộc Bình | 047       | TT GDTX Lộc Bình      | Khu Phiêng Quân-TT Lộc Bình-H Lộc Bình                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1172 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 027       | THPT Chi Lăng         | Khu Hòa Bình, TTr. Đồng Mô, Chi Lăng                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1173 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 028       | THPT Hòa Bình         | Thôn Pa Ràng- Xã Hòa Bình-H.Chi Lăng, Lạng Sơn.                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1174 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 029       | TT GDNN-GDTX Chi Lăng | Than Muội, TTr. Đồng Mô, H.Chi Lăng, Lạng Sơn.                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1175 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 036       | THPT Đồng Bành        | TTr Chi Lăng, H. Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn                             | Khu vực 1 | Không       |
| 1176 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 048       | TT GDTX Chi Lăng      | TTr. Đồng Mô, H.Chi Lăng, Lạng Sơn.                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1177 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 052       | TT GDNN-GDTX Chi Lăng | TTr. Đồng Mô, H.Chi Lăng, T.Lạng Sơn                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1178 | 10         | Lạng Sơn    | 09            | Huyện Chi Lăng | 053       | TT GDNN-GDTX Chi Lăng | Than Muội, xã Quang Lang, Chi Lăng, Lạng Sơn                         | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                      | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1179 | 10         | Lạng Sơn    | 10            | Huyện Đình Lập         | 030       | THPT Đình Lập                          | TTr. Đình Lập, H. Đình Lập, Lạng Sơn                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1180 | 10         | Lạng Sơn    | 10            | Huyện Đình Lập         | 031       | TT GDNN-GDTX Đình Lập                  | Khu 8, TTr. Đình Lập, H. Đình Lập, Lạng Sơn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1181 | 10         | Lạng Sơn    | 10            | Huyện Đình Lập         | 049       | TT GDTX Đình Lập                       | Khu 8, TTr. Đình Lập, H. Đình Lập, Lạng Sơn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1182 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 032       | THPT Hữu Lũng                          | Số 123 Đ.Xương Giang, TTr Hữu Lũng, H. Hữu Lũng              | Khu vực 1 | Không       |
| 1183 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 033       | THPT Vân Nham                          | Xã Vân Nham, H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1184 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 034       | TT GDTX 2 tỉnh                         | Khu Tân Hòa, TTr. Hữu Lũng, H. Hữu Lũng                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1185 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 037       | CĐ Nghề Công nghệ và Nông Lâm Đông Bắc | Xã Minh Sơn, H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1186 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 038       | THPT Tân Thành                         | Xã Tân Thành, H. Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1187 | 10         | Lạng Sơn    | 11            | Huyện Hữu Lũng         | 050       | CĐ Công nghệ và Nông lâm Đông Bắc      | xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1188 | 11         | Bắc Kạn     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 11                    |                                                              | Khu vực 3 | Không       |
| 1189 | 11         | Bắc Kạn     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 11          |                                                              | Khu vực 3 | Không       |
| 1190 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 009       | THPT Bắc Kạn                           | Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1191 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 014       | Trường PT DTNT tỉnh Bắc Kạn            | Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Có          |
| 1192 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 019       | THPT Chuyên                            | Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1193 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 021       | TT GDTX tỉnh (Trước 2018)              | Phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn | Khu vực 1 | Không       |
| 1194 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 022       | THPT Dân lập Hùng Vương                | Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn       | Khu vực 1 | Không       |
| 1195 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 025       | TT Kỹ thuật TH-HN Bắc Kạn (Trước 2018) | Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1196 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 027       | TC nghề Bắc Kạn                        | Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn       | Khu vực 1 | Không       |
| 1197 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 034       | CĐ Nghề Dân tộc Nội trú Bắc Kạn        | Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn       | Khu vực 1 | Không       |
| 1198 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 042       | TT GDTX-GDHN Bắc Kạn (Từ 2018)         | Phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn        | Khu vực 1 | Không       |
| 1199 | 11         | Bắc Kạn     | 01            | Thành phố Bắc Kạn      | 048       | Cao đẳng Bắc Kạn                       | Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn       | Khu vực 1 | Không       |
| 1200 | 11         | Bắc Kạn     | 02            | Huyện Chợ Đồn          | 010       | THPT Chợ Đồn                           | Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn              | Khu vực 1 | Không       |
| 1201 | 11         | Bắc Kạn     | 02            | Huyện Chợ Đồn          | 024       | THPT Bình Trung                        | Xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1202 | 11         | Bắc Kạn     | 02            | Huyện Chợ Đồn          | 030       | TT GDTX-DN H. Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn    | Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn              | Khu vực 1 | Không       |
| 1203 | 11         | Bắc Kạn     | 02            | Huyện Chợ Đồn          | 035       | TT GDNN-GDTX H. Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn  | Thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn              | Khu vực 1 | Không       |
| 1204 | 11         | Bắc Kạn     | 03            | Huyện Bạch Thông       | 017       | THPT Phú Thông                         | Thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn           | Khu vực 1 | Không       |
| 1205 | 11         | Bắc Kạn     | 03            | Huyện Bạch Thông       | 033       | TT GDTX H. Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn    | Thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn           | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                            | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1206 | 11         | Bắc Kạn     | 03            | Huyện Bạch Thông       | 036       | TT GDNN-GDTX H. Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | Khu vực 1 | Không       |
| 1207 | 11         | Bắc Kạn     | 03            | Huyện Bạch Thông       | 046       | THPT Phủ Thông                           | Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | Khu vực 1 | Không       |
| 1208 | 11         | Bắc Kạn     | 03            | Huyện Bạch Thông       | 047       | TT GDNN-GDTX H. Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | Thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn | Khu vực 1 | Không       |
| 1209 | 11         | Bắc Kạn     | 04            | Huyện Na Rì            | 012       | THPT Na Rì                               | Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn        | Khu vực 1 | Không       |
| 1210 | 11         | Bắc Kạn     | 04            | Huyện Na Rì            | 031       | TT GDTX H. Na Rì, tỉnh Bắc Kạn           | Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn        | Khu vực 1 | Không       |
| 1211 | 11         | Bắc Kạn     | 04            | Huyện Na Rì            | 037       | TT GDNN-GDTX H. Na Rì, tỉnh Bắc Kạn      | Thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn        | Khu vực 1 | Không       |
| 1212 | 11         | Bắc Kạn     | 05            | Huyện Ngân Sơn         | 013       | THPT Ngân Sơn                            | Xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1213 | 11         | Bắc Kạn     | 05            | Huyện Ngân Sơn         | 015       | THCS&THPT Nà Phặc                        | Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn     | Khu vực 1 | Không       |
| 1214 | 11         | Bắc Kạn     | 05            | Huyện Ngân Sơn         | 028       | TT GDTX H. Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn        | Xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1215 | 11         | Bắc Kạn     | 05            | Huyện Ngân Sơn         | 038       | TT GDNN-GDTX H. Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn   | Xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1216 | 11         | Bắc Kạn     | 06            | Huyện Ba Bể            | 018       | THPT Ba Bể                               | Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn         | Khu vực 1 | Không       |
| 1217 | 11         | Bắc Kạn     | 06            | Huyện Ba Bể            | 023       | THPT Quảng Khê                           | Xã Quảng Khê, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn            | Khu vực 1 | Không       |
| 1218 | 11         | Bắc Kạn     | 06            | Huyện Ba Bể            | 026       | TT GDTX H. Ba Bể tỉnh Bắc Kạn            | Xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1219 | 11         | Bắc Kạn     | 06            | Huyện Ba Bể            | 039       | TT GDNN-GDTX H. Ba Bể tỉnh Bắc Kạn       | Xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1220 | 11         | Bắc Kạn     | 06            | Huyện Ba Bể            | 043       | TT GDNN-GDTX H. Ba Bể tỉnh Bắc Kạn       | Xã Thượng Giáo (từ 28/4/2017)                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1221 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 011       | THPT Chợ Mới                             | Xã Yên Đình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn           | Khu vực 1 | Không       |
| 1222 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 020       | THPT Yên Hân                             | Xã Yên Hân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn            | Khu vực 1 | Không       |
| 1223 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 032       | TT GDTX H. Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn         | Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn      | Khu vực 1 | Không       |
| 1224 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 040       | TT GDNN-GDTX H. Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn    | Thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn      | Khu vực 1 | Không       |
| 1225 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 044       | TT GDNN-GDTX H. Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn    | Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn     | Khu vực 1 | Không       |
| 1226 | 11         | Bắc Kạn     | 07            | Huyện Chợ Mới          | 045       | THPT Chợ Mới                             | Thị trấn Đồng Tâm, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn     | Khu vực 1 | Không       |
| 1227 | 11         | Bắc Kạn     | 08            | Huyện Pác Nặm          | 016       | THPT Bộc Bó                              | Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1228 | 11         | Bắc Kạn     | 08            | Huyện Pác Nặm          | 029       | TT GDTX H. Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn         | Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1229 | 11         | Bắc Kạn     | 08            | Huyện Pác Nặm          | 041       | TT GDNN-GDTX H. Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn    | Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn             | Khu vực 1 | Không       |
| 1230 | 12         | Thái Nguyên | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 12                      | Thái Nguyên                                        | Khu vực 3 | Không       |
| 1231 | 12         | Thái Nguyên | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 12            | Thái Nguyên                                        | Khu vực 3 | Không       |
| 1232 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên  | 001       | TTGDTX TP. Thái Nguyên                   | P. Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1233 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên  | 010       | THPT Chuyên Thái Nguyên                  | P. Quang Trung, Tp Thái Nguyên                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1234 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên  | 011       | THPT Lương Ngọc Quyến                    | P. Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1235 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên  | 012       | THPT Ngô Quyền                           | P. Thịnh Đán, Tp Thái Nguyên                       | Khu vực 2 | Không       |
| 1236 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên  | 013       | THPT Gang Thép                           | P. Trung Thành, Tp Thái Nguyên                     | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện        | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                                           | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------------|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1237 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 014       | THPT Chu Văn An                               | P. Hương Sơn, Tp Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1238 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 015       | THPT Dương Tự Minh                            | P. Quang Vinh, Tp Thái Nguyên                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1239 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 017       | PT Dân tộc nội trú Thái Nguyên                | P. Tân Lập, Tp Thái Nguyên                                        | Khu vực 2 | Có          |
| 1240 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 018       | THPT Thái Nguyên                              | P. Quang Trung, Tp Thái Nguyên                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1241 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 019       | THPT Lê Quý Đôn                               | P. Gia Sàng, Tp Thái Nguyên                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 1242 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 031       | Thiếu Sinh Quân QK1                           | P. Tân Thịnh, Tp Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1243 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 033       | Phổ thông Vùng Cao Việt Bắc                   | Xã Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên                                    | Khu vực 2 | Có          |
| 1244 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 038       | CĐ SP Thái Nguyên                             | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1245 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 039       | CĐ Kinh tế Tài chính Thái Nguyên              | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1246 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 041       | CĐ Giao thông Vận tải miền núi                | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1247 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 042       | CĐ Y tế Thái Nguyên                           | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1248 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 043       | CĐ Văn hoá Nghệ thuật Việt Bắc                | P. Đồng Quang, TP. Thái Nguyên                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1249 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 044       | CĐ Thương mại và Du lịch                      | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1250 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 045       | Trường PTDT Nội trú Vùng cao Việt Bắc         | Xã Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1251 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 050       | TH Bưu chính Viễn thông và CNTT Miền Núi      | P. Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 1252 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 051       | CĐ Kinh tế kỹ thuật - ĐH TN                   | P. Thịnh Đán, TP Thái Nguyên                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1253 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 052       | CĐ Nghề Cơ điện LK                            | P. Tích Lương, TP Thái Nguyên                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1254 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 056       | TC nghề Thái Nguyên                           | Ph. Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên                            | Khu vực 2 | Không       |
| 1255 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 059       | TT GDTX tỉnh                                  | Ph. Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 1256 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 060       | THPT Đào Duy Từ                               | Ph. Hoàng Văn Thụ TP Thái Nguyên                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 1257 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 062       | CĐ nghề số 1- Bộ Quốc phòng                   | P.Tân Thịnh, TP Thái Nguyên                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 1258 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 064       | Trung cấp Y tế Thái Nguyên                    | Số 2A Chu Văn An - P.Hoàng Văn Thụ - TP. Thái Nguyên              | Khu vực 2 | Không       |
| 1259 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 065       | Trung cấp Thái Nguyên                         | Số 3/158, đường Phan Đình Phùng, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên | Khu vực 2 | Không       |
| 1260 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 066       | Trung cấp Y khoa Pasteur                      | Số 5, Tân Quang, Gia Sàng, TP Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên       | Khu vực 2 | Không       |
| 1261 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 081       | TT GDNN-GDTX TP. Thái Nguyên                  | P. Túc Duyên, TPTN                                                | Khu vực 2 | Không       |
| 1262 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 084       | Trường trung học Giao thông Vận tải khu vực 1 | Thái Nguyên                                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 1263 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 085       | THPT Khánh Hoà                                | Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1264 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 086       | CĐ Công nghiệp Thái Nguyên                    | Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 1265 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 087       | CĐ Nghề than khoáng sản Việt Nam              | Xã Sơn Cẩm, TP Thái Nguyên                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 1266 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 088       | THPT Đồng Hỷ                                  | Phường Chùa Hang, TP Thái Nguyên                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1267 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 089       | TTGDNN-GDTX huyện Đồng Hỷ                     | Thị Trấn Chùa Hang, TP. Thái Nguyên                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1268 | 12         | Thái Nguyên | 01            | Thành phố Thái Nguyên | 092       | Trung cấp Luật Thái Nguyên                    | Xã Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1269 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 002       | TTGDTX Thành phố Sông Công                    | Thành phố Sông Công                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1270 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 020       | THPT Sông Công                                | Thành phố Sông Công                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1271 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 032       | THPT Lương Thế Vinh                           | Phường Cải Đan, TP. Sông Công                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1272 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 040       | CĐ Cơ khí luyện kim                           | Phường Lương Sơn, TP. Sông Công                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1273 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 047       | CĐ Công nghiệp Việt Đức                       | P. Thắng Lợi, Thành phố Sông Công                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 1274 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công   | 048       | Văn hoá I - Bộ Công An                        | Phường Lương Sơn, TP. Sông Công                                   | Khu vực 2 | Có          |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-------------|
| 1275 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công | 080       | TT GDNN-GDTX TP. Sông Công                 | Thành phố Sông Công                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1276 | 12         | Thái Nguyên | 02            | Thành phố Sông Công | 094       | Trường Văn Hoá                             | Phường Lương Sơn, TP. Sông Công        | Khu vực 2    | Có          |
| 1277 | 12         | Thái Nguyên | 03            | Huyện Định Hóa      | 003       | TTGDTX Huyện Định Hoá                      | TT Chợ Chu, H. Định Hoá                | Khu vực 1    | Không       |
| 1278 | 12         | Thái Nguyên | 03            | Huyện Định Hóa      | 021       | THPT Định Hoá                              | ITr. Chợ Chu, H. Định Hoá              | Khu vực 1    | Không       |
| 1279 | 12         | Thái Nguyên | 03            | Huyện Định Hóa      | 022       | THPT Bình Yên                              | xã Bình Yên, H. Định Hoá               | Khu vực 1    | Không       |
| 1280 | 12         | Thái Nguyên | 03            | Huyện Định Hóa      | 079       | TT GDNN-GDTX Huyện Định Hoá                | IT Chợ Chu, H. Định Hoá                | Khu vực 1    | Không       |
| 1281 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 004       | TTGDTX Huyện Phú Lương                     | ITr. Đu, H. Phú Lương                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1282 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 016       | THPT Khánh Hoà                             | xã Sơn Cầm, H. Phú Lương               | Khu vực 1    | Không       |
| 1283 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 023       | THPT Phú Lương                             | ITr. Đu, H. Phú Lương                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1284 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 034       | THPT Yên Ninh                              | Xã Yên Ninh, H. Phú Lương              | Khu vực 1    | Không       |
| 1285 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 045       | CĐ Công nghiệp Thái Nguyên                 | Xã Sơn Cầm, H. Phú Lương               | Khu vực 1    | Không       |
| 1286 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 049       | CĐ Nghề than khoáng sản Việt Nam           | Xã Sơn Cầm, H. Phú Lương               | Khu vực 1    | Không       |
| 1287 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 078       | TT GDNN-GDTX Huyện Phú Lương               | ITr. Đu, H. Phú Lương                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1288 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 082       | CĐ than khoáng sản Việt Nam                | Xã Sơn Cầm, H. Phú Lương               | Khu vực 1    | Không       |
| 1289 | 12         | Thái Nguyên | 04            | Huyện Phú Lương     | 083       | Trung cấp nghề dân tộc nội trú Thái Nguyên | Xã Động Đạt, H. Phú Lương              | Khu vực 1    | Không       |
| 1290 | 12         | Thái Nguyên | 05            | Huyện Võ Nhai       | 005       | TTGDTX Huyện Võ Nhai                       | ITr. Đình Cả, H. Võ Nhai               | Khu vực 1    | Không       |
| 1291 | 12         | Thái Nguyên | 05            | Huyện Võ Nhai       | 024       | THPT Võ Nhai                               | Xã Lâu Thượng, H. Võ Nhai              | Khu vực 1    | Không       |
| 1292 | 12         | Thái Nguyên | 05            | Huyện Võ Nhai       | 053       | THPT Trần Phú                              | Xã Cúc Đường - H. Võ Nhai              | Khu vực 1    | Không       |
| 1293 | 12         | Thái Nguyên | 05            | Huyện Võ Nhai       | 055       | THPT Hoàng Quốc Việt                       | Xã Tràng Xá, H. Võ Nhai                | Khu vực 1    | Không       |
| 1294 | 12         | Thái Nguyên | 05            | Huyện Võ Nhai       | 077       | TT GDNN-GDTX Huyện Võ Nhai                 | ITr. Đình Cả, H. Võ Nhai               | Khu vực 1    | Không       |
| 1295 | 12         | Thái Nguyên | 06            | Huyện Đại Từ        | 006       | TTGDTX Huyện Đại Từ                        | ITr. Hùng Sơn, H. Đại Từ               | Khu vực 1    | Không       |
| 1296 | 12         | Thái Nguyên | 06            | Huyện Đại Từ        | 025       | THPT Đại Từ                                | ITr. Hùng Sơn, H. Đại Từ               | Khu vực 1    | Không       |
| 1297 | 12         | Thái Nguyên | 06            | Huyện Đại Từ        | 035       | THPT Nguyễn Huệ                            | Xã Phú Thịnh, H. Đại Từ                | Khu vực 1    | Không       |
| 1298 | 12         | Thái Nguyên | 06            | Huyện Đại Từ        | 054       | THPT Lưu Nhân Chú                          | Xã Ký Phú, H. Đại Từ                   | Khu vực 1    | Không       |
| 1299 | 12         | Thái Nguyên | 06            | Huyện Đại Từ        | 075       | TT GDNN-GDTX Huyện Đại Từ                  | Xã Tiên Hội, H. Đại Từ                 | Khu vực 1    | Không       |
| 1300 | 12         | Thái Nguyên | 07            | Huyện Đồng Hỷ       | 007       | TTGDTX Huyện Đồng Hỷ                       | Thị Trấn Chùa Hang, H. Đồng Hỷ         | Khu vực 1    | Không       |
| 1301 | 12         | Thái Nguyên | 07            | Huyện Đồng Hỷ       | 026       | THPT Đồng Hỷ                               | IT Chùa Hang, H. Đồng Hỷ, TN           | Khu vực 1    | Không       |
| 1302 | 12         | Thái Nguyên | 07            | Huyện Đồng Hỷ       | 027       | THPT Trại Cau                              | ITr. Trại Cau, H. Đồng Hỷ              | Khu vực 1    | Không       |
| 1303 | 12         | Thái Nguyên | 07            | Huyện Đồng Hỷ       | 057       | THPT Trần Quốc Tuấn                        | Xã Quang Sơn, H. Đồng Hỷ, Thái Nguyên  | Khu vực 1    | Không       |
| 1304 | 12         | Thái Nguyên | 07            | Huyện Đồng Hỷ       | 076       | TT GDNN-GDTX Huyện Đồng Hỷ                 | Thị Trấn Chùa Hang, H. Đồng Hỷ         | Khu vực 1    | Không       |
| 1305 | 12         | Thái Nguyên | 08            | Huyện Phú Bình      | 008       | TTGDTX Huyện Phú Bình                      | Xã Xuân Phương, H. Phú Bình            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1306 | 12         | Thái Nguyên | 08            | Huyện Phú Bình      | 028       | THPT Phú Bình                              | Thị Trấn Hương Sơn, H. Phú Bình        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1307 | 12         | Thái Nguyên | 08            | Huyện Phú Bình      | 036       | THPT Lương Phú                             | Xã Lương Phú, H. Phú Bình              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1308 | 12         | Thái Nguyên | 08            | Huyện Phú Bình      | 058       | THPT Diềm Thuy                             | Xã Diềm Thuy, H. Phú Bình, Thái Nguyên | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1309 | 12         | Thái Nguyên | 08            | Huyện Phú Bình      | 074       | TT GDNN-GDTX Huyện Phú Bình                | Xã Xuân Phương, H. Phú Bình            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1310 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 009       | TTGDTX Thị xã Phổ Yên                      | Xã Nam Tiến, Thị xã Phổ Yên            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1311 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 029       | THPT Lê Hồng Phong                         | P. Ba Hàng, TX. Phổ Yên                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1312 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 030       | THPT Bắc Sơn                               | P. Bắc Sơn, TX. Phổ Yên                | Khu vực 1    | Không       |
| 1313 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 037       | THPT Phổ Yên                               | Xã Tân Hương, TX. Phổ Yên              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1314 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 046       | CĐ Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp        | Xã Trung Thành TX. Phổ Yên             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1315 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên      | 061       | TC Nghề Nam Thái Nguyên                    | Xã Đồng Tiến, TX. Phổ Yên              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|---------------------------------------|--------------|-------------|
| 1316 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 063       | Trường TC nghề KT 3D                  | Xã Đông Cao, TX. Phổ Yên, Thái Nguyên | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1317 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 067       | TT GDTX Thị xã Phổ Yên                | Xã Nam Tiến, Thị xã Phổ Yên           | Khu vực 2    | Không       |
| 1318 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 068       | THPT Lê Hồng Phong                    | P. Ba Hàng, TX. Phổ Yên               | Khu vực 2    | Không       |
| 1319 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 069       | THPT Bắc Sơn                          | P. Bắc Sơn, TX. Phổ Yên               | Khu vực 1    | Không       |
| 1320 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 070       | THPT Phổ Yên                          | Xã Tân Hương, TX. Phổ Yên             | Khu vực 2    | Không       |
| 1321 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 071       | CĐ Công nghệ và Kinh tế Công nghiệp   | Xã Trung Thành TX. Phổ Yên            | Khu vực 2    | Không       |
| 1322 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 072       | TC Nghề Nam Thái Nguyên               | Phường Đồng Tiến, TX. Phổ Yên         | Khu vực 2    | Không       |
| 1323 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 073       | THPT Lý Nam Đế                        | Xã Nam Tiến, TX. Phổ Yên              | Khu vực 2    | Không       |
| 1324 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 090       | TT GDNN-GDTX TX Phổ Yên               | Phường Đồng Tiến, TX. Phổ Yên         | Khu vực 2    | Không       |
| 1325 | 12         | Thái Nguyên | 09            | Thị xã Phổ Yên         | 091       | Trung cấp Dân tộc nội trú Thái Nguyên | Xã Hồng Tiến, TX Phổ Yên              | Khu vực 2    | Không       |
| 1326 | 13         | Yên Bái     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 13                   |                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 1327 | 13         | Yên Bái     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 13         |                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 1328 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 001       | THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành          | P. Yên Thịnh - TP Yên Bái             | Khu vực 1    | Không       |
| 1329 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 002       | THPT Nguyễn Huệ                       | P.Đồng Tâm -TP Yên Bái                | Khu vực 1    | Không       |
| 1330 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 003       | THPT Lý Thường Kiệt                   | P.Hồng Hà -TP Yên Bái                 | Khu vực 1    | Không       |
| 1331 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 004       | PT Dân tộc nội trú THPT Tinh Yên Bái  | P.Đồng Tâm -TP Yên Bái                | Khu vực 1    | Có          |
| 1332 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 005       | THPT Hoàng Quốc Việt                  | Xã Giới Phiên - TP Yên Bái            | Khu vực 1    | Không       |
| 1333 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 006       | THPT Đồng Tâm                         | P.Đồng Tâm -TP Yên Bái                | Khu vực 1    | Không       |
| 1334 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 007       | TTGDTX tỉnh                           | P.Đồng Tâm -TP Yên Bái                | Khu vực 1    | Không       |
| 1335 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 008       | TT DN-GDTX TP Yên Bái                 | P.Nguyễn Phúc - TP Yên Bái            | Khu vực 1    | Không       |
| 1336 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 009       | Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Yên Bái  | P. Yên Thịnh -TP Yên Bái              | Khu vực 1    | Không       |
| 1337 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 040       | Cao đẳng Y tế Yên Bái                 | Phường Yên Ninh - TP Yên Bái          | Khu vực 1    | Không       |
| 1338 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 041       | TT GDNN-GDTX TP Yên Bái               | P.Nguyễn Phúc - TP Yên Bái - Yên Bái  | Khu vực 1    | Không       |
| 1339 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 050       | Bán công Phan Bội Châu                | Phường Đồng Tâm - TP Yên Bái          | Khu vực 1    | Không       |
| 1340 | 13         | Yên Bái     | 01            | Thành phố Yên Bái      | 051       | THPT BC Phan Chu Trinh                | Phường Nguyễn Phúc - TP Yên Bái       | Khu vực 1    | Không       |
| 1341 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 010       | THPT Nghĩa Lộ                         | P. Tân An -TX Nghĩa Lộ - Yên Bái      | Khu vực 1    | Không       |
| 1342 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 011       | THPT Nguyễn Trãi                      | P. Pú Trạng -TX Nghĩa Lộ - Yên Bái    | Khu vực 1    | Không       |
| 1343 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 012       | PT DTNT THPT Miên Tây                 | P. Pú Trạng -TX Nghĩa Lộ - Yên Bái    | Khu vực 1    | Có          |
| 1344 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 013       | TT GDTX-HNDN Tx Nghĩa Lộ              | P. Pú Trạng-TX Nghĩa Lộ - Yên Bái     | Khu vực 1    | Không       |
| 1345 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 037       | Trung cấp Nghề DTNT Nghĩa Lộ          | P. Pú Trạng - TX Nghĩa Lộ - Yên Bái   | Khu vực 1    | Không       |
| 1346 | 13         | Yên Bái     | 02            | Thị xã Nghĩa Lộ        | 048       | Trung cấp DTNT Nghĩa Lộ               | P. Pú Trạng - TX Nghĩa Lộ - Yên Bái   | Khu vực 1    | Không       |
| 1347 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 014       | THPT Chu Văn An                       | IT. Mậu A - Văn Yên - Yên Bái         | Khu vực 1    | Không       |
| 1348 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 015       | THPT Nguyễn Lương Bằng                | Xã An Thịnh - Văn Yên - Yên Bái       | Khu vực 1    | Không       |
| 1349 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 016       | THPT Trần Phú                         | Xã An Bình - Văn Yên - Yên Bái        | Khu vực 1    | Không       |
| 1350 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 017       | TT DN-GDTX Huyện Văn Yên              | IT. Mậu A - Văn Yên - Yên Bái         | Khu vực 1    | Không       |
| 1351 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 045       | TT GDNN-GDTX Huyện Văn Yên            | IT. Mậu A - Văn Yên - Yên Bái         | Khu vực 1    | Không       |
| 1352 | 13         | Yên Bái     | 03            | Huyện Văn Yên          | 053       | THPT BC Nguyễn Khuyến                 | IT. Mậu A - Văn Yên - Yên Bái         | Khu vực 1    | Không       |
| 1353 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 018       | THPT Cẩm An                           | Xã Cẩm An - Yên Bình - Yên Bái        | Khu vực 1    | Không       |
| 1354 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 019       | THPT Trần Nhật Duật                   | IT. Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái     | Khu vực 1    | Không       |
| 1355 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 020       | THPT Thác Bà                          | IT. Thác Bà - Yên Bình - Yên Bái      | Khu vực 1    | Không       |
| 1356 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 021       | THPT Cẩm Nhân                         | Xã Cẩm Nhân - Yên Bình - Yên Bái      | Khu vực 1    | Không       |
| 1357 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 022       | TT DN-GDTX Huyện Yên Bình             | IT. Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái     | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1358 | 13         | Yên Bái     | 04            | Huyện Yên Bình         | 042       | TT GDNN-GDTX Huyện Yên Bình            | TT. Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1359 | 13         | Yên Bái     | 05            | Huyện Mù Cang Chải     | 023       | THPT Mù Cang Chải                      | TT. Mù Cang Chải - Mù Cang Chải - Yên Bái                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1360 | 13         | Yên Bái     | 05            | Huyện Mù Cang Chải     | 024       | TT DN-GDTX H. Mù Cang Chải             | TT. Mù Cang Chải - Mù Cang Chải - Yên Bái                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1361 | 13         | Yên Bái     | 05            | Huyện Mù Cang Chải     | 047       | TT GDNN-GDTX Huyện Mù Cang Chải        | TT. Mù Cang Chải - Huyện Mù Cang Chải - Yên Bái                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1362 | 13         | Yên Bái     | 05            | Huyện Mù Cang Chải     | 055       | THCS&THPT Púng Luông                   | Xã Púng Luông, Mù Cang Chải, Yên Bái                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1363 | 13         | Yên Bái     | 06            | Huyện Văn Chấn         | 025       | THPT Văn Chấn                          | Xã Cát Thịnh - Văn Chấn - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1364 | 13         | Yên Bái     | 06            | Huyện Văn Chấn         | 026       | THPT Sơn Thịnh                         | Xã Sơn Thịnh - Văn Chấn - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1365 | 13         | Yên Bái     | 06            | Huyện Văn Chấn         | 027       | TT DN-GDTX Huyện Văn Chấn              | Xã Sơn Thịnh - Văn Chấn - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1366 | 13         | Yên Bái     | 06            | Huyện Văn Chấn         | 044       | TT GDNN-GDTX Huyện Văn Chấn            | Xã Sơn Thịnh - Văn Chấn - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1367 | 13         | Yên Bái     | 06            | Huyện Văn Chấn         | 054       | THCS&THPT Nậm Búng                     | Xã Nậm Búng, Văn Chấn, Yên Bái                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1368 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 028       | THPT Lê Quý Đôn                        | IT. Cỏ Phúc - Trấn Yên - Yên Bái                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1369 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 029       | PT Liên cấp 2+3 Trấn Yên II            | Xã Hưng Khánh - Trấn Yên - Yên Bái                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1370 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 030       | TT DN-GDTX Huyện Trấn Yên              | IT. Cỏ Phúc - Trấn Yên - Yên Bái                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1371 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 039       | THPT Hưng Khánh                        | Xã Hưng Khánh - Trấn Yên - Yên Bái                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1372 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 043       | TT GDNN-GDTX Huyện Trấn Yên            | IT. Cỏ Phúc - Trấn Yên - Yên Bái                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1373 | 13         | Yên Bái     | 07            | Huyện Trấn Yên         | 052       | THPT BC Nguyễn Du                      | Thị trấn Cỏ Phúc - Trấn Yên - Yên Bái                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1374 | 13         | Yên Bái     | 08            | Huyện Trạm Tấu         | 031       | THPT Trạm Tấu                          | IT. Trạm Tấu - Trạm Tấu - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1375 | 13         | Yên Bái     | 08            | Huyện Trạm Tấu         | 032       | TT DN-GDTX Huyện Trạm Tấu              | IT. Trạm Tấu - Trạm Tấu - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1376 | 13         | Yên Bái     | 08            | Huyện Trạm Tấu         | 046       | TT GDNN-GDTX Huyện Trạm Tấu            | IT. Trạm Tấu - Trạm Tấu - Yên Bái                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1377 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 033       | THPT Mai Sơn                           | Xã Mai Sơn - Lục Yên - Yên Bái                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1378 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 034       | THPT Hoàng Văn Thụ                     | IT. Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1379 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 035       | THPT Hồng Quang                        | Xã Động Quan - Lục Yên - Yên Bái                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1380 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 036       | TT GDTX-HNDN Hồ Tùng Mậu               | IT. Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1381 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 038       | Trung cấp Nghề Lục Yên                 | IT. Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1382 | 13         | Yên Bái     | 09            | Huyện Lục Yên          | 049       | Trung cấp Lục Yên                      | IT Yên Thế - Lục Yên - Yên Bái                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1383 | 14         | Sơn La      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_14                    | 106 Đường Thanh Niên, Tổ 3 Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La | Khu vực 3 | Không       |
| 1384 | 14         | Sơn La      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_14          | Số 106, Đường Thanh Niên, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La                  | Khu vực 3 | Không       |
| 1385 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 001       | Trung tâm GDNN - GDTX Thành phố Sơn La | Tổ 3, Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1386 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 002       | Trường THPT Tô Hiệu                    | Tổ 3, Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                      | Khu vực 1 | Không       |
| 1387 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 003       | Trường THPT Chiềng Sinh                | Tổ 3, Phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1388 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 004       | Trường THPT Chuyên                     | Tổ 3, Phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1389 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 005       | Trường PTDT Nội trú tỉnh               | Bản Ca Láp, Xã Chiềng Ngần, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                | Khu vực 1 | Có          |
| 1390 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La       | 006       | Trường THPT Nguyễn Du                  | Bản Phiêng Tam, Xã Chiềng Đen, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La             | Khu vực 1 | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1391 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La | 043       | Phòng GD -ĐT Thành phố Sơn La            | Phường Chiềng Lè, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1392 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La | 056       | Trường TH, THCS & THPT Chu Văn An        | Tổ 2, Phường Quyết Tâm, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La            | Khu vực 1 | Không       |
| 1393 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La | 057       | Trung tâm GDTX Thành phố Sơn La          | Tổ 3, Phường Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La              | Khu vực 1 | Không       |
| 1394 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La | 072       | Trường Đại học Tây Bắc                   | Tổ 2, Phường Quyết tâm, Thành phố Sơn La                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1395 | 14         | Sơn La      | 01            | Thành phố Sơn La | 074       | Trường THCS-THPT Nguyễn Du               | Bản Phiêng Tam, Xã Chiềng Đen, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La     | Khu vực 1 | Không       |
| 1396 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 007       | Trường THPT Quỳnh Nhai                   | Bản Phiêng Nèn, Xã Mường Giàng, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La    | Khu vực 1 | Không       |
| 1397 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 008       | Trường THPT Mường Giôn                   | Bản Chiềng Lè, Xã Mường Giôn, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La      | Khu vực 1 | Không       |
| 1398 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 009       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Quỳnh Nhai    | Bản Phiêng Nèn, Xã Mường Giàng, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La    | Khu vực 1 | Không       |
| 1399 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 044       | Phòng GD -ĐT huyện Quỳnh Nhai            | Xã Mường Giàng, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1400 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 058       | Trung tâm GDTX huyện Quỳnh Nhai          | Bản Phiêng Nèn, Xã Mường Giàng, Huyện Quỳnh Nhai, Tỉnh Sơn La    | Khu vực 1 | Không       |
| 1401 | 14         | Sơn La      | 02            | Huyện Quỳnh Nhai | 076       | Trường PTDTNT THCS&THPT huyện Quỳnh Nhai | Bản Phiêng Nèn - Xã Mường Giàng - Huyện Quỳnh Nhai - Tỉnh Sơn La | Khu vực 1 | Có          |
| 1402 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 010       | Trường THPT Mường La                     | Tiểu khu 5, Thị Trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La         | Khu vực 1 | Không       |
| 1403 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 011       | Trường THPT Mường Bú                     | Bản Văn Minh, Xã Mường Bú, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La           | Khu vực 1 | Không       |
| 1404 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 012       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Mường La      | Thị Trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1405 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 045       | Phòng GD -ĐT huyện Mường La              | Thị Trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1406 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 059       | Trung tâm GDTX huyện Mường La            | Bản Nong Heo, Thị Trấn Ít Ong, Huyện Mường La, Tỉnh Sơn La       | Khu vực 1 | Không       |
| 1407 | 14         | Sơn La      | 03            | Huyện Mường La   | 077       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Mường La   | Thị trấn Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh sơn La                   | Khu vực 1 | Có          |
| 1408 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 013       | Trường THPT Thuận Châu                   | Tiểu khu 1, Thị Trấn Thuận Châu, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La   | Khu vực 1 | Không       |
| 1409 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 014       | Trường THPT Tông Lệnh                    | Tiểu khu 3, Xã Tông Lệnh, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La          | Khu vực 1 | Không       |
| 1410 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 015       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Thuận Châu    | Bản Máy Đường, Xã Chiềng Pắc, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La      | Khu vực 1 | Không       |
| 1411 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 016       | Trường THPT Bình Thuận                   | Bản Kiến Xương, Xã Phong Lái, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La      | Khu vực 1 | Không       |
| 1412 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 017       | Trường THPT Co Mạ                        | Bản Pa Khuông, Xã Co Mạ, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La           | Khu vực 1 | Không       |
| 1413 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 046       | Phòng GD -ĐT huyện Thuận Châu            | Thị Trấn Thuận Châu, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |
| 1414 | 14         | Sơn La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 060       | Trung tâm GDTX- HD&DN huyện Thuận Châu   | Thị Trấn Thuận Châu, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                               | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1415 | 14         | Son La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 068       | Trung tâm GDTX huyện Thuận Châu          | Thị trấn Thuận Châu, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1416 | 14         | Son La      | 04            | Huyện Thuận Châu | 078       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Thuận Châu | TK I Thị trấn Thuận Châu huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La                 | Khu vực 1 | Có          |
| 1417 | 14         | Son La      | 05            | Huyện Bắc Yên    | 018       | Trường THPT Bắc Yên                      | Bản Phiêng Ban 3, Thị trấn Bắc Yên, Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La        | Khu vực 1 | Không       |
| 1418 | 14         | Son La      | 05            | Huyện Bắc Yên    | 019       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Bắc Yên       | Bản Phiêng Ban 1, Thị trấn Bắc Yên, Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La        | Khu vực 1 | Không       |
| 1419 | 14         | Son La      | 05            | Huyện Bắc Yên    | 047       | Phòng GD -ĐT huyện Bắc Yên               | Thị trấn Bắc Yên, Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1420 | 14         | Son La      | 05            | Huyện Bắc Yên    | 061       | Trung tâm GDTX huyện Bắc Yên             | Bản Phiêng Ban 1, Thị trấn Bắc Yên, Huyện Bắc Yên, Tỉnh Sơn La        | Khu vực 1 | Không       |
| 1421 | 14         | Son La      | 05            | Huyện Bắc Yên    | 079       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Bắc Yên    | PHIỀNG BAN I- THỊ TRẤN BẮC YÊN - BẮC YÊN- SON LA                      | Khu vực 1 | Có          |
| 1422 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 020       | Trường THPT Phù Yên                      | Khối 10, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1423 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 021       | Trường THPT Gia Phù                      | Phổ Tân Lập,xã Gia Phù, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1424 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 022       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Phù Yên       | Khối 5, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1425 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 023       | Trường THPT Tân Lang                     | Bản Khén, Xã Tân Lang, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1426 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 048       | Phòng GD -ĐT huyện Phù Yên               | Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1427 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 062       | Trung tâm GDTX- HD&DN huyện Phù Yên      | Khối 5, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1428 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 069       | Trung tâm GDTX huyện Phù Yên             | Khối 5, Thị trấn Phù Yên, Huyện Phù Yên, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1429 | 14         | Son La      | 06            | Huyện Phù Yên    | 080       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Phù Yên    | Bản Úm - Huy Thượng - Phù Yên - Sơn La                                | Khu vực 1 | Có          |
| 1430 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 024       | Trường THPT Mai Sơn                      | Tiểu khu 13, Thị trấn Hát lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La             | Khu vực 1 | Không       |
| 1431 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 025       | Trường THPT Cò Nòi                       | Tiểu khu 2, Xã Cò Nòi, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1432 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 026       | Trường THPT Chu Văn Thịnh                | Bản Áng, Xã Chiềng Ban, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1433 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 027       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Mai Sơn       | Tiểu khu 13, Thị trấn Hát lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La             | Khu vực 1 | Không       |
| 1434 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 049       | Phòng GD -ĐT huyện Mai Sơn               | Thị trấn Hát lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1435 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 063       | Trung tâm GDTX huyện Mai Sơn             | Tiểu khu 13, Thị trấn Hát lót, Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La             | Khu vực 1 | Không       |
| 1436 | 14         | Son La      | 07            | Huyện Mai Sơn    | 081       | Trường PTDTNT THCS-THPT Huyện Mai Sơn    | Tiểu khu 13 thị trấn Hát Lót huyện Mai Sơn tỉnh Sơn La                | Khu vực 1 | Có          |
| 1437 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu   | 082       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Yên Châu   | Thị trấn Yên Châu - Huyện Yên Châu - Tỉnh Sơn La                      | Khu vực 1 | Có          |
| 1438 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu   | 028       | Trường THPT Yên Châu                     | Số 113 Phố Chu Văn An, Thị trấn Yên Châu, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1439 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu | 029       | Trường THPT Phiêng Khoài               | Thôn Kim Chung I, Xã Phiêng Khoài - Huyện Yên Châu                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1440 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu | 030       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Yên Châu    | Tiểu khu 4, Thị trấn Yên Châu, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La           | Khu vực 1 | Không       |
| 1441 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu | 050       | Phòng GD -ĐT huyện Yên Châu            | Thị trấn Yên Châu, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1442 | 14         | Son La      | 08            | Huyện Yên Châu | 064       | Trung tâm GDTX huyện Yên Châu          | Tiểu khu 4, Thị trấn Yên Châu, Huyện Yên Châu, Tỉnh Sơn La           | Khu vực 1 | Không       |
| 1443 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 031       | Trường THPT Sông Mã                    | Tổ 8, Thị trấn Sông Mã, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1444 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 032       | Trường THPT Chiềng Khương              | Bản Khương Tiên, Xã Chiềng Khương - Huyện Sông Mã                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1445 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 033       | Trường THPT Mường Lầm                  | Bản Tà Coọng, Xã Mường Lầm, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |
| 1446 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 034       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Sông Mã     | Bản Cánh Kiến, xã Nà Nghịu, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |
| 1447 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 051       | Phòng GD -ĐT huyện Sông Mã             | Thị trấn Sông Mã, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1448 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 065       | Trung tâm GDTX huyện Sông Mã           | Thị trấn Sông Mã, Huyện Sông Mã, Tỉnh Sơn La                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1449 | 14         | Son La      | 09            | Huyện Sông Mã  | 083       | Trường PTDT nội trú THCS&THPT Sông Mã  | Tổ Dân phố 2, Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La           | Khu vực 1 | Có          |
| 1450 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 035       | Trường THPT Chiềng Sơn                 | Tiểu khu 1, Xã Chiềng Sơn, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |
| 1451 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 036       | Trường THPT Tân Lập                    | Tiểu khu 2, Xã Tân Lập, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1452 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 037       | Trường THPT Mộc Ly                     | Đường Phan Đình Giót, Thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La | Khu vực 1 | Không       |
| 1453 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 038       | Trường THPT Tháo Nguyên                | Tiểu khu cấp 3, Thị trấn Nông trường, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La    | Khu vực 1 | Không       |
| 1454 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 039       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Mộc Châu    | Bản Tự Nhiên, Xã Đông Sang, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La              | Khu vực 1 | Không       |
| 1455 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 052       | Phòng GD - ĐT huyện Mộc Châu           | Thị trấn Mộc Châu, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1456 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 066       | Trung tâm GDTX-HN&DN Mộc Châu          | Thị trấn Nông trường, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1457 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 070       | Trung tâm GDTX Mộc Châu                | Thị trấn Nông trường, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1458 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 075       | Trường THCS - THPT Chiềng Sơn          | Tiểu khu 1, Xã Chiềng Sơn, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La               | Khu vực 1 | Không       |
| 1459 | 14         | Son La      | 10            | Huyện Mộc Châu | 084       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Mộc Châu | Tiểu khu 3 - Thị trấn Mộc Châu - Huyện Mộc Châu - Tỉnh Sơn La        | Khu vực 1 | Có          |
| 1460 | 14         | Son La      | 11            | Huyện Sốp Cộp  | 040       | Trường THPT Sốp Cộp                    | Trung tâm huyện Sốp Cộp, Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La      | Khu vực 1 | Không       |
| 1461 | 14         | Son La      | 11            | Huyện Sốp Cộp  | 041       | Trung tâm GDNN- GDTX huyện Sốp Cộp     | Bảng Cang Mường, Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La              | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1462 | 14         | Sơn La      | 11            | Huyện Sốp Cộp          | 053       | Phòng GD -ĐT huyện Sốp Cộp                         | Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La                                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1463 | 14         | Sơn La      | 11            | Huyện Sốp Cộp          | 067       | Trung tâm GDTX- HN &DN huyện Sốp Cộp               | Bảng Cang Mường, Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1464 | 14         | Sơn La      | 11            | Huyện Sốp Cộp          | 071       | Trung tâm GDTX huyện Sốp Cộp                       | Bản Cang Mường, Xã Sốp Cộp, Huyện Sốp Cộp, Tỉnh Sơn La                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1465 | 14         | Sơn La      | 11            | Huyện Sốp Cộp          | 085       | Trường PTDTNT THCS-THPT huyện Sốp Cộp              | Khu Tái Định Cư Nà Phe, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp                                        | Khu vực 1 | Có          |
| 1466 | 14         | Sơn La      | 12            | Huyện Vân Hồ           | 042       | Trường THPT Mộc Hạ                                 | Bản Đạo, Xã Tô Múa, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 1467 | 14         | Sơn La      | 12            | Huyện Vân Hồ           | 054       | Phòng GD - ĐT huyện Vân Hồ                         | Xã Vân Hồ, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La                                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 1468 | 14         | Sơn La      | 12            | Huyện Vân Hồ           | 055       | Trường THPT Vân Hồ                                 | Bản Suối Lìn, Xã Vân Hồ, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1469 | 14         | Sơn La      | 12            | Huyện Vân Hồ           | 073       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Vân Hồ                 | Bản Suối Lìn, Xã Vân Hồ, Huyện Vân Hồ, Tỉnh Sơn La                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1470 | 15         | Phú Thọ     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 15                                |                                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 1471 | 15         | Phú Thọ     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 15                      |                                                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 1472 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 001       | Trường THPT Chuyên Hùng Vương                      | Ngõ 70, đường Hàn Thuyên, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ               | Khu vực 2 | Không       |
| 1473 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 002       | Trường THPT Việt Trì                               | Tổ 22 khu 12, đường Lê Quý Đôn, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ         | Khu vực 2 | Không       |
| 1474 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 003       | Trường THPT Công nghiệp Việt Trì                   | Tổ 16, Khu Đô thị Đồng Mạ, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ           | Khu vực 2 | Không       |
| 1475 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 004       | Trường THPT Kỹ thuật Việt Trì                      | Khu 1B, phường Văn Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 1476 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 005       | Trường THPT Nguyễn Tất Thành                       | Ngõ 250, đường Lê Quý Đôn, Khu Hà Liễu, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | Khu vực 2 | Không       |
| 1477 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 006       | Trường THPT Vũ Thê Lang                            | Số nhà 880A, đường Châu Phong, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ          | Khu vực 2 | Không       |
| 1478 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 007       | Trường PT Hermann Gmeiner Việt Trì                 | Phố Châu Phong, Đường Phù Đồng, phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ         | Khu vực 2 | Không       |
| 1479 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 008       | Trường THPT Trần Phú                               | Số 121, đường Lý Tự Trọng, phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ           | Khu vực 2 | Không       |
| 1480 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 009       | Trung tâm GDNN-GDTX Việt Trì                       | Tổ 37 khu 3, Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                            | Khu vực 2 | Không       |
| 1481 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 060       | Trung tâm KTTH-HN tỉnh Phú Thọ                     | Tổ 22B, Khu Hà Liễu, Phường Gia Cẩm, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1482 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 063       | Trường Cao đẳng Nghề Phú Thọ                       | Số 3647, Khu 1, phường Văn Phú, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                         | Khu vực 2 | Không       |
| 1483 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 066       | Trường Trung cấp Nghề Công nghệ và Vận tải Phú Thọ | Phường Thanh Miếu, thành phố Việt Trì                                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 1484 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 068       | Trường Trung cấp Nghề Herman Gmeiner Việt Trì      | Phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì                                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 1485 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì     | 069       | Trường Trung cấp nghề Bách khoa Phú Thọ            | Phường Tiên Cát, t thành phố Việt Trì                                                    | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                                  | Địa Chỉ                                                                                          | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1486 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 070       | Trường Trung cấp nghề Công nghệ, Du lịch và dịch vụ Phú Nam | Xã Vân Phú, thành phố Việt Trì                                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1487 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 071       | Trường THPT Lê Quý Đôn                                      | Phường Dữu Lâu, thành phố Việt Trì                                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1488 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 073       | Trường Cao đẳng Công nghiệp thực phẩm                       | Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì                                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1489 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 075       | Trường Cao đẳng Dược Phú Thọ                                | Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì                                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1490 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 076       | Trường THPT Dân lập Âu cơ                                   | Phường Tân Dân, thành phố Việt Trì                                                               | Khu vực 2 | Không       |
| 1491 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 077       | Trường THPT Dân lập Vân Phú                                 | Xã Vân Phú, thành phố Việt Trì                                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1492 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 087       | Trường THPT Bán công Công nghiệp Việt Trì                   | Phường Thanh miếu, thành phố Việt Trì                                                            | Khu vực 2 | Không       |
| 1493 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 088       | Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Phú Thọ                         | Phường Thọ Sơn, TP. Việt Trì                                                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1494 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 090       | Trung tâm GDTX tỉnh Phú Thọ                                 | Phố Thành Công, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                | Khu vực 2 | Không       |
| 1495 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 091       | Trường Phổ thông Chất lượng cao Hùng Vương                  | Khuôn viên Trường Đại học Hùng Vương, phường Nông Trang, Tp Việt Trì, tỉnh Phú Thọ               | Khu vực 2 | Không       |
| 1496 | 15         | Phú Thọ     | 01            | Thành phố Việt Trì | 092       | Trường Cao đẳng Nghề số 2 - Bộ Quốc phòng                   | Số 2193, đường Hùng Vương, thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 1497 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 010       | Trường THPT Hùng Vương                                      | Số 148 phố Tân Lập, phường Hùng Vương, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 1498 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 011       | Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Phú Thọ               | Khu 2, xã Hà Lộc, Thị xã Phú Thọ, Phú Thọ                                                        | Khu vực 2 | Có          |
| 1499 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 012       | Trường THPT Thị xã Phú Thọ                                  | Phố Tân Lập, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1500 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 013       | Trường THPT Trường Thịnh                                    | Số nhà 16, đường Kim Đồng, khu dân cư Trường An, phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ | Khu vực 2 | Không       |
| 1501 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 014       | Trung tâm GDNN-GDTX Thị xã Phú Thọ                          | Số 154 Phố Tân Lập, Phường Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ                              | Khu vực 2 | Không       |
| 1502 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 061       | Trung tâm KTTH-HN thị xã Phú Thọ                            | Phường Âu Cơ, thị xã Phú Thọ                                                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1503 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 065       | Trường Cao đẳng nghề Công nghệ và Nông lâm Phú Thọ          | Xã Hà Lộc, Thị xã Phú Thọ                                                                        | Khu vực 2 | Không       |
| 1504 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 074       | Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ                                | Phường Trường Thịnh, thị xã Phú Thọ                                                              | Khu vực 2 | Không       |
| 1505 | 15         | Phú Thọ     | 02            | Thị xã Phú Thọ     | 078       | Trường THPT Bán Công Hùng Vương                             | Phường Hùng Vương, TX. Phú Thọ                                                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 1506 | 15         | Phú Thọ     | 03            | Huyện Đoan Hùng    | 015       | Trường THPT Đoan Hùng                                       | Số 10, đường Thọ Sơn, thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ                          | Khu vực 1 | Không       |
| 1507 | 15         | Phú Thọ     | 03            | Huyện Đoan Hùng    | 016       | Trường THPT Chân Mộng                                       | Khu 4, xã Chân Mộng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ                                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1508 | 15         | Phú Thọ     | 03            | Huyện Đoan Hùng    | 017       | Trường THPT Quế Lâm                                         | Xã Phú Lâm, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ                                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1509 | 15         | Phú Thọ     | 03            | Huyện Đoan Hùng    | 018       | Trung tâm GDNN-GDTX Đoan Hùng                               | Khu 9, xã Sóc Đăng, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ                                                | Khu vực 1 | Không       |
| 1510 | 15         | Phú Thọ     | 03            | Huyện Đoan Hùng    | 079       | Trường THPT Bán Công Đoan Hùng                              | Thị trấn Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng                                                              | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                               | Địa Chỉ                                                                           | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 1511 | 15         | Phú Thọ     | 04            | Huyện Thanh Ba  | 019       | Trường THPT Thanh Ba                                     | Khu 9, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1512 | 15         | Phú Thọ     | 04            | Huyện Thanh Ba  | 020       | Trường THPT Yên Khê                                      | Khu 15, xã Hanh Cù, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 1513 | 15         | Phú Thọ     | 04            | Huyện Thanh Ba  | 021       | Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Ba                             | Số 148, đường Phạm Tiến Duật, thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ     | Khu vực 1 | Không       |
| 1514 | 15         | Phú Thọ     | 04            | Huyện Thanh Ba  | 062       | Trường Cao đẳng nghề cơ điện Phú Thọ                     | Thị trấn Thanh Ba, huyện Thanh Ba                                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1515 | 15         | Phú Thọ     | 04            | Huyện Thanh Ba  | 080       | Trường THPT Bán Công Thanh Ba                            | Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba                                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 1516 | 15         | Phú Thọ     | 05            | Huyện Hạ Hòa    | 022       | Trường THPT Hạ Hoà                                       | Số 41, Phố Chu Văn An, Đường Âu Cơ, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ   | Khu vực 1 | Không       |
| 1517 | 15         | Phú Thọ     | 05            | Huyện Hạ Hòa    | 023       | Trường THPT Vĩnh Chân                                    | Khu 7, xã Vĩnh Chân, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1518 | 15         | Phú Thọ     | 05            | Huyện Hạ Hòa    | 024       | Trường THPT Xuân Áng                                     | Khu 6, xã Xuân Áng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 1519 | 15         | Phú Thọ     | 05            | Huyện Hạ Hòa    | 025       | Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm                            | Số nhà 60, phố Chu Văn An, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ            | Khu vực 1 | Không       |
| 1520 | 15         | Phú Thọ     | 05            | Huyện Hạ Hòa    | 026       | Trung tâm GDNN-GDTX Hạ Hoà                               | Số 114 Khu 7, thị trấn Hạ Hòa, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ                         | Khu vực 1 | Không       |
| 1521 | 15         | Phú Thọ     | 06            | Huyện Cẩm Khê   | 027       | Trường THPT Cẩm Khê                                      | Số 136 đường Hoa Khê, thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ               | Khu vực 1 | Không       |
| 1522 | 15         | Phú Thọ     | 06            | Huyện Cẩm Khê   | 028       | Trường THPT Hiền Đa                                      | Khu Thạch Đề, xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1523 | 15         | Phú Thọ     | 06            | Huyện Cẩm Khê   | 029       | Trường THPT Phương Xá                                    | Khu Minh Tân, xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ                            | Khu vực 1 | Không       |
| 1524 | 15         | Phú Thọ     | 06            | Huyện Cẩm Khê   | 030       | Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Khê                              | Số 45, Phố Quế Hoa, thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê                               | Khu vực 1 | Không       |
| 1525 | 15         | Phú Thọ     | 06            | Huyện Cẩm Khê   | 081       | Trường THPT Bán Công Cẩm Khê                             | Thị trấn Sông Thao, huyện Cẩm Khê                                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1526 | 15         | Phú Thọ     | 07            | Huyện Yên Lập   | 031       | Trường THPT Yên Lập                                      | Số 248, đường An Lập, Chùa 11, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ      | Khu vực 1 | Không       |
| 1527 | 15         | Phú Thọ     | 07            | Huyện Yên Lập   | 032       | Trường THPT Lương Sơn                                    | Khu Xuân Tân, Xã Lương Sơn, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ                           | Khu vực 1 | Không       |
| 1528 | 15         | Phú Thọ     | 07            | Huyện Yên Lập   | 033       | Trường THPT Minh Hòa                                     | Khu 4, Xã Minh Hòa, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1529 | 15         | Phú Thọ     | 07            | Huyện Yên Lập   | 034       | Trung tâm GDNN-GDTX Yên Lập                              | Số 30, đường Long Sơn, khu chùa 11, thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ | Khu vực 1 | Không       |
| 1530 | 15         | Phú Thọ     | 07            | Huyện Yên Lập   | 089       | Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú THCS&THPT huyện Yên Lập | Thị trấn Yên Lập, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ                                     | Khu vực 1 | Có          |
| 1531 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn | 035       | Trường THPT Thanh Sơn                                    | Phố 19/5 thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1532 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn | 036       | Trường THPT Văn Miếu                                     | xóm Dẹ 1, xã Văn Miếu, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ                              | Khu vực 1 | Không       |
| 1533 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn | 037       | Trường THPT Hương Cản                                    | Khu Tân Hương, xã Hương Cản, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ                        | Khu vực 1 | Không       |
| 1534 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn | 038       | Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Sơn                            | Số nhà 151 phố Cầu Đất, thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ         | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1535 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn  | 067       | Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Phú Thọ | Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn                                   | Khu vực 1    | Có          |
| 1536 | 15         | Phú Thọ     | 08            | Huyện Thanh Sơn  | 082       | Trường THPT Bán Công Thanh Sơn                | Thị trấn Thanh Sơn, H. Thanh Sơn                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 1537 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 039       | Trường THPT Phù Ninh                          | Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ                              | Khu vực 1    | Không       |
| 1538 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 040       | Trường THPT Từ Đà                             | Khu Gai Hạ, xã Bình Phú, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1539 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 041       | Trường THPT Trung Giáp                        | Khu 5, xã Trung Giáp, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1540 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 042       | Trường THPT Nguyễn Huệ                        | Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 1541 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 043       | Trung tâm GDNN-GDTX Phù Ninh                  | Số nhà 24, Khu Bãi Thoi, Thị trấn Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ       | Khu vực 1    | Không       |
| 1542 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 064       | Trường Cao đẳng nghề Giấy và Cơ điện          | Thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 1543 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 083       | Trường THPT Bán Công Phù Ninh                 | Xã Phú Lộc, huyện Phù Ninh                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 1544 | 15         | Phú Thọ     | 09            | Huyện Phù Ninh   | 084       | Trường THPT Phan Đăng Lưu                     | Thị trấn Phong Châu, H. Phù Ninh                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 1545 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 044       | Trường THPT Long Châu Sa                      | Số 90, Đường Vũ Duệ, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1546 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 045       | Trường THPT Phong Châu                        | Khu 14, thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ               | Khu vực 1    | Không       |
| 1547 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 046       | Trường THPT Lâm Thao                          | Số nhà 65 Phố Vũ Duệ, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1548 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 047       | Trung tâm GDNN-GDTX Lâm Thao                  | Khu Lâm Nghĩa, thị trấn Lâm Thao, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1549 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 048       | Trường Cao đẳng Công nghiệp Hóa chất          | Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1550 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 072       | Trường ĐH Công nghiệp Việt tri                | Xã Tiên Kiên, H. Lâm Thao                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 1551 | 15         | Phú Thọ     | 10            | Huyện Lâm Thao   | 085       | Trường THPT Bán Công Phong Châu               | Thị trấn Hùng Sơn, H. Lâm Thao                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 1552 | 15         | Phú Thọ     | 11            | Huyện Tam Nông   | 049       | Trường THPT Tam Nông                          | Khu 4, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1553 | 15         | Phú Thọ     | 11            | Huyện Tam Nông   | 050       | Trường THPT Mỹ Văn                            | Xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                              | Khu vực 1    | Không       |
| 1554 | 15         | Phú Thọ     | 11            | Huyện Tam Nông   | 051       | Trường THPT Hưng Hoá                          | Khu Tiên Thịnh, thị trấn Hưng Hóa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ       | Khu vực 1    | Không       |
| 1555 | 15         | Phú Thọ     | 11            | Huyện Tam Nông   | 052       | Trung tâm GDNN-GDTX Tam Nông                  | Khu 3, Xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1556 | 15         | Phú Thọ     | 11            | Huyện Tam Nông   | 086       | Trường THPT Bán Công Tam Nông                 | Xã Hương Nộn, H. Tam Nông                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 1557 | 15         | Phú Thọ     | 12            | Huyện Thanh Thủy | 053       | Trường THPT Thanh Thủy                        | Khu 5, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ            | Khu vực 1    | Không       |
| 1558 | 15         | Phú Thọ     | 12            | Huyện Thanh Thủy | 054       | Trường THPT Trung Nghĩa                       | Khu 2, xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1559 | 15         | Phú Thọ     | 12            | Huyện Thanh Thủy | 055       | Trường THPT Tân Đà                            | Khu 3, xã Đồng Trung, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1560 | 15         | Phú Thọ     | 12            | Huyện Thanh Thủy | 056       | Trung tâm GDNN-GDTX Thanh Thủy                | Khu 1 xã Tân Phương, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ                   | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1561 | 15         | Phú Thọ     | 13            | Huyện Tân Sơn          | 057       | Trường THPT Minh Đài                    | Khu Minh Tâm, xã Minh Đài, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ        | Khu vực 1    | Không       |
| 1562 | 15         | Phú Thọ     | 13            | Huyện Tân Sơn          | 058       | Trường THPT Thạch Kiệt                  | Khu Cường Thịnh 1, xã Thạch kiệt, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ | Khu vực 1    | Không       |
| 1563 | 15         | Phú Thọ     | 13            | Huyện Tân Sơn          | 059       | Trung tâm GDNN-GDTX Tân Sơn             | Khu 8, xã Tân Phú, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ                | Khu vực 1    | Không       |
| 1564 | 16         | Vĩnh Phúc   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 16                     |                                                               | Khu vực 3    | Không       |
| 1565 | 16         | Vĩnh Phúc   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 16           |                                                               | Khu vực 3    | Không       |
| 1566 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 010       | CD nghề Việt Đức                        | Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1567 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 011       | THPT Trần Phú                           | Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1568 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 012       | THPT Chuyên Vĩnh Phúc                   | Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1569 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 013       | THPT Dân lập Vĩnh Yên                   | Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1570 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 014       | THPT Vĩnh Yên                           | Ph. Hội Hợp TP Vĩnh Yên                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 1571 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 015       | PT DTNT cấp 2-3 Vĩnh Phúc (Tp Vĩnh Yên) | Ph. Đồng Tâm TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Có          |
| 1572 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 016       | THPT Nguyễn Thái Học                    | Ph. Khai Quang TP Vĩnh Yên                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1573 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 017       | TTGDTX Tỉnh                             | Ph. Liên Bảo, TP Vĩnh Yên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1574 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 018       | CD Kinh tế Kỹ thuật Vĩnh Phúc           | Ph. Hội Hợp, TP Vĩnh Yên                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1575 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 019       | TC Kỹ thuật Vĩnh Phúc                   | Ph. Liên Bảo, TP Vĩnh Yên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1576 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 020       | Trường Quân sự Quân khu 2               | Ph. Liên Bảo, TP Vĩnh Yên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1577 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 025       | CD nghề Vĩnh Phúc                       | Đường Nguyễn Tất Thành, Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên              | Khu vực 2    | Không       |
| 1578 | 16         | Vĩnh Phúc   | 01            | Thành phố Vĩnh Yên     | 026       | THPT Liên Bảo                           | Đường Phan Bội Châu, Ph. Liên Bảo TP Vĩnh Yên                 | Khu vực 2    | Không       |
| 1579 | 16         | Vĩnh Phúc   | 02            | Huyện Tam Dương        | 021       | THPT Tam Dương                          | ITr. Hợp Hoà H Tam Dương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1580 | 16         | Vĩnh Phúc   | 02            | Huyện Tam Dương        | 022       | TTGDTX Tam Dương (Trước năm 2015)       | ITr. Hợp Hoà H Tam Dương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1581 | 16         | Vĩnh Phúc   | 02            | Huyện Tam Dương        | 023       | THPT Trần Hưng Đạo                      | ITr. Hợp Hoà H Tam Dương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1582 | 16         | Vĩnh Phúc   | 02            | Huyện Tam Dương        | 024       | THPT Tam Dương 2                        | Xã Duy Phiên H Tam Dương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1583 | 16         | Vĩnh Phúc   | 02            | Huyện Tam Dương        | 027       | TT GDNN-GDTX Tam Dương                  | ITr. Hợp Hoà H Tam Dương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1584 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 031       | THPT Ngô Gia Tự                         | ITr. Lập Thạch, H Lập Thạch                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 1585 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 032       | THPT Liên Sơn                           | ITr. Hoa Sơn H Lập Thạch                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 1586 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 034       | THPT Trần Nguyên Hãn                    | Xã Triệu Đề H Lập Thạch                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1587 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 035       | THPT Triệu Thái                         | ITr. Lập Thạch H Lập Thạch                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1588 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 036       | TTGDTX Lập Thạch (Trước năm 2015)       | ITr. Lập Thạch H Lập Thạch                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1589 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 037       | THPT Thái Hoà (Trước năm 2018)          | Xã Thái Hoà, H Lập Thạch                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 1590 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 038       | TT GDNN-GDTX Lập Thạch                  | ITr. Lập Thạch H Lập Thạch                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1591 | 16         | Vĩnh Phúc   | 03            | Huyện Lập Thạch        | 039       | THPT Văn Quán (Trước năm 2018)          | Xã Văn Quán-H Lập Thạch                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1592 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường       | 041       | THPT Lê Xoay                            | ITr. Vĩnh Tường H Vĩnh Tường                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1593 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường       | 042       | THPT Nguyễn Viết Xuân                   | Xã Đại Đồng H Vĩnh Tường                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1594 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường       | 043       | THPT Đội Cấn                            | Xã Tam Phúc H Vĩnh Tường                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1595 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường       | 044       | TTGDTX Vĩnh Tường (Trước năm 2015)      | ITr. Thổ Tang H Vĩnh Tường                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1596 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường       | 045       | THPT Vĩnh Tường (Trước năm 2019)        | ITr. Vĩnh Tường H Vĩnh Tường                                  | Khu vực 2 NT | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                  | Địa Chỉ                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|---------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-------------|
| 1597 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường   | 046       | THPT Nguyễn Thị Giang                       | Xã Đại Đồng H Vĩnh Tường          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1598 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường   | 047       | THPT Hồ Xuân Hương (Trước năm 2018)         | Xã Tam Phúc H Vĩnh Tường          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1599 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường   | 048       | TT GDNN-GDTX Vĩnh Tường                     | ITr. Thổ Tang H Vĩnh Tường        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1600 | 16         | Vĩnh Phúc   | 04            | Huyện Vĩnh Tường   | 049       | Cao đẳng nghề số 2 - Bộ Quốc phòng          | Xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1601 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 051       | THPT Yên Lạc                                | ITr. Yên Lạc H Yên Lạc            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1602 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 052       | THPT Yên Lạc 2                              | Xã Liên Châu H Yên Lạc            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1603 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 053       | THPT Phạm Công Bình                         | Xã Nguyệt Đức H Yên Lạc           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1604 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 054       | TTGDTX Yên Lạc (Trước năm 2015)             | Xã Tam Hồng H Yên Lạc             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1605 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 055       | THPT Đồng Đậu                               | Xã Tam Hồng H Yên Lạc             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1606 | 16         | Vĩnh Phúc   | 05            | Huyện Yên Lạc      | 056       | TT GDNN-GDTX Yên Lạc                        | Xã Tam Hồng H Yên Lạc             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1607 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 061       | THPT Bình Xuyên                             | ITr. Hương Canh H Bình Xuyên      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1608 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 062       | THPT Quang Hà                               | ITr. Gia Khánh H Bình Xuyên       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1609 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 063       | THPT Vô Thị Sáu                             | Xã Phú Xuân H Bình Xuyên          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1610 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 064       | TTGDTX Bình Xuyên (Trước năm 2015)          | ITr. Hương Canh H Bình Xuyên      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1611 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 065       | CD cơ khí nông nghiệp                       | Xã Tam Hợp H Bình Xuyên           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1612 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 066       | THPT Nguyễn Duy Thi (Trước năm 2019)        | ITr. Gia Khánh H Bình Xuyên       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1613 | 16         | Vĩnh Phúc   | 06            | Huyện Bình Xuyên   | 067       | TT GDNN-GDTX Bình Xuyên                     | ITr. Hương Canh H Bình Xuyên      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1614 | 16         | Vĩnh Phúc   | 07            | Huyện Sông Lô      | 071       | THPT Sáng Sơn (TT Tam Sơn)                  | ITr. Tam Sơn H Sông Lô            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1615 | 16         | Vĩnh Phúc   | 07            | Huyện Sông Lô      | 072       | THPT Bình Sơn                               | Xã Nhân Đạo H Sông Lô             | Khu vực 1    | Không       |
| 1616 | 16         | Vĩnh Phúc   | 07            | Huyện Sông Lô      | 073       | THPT Sông Lô (Trước năm 2019)               | Xã Đồng Thịnh. H Sông Lô          | Khu vực 1    | Không       |
| 1617 | 16         | Vĩnh Phúc   | 07            | Huyện Sông Lô      | 074       | THPT Sáng Sơn (xã Đồng Thịnh)               | Xã Đồng Thịnh. H Sông Lô          | Khu vực 1    | Không       |
| 1618 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 080       | TT GDNN-GDTX Phúc Yên                       | Ph Hùng Vương Thị xã Phúc Yên     | Khu vực 2    | Không       |
| 1619 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 081       | THPT Bến Tre                                | Ph Hùng Vương Thị xã Phúc Yên     | Khu vực 2    | Không       |
| 1620 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 082       | THCS&THPT Hai Bà Trưng (Trước năm 2018)     | Ph Trung Nhị Thị xã Phúc Yên      | Khu vực 2    | Không       |
| 1621 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 083       | THPT Xuân Hòa                               | Ph Xuân Hòa Thị xã Phúc Yên       | Khu vực 2    | Không       |
| 1622 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 084       | TC nghề kỹ thuật xây dựng và nghiệp vụ      | Ph Đồng Xuân Thị xã Phúc Yên      | Khu vực 2    | Không       |
| 1623 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 085       | THPT Phúc Yên (Trước năm 2018)              | Ph Hùng Vương Thị xã Phúc Yên     | Khu vực 2    | Không       |
| 1624 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 086       | TTGDTX Phúc Yên (Trước năm 2015)            | Ph Hùng Vương Thị xã Phúc Yên     | Khu vực 2    | Không       |
| 1625 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 087       | CD Công nghiệp và Thương mại                | Ph Trung Nhị Thị xã Phúc Yên      | Khu vực 2    | Không       |
| 1626 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 088       | Trung cấp xây dựng số 4                     | Phường Xuân Hòa Thị xã Phúc Yên   | Khu vực 2    | Không       |
| 1627 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 089       | CD nghề Việt Xô số 1                        | Ph Xuân Hòa Thị xã Phúc Yên       | Khu vực 2    | Không       |
| 1628 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 090       | PT DTNT THCS&THPT Phúc Yên (Trước năm 2020) | Ngọc Thanh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc   | Khu vực 1    | Có          |
| 1629 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 095       | THPT Hai Bà Trưng                           | Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc   | Khu vực 2    | Không       |
| 1630 | 16         | Vĩnh Phúc   | 08            | Thành phố Phúc Yên | 096       | PT DTNT cấp 2-3 Vĩnh Phúc (Xã Ngọc Thanh)   | Xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên | Khu vực 1    | Có          |
| 1631 | 16         | Vĩnh Phúc   | 09            | Huyện Tam Đảo      | 091       | THPT Tam Đảo                                | Xã Tam Quan H Tam Đảo             | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                                      | Địa Chỉ                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------|-------------|
| 1632 | 16         | Vĩnh Phúc   | 09            | Huyện Tam Đảo          | 092       | TTGDTX Tam Đảo (Trước năm 2015)                                                 | Xã Hồ Sơn H. Tam Đảo                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1633 | 16         | Vĩnh Phúc   | 09            | Huyện Tam Đảo          | 093       | THPT Tam Đảo 2                                                                  | Xã Bồ Lý H Tam Đảo                   | Khu vực 1 | Không       |
| 1634 | 16         | Vĩnh Phúc   | 09            | Huyện Tam Đảo          | 094       | TT GDNN-GDTX Tam Đảo                                                            | Xã Hồ Sơn H. Tam Đảo                 | Khu vực 1 | Không       |
| 1635 | 17         | Quảng Ninh  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 17                                                             | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1636 | 17         | Quảng Ninh  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 17                                                   | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1637 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 001       | THPT Chuyên Hạ Long                                                             | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1638 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 002       | TT HN&GDTX tỉnh                                                                 | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1639 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 003       | PT DTNT tỉnh                                                                    | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Có          |
| 1640 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 004       | THPT Hòn Gai                                                                    | P. Hồng Hải, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1641 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 005       | THPT Ngô Quyền                                                                  | P. Cao Thắng, TP Hạ Long             | Khu vực 2 | Không       |
| 1642 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 006       | THPT Vũ Văn Hiếu                                                                | P. Hà Tu, TP Hạ Long                 | Khu vực 2 | Không       |
| 1643 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 007       | THPT Bãi Cháy                                                                   | P. Bãi Cháy, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1644 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 008       | TH-THCS-THPT Lê Thánh Tông                                                      | P. Hồng Hà, TP Hạ Long               | Khu vực 2 | Không       |
| 1645 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 009       | THPT Hạ Long                                                                    | P. Cao Xanh, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1646 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 010       | TH THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm                                                  | P. Hà Khẩu, TP Hạ Long               | Khu vực 2 | Không       |
| 1647 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 011       | TH-THCS-THPT Văn Lang                                                           | P. Hồng Gai, TP. Hạ Long             | Khu vực 2 | Không       |
| 1648 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 012       | TH-THCS-THPT Đoàn Thị Điểm Hạ Long                                              | P. Cao Xanh, TP Hạ Long              | Khu vực 2 | Không       |
| 1649 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 088       | THPT Hoành Bồ (Từ 01/01/2020)                                                   | Phường Hoành Bồ, thành phố Hạ Long   | Khu vực 2 | Không       |
| 1650 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 089       | Trung tâm GDNN-GDTX Hạ Long (Từ 01/01/2020)                                     | Phường Hoành Bồ, thành phố Hạ Long   | Khu vực 2 | Không       |
| 1651 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 091       | THPT Quảng La (Từ 01/01/2020)                                                   | Xã Quảng La, thành phố Hạ Long       | Khu vực 1 | Không       |
| 1652 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 092       | THPT Thống Nhất (Từ 01/01/2020)                                                 | Xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long     | Khu vực 1 | Không       |
| 1653 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 093       | Cao đẳng Giao thông Quảng Ninh                                                  | Phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long    | Khu vực 2 | Không       |
| 1654 | 17         | Quảng Ninh  | 01            | Thành phố Hạ Long      | 094       | Trung tâm HN&GDTX tỉnh (Cơ sở CĐ Giao thông Quảng Ninh)                         | Phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long    | Khu vực 2 | Không       |
| 1655 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 013       | THPT Cẩm Phả                                                                    | P. Cẩm Thành, TP Cẩm Phả             | Khu vực 2 | Không       |
| 1656 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 014       | THPT Lê Hồng Phong                                                              | P. Cẩm Phú, TP Cẩm Phả               | Khu vực 2 | Không       |
| 1657 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 015       | THPT Cửa Ông                                                                    | P. Cửa Ông, TP Cẩm Phả               | Khu vực 2 | Không       |
| 1658 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 016       | THPT Lê Quý Đôn                                                                 | P. Quang Hanh, TP Cẩm Phả            | Khu vực 1 | Không       |
| 1659 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 017       | THPT Mông Dương                                                                 | P. Mông Dương, TP Cẩm Phả            | Khu vực 1 | Không       |
| 1660 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 018       | THPT Lương Thế Vinh                                                             | P. Cẩm Trung, TP Cẩm Phả             | Khu vực 2 | Không       |
| 1661 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 019       | THPT Hùng Vương                                                                 | P. Cẩm Phú, TP Cẩm Phả               | Khu vực 2 | Không       |
| 1662 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 020       | Trung Tâm GDNN&GDTX Cẩm Phả                                                     | P. Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả               | Khu vực 2 | Không       |
| 1663 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 021       | CĐ Công nghiệp Cẩm Phả (Trước năm học 2019-2020)                                | P. Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả              | Khu vực 2 | Không       |
| 1664 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 083       | Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Phả (Cơ sở CĐ Công nghiệp Cẩm Phả)                      | P. Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả              | Khu vực 2 | Không       |
| 1665 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả      | 090       | Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam Phân hiệu Cẩm Phả (Trước năm học 2019-2020) | Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                                     | Địa Chỉ                              | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------|-------------|
| 1666 | 17         | Quảng Ninh  | 02            | Thành phố Cẩm Phả  | 095       | Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Phả (Cơ sở CD T-KS Việt Nam)           | Phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả | Khu vực 1    | Không       |
| 1667 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 022       | THPT Uông Bí                                                   | P. Quang Trung, TP Uông Bí           | Khu vực 2    | Không       |
| 1668 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 023       | THPT Hoàng Văn Thụ                                             | P. Vàng Danh, TP Uông Bí             | Khu vực 1    | Không       |
| 1669 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 024       | Trung Tâm GDNN&GDTX Uông Bí                                    | P. Quang Trung, TP Uông Bí           | Khu vực 2    | Không       |
| 1670 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 025       | THPT Hồng Đức                                                  | P. Quang Trung, TP Uông Bí           | Khu vực 2    | Không       |
| 1671 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 026       | THPT Nguyễn Tất Thành                                          | P. Phương Đông, TP Uông Bí           | Khu vực 1    | Không       |
| 1672 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 027       | Cao đẳng Công nghiệp và Xây dựng (Trước năm học 2019-2020)     | P. Phương Đông, TP Uông Bí           | Khu vực 1    | Không       |
| 1673 | 17         | Quảng Ninh  | 03            | Thành phố Uông Bí  | 084       | Trung tâm GDNN-GDTX Uông Bí (Cơ sở CD Công nghiệp và xây dựng) | P. Phương Đông, TP Uông Bí           | Khu vực 1    | Không       |
| 1674 | 17         | Quảng Ninh  | 04            | Thành phố Móng Cái | 028       | THPT Trần Phú                                                  | P. Ka Long, TP Móng Cái              | Khu vực 2    | Không       |
| 1675 | 17         | Quảng Ninh  | 04            | Thành phố Móng Cái | 029       | THPT Lý Thường Kiệt                                            | X. Hải Tiến, TP Móng Cái             | Khu vực 1    | Không       |
| 1676 | 17         | Quảng Ninh  | 04            | Thành phố Móng Cái | 030       | THCS&THPT Chu Văn An                                           | P. Trần Phú, TP Móng Cái             | Khu vực 2    | Không       |
| 1677 | 17         | Quảng Ninh  | 04            | Thành phố Móng Cái | 031       | Trung Tâm GDNN&GDTX Móng Cái                                   | P. Hoà Lạc, TP Móng Cái              | Khu vực 2    | Không       |
| 1678 | 17         | Quảng Ninh  | 05            | Huyện Bình Liêu    | 032       | THPT Bình Liêu                                                 | TT. Bình Liêu, Huyện Bình Liêu       | Khu vực 1    | Không       |
| 1679 | 17         | Quảng Ninh  | 05            | Huyện Bình Liêu    | 033       | THCS&THPT Hoành Mô                                             | X. Hoành Mô, Huyện Bình Liêu         | Khu vực 1    | Không       |
| 1680 | 17         | Quảng Ninh  | 05            | Huyện Bình Liêu    | 034       | Trung tâm GDNN&GDTX Bình Liêu                                  | TT. Bình Liêu, Huyện Bình Liêu       | Khu vực 1    | Không       |
| 1681 | 17         | Quảng Ninh  | 06            | Huyện Đầm Hà       | 035       | THPT Đầm Hà                                                    | TT. Đầm Hà, Huyện Đầm Hà             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1682 | 17         | Quảng Ninh  | 06            | Huyện Đầm Hà       | 036       | THCS&THPT Lê Lợi                                               | X. Quảng Tân, Huyện Đầm Hà           | Khu vực 1    | Không       |
| 1683 | 17         | Quảng Ninh  | 06            | Huyện Đầm Hà       | 037       | Trung Tâm GDNN&GDTX Đầm Hà                                     | TT. Đầm Hà, Huyện Đầm Hà             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1684 | 17         | Quảng Ninh  | 07            | Huyện Hải Hà       | 038       | THPT Quảng Hà                                                  | TT. Quảng Hà, Huyện Hải Hà           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1685 | 17         | Quảng Ninh  | 07            | Huyện Hải Hà       | 039       | THPT Nguyễn Du                                                 | TT. Quảng Hà, Huyện Hải Hà           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1686 | 17         | Quảng Ninh  | 07            | Huyện Hải Hà       | 040       | Trung Tâm GDNN&GDTX Hải Hà                                     | TT. Quảng Hà, Huyện Hải Hà           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1687 | 17         | Quảng Ninh  | 07            | Huyện Hải Hà       | 041       | THCS&THPT Đường Hoa Cương                                      | X. Quảng Long, Huyện Hải Hà          | Khu vực 1    | Không       |
| 1688 | 17         | Quảng Ninh  | 08            | Huyện Tiên Yên     | 042       | THPT Tiên Yên                                                  | TT. Tiên Yên, Huyện Tiên Yên         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1689 | 17         | Quảng Ninh  | 08            | Huyện Tiên Yên     | 043       | THPT Hải Đông                                                  | X. Đông Hải, Huyện Tiên Yên          | Khu vực 1    | Không       |
| 1690 | 17         | Quảng Ninh  | 08            | Huyện Tiên Yên     | 044       | THPT Nguyễn Trãi                                               | X. Tiên Lãng, Huyện Tiên Yên         | Khu vực 1    | Không       |
| 1691 | 17         | Quảng Ninh  | 08            | Huyện Tiên Yên     | 045       | Trung Tâm GDNN&GDTX Tiên Yên                                   | TT. Tiên Yên, Huyện Tiên Yên         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1692 | 17         | Quảng Ninh  | 08            | Huyện Tiên Yên     | 046       | PT DTNT THCS&THPT Tiên Yên                                     | X. Tiên Lãng, Huyện Tiên Yên         | Khu vực 1    | Có          |
| 1693 | 17         | Quảng Ninh  | 09            | Huyện Ba Chẽ       | 047       | THPT Ba Chẽ                                                    | TT. Ba Chẽ, Huyện Ba Chẽ             | Khu vực 1    | Không       |
| 1694 | 17         | Quảng Ninh  | 09            | Huyện Ba Chẽ       | 048       | Trung Tâm GDNN - GDTX Ba Chẽ                                   | TT. Ba Chẽ, Huyện Ba Chẽ             | Khu vực 1    | Không       |
| 1695 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 049       | THPT Đông Triều                                                | P. Đức Chính, TX Đông Triều          | Khu vực 2    | Không       |
| 1696 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 050       | THPT Hoàng Quốc Việt                                           | P. Mạo Khê, TX Đông Triều            | Khu vực 1    | Không       |
| 1697 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 051       | THPT Hoàng Hoa Thám                                            | X. Hoàng Quế, TX Đông Triều          | Khu vực 1    | Không       |
| 1698 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 052       | THPT Lê Chân                                                   | X. Thuỷ An, TX Đông Triều            | Khu vực 1    | Không       |
| 1699 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 053       | THPT Trần Nhân Tông                                            | P. Mạo Khê, TX Đông Triều            | Khu vực 1    | Không       |
| 1700 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều  | 054       | THPT Nguyễn Bình                                               | X. Thuỷ An, TX Đông Triều            | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                    | Mã Trường | Tên Trường                                                       | Địa Chỉ                                                                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------------------------|-----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1701 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều                 | 055       | Trung Tâm GDNN&GDTX Đông Triều                                   | P. Mạo Khê, TX Đông Triều                                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 1702 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều                 | 056       | Đại học Công nghiệp Quảng Ninh (Trước năm học 2019-2020)         | X. Yên Thọ, TX Đông Triều                                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 1703 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều                 | 057       | TH-THCS&THPT Trần Hưng Đạo                                       | X. Yên Thọ, TX Đông Triều                                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 1704 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều                 | 076       | THPT Đông Triều (Năm 2015 về trước)                              | X. Đức Chính, H. Đông Triều, Quảng Ninh                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1705 | 17         | Quảng Ninh  | 10            | Thị xã Đông Triều                 | 086       | Trung tâm GDNN-GDTX Đông Triều (Cơ sở ĐH Công nghiệp Quảng Ninh) | Xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều                                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1706 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 058       | THPT Bạch Đằng                                                   | P. Quảng Yên, TX Quảng Yên                                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 1707 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 059       | THPT Minh Hà                                                     | X. Cẩm La, TX Quảng Yên                                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 1708 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 060       | THPT Đông Thành                                                  | P. Minh Thành, TX Quảng Yên                                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 1709 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 061       | TH-THCS-THPT Yên Hưng                                            | P. Quảng Yên, TX Quảng Yên                                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 1710 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 062       | THPT Trần Quốc Tuấn                                              | P. Minh Thành, TX Quảng Yên                                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 1711 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 063       | THPT Ngô Gia Tự                                                  | X. Liên Hoà, TX Quảng Yên                                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1712 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 064       | Trung Tâm GDNN&GDTX Quảng Yên                                    | P. Quảng Yên, TX Quảng Yên                                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 1713 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 077       | THPT Bạch Đằng (Năm 2012 về trước)                               | TT. Quảng Yên, H. Yên Hưng                                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1714 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 078       | THPT Minh Hà (Năm 2012 về trước)                                 | X. Cẩm La, H. Yên Hưng                                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1715 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 079       | THPT Yên Hưng (Năm 2012 về trước)                                | TT. Quảng Yên, H. Yên Hưng                                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1716 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 080       | THPT Ngô Gia Tự (Năm 2012 về trước)                              | X. Liên Hoà, H. Yên Hưng                                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1717 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 081       | Trung tâm GDHN-GDTX Quảng Yên (Năm 2012 về trước)                | TT. Quảng Yên, H. Yên Hưng                                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1718 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 082       | Cao đẳng Nông lâm Đông bắc (Trước năm học 2019-2020)             | Số 607, đường Mạc Đăng Dung, phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh | Khu vực 1    | Không       |
| 1719 | 17         | Quảng Ninh  | 11            | Thị xã Quảng Yên                  | 085       | Trung tâm GDNN-GDTX Quảng Yên (Cơ sở CĐ Nông lâm Đông Bắc)       | Phường Minh Thành thị xã Quảng Yên                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 1720 | 17         | Quảng Ninh  | 12            | Huyện Hoành Bồ (Trước 01/01/2020) | 065       | THPT Hoành Bồ                                                    | TT. Trới, Huyện Hoành Bồ                                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1721 | 17         | Quảng Ninh  | 12            | Huyện Hoành Bồ (Trước 01/01/2020) | 066       | THPT Quảng La                                                    | X. Quảng La, Huyện Hoành Bồ                                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 1722 | 17         | Quảng Ninh  | 12            | Huyện Hoành Bồ (Trước 01/01/2020) | 067       | THPT Thống Nhất                                                  | X. Thống Nhất, Huyện Hoành Bồ                                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1723 | 17         | Quảng Ninh  | 12            | Huyện Hoành Bồ (Trước 01/01/2020) | 068       | Trung Tâm GDNN&GDTX Hoành Bồ                                     | TT. Trới, Huyện Hoành Bồ                                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1724 | 17         | Quảng Ninh  | 13            | Huyện Vân Đồn                     | 069       | THPT Hải Đảo                                                     | X. Hạ Long, Huyện Vân Đồn                                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1725 | 17         | Quảng Ninh  | 13            | Huyện Vân Đồn                     | 070       | THPT Quan Lạn                                                    | X. Quan Lạn, Huyện Vân Đồn                                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 1726 | 17         | Quảng Ninh  | 13            | Huyện Vân Đồn                     | 071       | THPT Trần Khánh Dư                                               | X. Đông Xá, Huyện Vân Đồn                                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 1727 | 17         | Quảng Ninh  | 13            | Huyện Vân Đồn                     | 072       | Trung Tâm GDNN&GDTX Vân Đồn                                      | X. Hạ Long, Huyện Vân Đồn                                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1728 | 17         | Quảng Ninh  | 14            | Huyện Cô Tô                       | 073       | THPT Cô Tô                                                       | TT. Cô Tô, Huyện Cô Tô                                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 1729 | 17         | Quảng Ninh  | 14            | Huyện Cô Tô                       | 074       | Trung Tâm GDNN&GDTX Cô Tô                                        | TT. Cô Tô, Huyện Cô Tô                                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 1730 | 18         | Bắc Giang   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo            | 800       | Học ở nước ngoài 18                                              |                                                                                   | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                             | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------|-------------------------------------|-----------|-------------|
| 1731 | 18         | Bắc Giang   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 18          |                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 1732 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 011       | THPT Ngô Sĩ Liên                       | P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang         | Khu vực 2 | Không       |
| 1733 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 012       | THPT Chuyên Bắc Giang                  | P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang         | Khu vực 2 | Không       |
| 1734 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 013       | THPT Thái Thuận                        | P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang         | Khu vực 2 | Không       |
| 1735 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 038       | PTTH Dân lập Nguyễn Hồng               | P. Trần Nguyên Hân, Tp. Bắc Giang   | Khu vực 2 | Không       |
| 1736 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 039       | PTTH Dân lập Hồ Tùng Mậu               | Xã Đa Mai, Tp. Bắc Giang            | Khu vực 2 | Không       |
| 1737 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 040       | PT DTNT tỉnh Bắc Giang                 | P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang         | Khu vực 2 | Có          |
| 1738 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 041       | TT GDTX tỉnh Bắc Giang                 | P. Đình Kế, Tp. Bắc Giang           | Khu vực 2 | Không       |
| 1739 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 042       | TT Ngoại ngữ -Tin học Bắc Giang        | P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang         | Khu vực 2 | Không       |
| 1740 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 043       | TT GD KTTT Hướng nghiệp                | P. Xương Giang, Tp. Bắc Giang       | Khu vực 2 | Không       |
| 1741 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 061       | CĐ Nghề Bắc Giang                      | Xã Đình tri, Tp. Bắc Giang          | Khu vực 1 | Không       |
| 1742 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 067       | CĐ Kỹ thuật Công nghiệp                | P. Trần Nguyên Hân, Tp. Bắc Giang   | Khu vực 2 | Không       |
| 1743 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 077       | TC Nghề Thủ công Mỹ nghệ 19.5          | Xã Tân Mỹ, Tp. Bắc Giang            | Khu vực 2 | Không       |
| 1744 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 079       | TC Nghề GTVT                           | Xã Song Mai, Tp. Bắc Giang          | Khu vực 2 | Không       |
| 1745 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 080       | TC Nghề Lái xe số 1                    | P. Trần Nguyên Hân, Tp Bắc Giang    | Khu vực 2 | Không       |
| 1746 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 082       | THPT Giáp Hải                          | Xã Tân Mỹ-Tp.Bắc Giang              | Khu vực 2 | Không       |
| 1747 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 083       | TC Văn hóa-Thể thao và Du lịch         | P. Thọ Xương, Tp.Bắc Giang          | Khu vực 2 | Không       |
| 1748 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 084       | CĐ nghề Công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang | Xã Đình Trì, Tp. Bắc Giang          | Khu vực 1 | Không       |
| 1749 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 085       | Tiểu học, THCS, THPT Thu Hương         | P. Hoàng Văn Thụ, Tp Bắc Giang      | Khu vực 2 | Không       |
| 1750 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 086       | TT GDTX - HN tỉnh Bắc Giang            | P. Đình Kế, Tp. Bắc Giang           | Khu vực 2 | Không       |
| 1751 | 18         | Bắc Giang   | 01            | Thành phố Bắc Giang    | 101       | THPT Nguyên Hồng                       | Phường Trần Nguyên Hân TP Bắc Giang | Khu vực 2 | Không       |
| 1752 | 18         | Bắc Giang   | 02            | Huyện Yên Thế          | 014       | THPT Yên Thế                           | ITr. Phồn Xương, H.Yên Thế          | Khu vực 1 | Không       |
| 1753 | 18         | Bắc Giang   | 02            | Huyện Yên Thế          | 015       | THPT Bồ Hạ                             | ITr Bồ Hạ, H.Yên Thế                | Khu vực 1 | Không       |
| 1754 | 18         | Bắc Giang   | 02            | Huyện Yên Thế          | 044       | THPT Mỏ Trạng                          | Xã Tam Tiên, H.Yên Thế              | Khu vực 1 | Không       |
| 1755 | 18         | Bắc Giang   | 02            | Huyện Yên Thế          | 045       | TT GDTX DN H.Yên Thế                   | ITr. Cầu Gò, H.Yên Thế              | Khu vực 1 | Không       |
| 1756 | 18         | Bắc Giang   | 02            | Huyện Yên Thế          | 075       | TC Nghề MN Yên Thế                     | ITr. Phồn Xương, H.Yên Thế          | Khu vực 1 | Không       |
| 1757 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 016       | THPT Lục Ngạn số 1                     | ITr. Chũ, H.Lục Ngạn                | Khu vực 1 | Không       |
| 1758 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 017       | THPT Lục Ngạn số 2                     | Xã Tân Hoa, H.Lục Ngạn              | Khu vực 1 | Không       |
| 1759 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 018       | THPT Lục Ngạn số 3                     | Xã Phượng Sơn, H.Lục Ngạn           | Khu vực 1 | Không       |
| 1760 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 046       | THPT Lục Ngạn số 4                     | Xã Tân Sơn, H.Lục Ngạn              | Khu vực 1 | Không       |
| 1761 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 047       | TT GDTX-DN H.Lục Ngạn                  | ITr. Chũ, H.Lục Ngạn                | Khu vực 1 | Không       |
| 1762 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 068       | PT DTNT H.Lục Ngạn                     | Xã Kiên Thành, H.Lục Ngạn           | Khu vực 1 | Có          |
| 1763 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 070       | THPT Bán công H.Lục Ngạn               | ITr. Chũ, H.Lục Ngạn                | Khu vực 1 | Không       |
| 1764 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 087       | TT GDNN-GDTX H.Lục Ngạn                | ITr. Chũ, H.Lục Ngạn                | Khu vực 1 | Không       |
| 1765 | 18         | Bắc Giang   | 03            | Huyện Lục Ngạn         | 102       | THPT Lục Ngạn số 5                     | Xã Trù Hựu, Huyện Lục Ngạn          | Khu vực 1 | Không       |
| 1766 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 048       | THPT Sơn Động số 1                     | Xã Vĩnh An, H.Sơn Động              | Khu vực 1 | Không       |
| 1767 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 049       | PT DTNT H.Sơn Động                     | ITr. An Châu, H.Sơn Động            | Khu vực 1 | Có          |
| 1768 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 050       | THPT Sơn Động số 2                     | Xã Cẩm Đàn, H.Sơn Động              | Khu vực 1 | Không       |
| 1769 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 051       | TT GDTX-DN H.Sơn Động                  | ITr. An Châu, H.Sơn Động            | Khu vực 1 | Không       |
| 1770 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 069       | THPT Sơn Động số 3                     | ITr. Tây Yên Tử, H.Sơn Động         | Khu vực 1 | Không       |
| 1771 | 18         | Bắc Giang   | 04            | Huyện Sơn Động         | 088       | TT GDNN-GDTX H.Sơn Động                | ITr. An Châu, H.Sơn Động            | Khu vực 1 | Không       |
| 1772 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam          | 019       | THPT Lục Nam                           | ITr. Đồi Ngô, H.Lục Nam             | Khu vực 1 | Không       |
| 1773 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam          | 020       | THPT Cẩm Lý                            | Xã Cẩm Lý, H.Lục Nam                | Khu vực 1 | Không       |
| 1774 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam          | 021       | THPT Phương Sơn                        | Xã Phương Sơn, H.Lục Nam            | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                      | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------------------|-----------|----------------------------------|-----------------------------|--------------|-------------|
| 1775 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 022       | THPT Tứ Sơn                      | Xã Trường Sơn, H.Lục Nam    | Khu vực 1    | Không       |
| 1776 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 052       | PTTH dân lập Đồi Ngô             | Xã Tiên Hưng H.Lục Nam      | Khu vực 1    | Không       |
| 1777 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 053       | TT GDTX-DN H.Lục Nam             | ITr. Đồi Ngô, H.Lục Nam     | Khu vực 1    | Không       |
| 1778 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 071       | THPT tư thực Thanh Hồ            | Xã Thanh Lâm, H.Lục Nam     | Khu vực 1    | Không       |
| 1779 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 089       | THPT Đồi Ngô                     | ITr Đồi Ngô, H.Lục Nam      | Khu vực 1    | Không       |
| 1780 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 090       | TT GDNN-GDTX H.Lục Nam           | ITr. Đồi Ngô, H.Lục Nam     | Khu vực 1    | Không       |
| 1781 | 18         | Bắc Giang   | 05            | Huyện Lục Nam                       | 091       | THPT Thanh Lâm                   | Xã Thanh Lâm, H.Lục Nam     | Khu vực 1    | Không       |
| 1782 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 023       | THPT Tân Yên số 1                | ITr Cao Thượng, H.Tân Yên   | Khu vực 1    | Không       |
| 1783 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 024       | THPT Tân Yên số 2                | Xã Lam Côt, H.Tân Yên       | Khu vực 1    | Không       |
| 1784 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 025       | THPT Nhã Nam                     | ITr. Nhã Nam, H.Tân Yên     | Khu vực 1    | Không       |
| 1785 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 054       | PTTH dân lập Tân Yên             | ITr. Cao Thượng, H.Tân Yên  | Khu vực 1    | Không       |
| 1786 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 055       | TT GDTX-DN H.Tân Yên             | Xã Cao Xá, H.Tân Yên        | Khu vực 1    | Không       |
| 1787 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 092       | THPT Hoàng Hoa Thám              | ITr. Cao Thượng, H.Tân Yên  | Khu vực 1    | Không       |
| 1788 | 18         | Bắc Giang   | 06            | Huyện Tân Yên                       | 093       | TT GDNN-GDTX H.Tân Yên           | Xã Cao Xá, H.Tân Yên        | Khu vực 1    | Không       |
| 1789 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 026       | THPT Hiệp Hòa số 1               | ITr. Thắng, H.Hiệp Hòa      | Khu vực 1    | Không       |
| 1790 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 027       | THPT Hiệp Hòa số 2               | Xã Bắc Lý, H.Hiệp Hòa       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1791 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 028       | THPT Hiệp Hòa số 3               | Xã Hùng Sơn, H.Hiệp Hòa     | Khu vực 1    | Không       |
| 1792 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 056       | THPT dân lập Hiệp Hòa 1          | ITr. Thắng, H.Hiệp Hòa      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1793 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 057       | THPT Dân lập số 2 Hiệp Hòa       | Xã Hương Lâm, H. Hiệp Hòa   | Khu vực 1    | Không       |
| 1794 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 058       | TT GDTX-DN H. Hiệp Hòa           | ITr. Thắng, H.Hiệp Hòa      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1795 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 074       | THPT Hiệp Hòa số 4               | Xã Hoàng An, H.Hiệp Hòa     | Khu vực 1    | Không       |
| 1796 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 081       | THCS và THPT Hiệp Hòa            | Xã Đức Thắng, H.Hiệp Hòa    | Khu vực 1    | Không       |
| 1797 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 094       | THPT Hiệp Hòa số 5               | ITr. Thắng, H.Hiệp Hòa      | Khu vực 1    | Không       |
| 1798 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 095       | TT GDNN-GDTX H. Hiệp Hòa         | ITr. Thắng, H.Hiệp Hòa      | Khu vực 1    | Không       |
| 1799 | 18         | Bắc Giang   | 07            | Huyện Hiệp Hòa                      | 100       | THPT Hiệp Hoà số 6               | Xã Hương Lâm huyện Hiệp Hoà | Khu vực 1    | Không       |
| 1800 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 029       | THPT Lạng Giang số 1             | Xã Yên Mỹ, H.Lạng Giang     | Khu vực 1    | Không       |
| 1801 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 030       | THPT Lạng Giang số 2             | ITr Kép, H.Lạng Giang       | Khu vực 1    | Không       |
| 1802 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 031       | THPT Lạng Giang số 3             | Xã Mỹ Hà, H.Lạng Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 1803 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 059       | THPT Dân lập Thái Đào            | Xã Thái Đào, H.Lạng Giang   | Khu vực 1    | Không       |
| 1804 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 060       | THPT Dân Lập Phi Mô              | Xã Phi Mô, H.Lạng Giang     | Khu vực 1    | Không       |
| 1805 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 062       | TT GDTX-DN H.Lạng Giang          | ITr. Vôi, H.Lạng Giang      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1806 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 076       | TC Nghề số 12 Bộ Quốc phòng      | ITr. Vôi, H.Lạng Giang      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1807 | 18         | Bắc Giang   | 08            | Huyện Lạng Giang (Trước 01/01/2020) | 096       | TT GDNN-GDTX H.Lạng Giang        | ITr. Vôi, H.Lạng Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 1808 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 032       | THPT Việt Yên số 1               | ITr. Bích Động, H.Việt Yên  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1809 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 033       | THPT Việt Yên số 2               | Xã Tự Lạn, H.Việt Yên       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1810 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 034       | THPT Lý Thường Kiệt              | Xã Tiên Sơn, H. Việt Yên    | Khu vực 1    | Không       |
| 1811 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 063       | TH, THCS, THPT Nguyễn Bình Khiêm | Xã Quảng Minh, H.Việt Yên   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1812 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 064       | TT GDTX-DN H.Việt Yên            | ITr Bích Động, H.Việt Yên   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1813 | 18         | Bắc Giang   | 09            | Huyện Việt Yên                      | 097       | TT GDNN-GDTX H.Việt Yên          | ITr Bích Động, H.Việt Yên   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1814 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 035       | THPT Yên Dũng số 1               | ITr Nham Biền, H.Yên Dũng   | Khu vực 1    | Không       |
| 1815 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 036       | THPT Yên Dũng số 2               | ITr Tân An, H.Yên Dũng      | Khu vực 1    | Không       |
| 1816 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 037       | THPT Yên Dũng số 3               | Xã Cảnh Thụy, H.Yên Dũng    | Khu vực 1    | Không       |
| 1817 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 065       | THPT Dân lập Yên Dũng            | Xã Tiên Phong, H.Yên Dũng   | Khu vực 1    | Không       |
| 1818 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 066       | TT GDTX-DN H.Yên Dũng            | Xã Nham Sơn, H.Yên Dũng     | Khu vực 1    | Không       |
| 1819 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng                      | 072       | THPT dân lập Quang Trung         | Xã Cảnh Thụy, H.Yên Dũng    | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                          | Địa Chỉ                                      | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1820 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng         | 073       | THPT tư thực Thái Sơn                               | Xã Quỳnh Sơn, H.Yên Dũng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1821 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng         | 098       | TT GDNN-GDTX H.Yên Dũng                             | ITr Nham Biền, H.Yên Dũng                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1822 | 18         | Bắc Giang   | 10            | Huyện Yên Dũng         | 099       | THPT Quang Trung                                    | Xã Cảnh Thụy, H.Yên Dũng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1823 | 19         | Bắc Ninh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài                                    | 19                                           | Khu vực 3    | Không       |
| 1824 | 19         | Bắc Ninh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ                          | 19                                           | Khu vực 3    | Không       |
| 1825 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 000       | Sở GD&ĐT Bắc Ninh                                   | Số 5 - Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh              | Khu vực 2    | Không       |
| 1826 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 001       | Phòng GD&ĐT Tp Bắc Ninh                             | Ph. Vũ Ninh - TP Bắc Ninh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1827 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 009       | THPT Chuyên Bắc Ninh                                | Ph. Ninh Xá -TP Bắc Ninh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1828 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 012       | THPT Hoàng Quốc Việt                                | Ph. Thị Cầu -TP Bắc Ninh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1829 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 013       | THPT Hàn Thuyên                                     | Ph. Đại Phúc -TP Bắc Ninh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1830 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 025       | THPT Lý Thường Kiệt                                 | Phường Hạp Lĩnh -TP. Bắc Ninh                | Khu vực 2    | Không       |
| 1831 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 027       | THPT Lý Nhân Tông                                   | Phường Vạn An -TP. Bắc Ninh                  | Khu vực 2    | Không       |
| 1832 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 028       | PT có nhiều cấp học Quốc tế Kinh Bắc                | Ph. Võ Cường - TP. Bắc Ninh                  | Khu vực 2    | Không       |
| 1833 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 031       | THPT Nguyễn Du                                      | Phường Võ Cường -Bắc Ninh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1834 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 037       | TT GDTX Bắc Ninh                                    | Đường Nguyễn Đăng Đạo -TP. Bắc Ninh          | Khu vực 2    | Không       |
| 1835 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 045       | CĐ Nghề Kinh tế Kỹ thuật Bắc Ninh                   | Ph. Đại Phúc -TP Bắc Ninh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 1836 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 046       | CĐ Nghề Cơ điện Xây dựng Bắc Ninh                   | Ph. Đại Phúc TP Bắc Ninh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1837 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 050       | THPT Hàm Long                                       | Xã Nam Sơn -Thành phố Bắc Ninh               | Khu vực 2    | Không       |
| 1838 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 058       | TC nghề Kinh tế, Kỹ thuật Bắc Ninh                  | 213 Ngô Gia Tự, Ph. Suối Hoa, TP Bắc Ninh    | Khu vực 2    | Không       |
| 1839 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 059       | THPT Bắc Ninh                                       | Phường Đại Phúc, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. | Khu vực 2    | Không       |
| 1840 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 062       | Cao đẳng thông kê                                   | Phường Vệ An, TP Bắc Ninh, Bắc Ninh          | Khu vực 2    | Không       |
| 1841 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 063       | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật thương mại số 1 |                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 1842 | 19         | Bắc Ninh    | 01            | Thành phố Bắc Ninh     | 071       | Cao đẳng Công nghiệp Bắc Ninh                       | P Đại Phúc - TP Bắc Ninh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1843 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 002       | Phòng GD&ĐT Yên Phong                               | ITr Chờ - Yên Phong                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1844 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 026       | THPT Yên Phong số 1                                 | ITr. Chờ -Yên Phong                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1845 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 032       | THPT Nguyễn Trãi                                    | ITr. Chờ -Yên Phong                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1846 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 038       | TT GDTX Yên Phong                                   | ITr. Chờ -Yên Phong                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1847 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 049       | THPT Yên Phong số 2                                 | Xã Yên Trung -H. Yên Phong                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1848 | 19         | Bắc Ninh    | 02            | Huyện Yên Phong        | 065       | TT GDNN-GDTX Yên Phong                              | ITr Chờ                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1849 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 003       | Phòng GD&ĐT Quế Võ                                  | ITr Phố Mới - Quế Võ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1850 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 018       | THPT Quế Võ số 1                                    | ITr. Phố Mới - Quế Võ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1851 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 019       | THPT Quế Võ số 2                                    | Đào Viên - Quế võ                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1852 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 020       | THPT Quế Võ số 3                                    | Mô Đạo - Quế Võ                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1853 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 033       | THPT Phố Mới                                        | ITr. Phố Mới -Quế Võ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1854 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 039       | TT GDTX số 2 tỉnh Bắc Ninh                          | ITr. Phố Mới - Quế Võ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1855 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 047       | THPT Trần Hưng Đạo                                  | Đào Viên -Quế Võ -Bắc Ninh                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1856 | 19         | Bắc Ninh    | 03            | Huyện Quế Võ           | 066       | TT GDNN-GDTX Bắc Ninh                               | ITr Phố Mới                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1857 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 004       | Phòng GD&ĐT Tiên Du                                 | ITr Lim - Tiên Du                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1858 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 024       | THPT Tiên Du số 1                                   | Xã Việt Đoàn -Tiên Du                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1859 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 035       | THPT Trần Nhân Tông                                 | Xã Liên Bảo -Tiên Du                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1860 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 040       | TT GDTX Tiên Du                                     | ITr. Lim -Tiên Du                            | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                        | Địa Chỉ                                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1861 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 048       | THPT Nguyễn Đăng Đạo              | ITr. Lim - Tiên Du - Bắc Ninh                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1862 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 051       | THPT Lê Quý Đôn                   | Xã Đại Đồng -H. Tiên Du                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1863 | 19         | Bắc Ninh    | 04            | Huyện Tiên Du          | 069       | TT GDNN-GDTX Tiên Du              | IT Lim                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1864 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 005       | Phòng GD&ĐT Từ Sơn                | Ph. Đình Bảng - TX Từ Sơn                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1865 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 016       | THPT Lý Thái Tổ                   | Ph. Đình Bảng - TX. Từ Sơn                        | Khu vực 2    | Không       |
| 1866 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 017       | THPT Ngô Gia Tự                   | Xã Tam Sơn -TX. Từ Sơn                            | Khu vực 2    | Không       |
| 1867 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 036       | THPT Từ Sơn                       | Ph. Tráng Hạ - TX. Từ Sơn                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1868 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 041       | TT GDTX Từ Sơn                    | IX Từ Sơn - Bắc Ninh                              | Khu vực 2    | Không       |
| 1869 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 053       | THPT Nguyễn Văn Cừ                | Xã Phù Khê, TX. Từ Sơn                            | Khu vực 2    | Không       |
| 1870 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 055       | PT năng khiếu TDTT Olympic        | Ph. Trang Hạ, TX Từ Sơn, Bắc Ninh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 1871 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 056       | CD Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản  | Ph. Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh            | Khu vực 2    | Không       |
| 1872 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 057       | CD Công nghiệp Hưng Yên (cơ sở 2) | Ph. Đồng Kỵ-TX Từ Sơn                             | Khu vực 2    | Không       |
| 1873 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 060       | Trường Phổ thông IVS              |                                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 1874 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 064       | TT GDNN-GDTX Từ Sơn               | IX Từ Sơn                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1875 | 19         | Bắc Ninh    | 05            | Thị xã Từ Sơn          | 070       | Phổ thông liên cấp Lý Công Uẩn    | IX Từ Sơn                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1876 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 006       | Phòng GD&ĐT Thuận Thành           | IT Hồ - Thuận Thành                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1877 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 021       | THPT Thuận Thành số 1             | Xã Gia Đông - Thuận Thành                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1878 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 022       | THPT Thuận Thành số 2             | Xã Thanh Khương - Thuận Thành                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1879 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 023       | THPT Thuận Thành số 3             | ITr. Hồ - Thuận Thành                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1880 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 034       | THPT Thiên Đức                    | ITr. Hồ - Thuận Thành                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1881 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 042       | TT GDTX Thuận Thành               | ITr. Hồ - Thuận Thành                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1882 | 19         | Bắc Ninh    | 06            | Huyện Thuận Thành      | 054       | THPT Kinh Bắc                     | Hà Mãn, H. Thuận Thành, Bắc Ninh                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1883 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 007       | Phòng GD&ĐT Gia Bình              | IT Gia Bình - Gia Bình                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1884 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 010       | THPT Gia Bình số 1                | Nhân Thắng - Gia Bình                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1885 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 011       | THPT Lê Văn Thịnh                 | ITr Gia Bình - Gia Bình                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1886 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 029       | THPT Gia Bình số 3                | Nhân Thắng -Gia Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1887 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 043       | TT GDTX Gia Bình                  | ITr Gia Bình - Gia Bình                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1888 | 19         | Bắc Ninh    | 07            | Huyện Gia Bình         | 067       | TT GDNN-GDTX Gia Bình             | IT Gia Bình                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1889 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 008       | Phòng GD&ĐT Lương Tài             | IT Thứa - Lương Tài                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1890 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 014       | THPT Lương Tài                    | ITr. Thứa - Lương Tài                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1891 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 015       | THPT Lương Tài số 2               | Trung Kênh - Lương Tài                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1892 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 030       | THPT Lương Tài số 3               | ITr. Thứa -Lương Tài                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1893 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 044       | TT GDTX Lương Tài                 | ITr Thứa -Lương Tài                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1894 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 052       | THPT Hải Á                        | Xã An Thịnh-H. Lương Tài                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1895 | 19         | Bắc Ninh    | 08            | Huyện Lương Tài        | 068       | TT GDNN-GDTX Lương Tài            | IT Thứa                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1896 | 21         | Hải Dương   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_ 21              |                                                   | Khu vực 3    | Không       |
| 1897 | 21         | Hải Dương   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_ 21    |                                                   | Khu vực 3    | Không       |
| 1898 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 013       | THPT Chuyên Nguyễn Trãi           | P. Tân Bình, TP. Hải Dương                        | Khu vực 2    | Không       |
| 1899 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 014       | THPT Hồng Quang                   | Số 1 Chương Dương, P. Trần Phú - TP Hải Dương     | Khu vực 2    | Không       |
| 1900 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 015       | THPT Nguyễn Du                    | Số 13 Đức Minh, P. Tân Bình, TP Hải Dương         | Khu vực 2    | Không       |
| 1901 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 016       | THPT Hoàng Văn Thụ                | P. Ngọc Châu, TP. Hải Dương                       | Khu vực 2    | Không       |
| 1902 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 017       | THPT Nguyễn Bình Khiêm            | P. Quang Trung, TP. Hải Dương                     | Khu vực 2    | Không       |
| 1903 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương    | 041       | THPT Thành Đông                   | Số 213 Hoàng Lộc, P. Lê Thanh Nghin, TP Hải Dương | Khu vực 2    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1904 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 055       | TT GDTX TP. Hải Dương                  | P. Quang Trung, TP. Hải Dương                               | Khu vực 2    | Không       |
| 1905 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 067       | TC Văn hóa - Nghệ thuật - Du lịch      | 30 Tổng Duy Tân, Ngọc Châu                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 1906 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 076       | THPT Ai Quốc                           | Phường Ai Quốc, TP. Hải Dương                               | Khu vực 2    | Không       |
| 1907 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 080       | THPT Lương Thê Vinh                    | Phường Thạch Khôi, TP.Hải Dương                             | Khu vực 2    | Không       |
| 1908 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 081       | THPT Marie Curie                       | Lô 46, Lương Thê Vinh, Phường Trần Phú, TP.Hải Dương        | Khu vực 2    | Không       |
| 1909 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 093       | TT GDNN-GDTX TP. Hải Dương             | Số 95 Nguyễn Lương Bằng, Phường Phạm Ngũ Lão - TP Hải Dương | Khu vực 2    | Không       |
| 1910 | 21         | Hải Dương   | 01            | Thành phố Hải Dương | 105       | THPT Nguyễn Văn Cừ                     | Số 64 Trần Thánh Tông, P. Ngọc Châu, TP Hải Dương           | Khu vực 2    | Không       |
| 1911 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 018       | THPT Chí Linh                          | Phố Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh              | Khu vực 2    | Không       |
| 1912 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 019       | THPT Phả Lại                           | Phố Sùng Yên, Phường Phả Lại, TP.Chí Linh                   | Khu vực 2    | Không       |
| 1913 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 043       | THPT Trần Phú                          | Phố Tuệ Tĩnh, Phường Sao Đỏ, TP. Chí Linh                   | Khu vực 2    | Không       |
| 1914 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 056       | TT GDTX - HN - DN Chí Linh             | Thái Học, TX. Chí Linh                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 1915 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 074       | THPT Bến Tắm                           | Khu 3, Phường Bến Tắm, TP. Chí Linh                         | Khu vực 2    | Không       |
| 1916 | 21         | Hải Dương   | 02            | Thành phố Chí Linh  | 094       | TT GDNN-GDTX Chí Linh                  | Số 52 Yết Kiêu, Phường Thái Học, TP. Chí Linh               | Khu vực 2    | Không       |
| 1917 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 020       | THPT Nam Sách                          | Số 151 Trần Phú, TT Nam Sách, H. Nam Sách                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1918 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 021       | THPT Mạc Đĩnh Chi                      | Xã Thanh Quang, H. Nam Sách                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1919 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 046       | THPT Nam Sách II                       | Thôn Bạch Đa, Xã An Lâm, H. Nam Sách                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1920 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 057       | TT GDTX Nam Sách                       | Thị trấn Nam Sách, H. Nam Sách                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1921 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 075       | THPT Phan Bội Châu                     | Số 115 Nguyễn Văn Trỗi, TT. Nam Sách, H. Nam Sách           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1922 | 21         | Hải Dương   | 03            | Huyện Nam Sách      | 095       | TT GDNN-GDTX Nam Sách                  | Đường Nguyễn Đăng Lành, TT. Nam Sách, H. Nam Sách           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1923 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 027       | THPT Kinh Môn (Trước 28/4/2017)        | TT Kinh Môn, H. Kinh Môn                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1924 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 028       | THPT Nhị Chiểu (Trước 28/4/2017)       | TT Phú Thứ, H. Kinh Môn                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1925 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 029       | THPT Phúc Thành (Trước 28/4/2017)      | Xã Phúc Thành, H. Kinh Môn                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1926 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 051       | THPT Kinh Môn II (Trước 28/4/2017)     | Xã Hiệp Sơn, H. Kinh Môn                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1927 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 058       | TT GDTX Kinh Môn (Trước 28/4/2017)     | TT Kinh Môn, H Kinh Môn                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1928 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 077       | THPT Trần Quang Khải (Trước 28/4/2017) | Phú Thứ, H. Kinh Môn                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1929 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 078       | THPT Quang Thành (Trước 28/4/2017)     | Xã Phúc Thành, H. Kinh Môn                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1930 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 086       | THPT Kinh Môn (Từ 28/4/2017)           | IT Kinh Môn, H. Kinh Môn                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1931 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 087       | THPT Nhị Chiểu (Từ 28/4/2017)          | IT Phú Thứ, H. Kinh Môn                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 1932 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 088       | THPT Phúc Thành (Từ 28/4/2017)         | Xã Phúc Thành, H. Kinh Môn                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 1933 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 089       | THPT Kinh Môn II (Từ 28/4/2017)        | Xã Hiệp Sơn, H. Kinh Môn                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 1934 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn     | 090       | THPT Trần Quang Khải (Từ 28/4/2017)    | Phú Thứ, H. Kinh Môn                                        | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                         | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1935 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn  | 091       | THPT Quang Thành (Từ 28/4/2017)      | Xã Phúc Thành, H. Kinh Môn                      | Khu vực 1    | Không       |
| 1936 | 21         | Hải Dương   | 04            | Thị xã Kinh Môn  | 092       | TT GDNN-GDTX Kinh Môn (Từ 28/4/2017) | TT Kinh Môn, H. Kinh Môn                        | Khu vực 1    | Không       |
| 1937 | 21         | Hải Dương   | 05            | Huyện Gia Lộc    | 032       | THPT Gia Lộc                         | Số 183 Nguyễn Chế Nghĩa, TT Gia Lộc, H. Gia Lộc | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1938 | 21         | Hải Dương   | 05            | Huyện Gia Lộc    | 033       | THPT Đoàn Thượng                     | Xã Đoàn Thượng, H. Gia Lộc                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1939 | 21         | Hải Dương   | 05            | Huyện Gia Lộc    | 047       | THPT Gia Lộc II                      | Số 622 Nguyễn Chế Nghĩa, TT Gia Lộc, H. Gia Lộc | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1940 | 21         | Hải Dương   | 05            | Huyện Gia Lộc    | 059       | TT GDTX - HN Gia Lộc                 | Xã Phương Hưng, H. Gia Lộc                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1941 | 21         | Hải Dương   | 05            | Huyện Gia Lộc    | 097       | TT GDNN-GDTX Gia Lộc                 | Xã Phương Hưng, H. Gia Lộc                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1942 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 030       | THPT Tứ Kỳ                           | TT Tứ Kỳ, H. Tứ Kỳ                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1943 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 031       | THPT Cầu Xe                          | Xã Cộng Lạc, H. Tứ Kỳ                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1944 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 044       | THPT Hưng Đạo                        | Xã Hưng Đạo, H. Tứ Kỳ                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1945 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 060       | TT GDTX Tứ Kỳ                        | TT Tứ Kỳ, H. Tứ Kỳ                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1946 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 072       | THPT Tứ Kỳ II                        | Thị trấn Tứ Kỳ-H. Tứ Kỳ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1947 | 21         | Hải Dương   | 06            | Huyện Tứ Kỳ      | 098       | TT GDNN-GDTX Tứ Kỳ                   | TT Tứ Kỳ, H. Tứ Kỳ                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1948 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 036       | THPT Thanh Miện                      | Xã lam Sơn, TT Thanh Miện, H. Thanh Miện        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1949 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 037       | THPT Thanh Miện II                   | Xã Hồng Quang, H. Thanh Miện                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1950 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 052       | THPT Thanh Miện III                  | Thôn La Ngoại, Xã Ngũ Hùng, H. Thanh Miện       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1951 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 061       | TT GDTX Thanh Miện                   | TT Thanh Miện, H. Thanh Miện                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1952 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 085       | THPT Lê Quý Đôn                      | Xã Đoàn Tùng, H. Thanh Miện                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1953 | 21         | Hải Dương   | 07            | Huyện Thanh Miện | 099       | TT GDNN-GDTX Thanh Miện              | Số 46, đường 18/8, TT Thanh Miện, H. Thanh Miện | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1954 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 034       | THPT Ninh Giang                      | Khu 3, TT Ninh Giang, H. Ninh Giang             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1955 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 035       | THPT Quang Trung                     | Thông Đào Lạng, Xã Văn Hội, H. Ninh Giang       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1956 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 045       | THPT Khúc Thừa Dụ                    | Xã Tân Hương, H. Ninh Giang                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1957 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 050       | THPT Ninh Giang II                   | Khu 3, TT Ninh Giang, H. Ninh Giang             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1958 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 062       | TT GDTX Ninh Giang                   | Xã Hồng Phong, H. Ninh Giang                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1959 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 079       | THPT Hồng Đức                        | Xã Hồng Đức, H. Ninh Giang                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1960 | 21         | Hải Dương   | 08            | Huyện Ninh Giang | 100       | TT GDNN-GDTX Ninh Giang              | Thôn Giâm Me, Xã Đồng Tâm, H. Ninh Giang        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1961 | 21         | Hải Dương   | 09            | Huyện Cẩm Giàng  | 038       | THPT Cẩm Giàng                       | Xã Tân Trường, H. Cẩm Giàng                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1962 | 21         | Hải Dương   | 09            | Huyện Cẩm Giàng  | 042       | THPT Tuệ Tĩnh                        | Thôn nghĩa phú, Xã Cẩm Vũ, H. Cẩm Giàng         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1963 | 21         | Hải Dương   | 09            | Huyện Cẩm Giàng  | 053       | THPT Cẩm Giàng II                    | Thôn Chí Thành, Xã Tân Trường, H. Cẩm Giàng     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1964 | 21         | Hải Dương   | 09            | Huyện Cẩm Giàng  | 063       | TT GDTX Cẩm Giàng                    | Xã Tân Trường, H. Cẩm Giàng                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1965 | 21         | Hải Dương   | 09            | Huyện Cẩm Giàng  | 101       | TT GDNN-GDTX Cẩm Giàng               | Thôn Trảng Kỵ, Xã Tân Trường, H. Cẩm Giàng      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1966 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 022       | THPT Thanh Hà                        | Khu 7, TT Thanh Hà, H. Thanh Hà                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1967 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 023       | THPT Hà Đông                         | Xã Thanh Cường, H. Thanh Hà                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1968 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 024       | THPT Hà Bắc                          | Thôn Du La, Xã Cẩm Chế, H. Thanh Hà             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1969 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 048       | THPT Thanh Bình                      | Số 213 Trần Nhân Tông, TT Thanh Hà, H. Thanh Hà | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1970 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 064       | TT GDTX Thanh Hà                     | TT Thanh Hà, H. Thanh Hà                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1971 | 21         | Hải Dương   | 10            | Huyện Thanh Hà   | 102       | TT GDNN-GDTX Thanh Hà                | Khu 5, TT Thanh Hà, H. Thanh Hà                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1972 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành  | 025       | THPT Kim Thành                       | Số 59 Trần Hưng Đạo, TT Phú Thái, H. Kim Thành  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1973 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành  | 026       | THPT Đồng Gia                        | Xã Đồng Cẩm, H. Kim Thành                       | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 1974 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành        | 049       | THPT Kim Thành II                    | Thôn Tân Thành, Xã Kim Anh, H. Kim Thành               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1975 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành        | 065       | TT GDTX Kim Thành                    | Xã Cổ Dũng, H. Kim Thành                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1976 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành        | 073       | THPT Phú Thái                        | Xã Phúc Thành, H. Kim Thành                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1977 | 21         | Hải Dương   | 11            | Huyện Kim Thành        | 103       | TT GDNN-GDTX Kim Thành               | Thôn Bắc, Xã Cổ Dũng, H. Kim Thành                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1978 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 039       | THPT Bình Giang                      | Xã Thái Học, H. Bình Giang                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1979 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 040       | THPT Kê Sắt                          | Số 80 Tráng Liệt, đường 392, TT. Kê Sắt, H. Bình Giang | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1980 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 054       | THPT Đường An                        | Xã Bình Minh, H. Bình Giang                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1981 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 066       | TT GDTX Bình Giang                   | Xã Thái Học, H. Bình Giang                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1982 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 082       | THPT Vũ Ngọc Phan                    | Đường Thống Nhất, TT Kê Sắt, H. Bình Giang             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1983 | 21         | Hải Dương   | 12            | Huyện Bình Giang       | 104       | TT GDNN-GDTX Bình Giang              | Xã Bình Minh, H. Bình Giang                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1984 | 22         | Hưng Yên    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 22                  | Sở GDĐT Hưng Yên                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1985 | 22         | Hưng Yên    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 22        | 307 Nguyễn Văn Linh - TP Hưng Yên                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1986 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 000       | Sở GDĐT Hưng Yên                     | 307 Nguyễn Văn Linh, TP Hưng Yên                       | Khu vực 2    | Không       |
| 1987 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 011       | THPT Chuyên Hưng Yên                 | Ph. An Tảo, TP Hưng Yên                                | Khu vực 2    | Không       |
| 1988 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 012       | THPT Hưng Yên                        | Ph. Quang Trung, TP Hưng Yên                           | Khu vực 2    | Không       |
| 1989 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 013       | Trung tâm GDTX TP Hưng Yên           | Ph. Quang Trung, TP Hưng Yên                           | Khu vực 2    | Không       |
| 1990 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 014       | Phòng GDĐT TP Hưng Yên               | Ph. Quang trung, TP Hưng Yên                           | Khu vực 2    | Không       |
| 1991 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 015       | THPT Tô Hiệu                         | Ph. Hiến Nam, TP Hưng Yên                              | Khu vực 2    | Không       |
| 1992 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 070       | TC Văn hóa Ng. Thuật và D. Lịch HY   | Ph. An Tảo, TP Hưng Yên                                | Khu vực 2    | Không       |
| 1993 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 072       | Trung cấp Nghề Hưng Yên              | Ph. Hiến Nam TP Hưng Yên                               | Khu vực 2    | Không       |
| 1994 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 078       | THPT Quang Trung                     | Xã Bảo Khê TP Hưng Yên                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 1995 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 088       | Trung cấp Nghề Giao thông Vận tải HY | Số 2, Nguyễn Văn Linh-TP HY                            | Khu vực 2    | Không       |
| 1996 | 22         | Hưng Yên    | 01            | Thành phố Hưng Yên     | 101       | Trung tâm GDNN - GDTX TP Hưng Yên    | Ph. Quang Trung - TP Hưng Yên                          | Khu vực 2    | Không       |
| 1997 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 016       | THPT Kim Động                        | Xã Lương Bằng H Kim Động                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1998 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 017       | THPT Đức Hợp                         | Xã Đức Hợp H Kim Động                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 1999 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 018       | Trung tâm GDTX Kim Động              | ITr. Lương Bằng, huyện Kim Động                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2000 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 019       | Phòng GDĐT Kim Động                  | ITr. Lương Bằng, Kim Động                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2001 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 073       | THPT Nghĩa Dân                       | Xã Nghĩa Dân, Kim Động                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2002 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 074       | THPT Nguyễn Trãi                     | T. Trần Lương Bằng, Kim Động                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2003 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 095       | THPT An Viên                         | Xã Hiệp Cường, Huyện Kim Động                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2004 | 22         | Hưng Yên    | 02            | Huyện Kim Động         | 105       | Trung tâm GDNN - GDTX Kim Động       | ITr Lương Bằng - Kim Động                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2005 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 020       | THPT Ân Thi                          | ITr. Ân Thi, Ân Thi                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2006 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 021       | THPT Nguyễn Trung Ngạn               | Xã Hồ Tùng Mậu, Ân Thi                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2007 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 022       | Trung tâm GDTX Ân Thi                | ITr. Ân Thi, huyện Ân Thi                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2008 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 023       | Trung tâm KTTH-HN Ân Thi             | ITr. Ân Thi, huyện Ân Thi                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2009 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 024       | Phòng GDĐT Ân Thi                    | ITr. Ân Thi, huyện Ân Thi                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2010 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 025       | THPT Lê Quý Đôn                      | ITr. Ân Thi, Ân Thi                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2011 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 026       | THPT Phạm Ngũ Lão                    | Xã Tân Phúc, Ân Thi                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2012 | 22         | Hưng Yên    | 03            | Huyện Ân Thi           | 104       | Trung tâm GDNN - GDTX Ân Thi         | ITr. Ân Thi, Ân Thi                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2013 | 22         | Hưng Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu       | 027       | THPT Khoái Châu                      | ITr. Khoái Châu, Khoái Châu                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2014 | 22         | Hưng Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu       | 028       | THPT Nam Khoái Châu                  | Xã Đại Hưng, Khoái Châu                                | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                 | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|--------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|-------------|
| 2015 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 029       | Trung tâm GDTX Khoái Châu                  | ITr. Khoái Châu, huyện Khoái Châu       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2016 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 030       | Trung tâm KTTH-HN Khoái Châu               | ITr. Khoái Châu, huyện Khoái Châu       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2017 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 031       | Phòng GDĐT Khoái Châu                      | ITr. Khoái Châu, huyện Khoái Châu       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2018 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 032       | THPT Trần Quang Khải                       | Xã Dạ Trạch, Khoái Châu                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2019 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 033       | THPT Phùng Hưng                            | Xã Phùng Hưng, Khoái Châu               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2020 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 066       | Cao đẳng Nghề Cơ điện và Thủy lợi          | Xã Dân Tiến H Khoái Châu                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2021 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 079       | THPT Nguyễn Siêu                           | Xã Đông Kết, Khoái Châu                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2022 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 092       | Cao đẳng Cơ điện và Thủy Lợi               | Xã Dân Tiến                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2023 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 093       | Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên | xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, Hưng Yên | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2024 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 106       | Trung tâm GDNN - GDTX Khoái Châu           | IT Khoái Châu - Khoái Châu              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2025 | 22         | Hung Yên    | 04            | Huyện Khoái Châu | 111       | THPT Khoái Châu                            | Thị trấn Khoái Châu                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2026 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 034       | THPT Yên Mỹ                                | Xã Tân Lập, Yên Mỹ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2027 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 035       | THPT Triệu Quang Phục                      | Yên Phú, Yên Mỹ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2028 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 036       | Trung tâm GDTX Phố Nối                     | Xã Nghĩa Hiệp, Yên Mỹ                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2029 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 037       | Phòng GDĐT Yên Mỹ                          | ITr. Yên Mỹ, Yên Mỹ                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2030 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 038       | THPT Hồng Bàng                             | ITr. Yên Mỹ, Yên Mỹ                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2031 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 064       | Cao đẳng Công Nghiệp Hưng Yên              | Xã Giai Phạm, Yên Mỹ                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2032 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 076       | THPT Minh Châu                             | Xã Minh Châu, Yên Mỹ                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2033 | 22         | Hung Yên    | 05            | Huyện Yên Mỹ     | 117       | Trung tâm GDNN - GDTX Yên Mỹ               | Giai Phạm                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2034 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 039       | THPT Tiên Lữ                               | ITr. Vương, Tiên Lữ                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2035 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 040       | THPT Trần Hưng Đạo                         | Xã Thiện Phấn, Tiên Lữ                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2036 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 041       | THPT Hoàng Hoa Thám                        | Xã Thụy Lôi, Tiên Lữ                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2037 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 042       | Trung tâm GDTX Tiên Lữ                     | ITr. Vương H Tiên Lữ                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2038 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 043       | Trung tâm KTTH-HN Tiên Lữ                  | ITr. Vương H Tiên Lữ                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2039 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 044       | Phòng GDĐT Tiên Lữ                         | ITr. Vương, Tiên Lữ                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2040 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 080       | THPT Ngô Quyền                             | ITr. Vương, Tiên Lữ                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2041 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 102       | Trung tâm GDNN - GDTX Tiên Lữ              | IT Vương - Tiên Lữ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2042 | 22         | Hung Yên    | 06            | Huyện Tiên Lữ    | 110       | THCS và THPT Hoàng Hoa Thám                | Xã Thụy Lôi                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2043 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 045       | THPT Phù Cừ                                | Xã Tống Phan                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2044 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 046       | THPT Nam Phù Cừ                            | Xã Tam Đa, Phù Cừ                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2045 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 047       | Trung tâm GDTX Phù Cừ                      | Xã Phan Sào Nam H Phù Cừ                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2046 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 048       | Phòng GDĐT Phù Cừ                          | ITr. Trần Cao, Phù Cừ                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2047 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 075       | THPT Nguyễn Du                             | ITr. Trần Cao, Phù Cừ                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2048 | 22         | Hung Yên    | 07            | Huyện Phù Cừ     | 103       | Trung tâm GDNN - GDTX Phù Cừ               | Xã Phan Sào Nam - Phù Cừ                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2049 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 049       | THPT Mỹ Hào                                | ITr. Bản Yên Nhân, Mỹ Hào               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2050 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 050       | THPT Nguyễn Thiện Thuật                    | Xã Bạch Sam, Mỹ Hào                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2051 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 051       | Trung tâm GDTX Mỹ Hào                      | Xã Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2052 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 052       | Phòng GDĐT Mỹ Hào                          | ITr. Bản Yên Nhân, Mỹ Hào               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2053 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 077       | THPT Hồng Đức                              | T.Tr Bản Yên Nhân, huyện Mỹ Hào         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2054 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 087       | Cao đẳng Hàng Không                        | H. Mỹ Hào                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2055 | 22         | Hung Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào     | 090       | TH, THCS và THPT Hồng Đức                  | Xã Nhân Hòa                             | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                             | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|--------------|-------------|
| 2056 | 22         | Hưng Yên    | 08            | Huyện Mỹ Hào           | 107       | Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Hào                  | Xã Phùng Chí Kiên - Mỹ Hào          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2057 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 053       | THPT Văn Lâm                                  | Xã Lạc Đạo, Văn Lâm                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2058 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 054       | THPT Trung Vương                              | Xã Trung Trắc, Văn Lâm              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2059 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 055       | Trung tâm GDTX Văn Lâm                        | ITr. Như Quỳnh H Văn Lâm            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2060 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 056       | Phòng GDĐT Văn Lâm                            | ITr. Như Quỳnh, huyện Văn Lâm       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2061 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 081       | THPT Hùng Vương                               | xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2062 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 085       | THPT Lương Tài                                | Xã Lương Tài, Văn Lâm, HY           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2063 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 086       | Cao đẳng ASEAN                                | Xã Trung Trắc - Văn Lâm             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2064 | 22         | Hưng Yên    | 09            | Huyện Văn Lâm          | 108       | Trung tâm GDNN - GDTX Văn Lâm                 | TT Như Quỳnh - Văn Lâm              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2065 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 057       | THPT Văn Giang                                | Xã Cửu Cao H Văn Giang              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2066 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 058       | Trung tâm GDTX Văn Giang                      | ITr. Văn Giang, Văn Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2067 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 059       | Phòng GDĐT Văn Giang                          | ITr. Văn Giang, Văn Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2068 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 060       | THPT Dương Quảng Hàm                          | Xã Liên Nghĩa, Văn Giang            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2069 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 082       | THPT Nguyễn Công Hoan                         | Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2070 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 083       | Trung cấp Công nghệ, Kinh tế Việt Hàn         | Xã Long Hưng, Văn Giang             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2071 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 084       | Trường TH, THCS, THPT Đoàn thị Diễm - Ecopark | Khu đô thị Ecopark,Văn Giang,HY     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2072 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 089       | Trung cấp Cảnh sát C66                        | ITr. Văn Giang, H. Văn Giang        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2073 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 091       | TH, THCS và THPT Đoàn Thị Diễm - Greenfield   | Khu Đô thị Ecopark                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2074 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 094       | TH, THCS và THPT Edison                       | Khu đô thị Ecopark, Huyện Văn Giang | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2075 | 22         | Hưng Yên    | 10            | Huyện Văn Giang        | 109       | Trung tâm GDNN - GDTX Văn Giang               | TT Văn Giang, Văn Giang             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2076 | 22         | Hưng Yên    | 11            | Thị xã Mỹ Hào          | 112       | THPT Mỹ Hào                                   | P. Bần Yên Nhân                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2077 | 22         | Hưng Yên    | 11            | Thị xã Mỹ Hào          | 113       | THPT Nguyễn Thiện Thuật                       | P. Bạch Sam                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2078 | 22         | Hưng Yên    | 11            | Thị xã Mỹ Hào          | 114       | TH, THCS và THPT Hồng Đức                     | P. Nhân Hòa                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2079 | 22         | Hưng Yên    | 11            | Thị xã Mỹ Hào          | 115       | Trung tâm GDNN - GDTX Mỹ Hào                  | P. Phùng Chí Kiên                   | Khu vực 2    | Không       |
| 2080 | 22         | Hưng Yên    | 11            | Thị xã Mỹ Hào          | 116       | Phòng GDĐT Mỹ Hào                             | P. Bần Yên Nhân                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2081 | 23         | Hoà Bình    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 23                           | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB         | Khu vực 3    | Không       |
| 2082 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 000       | Sở Giáo dục - Đào tạo Hòa Bình                | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB         | Khu vực 1    | Không       |
| 2083 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 001       | TT GDTX thành phố HB                          | Ph. Phương Lâm -Thành phố HB        | Khu vực 1    | Không       |
| 2084 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 006       | Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Hòa Bình        | Phường Kỳ Sơn, TP. Hòa Bình         | Khu vực 1    | Không       |
| 2085 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 012       | THPT chuyên Hoàng Văn Thụ                     | Ph. Thịnh Lang -Thành phố HB        | Khu vực 1    | Không       |
| 2086 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 013       | THPT Lạc Long Quân                            | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB         | Khu vực 1    | Không       |
| 2087 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 014       | THPT Nguyễn Du                                | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB         | Khu vực 1    | Không       |
| 2088 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 015       | THPT Công Nghiệp                              | Ph. Đồng Tiến -Thành phố HB         | Khu vực 1    | Không       |
| 2089 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 016       | PT Dân tộc nội trú THPT                       | Ph. Tân Hoà -Thành phố HB           | Khu vực 1    | Có          |
| 2090 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 017       | THPT Ngô Quyền                                | Ph. Dân Chủ -Thành phố HB           | Khu vực 1    | Không       |
| 2091 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 028       | THPT Kỳ Sơn                                   | Phường Kỳ Sơn, TP. Hòa Bình         | Khu vực 1    | Không       |
| 2092 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 029       | THPT Phú Cường                                | Xã Thịnh Minh, TP. Hòa Bình         | Khu vực 1    | Không       |
| 2093 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình     | 044       | Trung tâm GDTX tỉnh                           | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB         | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                          | Địa Chỉ                         | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-------------------------------------|---------------------------------|-----------|-------------|
| 2094 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình | 045       | Cao Đẳng Kinh tế -Kỹ Thuật HB       | Phường Dân Chủ -Thành phố HB    | Khu vực 1 | Không       |
| 2095 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình | 053       | CD nghề Hòa Bình                    | Xã Dân chủ -Thành phố HB        | Khu vực 1 | Không       |
| 2096 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình | 054       | CD nghề Sông Đà                     | Ph. Thịnh Lang -Thành phố HB    | Khu vực 1 | Không       |
| 2097 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình | 058       | Cao đẳng Nghệ thuật Tây Bắc         | Phường Thịnh Lang -Thành phố HB | Khu vực 1 | Không       |
| 2098 | 23         | Hoà Bình    | 01            | Thành phố Hòa Bình | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 23       | Ph. Tân Thịnh -Thành phố HB     | Khu vực 3 | Không       |
| 2099 | 23         | Hoà Bình    | 02            | Huyện Đà Bắc       | 002       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đà Bắc    | ITr. Đà Bắc -H. Đà Bắc          | Khu vực 1 | Không       |
| 2100 | 23         | Hoà Bình    | 02            | Huyện Đà Bắc       | 018       | THPT Đà Bắc                         | ITr. Đà Bắc -H. Đà Bắc          | Khu vực 1 | Không       |
| 2101 | 23         | Hoà Bình    | 02            | Huyện Đà Bắc       | 019       | THPT Mường Chiềng                   | Xã Mường Chiềng -H. Đà Bắc      | Khu vực 1 | Không       |
| 2102 | 23         | Hoà Bình    | 02            | Huyện Đà Bắc       | 050       | THPT Yên Hoà                        | Xã Yên Hoà - H. Đà Bắc          | Khu vực 1 | Không       |
| 2103 | 23         | Hoà Bình    | 03            | Huyện Mai Châu     | 003       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mai Châu  | ITr. Mai Châu -H. Mai Châu      | Khu vực 1 | Không       |
| 2104 | 23         | Hoà Bình    | 03            | Huyện Mai Châu     | 020       | THPT Mai Châu                       | ITr. Mai Châu -H. Mai Châu      | Khu vực 1 | Không       |
| 2105 | 23         | Hoà Bình    | 03            | Huyện Mai Châu     | 021       | THPT Mai Châu B                     | Xã Xăm Khoè -H. Mai Châu        | Khu vực 1 | Không       |
| 2106 | 23         | Hoà Bình    | 03            | Huyện Mai Châu     | 057       | PT DTNT THCS&THPT Mai Châu          | ITr. Mai Châu -H. Mai Châu      | Khu vực 1 | Có          |
| 2107 | 23         | Hoà Bình    | 04            | Huyện Tân Lạc      | 004       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Lạc   | ITr. Mãn Đức -H. Tân Lạc        | Khu vực 1 | Không       |
| 2108 | 23         | Hoà Bình    | 04            | Huyện Tân Lạc      | 022       | THPT Tân Lạc                        | ITr. Mãn Đức -Huyện Tân Lạc     | Khu vực 1 | Không       |
| 2109 | 23         | Hoà Bình    | 04            | Huyện Tân Lạc      | 023       | THPT Mường Bi                       | Xã Phong Phú -H. Tân Lạc        | Khu vực 1 | Không       |
| 2110 | 23         | Hoà Bình    | 04            | Huyện Tân Lạc      | 024       | THPT Đoàn Kết                       | Xã Đông Lai -H. Tân Lạc         | Khu vực 1 | Không       |
| 2111 | 23         | Hoà Bình    | 04            | Huyện Tân Lạc      | 046       | THPT Lũng Ván                       | Xã Ván Sơn - H. Tân Lạc         | Khu vực 1 | Không       |
| 2112 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 005       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lạc Sơn   | ITr. Vụ Bản -H. Lạc Sơn         | Khu vực 1 | Không       |
| 2113 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 025       | THPT Lạc Sơn                        | ITr. Vụ Bản -H. Lạc Sơn         | Khu vực 1 | Không       |
| 2114 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 026       | THPT Cộng Hoà                       | Xã Nhân Nghĩa -H. Lạc Sơn       | Khu vực 1 | Không       |
| 2115 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 027       | THPT Đại Đồng                       | Xã Ân Nghĩa -H. Lạc Sơn         | Khu vực 1 | Không       |
| 2116 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 048       | THPT Quyết Thắng                    | Xã Thượng Cốc - H. Lạc Sơn      | Khu vực 1 | Không       |
| 2117 | 23         | Hoà Bình    | 05            | Huyện Lạc Sơn      | 056       | PT DTNT THCS&THPT Ngọc Sơn          | xã Ngọc Sơn, huyện Lạc Sơn      | Khu vực 1 | Có          |
| 2118 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 007       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lương Sơn | ITr. Lương Sơn -H. Lương Sơn    | Khu vực 1 | Không       |
| 2119 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 030       | THPT Lương Sơn                      | ITr. Lương Sơn -H. Lương Sơn    | Khu vực 1 | Không       |
| 2120 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 031       | THPT Nguyễn Trãi                    | ITr. Lương Sơn -H. Lương Sơn    | Khu vực 1 | Không       |
| 2121 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 033       | THPT Nam Lương Sơn                  | Xã Liên Sơn -H. Lương Sơn       | Khu vực 1 | Không       |
| 2122 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 036       | THPT Cù Chính Lan                   | Xã Thanh Cao -H. Lương Sơn      | Khu vực 1 | Không       |
| 2123 | 23         | Hoà Bình    | 07            | Huyện Lương Sơn    | 061       | PT DTNT THCS&THPT Lương Sơn         | ITr. Lương Sơn -H. Lương Sơn    | Khu vực 1 | Có          |
| 2124 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 008       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kim Bôi   | ITr. Bo -H. Kim Bôi             | Khu vực 1 | Không       |
| 2125 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 034       | THPT Kim Bôi                        | ITr Bo -H. Kim Bôi              | Khu vực 1 | Không       |
| 2126 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 035       | THPT 19-5 Kim Bôi                   | Xã Tú Sơn -H. Kim Bôi           | Khu vực 1 | Không       |
| 2127 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 051       | THPT Bắc Sơn - H.Kim Bôi            | Xã Hùng Sơn - H. Kim Bôi        | Khu vực 1 | Không       |
| 2128 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 052       | THPT Sào Báy-H.Kim Bôi              | Xã Sào Báy - H. Kim Bôi         | Khu vực 1 | Không       |
| 2129 | 23         | Hoà Bình    | 08            | Huyện Kim Bôi      | 059       | PT DTNT THCS&THPT Kim Bôi           | ITr. Bo -H. Kim Bôi             | Khu vực 1 | Có          |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                          | Địa Chỉ                          | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------|----------------------------------|--------------|-------------|
| 2130 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 009       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lạc Thủy  | ITr. Chi Nê -H. Lạc Thủy         | Khu vực 1    | Không       |
| 2131 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 037       | THPT Thanh Hà                       | ITr. Ba Hàng Đồi -H. Lạc Thủy    | Khu vực 1    | Không       |
| 2132 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 038       | THPT Lạc Thủy                       | ITr. Chi Nê -H. Lạc Thủy         | Khu vực 1    | Không       |
| 2133 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 039       | THPT Lạc Thủy B                     | Xã Phú Nghĩa-H. Lạc Thủy         | Khu vực 1    | Không       |
| 2134 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 040       | THPT Lạc Thủy C                     | Xã An Bình -H. Lạc Thủy          | Khu vực 1    | Không       |
| 2135 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 055       | CĐ nghề Cơ điện Tây Bắc             | IT Chi Nê, H. Lạc thủy, Hòa Bình | Khu vực 1    | Không       |
| 2136 | 23         | Hoà Bình    | 09            | Huyện Lạc Thủy         | 060       | PT DTNT THCS&THPT Lạc Thủy          | Xã Phú Nghĩa-H. Lạc Thủy         | Khu vực 1    | Có          |
| 2137 | 23         | Hoà Bình    | 10            | Huyện Yên Thủy         | 010       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Yên Thủy  | ITr. Hàng Trạm -H. Yên Thủy      | Khu vực 1    | Không       |
| 2138 | 23         | Hoà Bình    | 10            | Huyện Yên Thủy         | 041       | THPT Yên Thủy A                     | ITr. Hàng Trạm -H. Yên Thủy      | Khu vực 1    | Không       |
| 2139 | 23         | Hoà Bình    | 10            | Huyện Yên Thủy         | 042       | THPT Yên Thủy B                     | Xã Bảo Hiệu -H. Yên Thủy         | Khu vực 1    | Không       |
| 2140 | 23         | Hoà Bình    | 10            | Huyện Yên Thủy         | 047       | THPT Yên Thủy C                     | Xã Yên Trị -H. Yên Thủy          | Khu vực 1    | Không       |
| 2141 | 23         | Hoà Bình    | 11            | Huyện Cao Phong        | 011       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cao Phong | ITr. Cao Phong -H. Cao Phong     | Khu vực 1    | Không       |
| 2142 | 23         | Hoà Bình    | 11            | Huyện Cao Phong        | 043       | THPT Cao Phong                      | ITr. Cao Phong -H. Cao Phong     | Khu vực 1    | Không       |
| 2143 | 23         | Hoà Bình    | 11            | Huyện Cao Phong        | 049       | THPT Thạch Yên                      | Xã Dũng Phong - H. Cao Phong     | Khu vực 1    | Không       |
| 2144 | 24         | Hà Nam      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 24                 |                                  | Khu vực 3    | Không       |
| 2145 | 24         | Hà Nam      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 24       |                                  | Khu vực 3    | Không       |
| 2146 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 011       | THPT Chuyên Biên Hòa                | P. Minh Khai, TP Phủ Lý          | Khu vực 2    | Không       |
| 2147 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 012       | THPT A Phủ Lý                       | P. Lê Hồng Phong, Phủ Lý         | Khu vực 2    | Không       |
| 2148 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 013       | THPT B Phủ Lý                       | Xã Thanh Châu, Phủ Lý            | Khu vực 2    | Không       |
| 2149 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 014       | THPT Dân lập Lương Thế Vinh         | P. Lương Khánh Thiện PLý         | Khu vực 2    | Không       |
| 2150 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 015       | Trung tâm GDTX - HN Hà Nam          | Xã Liêm Chung, TP Phủ Lý         | Khu vực 2    | Không       |
| 2151 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 016       | Cao đẳng nghề Hà Nam                | P. Quang Trung - Phủ Lý          | Khu vực 2    | Không       |
| 2152 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 017       | THPT C Phủ Lý                       | Xã Tiên Hiệp, TP Phủ Lý          | Khu vực 2    | Không       |
| 2153 | 24         | Hà Nam      | 01            | Thành phố Phủ Lý       | 018       | Cao đẳng Thủy lợi Bắc Bộ            | Phường Liêm Chung, TP Phủ Lý     | Khu vực 2    | Không       |
| 2154 | 24         | Hà Nam      | 02            | Huyện Duy Tiên         | 021       | THPT A Duy Tiên                     | ITr. Hoà Mạc, Duy Tiên           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2155 | 24         | Hà Nam      | 02            | Huyện Duy Tiên         | 022       | THPT B Duy Tiên                     | ITr. Đồng văn, Duy Tiên          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2156 | 24         | Hà Nam      | 02            | Huyện Duy Tiên         | 023       | THPT C Duy Tiên                     | Xã Tiên Hiệp, Duy Tiên           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2157 | 24         | Hà Nam      | 02            | Huyện Duy Tiên         | 024       | THPT Nguyễn Hữu Tiển                | Xã Trác Văn, Duy Tiên            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2158 | 24         | Hà Nam      | 02            | Huyện Duy Tiên         | 025       | Trung tâm GDNN - GDTX Duy Tiên      | ITr. Hoà Mạc, Duy Tiên           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2159 | 24         | Hà Nam      | 03            | Huyện Kim Bảng         | 031       | THPT A Kim Bảng                     | ITr. Quế, Kim Bảng               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2160 | 24         | Hà Nam      | 03            | Huyện Kim Bảng         | 032       | THPT B Kim Bảng                     | Xã Tân Sơn, Kim Bảng             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2161 | 24         | Hà Nam      | 03            | Huyện Kim Bảng         | 033       | THPT C Kim Bảng                     | Xã Đông Hoá, Kim Bảng            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2162 | 24         | Hà Nam      | 03            | Huyện Kim Bảng         | 034       | Trung tâm GDNN - GDTX Kim Bảng      | ITr. Quế , Kim Bảng              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2163 | 24         | Hà Nam      | 03            | Huyện Kim Bảng         | 035       | THPT Lý Thường Kiệt                 | Xã Thi Sơn - Kim Bảng            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2164 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 041       | THPT Lý Nhân                        | ITr. Vĩnh Trụ, Lý Nhân           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2165 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 042       | THPT Bắc Lý                         | Xã Bắc Lý, Lý Nhân               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2166 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 043       | THPT Nam Lý                         | Xã Tiên Thắng, Lý Nhân           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2167 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 044       | THPT Dân lập Trần Hưng Đạo          | ITr. Vĩnh Trụ, Lý Nhân           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2168 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 045       | THPT Nam Cao                        | Xã Nhân Mỹ, Lý Nhân              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2169 | 24         | Hà Nam      | 04            | Huyện Lý Nhân          | 046       | Trung tâm GDNN - GDTX Lý Nhân       | ITr. Vĩnh Trụ, Lý Nhân           | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                             | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|--------------|-------------|
| 2170 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 051       | THPT A Thanh Liêm                             | X.Liêm Thuận, Thanh Liêm            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2171 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 052       | THPT B Thanh Liêm                             | Thanh Nguyên, Thanh Liêm            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2172 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 053       | THPT Dân lập Thanh Liêm                       | Xã Thanh Lưu, Thanh Liêm            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2173 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 054       | Trung tâm GDNN - GDTX Thanh Liêm              | Xã Thanh Lưu, Thanh Liêm            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2174 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 055       | THPT C Thanh Liêm                             | Xã Thanh Thủy, Thanh Liêm           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2175 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 056       | THPT Lê Hoàn                                  | Xã Liêm Càn, Thanh Liêm             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2176 | 24         | Hà Nam      | 05            | Huyện Thanh Liêm       | 057       | Cao đẳng Thủy lợi Bắc bộ                      | Thanh Liêm                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2177 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 061       | THPT A Bình Lục                               | ITr. Bình Mỹ, Bình Lục              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2178 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 062       | THPT B Bình Lục                               | Xã Vũ Bản , Bình Lục                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2179 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 063       | THPT C Bình Lục                               | Xã Trảng An, Bình Lục               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2180 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 064       | THPT Dân lập Bình Lục                         | ITr. Bình Mỹ, Bình Lục              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2181 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 065       | Trung tâm GDNN - GDTX Bình Lục                | ITr. Bình Mỹ, Bình Lục              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2182 | 24         | Hà Nam      | 06            | Huyện Bình Lục         | 066       | THPT Nguyễn Khuyến                            | Xã Tiêu Động, Bình Lục              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2183 | 24         | Hà Nam      | 07            | Thị xã Duy Tiên        | 071       | THPT A Duy Tiên                               | Phường Hòa Mạc                      | Khu vực 2    | Không       |
| 2184 | 24         | Hà Nam      | 07            | Thị xã Duy Tiên        | 072       | THPT B Duy Tiên                               | Phường Đồng Văn                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2185 | 24         | Hà Nam      | 07            | Thị xã Duy Tiên        | 074       | THPT Nguyễn Hữu Tiến                          | Xã Yên Nam                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2186 | 24         | Hà Nam      | 07            | Thị xã Duy Tiên        | 075       | Trung tâm GDNN - GDTX Duy Tiên                | Phường Hòa Mạc                      | Khu vực 2    | Không       |
| 2187 | 25         | Nam Định    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 25                           |                                     | Khu vực 3    | Không       |
| 2188 | 25         | Nam Định    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 25                 |                                     | Khu vực 3    | Không       |
| 2189 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 002       | THPT chuyên Lê Hồng Phong                     | Đường Vỹ Xuyên, TP Nam Định         | Khu vực 2    | Không       |
| 2190 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 003       | THPT Trần Hưng Đạo                            | Đường Trần Thái Tông, TP Nam Định   | Khu vực 2    | Không       |
| 2191 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 004       | THPT Nguyễn Khuyến                            | Đường Nguyễn Du, TP Nam Định        | Khu vực 2    | Không       |
| 2192 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 005       | THPT Ngô Quyền                                | Đường Trần Huy Liệu, TP Nam Định    | Khu vực 2    | Không       |
| 2193 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 006       | THPT Nguyễn Huệ                               | Đường Nguyễn Văn Trỗi, TP Nam Định  | Khu vực 2    | Không       |
| 2194 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 007       | Trường Tiểu học, THCS và THPT Nguyễn Công Trứ | Đường Bến Ngự, TP Nam Định          | Khu vực 2    | Không       |
| 2195 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 008       | THPT Trần Quang Khải                          | Đường Phan Đình Phùng, TP Nam Định  | Khu vực 2    | Không       |
| 2196 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 009       | THPT DL Trần Nhật Duật                        | Ngõ 253 đường Hưng Yên, Tp Nam Định | Khu vực 2    | Không       |
| 2197 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 011       | THPT Hoàng Diệu                               | Đã giải thể                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2198 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 012       | TT GDTX Trần Phú                              | Đường Phạm Hồng Thái, TP Nam Định   | Khu vực 2    | Không       |
| 2199 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 013       | TT GDTX Tinh Nam Định                         | Phường Lộc Hạ, TP. Nam Định         | Khu vực 2    | Không       |
| 2200 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 014       | TT KTTH-HN Nam Định                           | Đường Cù Chính Lan, TP Nam Định     | Khu vực 2    | Không       |
| 2201 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 087       | ĐH Sư phạm Kỹ thuật Nam Định                  | Phường Lộc Hạ, TP Nam Định          | Khu vực 2    | Không       |
| 2202 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 089       | CĐ Xây dựng Nam Định                          | Phường Lộc Vượng, TP Nam Định       | Khu vực 2    | Không       |
| 2203 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 090       | CĐ nghề Nam Định                              | Xã Mỹ Xá, TP Nam Định               | Khu vực 2    | Không       |
| 2204 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 091       | Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Nam Định         | Đường Hoàng Diệu, TP Nam Định       | Khu vực 2    | Không       |
| 2205 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 092       | TC Cơ Điện Nam Định                           | Đường Trần Huy Liệu, TP Nam Định    | Khu vực 2    | Không       |
| 2206 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 095       | TC nghề Đại Lâm                               | Phường Lộc Hạ, TP. Nam Định         | Khu vực 2    | Không       |
| 2207 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 096       | TC nghề Giao thông Vận tải                    | Xã Lộc An, TP Nam Định              | Khu vực 2    | Không       |
| 2208 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 097       | TC nghề Số 8                                  | Đường Lê Hồng Phong, TP Nam Định    | Khu vực 2    | Không       |
| 2209 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 098       | TC nghề Số 20                                 | Đường Trần Đăng Ninh, TP Nam Định   | Khu vực 2    | Không       |
| 2210 | 25         | Nam Định    | 01            | Thành phố Nam Định     | 099       | Trường BTVH Dệt Nam Định                      |                                     | Khu vực 2    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|---------------------------------------|--------------------------------|--------------|-------------|
| 2211 | 25         | Nam Định    | 02            | Huyện Mỹ Lộc      | 016       | THPT Mỹ Lộc                           | Xã Mỹ Hưng, H. Mỹ Lộc          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2212 | 25         | Nam Định    | 02            | Huyện Mỹ Lộc      | 017       | THPT Trần Văn Lan                     | Xã Mỹ Trung, H. Mỹ Lộc         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2213 | 25         | Nam Định    | 02            | Huyện Mỹ Lộc      | 018       | TT GDTX H. Mỹ Lộc                     | TT Mỹ Lộc, H. Mỹ Lộc           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2214 | 25         | Nam Định    | 02            | Huyện Mỹ Lộc      | 019       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Lộc      | TT Mỹ Lộc H.Mỹ Lộc             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2215 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 020       | THPT Xuân Trường                      | Xã Xuân Hồng, H. Xuân Trường   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2216 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 021       | THPT Xuân Trường B                    | IT Xuân Trường, H. Xuân Trường | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2217 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 022       | THPT Xuân Trường C                    | Xã Xuân Đài, H. Xuân Trường    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2218 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 023       | THPT Cao Phong                        | Xã Xuân Thượng, H. Xuân Trường | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2219 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 024       | THPT Nguyễn Trường Thuý               | Xã Xuân Vinh, H. Xuân Trường   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2220 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 025       | TT GDTX H.Xuân Trường                 | TT Xuân Trường, H. Xuân Trường | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2221 | 25         | Nam Định    | 03            | Huyện Xuân Trường | 026       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Xuân Trường | IT Xuân Trường H.Xuân Trường   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2222 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 027       | THPT Giao Thủy                        | IT. Ngô Đồng, H. Giao Thủy     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2223 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 028       | THPT Giao Thủy B                      | Xã Giao Yên, H. Giao Thủy      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2224 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 029       | THPT Giao Thủy C                      | Xã Hồng Thuận, H. Giao Thủy    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2225 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 030       | THPT Thiên Trường                     | Xã Hoàn Sơn, H. Giao Thủy      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2226 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 031       | THPT Quất Lâm                         | IT. Quất Lâm, H. Giao Thủy     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2227 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 032       | TT GDTX H.Giao Thủy                   | Xã Giao Nhân, H. Giao Thủy     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2228 | 25         | Nam Định    | 04            | Huyện Giao Thủy   | 033       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giao Thủy   | Xã Hoàn Sơn, H. Giao Thủy      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2229 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 034       | THPT Tống Văn Trân                    | IT. Lâm, H. Ý Yên              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2230 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 035       | THPT Phạm Văn Nghị                    | Xã Yên Cường, H. Ý Yên         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2231 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 036       | THPT Mỹ Tho                           | Xã Yên Chính, H. Ý Yên         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2232 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 037       | THPT Ý Yên                            | Xã Yên Xá, H. Ý Yên            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2233 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 038       | THPT Đại An                           | Xã Yên Đồng, H. Ý Yên          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2234 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 039       | TT GDTX A H. Ý Yên                    | IT. Lâm, H. Ý Yên              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2235 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 040       | THPT Đỗ Huy Liêu                      | Xã Yên Thắng, H. Ý Yên         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2236 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 041       | THPT Lý Nhân Tông                     | Xã Yên Lợi, H. Ý Yên           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2237 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 042       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ý Yên       | IT Lâm H.Ý Yên                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2238 | 25         | Nam Định    | 05            | Huyện ý Yên       | 094       | TC nghề Thủ công Mỹ nghệ Nam Định     | Xã Yên Bình, H. Ý Yên          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2239 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 015       | THPT Hùng Vương                       | Xã Đại An, H. Vụ Bản           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2240 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 043       | THPT Hoàng Văn Thụ                    | Xã Trung Thành, H. Vụ Bản      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2241 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 044       | THPT Lương Thế Vinh                   | IT. Gôi, H. Vụ Bản             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2242 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 045       | THPT Nguyễn Bính                      | Xã Hiền Khánh, H. Vụ Bản       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2243 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 046       | THPT Nguyễn Đức Thuận                 | Xã Thành Lợi, H. Vụ Bản        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2244 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 047       | TT GDTX Liên Minh                     | Xã Liên Minh, H. Vụ Bản        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2245 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 048       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vụ Bản      | Xã Liên Minh H.Vụ Bản          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2246 | 25         | Nam Định    | 06            | Huyện Vụ Bản      | 088       | CĐ Công nghiệp Nam Định               | Xã Liên Bảo, H.Vụ Bản          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2247 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực    | 050       | THPT Nam Trực                         | IT. Nam Giang, H. Nam Trực     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2248 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực    | 051       | THPT Lý Tự Trọng                      | Xã Nam Thanh, H.Nam Trực       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2249 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực    | 052       | THPT Nguyễn Du                        | Xã Nam Tiến, H. Nam Trực       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2250 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực    | 053       | THPT Phan Bội Châu                    | Xã Hồng Quang, H. Nam Trực     | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2251 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực         | 054       | THPT Quang Trung                     | Xã Nam Hồng, H. Nam Trực                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2252 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực         | 055       | THPT Trần Văn Bảo                    | Xã Điền Xá, H. Nam Trực                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2253 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực         | 056       | TT GDTX H. Nam Trực                  | Xã Nam Hồng, H. Nam Trực                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2254 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực         | 057       | TTGDTX Vũ Tuấn Chiêu                 | IT. Nam Giang, H. Nam Trực                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2255 | 25         | Nam Định    | 07            | Huyện Nam Trực         | 058       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nam Trực   | Xã Nam Hoa H.Nam Trực                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2256 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 059       | THPT Trực Ninh                       | Xã Trực Cát, H. Trực Ninh                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2257 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 060       | THPT Nguyễn Trãi                     | Xã Trực Hưng, H. Trực Ninh                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2258 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 061       | THPT Trực Ninh B                     | Xã Trực Thái, H. Trực Ninh                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2259 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 062       | THPT Lê Quý Đôn                      | IT. Cô Lễ, H. Trực Ninh                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2260 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 063       | THPT Đoàn Kết                        | IT. Cô Lễ, H. Trực Ninh                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2261 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 064       | TT GDTX A H. Trực Ninh               | IT Cát Thành, H. Trực Ninh                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2262 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 065       | TT GDTX B H. Trực Ninh               | Xã Trực Đại, H. Trực Ninh                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2263 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 066       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trực Ninh  | IT Cát Thành H. Trực Ninh                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2264 | 25         | Nam Định    | 08            | Huyện Trực Ninh        | 093       | TC nghề Kinh tế - Kỹ thuật CN        | IT Cát Thành, H. Trực Ninh                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2265 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 067       | THPT A Nghĩa Hưng                    | IT. Liễu Đề, H. Nghĩa Hưng                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2266 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 068       | THPT B Nghĩa Hưng                    | Xã Nghĩa Tân, H. Nghĩa Hưng                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2267 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 069       | THPT C Nghĩa Hưng                    | IT. Rạng Đông, H. Nghĩa Hưng                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2268 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 070       | THPT Nghĩa Hưng                      | IT. Liễu Đề, H. Nghĩa Hưng                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2269 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 071       | THPT Trần Nhân Tông                  | Xã Nghĩa Phong, H. Nghĩa Hưng                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2270 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 072       | TT GDTX H. Nghĩa Hưng                | IT. Liễu Đề, H. Nghĩa Hưng                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2271 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 073       | TT GDTX Nghĩa Tân                    | Xã Nghĩa Tân, H. Nghĩa Hưng                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2272 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 074       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hưng | IT Liễu Đề H.Nghĩa Hưng                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2273 | 25         | Nam Định    | 09            | Huyện Nghĩa Hưng       | 085       | THPT Nghĩa Minh                      | Xã Nghĩa Minh, H. Nghĩa Hưng                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2274 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 075       | THPT A Hải Hậu                       | IT. Yên Định, H. Hải Hậu                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2275 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 076       | THPT B Hải Hậu                       | Xã Hải Phú, H. Hải Hậu                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2276 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 077       | THPT C Hải Hậu                       | IT. Cồn, H. Hải Hậu                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2277 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 078       | THPT Tô Hiến Thành                   | IT. Yên Định, H. Hải Hậu                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2278 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 079       | THPT Thịnh Long                      | IT. Thịnh Long, H. Hải Hậu                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2279 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 080       | THPT Trần Quốc Tuấn                  | Xã Hải Hà, H. Hải Hậu                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2280 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 081       | THPT An Phúc                         | Xã Hải Phong, H. Hải Hậu                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2281 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 082       | TT GDTX H. Hải Hậu                   | Xã Hải Thanh, H. Hải Hậu                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2282 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 083       | TT GDTX Hải Cường                    | Xã Hải Cường, H. Hải Hậu                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2283 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 084       | THPT Vũ Văn Hiếu                     | Xã Hải Anh, Hải Hậu                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2284 | 25         | Nam Định    | 10            | Huyện Hải Hậu          | 086       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hải Hậu    | Xã Hải Hà H.Hải Hậu                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2285 | 26         | Thái Bình   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 26                  |                                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 2286 | 26         | Thái Bình   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 26        |                                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 2287 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình    | 002       | THPT Chuyên Thái Bình                | 368A Phan Bá Vành, phường Quang Trung, Thành phố TB, Thái Bình | Khu vực 2    | Không       |
| 2288 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình    | 003       | THPT Lê Quý Đôn                      | Số 343, đường Lý Bôn, phường Đề Thám, Thành phố TB, Thái Bình  | Khu vực 2    | Không       |
| 2289 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình    | 004       | THPT Nguyễn Đức Cảnh                 | Số 24 Đinh Tiên Hoàng, phường Kỳ Bá, Thành phố TB, Thái Bình   | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2290 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 005       | THPT Nguyễn Công Trứ                          | Phố Kim Đồng, phường Trần Hưng Đạo, Thành phố TB, Thái Bình           | Khu vực 2    | Không       |
| 2291 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 006       | THPT Nguyễn Thái Bình                         | Đường Hoàng Văn Thái, xã Vũ Chính, Thành phố TB, Thái Bình            | Khu vực 2    | Không       |
| 2292 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 007       | TT GDNN-GDTX Thành phố Thái Bình              | Số 117, đường Hoàng Công Chất, P.Quang Trung, Thành phố TB, Thái Bình | Khu vực 2    | Không       |
| 2293 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 059       | Trung cấp nghề cho người khuyết tật Thái Bình | Xóm 8, xã Đông Hòa, Thành phố TB, Thái Bình                           | Khu vực 2    | Không       |
| 2294 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 060       | Cao đẳng nghề Thái Bình                       | 514 Đường Long Hưng, phường Hoàng Diệu, Thành phố TB, Thái Bình       | Khu vực 2    | Không       |
| 2295 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 061       | Cao đẳng nghề số 19 - Bộ Quốc Phòng           | 784 Phố Lý Bôn, phường Trần Lãm, Thành phố TB, Thái Bình              | Khu vực 2    | Không       |
| 2296 | 26         | Thái Bình   | 01            | Thành phố Thái Bình | 062       | Đại học Thái Bình                             | Tân Bình, Thành phố Thái Bình, Thái Bình                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2297 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 009       | THPT Quỳnh Côi                                | Khu 3B, Thị trấn Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ, Thái Bình                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2298 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 010       | THPT Quỳnh Thộ                                | Xã Quỳnh Thộ, Quỳnh Phụ, Thái Bình                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2299 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 011       | THPT Phụ Dực                                  | Thị trấn An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2300 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 012       | THPT Nguyễn Huệ                               | Xã Quỳnh Hưng, Quỳnh Phụ, Thái Bình                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2301 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 013       | THPT Trần Hưng Đạo                            | Xã An Vũ, Quỳnh Phụ, Thái Bình                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2302 | 26         | Thái Bình   | 02            | Huyện Quỳnh Phụ     | 014       | TT GDNN-GDTX Quỳnh Phụ                        | Khu 3B, Thị trấn Quỳnh Côi, Quỳnh Phụ, Thái Bình                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2303 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 017       | THPT Hưng Nhân                                | Thị trấn Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2304 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 018       | THPT Bắc Duyên Hà                             | Thị trấn Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2305 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 019       | THPT Nam Duyên Hà                             | Xã Minh Hoà, Hưng Hà, Thái Bình                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2306 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 020       | THPT Đông Hưng Hà                             | Xã Hùng Dũng, Hưng Hà, Thái Bình                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2307 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 021       | THPT Trần Thị Dung                            | Thị trấn Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2308 | 26         | Thái Bình   | 03            | Huyện Hưng Hà       | 022       | TT GDNN-GDTX Hưng Hà                          | Thị trấn Hưng Hà, Hưng Hà, Thái Bình                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2309 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 024       | THPT Tiên Hưng                                | Minh Tân, Đông Hưng, Thái Bình                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2310 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 025       | THPT Bắc Đông Quan                            | Thị trấn Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2311 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 026       | THPT Nam Đông Quan                            | Xã Đông Á, Đông Hưng, Thái Bình                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2312 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 027       | THPT Mê Linh                                  | Xã Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2313 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 028       | THPT Đông Quan                                | Tổ 1, Thị trấn Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2314 | 26         | Thái Bình   | 04            | Huyện Đông Hưng     | 030       | TT GDNN-GDTX Đông Hưng                        | Tổ 1, Thị trấn Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2315 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 032       | THPT Nguyễn Trãi                              | Xã Hoà Bình, Vũ Thư, Thái Bình                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2316 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 033       | THPT Vũ Tiên                                  | Xã Việt Thuận, Vũ Thư, Thái Bình                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2317 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 034       | THPT Lý Bôn                                   | Xã Hiệp Hoà, Vũ Thư, Thái Bình                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2318 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 035       | THPT Hùng Vương                               | Thị trấn Vũ Thư, Thái Bình                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2319 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 036       | THPT Phạm Quang Thắm                          | Xã Vũ Tiến, Vũ Thư, Thái Bình                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2320 | 26         | Thái Bình   | 05            | Huyện Vũ Thư        | 037       | TT GDNN-GDTX Vũ Thư                           | Thị trấn Vũ Thư, Thái Bình                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2321 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương    | 039       | THPT Nguyễn Du                                | Thị trấn Kiến Xương, Kiến Xương, Thái Bình                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2322 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương    | 040       | THPT Bắc Kiến Xương                           | Xã Nam Cao, Kiến Xương, Thái Bình                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2323 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương    | 041       | THPT Chu Văn An                               | Xã Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2324 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương    | 042       | THPT Bình Thanh                               | Xã Bình Thanh, Kiến Xương, Thái Bình                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2325 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương    | 043       | THPT Hồng Đức                                 | Thị trấn Thanh Nê, Kiến Xương, Thái Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                         | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2326 | 26         | Thái Bình   | 06            | Huyện Kiến Xương       | 044       | TT GDNN-GDTX Kiến Xương                  | Khu đô thị Tân Tiến, Thị trấn Kiến Xương, Kiến Xương, Thái Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2327 | 26         | Thái Bình   | 07            | Huyện Tiền Hải         | 046       | THPT Tây Tiền Hải                        | Thị trấn Tiền Hải, Tiền Hải, Thái Bình                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2328 | 26         | Thái Bình   | 07            | Huyện Tiền Hải         | 047       | THPT Nam Tiền Hải                        | Xã Nam Trung, Tiền Hải, Thái Bình                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2329 | 26         | Thái Bình   | 07            | Huyện Tiền Hải         | 048       | THPT Đông Tiền Hải                       | Xã Đông Xuyên, Tiền Hải, Thái Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2330 | 26         | Thái Bình   | 07            | Huyện Tiền Hải         | 049       | THPT Hoàng Văn Thái                      | Khu 4, Thị trấn Tiền Hải, Tiền Hải, Thái Bình                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2331 | 26         | Thái Bình   | 07            | Huyện Tiền Hải         | 050       | TT GDNN-GDTX Tiền Hải                    | 210 Phố Tiểu Hoàng, Thị trấn Tiền Hải, Tiền Hải, Thái Bình      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2332 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 052       | THPT Đông Thụy Anh                       | Thôn Bao Trĩnh, Thị trấn Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2333 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 053       | THPT Tây Thụy Anh                        | Xã Thụy Sơn, Thái Thụy, Thái Bình                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2334 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 054       | THPT Thái Ninh                           | Xã Thái Hưng, Thái Thụy, Thái Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2335 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 055       | THPT Thái Phúc                           | Xã Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2336 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 056       | THPT Diêm Điền                           | Khu 6 Thị trấn Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2337 | 26         | Thái Bình   | 08            | Huyện Thái Thụy        | 057       | TT GDNN-GDTX Thái Thụy                   | Khu 8, Thị trấn Diêm Điền, Thái Thụy, Thái Bình                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2338 | 27         | Ninh Bình   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 27                      |                                                                 | Khu vực 3    | Không       |
| 2339 | 27         | Ninh Bình   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 27            |                                                                 | Khu vực 3    | Không       |
| 2340 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | CNY       | CD Y tế Ninh Bình                        | 297 Hải Thượng Lãn Ông, p. Nam Thành, Tp. Ninh Bình             | Khu vực 2    | Không       |
| 2341 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 002       | TC Kinh tế kỹ thuật và Tại chức          | Ph. Bích Đào, Tp. Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2342 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 003       | TC Y Dược Tôn Thất Tùng                  | Ph. Bích Đào, TP Ninh Bình                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 2343 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 011       | THPT Chuyên Lương Văn Tụy                | Ph. Tân Thành TP Ninh Bình                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 2344 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 012       | THPT Đinh Tiên Hoàng                     | Ph. Bích Đào TP Ninh Bình                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 2345 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 013       | THPT Trần Hưng Đạo                       | Ph. Ninh Phong TP Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2346 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 014       | THPT Ninh Bình - Bạc Liêu                | Ph. Phúc Thành TP Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2347 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 015       | THPT Nguyễn Công Trứ                     | Ph. Phúc Thành TP Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2348 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 016       | GDTX Ninh Bình                           | Phường Tân Thành, TP Ninh Bình                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2349 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 017       | CD nghề LiLaMa 1                         | Ph. Đông Thành, Tp. Ninh Bình                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 2350 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 018       | TC nghề Thành Nam                        | Ph. Bích Đào, Tp. Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2351 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 019       | TC nghề Mỹ thuật Thanh Bình              | Phố Phúc Trì, P.Phúc Thành, TP Ninh Bình                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2352 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 020       | TC nghề kinh tế - KT Công Đoàn Ninh Bình | Số 25 Trần Hưng Đạo, Ph. Đông Thành, Tp. Ninh Bình              | Khu vực 2    | Không       |
| 2353 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 091       | THPT Bán công Ninh Bình                  | Ph. Phúc Thành TP Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2354 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 092       | THPT dân lập Nguyễn Công Trứ             | Ph. Phúc Thành TP Ninh Bình                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2355 | 27         | Ninh Bình   | 01            | Thành phố Ninh Bình    | 038       | GDTX, Tin học và Ngoại ngữ tỉnh          | Phường Tân Thành, TP Ninh Bình                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2356 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 021       | THPT Nguyễn Huệ                          | Ph. Bắc Sơn TP Tam Điệp                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2357 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 022       | THPT Ngô Thi Nhậm                        | Ph. Đông Sơn TP Tam Điệp                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2358 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 023       | TTGDTX Tam Điệp                          | Ph. Trung Sơn TP Tam Điệp                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 2359 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 024       | CD nghề Cơ điện - Xây dựng Tam Điệp      | Ph. Trung Sơn, TP Tam Điệp                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 2360 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 025       | CD nghề Cơ giới Ninh Bình                | Xã Yên Bình, TP Tam Điệp                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2361 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 026       | TC Nghề số 13                            | Ph. Nam Sơn, TP Tam Điệp                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2362 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 027       | TC Nghề số 14                            | Xã Yên Sơn, TP Tam Điệp                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2363 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 028       | TC Nghề Việt Can                         | Ph. Trung Sơn, TP Tam Điệp                                      | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                   | Địa Chỉ                                            | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------|----------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2364 | 27         | Ninh Bình   | 02            | Thành phố Tam Điệp     | 029       | GDNN - GDTX Tam Điệp         | phường Trung Sơn, TP Tam Điệp                      | Khu vực 1    | Không       |
| 2365 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 031       | THPT Nho Quan A              | Xã Quỳnh Lưu H. Nho Quan                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2366 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 032       | THPT Nho Quan B              | ITr. Nho Quan H Nho Quan                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2367 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 033       | THPT Dân tộc nội trú         | ITr. Nho Quan H Nho Quan                           | Khu vực 1    | Có          |
| 2368 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 034       | TTGDTX Nho Quan              | ITr. Nho Quan H Nho Quan                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2369 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 035       | THPT Nho Quan C              | Xã Gia Lâm H. Nho Quan                             | Khu vực 1    | Không       |
| 2370 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 036       | TC Nghề Nho Quan             | Xã Lạng Phong, TT Nho Quan                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2371 | 27         | Ninh Bình   | 03            | Huyện Nho Quan         | 037       | GDNN - GDTX Nho Quan         | ITr. Nho Quan H Nho Quan                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2372 | 27         | Ninh Bình   | 04            | Huyện Gia Viễn         | 041       | THPT Gia Viễn A              | Xã Gia Phú H Gia Viễn                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2373 | 27         | Ninh Bình   | 04            | Huyện Gia Viễn         | 042       | THPT Gia Viễn B              | Xã Gia Lập, huyện Gia Viễn                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2374 | 27         | Ninh Bình   | 04            | Huyện Gia Viễn         | 043       | THPT Gia Viễn C              | Xã Gia Sinh H Gia Viễn                             | Khu vực 1    | Không       |
| 2375 | 27         | Ninh Bình   | 04            | Huyện Gia Viễn         | 044       | TTGDTX Gia Viễn              | ITr. Me H Gia Viễn                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2376 | 27         | Ninh Bình   | 04            | Huyện Gia Viễn         | 045       | GDNN - GDTX Gia Viễn         | Thị trấn Me, huyện Gia Viễn                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2377 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 001       | TC Công nghệ và Y tế Pasteur | Phố Thiên Sơn, Ttr Thiên Tôn, H. Hoa Lư, Ninh Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2378 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 051       | THPT Hoa Lư A                | Thị trấn Thiên Tôn, huyện Hoa Lư                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2379 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 052       | THPT Trương Hán Siêu         | Xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2380 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 053       | TTGDTX Hoa Lư                | ITr. Thiên Tôn H Hoa Lư                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2381 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 054       | GDNN - GDTX Hoa Lư           | ITr. Thiên tôn, huyện Hoa Lư                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2382 | 27         | Ninh Bình   | 05            | Huyện Hoa Lư           | 093       | THPT dân lập Hoa Lư          | Xã Ninh Mỹ, H. Hoa Lư                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2383 | 27         | Ninh Bình   | 06            | Huyện Yên Mô           | 061       | THPT Yên Mô A                | Xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô                      | Khu vực 1    | Không       |
| 2384 | 27         | Ninh Bình   | 06            | Huyện Yên Mô           | 062       | THPT Yên Mô B                | Xã Yên Mạc, huyện Yên Mô                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2385 | 27         | Ninh Bình   | 06            | Huyện Yên Mô           | 063       | TTGDTX Yên Mô                | Xã Yên Phong H Yên Mô                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2386 | 27         | Ninh Bình   | 06            | Huyện Yên Mô           | 064       | THPT Tạ Uyên                 | Xã Yên Phong, huyện Yên Mô                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2387 | 27         | Ninh Bình   | 06            | Huyện Yên Mô           | 065       | GDNN - GDTX Yên Mô           | Xã Yên Phong, huyện Yên Mô                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2388 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 071       | THPT Kim Sơn A               | thị trấn Phát Diệm, huyện Kim Sơn                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2389 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 072       | THPT Kim Sơn B               | Xã Hùng Tiến, huyện Kim Sơn                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2390 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 073       | THPT Bình Minh               | thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2391 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 074       | TTGDTX Kim Sơn               | Xã Thượng Kiệm H Kim Sơn                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2392 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 075       | THPT Kim Sơn C               | Xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2393 | 27         | Ninh Bình   | 07            | Huyện Kim Sơn          | 076       | GDNN - GDTX Kim Sơn          | xã Thượng Kiệm, huyện Kim Sơn                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2394 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 081       | THPT Yên Khánh A             | Xã Khánh Hội, huyện Yên Khánh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2395 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 082       | THPT Yên Khánh B             | Xã Khánh Cư H Yên Khánh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2396 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 083       | THPT Vũ Duy Thanh            | Xã Khánh Nhạc H Yên Khánh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2397 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 084       | TTGDTX Yên Khánh             | Xã Khánh Nhạc H Yên Khánh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2398 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 085       | THPT Yên Khánh C             | Xã Khánh Cường, huyện Yên Khánh                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2399 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 086       | GDNN - GDTX Yên Khánh        | Xã Khánh Nhạc H Yên Khánh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2400 | 27         | Ninh Bình   | 08            | Huyện Yên Khánh        | 094       | THPT dân lập Yên Khánh       | Xã Khánh Cường H Yên Khánh                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2401 | 28         | Thanh Hoá   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 28          |                                                    | Khu vực 3    | Không       |
| 2402 | 28         | Thanh Hoá   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, CA tại ngũ 28     |                                                    | Khu vực 3    | Không       |
| 2403 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 001       | THPT Đào Duy Từ              | P. Ba Đình, TP T.Hóa                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2404 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 002       | THPT Hàm Rồng                | P. Trường Thi, TP T.Hoá                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2405 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 003       | THPT Nguyễn Trãi             | P. Điện Biên, TP T.Hoá                             | Khu vực 2    | Không       |
| 2406 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 004       | THPT Tô Hiến Thành           | P.Đông Sơn, TP T.Hoá                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2407 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 005       | THPT Trường Thi              | P. Trường Thi, TP T.Hoá                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2408 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa    | 006       | THPT Lý Thường Kiệt          | P. Đông sơn, TP T.Hoá                              | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                      | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|---------------------------------------|------------------------------|-----------|-------------|
| 2409 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 007       | THPT Đào Duy Anh                      | P. Ngọc Trạo, TP T.Hoá       | Khu vực 2 | Không       |
| 2410 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 008       | TTGDNN-GDTX TP Thanh Hoá              | P.Trường Thi, TP T.Hoá       | Khu vực 2 | Không       |
| 2411 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 009       | THPT DTNT Tỉnh Thanh Hóa              | P. Đông Sơn, TP T.Hoá        | Khu vực 1 | Có          |
| 2412 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 010       | THPT Chuyên Lam Sơn                   | P. Ba Đình, TP T.Hoá         | Khu vực 2 | Không       |
| 2413 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 011       | TTGDTX tỉnh T.Hoá                     | Ngã Ba Bìa, TP Thanh Hoá     | Khu vực 2 | Không       |
| 2414 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 012       | THPT Đông Sơn                         | Đông Tân, TP T.Hóa           | Khu vực 2 | Không       |
| 2415 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 013       | THPT Nguyễn Huệ                       | Quảng Đông, TP T.Hóa         | Khu vực 2 | Không       |
| 2416 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 014       | Trường CĐ TDTT T.Hóa                  | Ph. Ngọc Trạo-TP T.Hóa       | Khu vực 2 | Không       |
| 2417 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 015       | ĐH VH TT và DL TH                     | Ph. Lam Sơn- TP T.Hóa        | Khu vực 2 | Không       |
| 2418 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 016       | CĐN NN - PTNT T.Hóa                   | Quảng Hưng -TP T.Hóa         | Khu vực 2 | Không       |
| 2419 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 017       | Trường CĐ KT- KTCT                    | Ph. Đông Vệ - TP T.Hóa       | Khu vực 2 | Không       |
| 2420 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 018       | CĐ nghề CN T.Hóa                      | 64 Đình Hương, TP T.Hóa      | Khu vực 2 | Không       |
| 2421 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 019       | Trường CĐN An Nhất Vinh               | Hoàng Long, T.Hoá            | Khu vực 2 | Không       |
| 2422 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 020       | TC nghề số 1 TP T.Hoá                 | Quảng Thắng, TP T.Hoá        | Khu vực 2 | Không       |
| 2423 | 28         | Thanh Hoá   | 01            | Thành phố Thanh Hóa | 149       | ĐHCN TP Hồ Chí Minh (cơ sở Thanh Hóa) | Xã Quảng Tâm TP Thanh Hóa    | Khu vực 2 | Không       |
| 2424 | 28         | Thanh Hoá   | 02            | Thị xã Bim Sơn      | 021       | THPT Bim Sơn                          | P. Ba Đình, Thị Bim Sơn      | Khu vực 2 | Không       |
| 2425 | 28         | Thanh Hoá   | 02            | Thị xã Bim Sơn      | 022       | THPT Lê Hồng Phong                    | P. Lam Sơn, Thị Bim Sơn      | Khu vực 2 | Không       |
| 2426 | 28         | Thanh Hoá   | 02            | Thị xã Bim Sơn      | 023       | TTGDTX TX Bim Sơn                     | P. Lam Sơn, TX Bim Sơn       | Khu vực 2 | Không       |
| 2427 | 28         | Thanh Hoá   | 02            | Thị xã Bim Sơn      | 024       | TC nghề Bim Sơn                       | P. Lam Sơn, TX Bim Sơn       | Khu vực 2 | Không       |
| 2428 | 28         | Thanh Hoá   | 03            | Thành phố Sầm Sơn   | 025       | THPT Sầm Sơn                          | P. Trường Sơn, Sầm Sơn       | Khu vực 2 | Không       |
| 2429 | 28         | Thanh Hoá   | 03            | Thành phố Sầm Sơn   | 026       | THPT Nguyễn Thị Lợi                   | P. Trung Sơn, Sầm Sơn        | Khu vực 2 | Không       |
| 2430 | 28         | Thanh Hoá   | 03            | Thành phố Sầm Sơn   | 027       | TTGDNN-GDTX Sầm Sơn                   | P. Trường Sơn, Sầm Sơn       | Khu vực 2 | Không       |
| 2431 | 28         | Thanh Hoá   | 03            | Thành phố Sầm Sơn   | 028       | THPT Chu Văn An                       | Quảng Minh, Sầm Sơn          | Khu vực 2 | Không       |
| 2432 | 28         | Thanh Hoá   | 04            | Huyện Quan Hóa      | 029       | THPT Quan Hoá                         | IT Quan Hoá                  | Khu vực 1 | Không       |
| 2433 | 28         | Thanh Hoá   | 04            | Huyện Quan Hóa      | 030       | TTGDNN-GDTX Quan Hoá                  | IT Quan Hóa                  | Khu vực 1 | Không       |
| 2434 | 28         | Thanh Hoá   | 04            | Huyện Quan Hóa      | 031       | THCS-THPT Quan Hóa                    | Thiên Phú, Quan Hóa          | Khu vực 1 | Không       |
| 2435 | 28         | Thanh Hoá   | 05            | Huyện Quan Sơn      | 032       | THPT Quan Sơn                         | IT Quan Sơn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 2436 | 28         | Thanh Hoá   | 05            | Huyện Quan Sơn      | 033       | TTGDNN-GDTX Quan Sơn                  | IT Quan Sơn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 2437 | 28         | Thanh Hoá   | 05            | Huyện Quan Sơn      | 034       | THCS & THPT Quan Sơn                  | Mường Mìn - Quan Sơn         | Khu vực 1 | Không       |
| 2438 | 28         | Thanh Hoá   | 06            | Huyện Mường Lát     | 035       | THPT Mường Lát                        | IT Mường Lát                 | Khu vực 1 | Không       |
| 2439 | 28         | Thanh Hoá   | 06            | Huyện Mường Lát     | 036       | TTGDNN-GDTX Mường Lát                 | IT Mường Lát                 | Khu vực 1 | Không       |
| 2440 | 28         | Thanh Hoá   | 07            | Huyện Bá Thước      | 037       | THPT Bá Thước                         | IT Cảnh Năng, Bá Thước       | Khu vực 1 | Không       |
| 2441 | 28         | Thanh Hoá   | 07            | Huyện Bá Thước      | 038       | THPT Hà Văn Mao                       | Diễn Trung, Bá Thước         | Khu vực 1 | Không       |
| 2442 | 28         | Thanh Hoá   | 07            | Huyện Bá Thước      | 039       | TTGDNN-GDTX Bá Thước                  | IT Cảnh năng, Bá Thước       | Khu vực 1 | Không       |
| 2443 | 28         | Thanh Hoá   | 07            | Huyện Bá Thước      | 040       | THCS & THPT Bá Thước                  | Lũng Niên, Bá Thước          | Khu vực 1 | Không       |
| 2444 | 28         | Thanh Hoá   | 08            | Huyện Thường Xuân   | 041       | THPT Cẩm Bá Thước                     | IT Thường Xuân               | Khu vực 1 | Không       |
| 2445 | 28         | Thanh Hoá   | 08            | Huyện Thường Xuân   | 042       | THPT Thường Xuân 2                    | Luận Thành, Thường Xuân      | Khu vực 1 | Không       |
| 2446 | 28         | Thanh Hoá   | 08            | Huyện Thường Xuân   | 043       | TTGDNN-GDTX Thường Xuân               | IT Thường xuân               | Khu vực 1 | Không       |
| 2447 | 28         | Thanh Hoá   | 08            | Huyện Thường Xuân   | 044       | THPT Thường Xuân 3                    | Vạn Xuân, Thường Xuân        | Khu vực 1 | Không       |
| 2448 | 28         | Thanh Hoá   | 09            | Huyện Như Xuân      | 045       | THPT Như Xuân                         | IT Yên Cát, Như Xuân         | Khu vực 1 | Không       |
| 2449 | 28         | Thanh Hoá   | 09            | Huyện Như Xuân      | 046       | TTGDNN-GDTX Như Xuân                  | IT Yên Cái, Như Xuân         | Khu vực 1 | Không       |
| 2450 | 28         | Thanh Hoá   | 09            | Huyện Như Xuân      | 047       | THPT Như Xuân 2                       | Bãi Thành, Như Xuân          | Khu vực 1 | Không       |
| 2451 | 28         | Thanh Hoá   | 09            | Huyện Như Xuân      | 150       | THCS-THPT Như Xuân                    | Xã Thanh Quân huyện Như Xuân | Khu vực 1 | Không       |
| 2452 | 28         | Thanh Hoá   | 10            | Huyện Như Thanh     | 048       | THPT Như Thanh                        | IT Bến Sung, Như Thanh       | Khu vực 1 | Không       |
| 2453 | 28         | Thanh Hoá   | 10            | Huyện Như Thanh     | 049       | THPT Như Thanh 2                      | Xã Thanh Tân huyện Như Thanh | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường             | Địa Chỉ                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|------------------------|-------------------------------|--------------|-------------|
| 2454 | 28         | Thanh Hoá   | 10            | Huyện Như Thanh   | 050       | TTGDNN-GDTX Như Thanh  | IT Bến Sung, Như Thanh        | Khu vực 1    | Không       |
| 2455 | 28         | Thanh Hoá   | 10            | Huyện Như Thanh   | 051       | THCS-THPT Như Thanh    | Phượng Nghi, Như Thanh        | Khu vực 1    | Không       |
| 2456 | 28         | Thanh Hoá   | 11            | Huyện Lang Chánh  | 052       | THPT Lang Chánh        | IT Lang Chánh                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2457 | 28         | Thanh Hoá   | 11            | Huyện Lang Chánh  | 053       | TTGDNN-GDTX Lang Chánh | IT Lang Chánh                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2458 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 054       | THPT Ngọc Lặc          | IT Ngọc Lặc                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2459 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 055       | THPT Lê Lai            | Kiên Thọ, Ngọc Lặc            | Khu vực 1    | Không       |
| 2460 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 056       | TTGDNN-GDTX Ngọc Lặc   | IT Ngọc Lặc                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2461 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 057       | THPT Bắc Sơn           | Ngọc Liên, Ngọc Lặc           | Khu vực 1    | Không       |
| 2462 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 058       | TC nghề MN T.Hoá       | Xã Minh Sơn, H.Ngọc Lặc       | Khu vực 1    | Không       |
| 2463 | 28         | Thanh Hoá   | 12            | Huyện Ngọc Lặc    | 151       | THPT DTNT Ngọc Lặc     | Xã Quang Trung huyện Ngọc Lặc | Khu vực 1    | Có          |
| 2464 | 28         | Thanh Hoá   | 13            | Huyện Thạch Thành | 059       | THPT Thạch Thành 1     | Thành Thọ, Thạch Thành        | Khu vực 1    | Không       |
| 2465 | 28         | Thanh Hoá   | 13            | Huyện Thạch Thành | 060       | THPT Thạch Thành 2     | Thạch Tân, Thạch Thành        | Khu vực 1    | Không       |
| 2466 | 28         | Thanh Hoá   | 13            | Huyện Thạch Thành | 061       | THPT Thạch Thành 3     | Thạch Vân, Thạch Thành        | Khu vực 1    | Không       |
| 2467 | 28         | Thanh Hoá   | 13            | Huyện Thạch Thành | 062       | TC nghề Thạch Thành    | IT Kim Tân                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2468 | 28         | Thanh Hoá   | 13            | Huyện Thạch Thành | 063       | THPT Thạch Thành 4     | Thạch Quảng, Thạch Thành      | Khu vực 1    | Không       |
| 2469 | 28         | Thanh Hoá   | 14            | Huyện Cẩm Thủy    | 064       | THPT Cẩm Thủy 1        | IT Cẩm Thủy                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2470 | 28         | Thanh Hoá   | 14            | Huyện Cẩm Thủy    | 065       | THPT Cẩm Thủy 2        | Phúc Do, Cẩm Thủy             | Khu vực 1    | Không       |
| 2471 | 28         | Thanh Hoá   | 14            | Huyện Cẩm Thủy    | 066       | THPT Cẩm Thủy 3        | Cẩm Thạch, Cẩm Thủy           | Khu vực 1    | Không       |
| 2472 | 28         | Thanh Hoá   | 14            | Huyện Cẩm Thủy    | 067       | TTGDNN-GDTX Cẩm Thủy   | IT Cẩm Thủy                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2473 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 068       | THPT Lê Lợi            | IT Thọ Xuân                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2474 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 069       | THPT Lê Hoàn           | Xuân Lai, Thọ Xuân            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2475 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 070       | THPT Lam Kinh          | IT Lam Sơn, Thọ Xuân          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2476 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 071       | THPT Thọ Xuân 4        | Thọ Lập, Thọ Xuân             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2477 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 072       | THPT Lê Văn Linh       | IT Thọ Xuân                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2478 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 073       | THPT Thọ Xuân 5        | Thôn 385 Thọ Xương            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2479 | 28         | Thanh Hoá   | 15            | Huyện Thọ Xuân    | 074       | TTGDNN-GDTX Thọ Xuân   | IT Thọ Xuân                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2480 | 28         | Thanh Hoá   | 16            | Huyện Vĩnh Lộc    | 075       | THPT Vĩnh Lộc          | IT Vĩnh Lộc                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2481 | 28         | Thanh Hoá   | 16            | Huyện Vĩnh Lộc    | 076       | THPT Tổng Duy Tân      | Vĩnh Tân, Vĩnh Lộc            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2482 | 28         | Thanh Hoá   | 16            | Huyện Vĩnh Lộc    | 077       | THPT Trần Khát Chân    | IT Vĩnh Lộc                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2483 | 28         | Thanh Hoá   | 16            | Huyện Vĩnh Lộc    | 078       | TTGDNN-GDTX Vĩnh Lộc   | IT Vĩnh Lộc                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2484 | 28         | Thanh Hoá   | 17            | Huyện Thiệu Hóa   | 079       | THPT Thiệu Hoá         | IT Vạn Hà, Thiệu Hoá          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2485 | 28         | Thanh Hoá   | 17            | Huyện Thiệu Hóa   | 080       | THPT Nguyễn Quán Nho   | Thiệu Quang, Thiệu Hoá        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2486 | 28         | Thanh Hoá   | 17            | Huyện Thiệu Hóa   | 081       | THPT Lê Văn Hưu        | Thiệu Vạn, Thiệu Hoá          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2487 | 28         | Thanh Hoá   | 17            | Huyện Thiệu Hóa   | 082       | THPT Dương Đình Nghệ   | Thiệu Đô, Thiệu Hoá           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2488 | 28         | Thanh Hoá   | 17            | Huyện Thiệu Hóa   | 083       | TTGDNN-GDTX Thiệu Hoá  | IT Vạn Hà, Thiệu Hoá          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2489 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 084       | THPT Triệu Sơn 1       | IT, Triệu Sơn                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2490 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 085       | THPT Triệu Sơn 2       | Nông Trường, Triệu Sơn        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2491 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 086       | THPT Triệu Sơn 3       | Hợp Lý, Triệu Sơn             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2492 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 087       | THPT Triệu Sơn 4       | Thọ Dân, Triệu Sơn            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2493 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 088       | THPT Triệu Sơn 5       | Đồng Lợi, Triệu Sơn           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2494 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 089       | THPT Triệu Sơn 6       | Dân Lực, Triệu Sơn            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2495 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 090       | THPT Triệu Sơn         | IT Triệu sơn                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2496 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 091       | TTGDNN-GDTX Triệu Sơn  | IT Triệu Sơn                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2497 | 28         | Thanh Hoá   | 18            | Huyện Triệu Sơn   | 092       | Trường CD NL T.Hóa     | Dân Quyền - H. Triệu Sơn      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2498 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 093       | THPT Nông Cống 1       | IT Nông Cống                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2499 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 094       | THPT Nông Cống 2       | Trung Thành, Nông Cống        | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường              | Địa Chỉ                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|-------------------------|--------------------------|--------------|-------------|
| 2500 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 095       | THPT Nông Cống 3        | Công Liêm, Nông Cống     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2501 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 096       | THPT Nông Cống 4        | Trường Sơn, N. Cống      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2502 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 097       | THPT Triệu Thị Trinh    | Vạn Hòa, Nông Cống       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2503 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 098       | TTGDNN-GDTX Nông Cống   | IT Nông Cống             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2504 | 28         | Thanh Hoá   | 19            | Huyện Nông Cống   | 099       | THPT Nông Cống          | Trung Chính, Nông Cống   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2505 | 28         | Thanh Hoá   | 20            | Huyện Đông Sơn    | 100       | THPT Đông Sơn 1         | Đông Xuân, Đông Sơn      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2506 | 28         | Thanh Hoá   | 20            | Huyện Đông Sơn    | 101       | THPT Đông Sơn 2         | Đông Văn, Đông Sơn       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2507 | 28         | Thanh Hoá   | 20            | Huyện Đông Sơn    | 102       | PT Nguyễn Mộng Tuân     | IT Rừng Thông, Đông Sơn  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2508 | 28         | Thanh Hoá   | 20            | Huyện Đông Sơn    | 103       | TTGDNN-GDTX Đông Sơn    | IT Rừng Thông, Đông Sơn  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2509 | 28         | Thanh Hoá   | 21            | Huyện Hà Trung    | 104       | THPT Hà Trung           | Hà Bình, Hà Trung        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2510 | 28         | Thanh Hoá   | 21            | Huyện Hà Trung    | 105       | THPT Hoàng Lê Kha       | IT Hà Trung              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2511 | 28         | Thanh Hoá   | 21            | Huyện Hà Trung    | 106       | THPT Nguyễn Hoàng       | IT Hà Trung              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2512 | 28         | Thanh Hoá   | 21            | Huyện Hà Trung    | 107       | TTGDNN-GDTX Hà Trung    | IT Hà Trung              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2513 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 108       | THPT Lương Đắc Bằng     | IT Bút Sơn, Hoằng Hoá    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2514 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 109       | THPT Hoằng Hoá 2        | Hoằng Kim, Hoằng Hoá     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2515 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 110       | THPT Hoằng Hoá 3        | Hoằng Ngọc, Hoằng Hoá    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2516 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 111       | THPT Hoằng Hoá 4        | Hoằng Thành, Hoằng Hoá   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2517 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 112       | THPT Lưu Đình Chát      | Hoằng Quỳ, Hoằng Hoá     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2518 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 113       | THPT Lê Viết Tạo        | Hoằng Đạo, Hoằng Hoá     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2519 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 114       | TTGDNN-GDTX Hoằng Hoá   | IT Bút Sơn, Hoằng Hoá    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2520 | 28         | Thanh Hoá   | 22            | Huyện Hoằng Hóa   | 115       | THPT Hoằng Hoá          | Hoằng Ngọc - Hoằng Hoá   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2521 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 116       | THPT Ba Đình            | IT Nga Sơn               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2522 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 117       | THPT Mai Anh Tuấn       | Nga Thành, Nga Sơn       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2523 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 118       | THPT Trần Phú           | IT Nga sơn               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2524 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 119       | TTGDTX Nga Sơn          | IT Nga Sơn               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2525 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 120       | THPT Nga Sơn            | Nga Trung, Nga Sơn       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2526 | 28         | Thanh Hoá   | 23            | Huyện Nga Sơn     | 121       | TC nghề Nga Sơn         | H Nga Sơn, T.Hoá         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2527 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 122       | THPT Hậu Lộc 1          | Phú Lộc, Hậu lộc         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2528 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 123       | THPT Hậu Lộc 2          | Thuần Lộc, Hậu Lộc       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2529 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 124       | THPT Đinh Chương Dương  | IT Hậu Lộc               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2530 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 125       | TTGDNN-GDTX Hậu Lộc     | IT Hậu Lộc               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2531 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 126       | THPT Hậu Lộc 3          | Đại Lộc, Hậu Lộc         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2532 | 28         | Thanh Hoá   | 24            | Huyện Hậu Lộc     | 127       | THPT Hậu Lộc 4          | Hưng Lộc, Hậu Lộc        | Khu vực 1    | Không       |
| 2533 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 128       | THPT Quảng Xương 1      | IT Quảng Xương           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2534 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 129       | THPT Quảng Xương 2      | Quảng Ngọc, Quảng Xương  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2535 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 130       | THPT Quảng Xương 4      | Quảng Lợi, Quảng Xương   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2536 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 131       | THPT Nguyễn Xuân Nguyên | Quảng Giao, Quảng Xương  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2537 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 132       | THPT Đặng Thai Mai      | Quảng Bình, Quảng Xương  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2538 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 133       | TTGDNN-GDTX Quảng Xương | IT Quảng Xương           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2539 | 28         | Thanh Hoá   | 25            | Huyện Quảng Xương | 134       | TC PTTH Thanh Hóa       | Quảng Thọ, Sầm Sơn       | Khu vực 2    | Không       |
| 2540 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 135       | THPT Tĩnh Gia 1         | IT Tĩnh Gia              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2541 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 136       | THPT Tĩnh Gia 2         | Xã Hải Ninh, H. Tĩnh Gia | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2542 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 137       | THPT Tĩnh Gia 3         | Tĩnh Hải, Tĩnh Gia       | Khu vực 1    | Không       |
| 2543 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 138       | THPT Tĩnh Gia 5         | IT Tĩnh Gia              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2544 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 139       | TTGDNN-GDTX Tĩnh Gia    | IT Tĩnh Gia              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2545 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia    | 140       | THPT Tĩnh Gia 4         | Hải An, Tĩnh Gia         | Khu vực 1    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                          | Địa Chỉ                                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2546 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia         | 141       | CD nghề Nghi Sơn                                    | IT Tĩnh Gia, H. Tĩnh Gia                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2547 | 28         | Thanh Hoá   | 26            | Huyện Tĩnh Gia         | 142       | THCS-THPT Nghi Sơn                                  | Hải Thượng, Tĩnh Gia                                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2548 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 143       | THPT Yên Định 1                                     | IT Quán Lào, Yên Định                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2549 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 144       | THPT Yên Định 2                                     | Yên Trường, Yên Định                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2550 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 145       | THPT Yên Định 3                                     | Yên Tâm, Yên Định                                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2551 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 146       | THCS-THPT Thống Nhất                                | IT Thống Nhất                                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2552 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 147       | THPT Trần Ân Chiêm                                  | IT Quán Lào, Yên Định                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2553 | 28         | Thanh Hoá   | 27            | Huyện Yên Định         | 148       | ITGDNN-GDTX Yên Định                                | IT Yên Định                                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2554 | 29         | Nghệ An     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_29                                 |                                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 2555 | 29         | Nghệ An     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ_29                       |                                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 2556 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 002       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                               | Số 62 Lê Hồng Phong - TP Vinh, Nghệ An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2557 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 003       | THPT Hà Huy Tập                                     | Số 8-Phan Bội Châu - TP Vinh, Nghệ An                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2558 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 004       | THPT Lê Viết Thuật                                  | Khối 5 - Phường Trường Thi - TP Vinh, Nghệ An                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2559 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 005       | THPT Nguyễn Trường Tộ - TP Vinh                     | Khối Yên Toàn - Phường Hà Huy Tập - TP Vinh, Nghệ An           | Khu vực 2    | Không       |
| 2560 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 006       | THPT Chuyên Phan Bội Châu                           | Số 119 -Lê Hồng Phong - TP Vinh, Nghệ An                       | Khu vực 2    | Không       |
| 2561 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 007       | THPT Chuyên - Đại học Vinh                          | Đường Lê Duẩn - TP Vinh, Nghệ An                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2562 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 008       | THPT DTNT Tinh                                      | Số 98 -Mai Hắc Đế - TP Vinh, Nghệ An                           | Khu vực 2    | Có          |
| 2563 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 009       | THPT VTC                                            | Số 83- Ngự Hải                                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2564 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 010       | THPT Nguyễn Huệ                                     | Số 247B Lê Duẩn - TP Vinh, Nghệ An                             | Khu vực 2    | Không       |
| 2565 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 011       | PT Hermann Gmeiner                                  | Số 30 -Đường HERMAN - TP Vinh, Nghệ An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2566 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 012       | PT năng khiếu TDTT Nghệ An                          | Số 98 - Đội Cung - TP. Vinh, Nghệ An                           | Khu vực 2    | Không       |
| 2567 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 013       | Trường PT Dân tộc nội trú THPT số 2 Nghệ An         | TP Vinh, Nghệ An                                               | Khu vực 2    | Có          |
| 2568 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 098       | THPT Nguyễn Trãi                                    | Số 9 -Mai Hắc đế , TP Vinh, Nghệ An                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2569 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 104       | TTGDTX Vinh                                         | Số 24 – Đường Hoàng Nguyên Hân – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An | Khu vực 2    | Không       |
| 2570 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 131       | CD Nghề Kỹ thuật - Công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc  | Nghi phú, Vinh, Nghệ An                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2571 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 132       | CD Nghề Kỹ thuật Việt - Đức                         | Hưng Dũng, Tp. Vinh                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2572 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 134       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Số 1                     | TP Vinh, Nghệ An                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2573 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 135       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật - Công nghiệp Vinh       | Tp.Vinh, Nghệ An                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2574 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 140       | TC Nghề số 4 - Bộ Quốc phòng                        | Tp.Vinh, Nghệ An                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2575 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 141       | TC Nghề Kinh tế - Công nghiệp - Tiểu Thủ CN Nghệ An | Tp. Vinh, Nghệ An                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2576 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 145       | TC KT-KT Hồng Lam                                   | Tp. Vinh, Nghệ An                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2577 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 153       | Trần Đại Nghĩa                                      | Số 83-Ngự Hải - TP Vinh, Nghệ An                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2578 | 29         | Nghệ An     | 01            | Thành phố Vinh         | 165       | Trường Cao đẳng Nghề số 4 - Bộ Quốc phòng           | Số 27, Hoàng Phan Thái, Nghi Phú, TP Vinh                      | Khu vực 2    | Không       |
| 2579 | 29         | Nghệ An     | 02            | Thị xã Cửa Lò          | 014       | THPT Cửa Lò                                         | TX Cửa Lò, Nghệ An                                             | Khu vực 2    | Không       |
| 2580 | 29         | Nghệ An     | 02            | Thị xã Cửa Lò          | 099       | THPT Cửa Lò 2                                       | TX Cửa Lò, Nghệ An                                             | Khu vực 2    | Không       |
| 2581 | 29         | Nghệ An     | 02            | Thị xã Cửa Lò          | 105       | TTGDTX Số 2                                         | Thị xã Cửa Lò, Nghệ An                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 2582 | 29         | Nghệ An     | 02            | Thị xã Cửa Lò          | 133       | CD Nghề Du lịch - Thương mại Nghệ An                | TX Cửa Lò, Nghệ An                                             | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                              | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|----------------------------------------|------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2583 | 29         | Nghệ An     | 03            | Huyện Quỳnh Châu  | 016       | THPT Quỳnh Châu                        | Thị trấn Tân Lạc - Huyện Quỳnh Châu, Nghệ An         | Khu vực 1    | Không       |
| 2584 | 29         | Nghệ An     | 03            | Huyện Quỳnh Châu  | 106       | TTGDTX Quỳnh Châu                      | Thị trấn Tân Lạc, Nghệ An                            | Khu vực 1    | Không       |
| 2585 | 29         | Nghệ An     | 03            | Huyện Quỳnh Châu  | 152       | Trung tâm GDNN- GDTX Quỳnh Châu        | Thị trấn Tân Lạc, Nghệ An                            | Khu vực 1    | Không       |
| 2586 | 29         | Nghệ An     | 04            | Huyện Quỳnh Hợp   | 017       | THPT Quỳnh Hợp 2                       | Xã Tam Hợp, Quỳnh Hợp, Nghệ An                       | Khu vực 1    | Không       |
| 2587 | 29         | Nghệ An     | 04            | Huyện Quỳnh Hợp   | 018       | THPT Quỳnh Hợp                         | Thị trấn Quỳnh Hợp , Nghệ An                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2588 | 29         | Nghệ An     | 04            | Huyện Quỳnh Hợp   | 101       | THPT Quỳnh Hợp 3                       | Xã Châu Quang, Quỳnh Hợp, Nghệ An                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2589 | 29         | Nghệ An     | 04            | Huyện Quỳnh Hợp   | 107       | TTGDTX Quỳnh Hợp                       | Thị trấn Quỳnh Hợp, Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2590 | 29         | Nghệ An     | 04            | Huyện Quỳnh Hợp   | 155       | TTGDNN-GDTX Quỳnh Hợp                  | IT Quỳnh Hợp, Nghệ An                                | Khu vực 1    | Không       |
| 2591 | 29         | Nghệ An     | 05            | Huyện Nghĩa Đàn   | 024       | THPT 1-5                               | Khởi Tân Hòa, Thị trấn Nghĩa Đàn, Nghĩa Đàn, Nghệ An | Khu vực 1    | Không       |
| 2592 | 29         | Nghệ An     | 05            | Huyện Nghĩa Đàn   | 026       | THPT Cờ Đỏ                             | Xã Nghĩa Hồng, Nghĩa Đàn, Nghệ An                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2593 | 29         | Nghệ An     | 05            | Huyện Nghĩa Đàn   | 108       | TTGDTX Nghĩa Đàn                       | Thị trấn Nghĩa Đàn, Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2594 | 29         | Nghệ An     | 05            | Huyện Nghĩa Đàn   | 156       | TTGDNN-GDTX Nghĩa Đàn                  | Thị trấn Nghĩa Đàn, Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2595 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 029       | THPT Quỳnh Lưu 1                       | Xã Quỳnh Hồng, Quỳnh Lưu , Nghệ An                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2596 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 030       | THPT Quỳnh Lưu 2                       | Xã Quỳnh Văn, Quỳnh Lưu , Nghệ An                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2597 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 031       | THPT Quỳnh Lưu 3                       | Xã Quỳnh Lương, Quỳnh Lưu, Nghệ An                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2598 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 032       | THPT Quỳnh Lưu 4                       | Xã Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu , Nghệ An                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2599 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 033       | THPT Nguyễn Đức Mậu                    | Xã Sơn Hải, Quỳnh Lưu , Nghệ An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2600 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 035       | THPT Cù Chính Lan                      | Xã Quỳnh Bá, Quỳnh Lưu, Nghệ An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2601 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 102       | THPT Lý Tự Trọng                       | Thị trấn Cầu Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2602 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 109       | TTGDTX Quỳnh Lưu                       | Thị trấn Giát, Quỳnh Lưu, Nghệ An                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2603 | 29         | Nghệ An     | 06            | Huyện Quỳnh Lưu   | 138       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Nghệ An | Quỳnh Lưu, Nghệ An                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2604 | 29         | Nghệ An     | 07            | Huyện Kỳ Sơn      | 037       | THPT Kỳ Sơn                            | Thị trấn Mường xén, Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2605 | 29         | Nghệ An     | 07            | Huyện Kỳ Sơn      | 110       | TTGDTX Kỳ Sơn                          | Thị trấn Mường Xén, Kỳ Sơn , Nghệ An                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2606 | 29         | Nghệ An     | 07            | Huyện Kỳ Sơn      | 157       | TTGDNN-GDTX Kỳ Sơn                     | Thị Trấn Mường Xén, Kỳ Sơn, Nghệ An                  | Khu vực 1    | Không       |
| 2607 | 29         | Nghệ An     | 08            | Huyện Tương Dương | 039       | THPT Tương Dương 1                     | Thị trấn Thạch Giám, Tương Dương, Nghệ An            | Khu vực 1    | Không       |
| 2608 | 29         | Nghệ An     | 08            | Huyện Tương Dương | 040       | THPT Tương Dương 2                     | Xã Tam Quang, Tương Dương , Nghệ An                  | Khu vực 1    | Không       |
| 2609 | 29         | Nghệ An     | 08            | Huyện Tương Dương | 111       | TTGDTX Tương Dương                     | Thị trấn Hoà Bình, Tương Dương, Nghệ An              | Khu vực 1    | Không       |
| 2610 | 29         | Nghệ An     | 08            | Huyện Tương Dương | 158       | TTGDNN-GDTX Tương Dương                | Thị trấn Thạch Giám, Tương Dương, Nghệ An            | Khu vực 1    | Không       |
| 2611 | 29         | Nghệ An     | 09            | Huyện Con Cuông   | 042       | THPT Con Cuông                         | Thị trấn Con cuông, Con Cuông , Nghệ An              | Khu vực 1    | Không       |
| 2612 | 29         | Nghệ An     | 09            | Huyện Con Cuông   | 043       | THPT Mường Quạ                         | Xã Môn Sơn, Con Cuông , Nghệ An                      | Khu vực 1    | Không       |
| 2613 | 29         | Nghệ An     | 09            | Huyện Con Cuông   | 112       | TTGDTX Con Cuông                       | Thị trấn Con Cuông , Nghệ An                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2614 | 29         | Nghệ An     | 09            | Huyện Con Cuông   | 142       | TC Nghề Dân tộc - Miền núi Nghệ An     | Bồng Khê, Con Cuông, Nghệ An                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2615 | 29         | Nghệ An     | 10            | Huyện Tân Kỳ      | 044       | THPT Tân Kỳ                            | Thị trấn Tân Kỳ, Tân Kỳ , Nghệ An                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2616 | 29         | Nghệ An     | 10            | Huyện Tân Kỳ      | 045       | THPT Lê Lợi                            | Xã Tân Phú, Tân Kỳ, Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2617 | 29         | Nghệ An     | 10            | Huyện Tân Kỳ      | 047       | THPT Tân Kỳ 3                          | Xã Tân An, Tân kỳ , Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2618 | 29         | Nghệ An     | 10            | Huyện Tân Kỳ      | 113       | TTGDTX Tân Kỳ                          | Xã Kỳ Sơn, Tân kỳ , Nghệ An                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2619 | 29         | Nghệ An     | 10            | Huyện Tân Kỳ      | 159       | TTGDNN-GDTX Tân Kỳ                     | Xã Kỳ Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2620 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành   | 048       | THPT Yên Thành 2                       | Xã Bắc Thành, Yên Thành, Nghệ An                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2621 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành   | 049       | THPT Phan Thúc Trạc                    | Xã Công Thành, Yên Thành , Nghệ An                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2622 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành   | 050       | THPT Bắc Yên Thành                     | Xã Lăng Thành, Yên Thành , Nghệ An                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2623 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành   | 051       | THPT Lê Doãn Nhã                       | Thị trấn Yên Thành, Yên Thành , Nghệ An              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2624 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành   | 052       | THPT Yên Thành 3                       | Xã Quang Thành, Yên Thành , Nghệ An                  | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                      | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2625 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành    | 054       | THPT Phan Đăng Lưu                            | Thị trấn yên Thành , Nghệ An                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2626 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành    | 100       | THPT Trần Đình Phong                          | Xã Thọ Thành, Yên Thành, Nghệ An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2627 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành    | 114       | TTGDTX Yên Thành                              | Thị trấn yên Thành , Nghệ An                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2628 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành    | 127       | THPT Nam Yên Thành                            | Xã Bảo Thành, Yên Thành, Nghệ An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2629 | 29         | Nghệ An     | 11            | Huyện Yên Thành    | 137       | TC Nghề Kỹ thuật Công - Nông nghiệp Yên Thành | Yên Thành, Nghệ An                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2630 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 055       | THPT Diễn Châu 2                              | Xã Diễn Hồng, Diễn châu , Nghệ An            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2631 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 056       | THPT Diễn Châu 3                              | Xã Diễn Xuân, Diễn Châu, Nghệ An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2632 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 057       | THPT Diễn Châu 4                              | Xã Diễn Mỹ, Diễn châu , Nghệ An              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2633 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 058       | THPT Nguyễn Văn Tổ                            | Xã Diễn Phong, Diễn Châu , Nghệ An           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2634 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 059       | THPT Ngô Trí Hoà                              | Thị trấn Diễn Châu , Nghệ An                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2635 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 061       | THPT Nguyễn Xuân Ôn                           | Thị trấn Diễn Châu , Nghệ An                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2636 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 062       | THPT Diễn Châu 5                              | Xã Diễn Thọ, Diễn Châu , Nghệ An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2637 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 103       | THPT Quang Trung                              | Xã Diễn Kỳ, Diễn Châu, Nghệ An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2638 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 115       | TTGDTX Diễn Châu                              | Thị trấn Diễn Châu, Nghệ An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2639 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 129       | THPT Nguyễn Du                                | Xã Diễn Yên, Diễn Châu, Nghệ An              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2640 | 29         | Nghệ An     | 12            | Huyện Diễn Châu    | 154       | Trung tâm GDNN- GDTX Diễn Châu                | Thị trấn Diễn Châu, Nghệ An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2641 | 29         | Nghệ An     | 13            | Huyện Anh Sơn      | 063       | THPT Anh Sơn 3                                | Xã Đình Sơn, Anh Sơn , Nghệ An               | Khu vực 1    | Không       |
| 2642 | 29         | Nghệ An     | 13            | Huyện Anh Sơn      | 064       | THPT Anh Sơn 1                                | Xã Thạch Sơn, Anh Sơn , Nghệ An              | Khu vực 1    | Không       |
| 2643 | 29         | Nghệ An     | 13            | Huyện Anh Sơn      | 065       | THPT Anh Sơn 2                                | Xã Lĩnh Sơn , Anh Sơn , Nghệ An              | Khu vực 1    | Không       |
| 2644 | 29         | Nghệ An     | 13            | Huyện Anh Sơn      | 116       | TTGDTX Anh Sơn                                | Thị trấn Anh Sơn , Nghệ An                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2645 | 29         | Nghệ An     | 13            | Huyện Anh Sơn      | 161       | TTGDNN-GDTX Anh Sơn                           | Thị trấn Anh Sơn , Nghệ An                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2646 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 067       | THPT Đô Lương 3                               | Xã Quang Sơn, Đô Lương , Nghệ An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2647 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 068       | THPT Đô Lương 1                               | Xã Đà Sơn, Đô Lương , Nghệ An                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2648 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 069       | THPT Đô Lương 2                               | Xã Lam Sơn. Đô Lương , Nghệ An               | Khu vực 1    | Không       |
| 2649 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 071       | THPT Văn Tráng                                | Xã Văn Sơn, Đô Lương , Nghệ An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2650 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 072       | THPT Duy Tân                                  | Xã Tân Sơn, Đô Lương , Nghệ An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2651 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 117       | TTGDTX Đô Lương                               | Xã Đà Sơn, Đô Lương , Nghệ An                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2652 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 128       | THPT Đô Lương 4                               | Xã Hiến Sơn, Đô Lương, Nghệ An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2653 | 29         | Nghệ An     | 14            | Huyện Đô Lương     | 139       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Đô Lương           | Đô Lương, Nghệ An                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2654 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 073       | THPT Thanh Chương 3                           | Xã Phong Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An        | Khu vực 1    | Không       |
| 2655 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 074       | THPT Nguyễn Sỹ Sách                           | Xã Thanh Dương, Thanh Chương , Nghệ An       | Khu vực 1    | Không       |
| 2656 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 075       | THPT Đặng Thúc Hứa                            | Xã Võ Liệt, Thanh Chương, Nghệ An            | Khu vực 1    | Không       |
| 2657 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 076       | THPT Nguyễn Cảnh Chân                         | Thị trấn Thanh Chương, Thanh Chương, Nghệ An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2658 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 078       | THPT Thanh Chương 1                           | Thị trấn Thanh Chương, Thanh Chương, Nghệ An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2659 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 079       | THPT Đặng Thai Mai                            | Xã Thanh Giang, Thanh Chương, Nghệ An        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2660 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 118       | TTGDTX Thanh Chương                           | Thị trấn Dũng, Thanh Chương, Nghệ An         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2661 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 123       | THPT Cát Nặng                                 | Xã Thanh liên, Thanh Chương, Nghệ An         | Khu vực 1    | Không       |
| 2662 | 29         | Nghệ An     | 15            | Huyện Thanh Chương | 162       | TTGDNN-GDTX Thanh Chương                      | Thị trấn Thanh Chương, Thanh Chương, Nghệ An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2663 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc     | 080       | THPT Nghi Lộc 3                               | Xã Nghi Xuân, Nghi Lộc, Nghệ An              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2664 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc     | 081       | THPT Nguyễn Duy Trinh                         | Thị trấn Quán Hành, Nghi Lộc, Nghệ An        | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2665 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 082       | THPT Nghi Lộc 2                       | Xã Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2666 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 084       | THPT Nguyễn Thước Tự                  | Thị trấn Quán Hành, Nghi Lộc, Nghệ An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2667 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 085       | THPT Nghi Lộc 4                       | Xã Nghi Xá, Nghi Lộc, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2668 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 119       | TTGDTX Nghi Lộc                       | Thị trấn Quán Hành, Nghi Lộc, Nghệ An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2669 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 126       | THPT Nghi Lộc 5                       | Xã Nghi Lâm, Nghi lộc, Nghệ An                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2670 | 29         | Nghệ An     | 16            | Huyện Nghi Lộc         | 143       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Nghi Lộc   | Nghi Lộc, Nghệ An                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2671 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 087       | THPT Nam Đàn 1                        | Thị trấn Nam Đàn, Nam Đàn, Nghệ An                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2672 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 088       | THPT Nam Đàn 2                        | Xã Trung Phúc Cường, Nam Đàn, Nghệ An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2673 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 089       | THPT Kim Liên                         | Xã Kim Liên, Nam Đàn , Nghệ An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2674 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 090       | THPT Sào Nam                          | Xã Xuân Hoà, Nam Đàn, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2675 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 120       | TTGDTX Nam Đàn                        | Thị trấn Nam Đàn , Nghệ An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2676 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 124       | THPT Mai Hắc Đế                       | Xã Hùng Tiến, Nam Đàn, Nghệ An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2677 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 130       | Trường Quân sự Quân khu 4             | Nam Anh, Nam Đàn, Nghệ An                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2678 | 29         | Nghệ An     | 17            | Huyện Nam Đàn          | 160       | TTGDNN-GDTX Nam Đàn                   | Thị trấn Nam Đàn , Nghệ An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2679 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 092       | THPT Lê Hồng Phong                    | Xã Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2680 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 093       | THPT Phạm Hồng Thái                   | Xã Hưng Châu, Hưng Nguyên, Nghệ An                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2681 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 094       | THPT Thái Lão                         | Thị trấn Hưng Nguyên, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2682 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 095       | THPT Đinh Bạt Tụy                     | Xã Hưng Tân, Hưng Nguyên, Nghệ An                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2683 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 121       | TTGDTX Hưng Nguyên                    | Thị trấn Hưng Nguyên, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2684 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 125       | THPT Nguyễn Trường Tộ                 | Xã Hưng Trung, Hưng Nguyên, Nghệ An                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2685 | 29         | Nghệ An     | 18            | Huyện Hưng Nguyên      | 163       | TTGDNN-GDTX Hưng Nguyên               | Thị trấn Hưng Nguyên, Nghệ An                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2686 | 29         | Nghệ An     | 19            | Huyện Quế Phong        | 097       | THPT Quế Phong                        | Thị trấn Kim Sơn, Quế Phong, Nghệ An                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2687 | 29         | Nghệ An     | 19            | Huyện Quế Phong        | 122       | TTGDTX Quế Phong                      | Xã Mường Nọc, Quế Phong , Nghệ An                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2688 | 29         | Nghệ An     | 19            | Huyện Quế Phong        | 164       | TTGDNN-GDTX Quế Phong                 | Xã Mường Nọc, Nghệ An                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 2689 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 020       | THPT Sông Hiếu                        | TX Thái Hòa, Nghệ An                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2690 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 021       | THPT Đông Hiếu                        | Xã Nghĩa Thuận, TX Thái Hòa, Nghệ An                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2691 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 023       | THPT Thái Hoà                         | Thị xã Thái Hoà, Nghệ An                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 2692 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 025       | THPT Tây Hiếu                         | Xã Tây Hiếu, TX. Thái Hòa , Nghệ An                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2693 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 136       | TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây   | Long Sơn, TX Thái Hòa, Nghệ An                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2694 | 29         | Nghệ An     | 20            | Thị Xã Thái Hòa        | 144       | TTGDTX Thái Hòa                       | Phường Quang Tiến, TX Thái Hòa , Nghệ An                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2695 | 29         | Nghệ An     | 21            | Thị Xã Hoàng Mai       | 027       | THPT Bắc Quỳnh Lưu                    | Xã Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An                       | Khu vực 2    | Không       |
| 2696 | 29         | Nghệ An     | 21            | Thị Xã Hoàng Mai       | 034       | THPT Hoàng Mai                        | Phường Quỳnh Thiện, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2697 | 29         | Nghệ An     | 21            | Thị Xã Hoàng Mai       | 036       | THPT Hoàng Mai 2                      | Phường Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An                   | Khu vực 2    | Không       |
| 2698 | 29         | Nghệ An     | 21            | Thị Xã Hoàng Mai       | 150       | THPT Bắc Quỳnh Lưu (Trước năm 2013)   | Xã Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2699 | 29         | Nghệ An     | 21            | Thị Xã Hoàng Mai       | 151       | THPT Hoàng Mai (Trước năm 2013)       | Xã Quỳnh Thiện, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2700 | 30         | Hà Tĩnh     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 30                   | Số 105, Phan Đình Phùng, THP Hà Tĩnh                        | Khu vực 3    | Không       |
| 2701 | 30         | Hà Tĩnh     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 30         | Thành phố Hà Tĩnh                                           | Khu vực 3    | Không       |
| 2702 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh      | 000       | Sở GDĐT Hà Tĩnh                       | Số 105, đường Phan Đình Phùng, Phường Tân Giang, TP Hà Tĩnh | Khu vực 2    | Không       |
| 2703 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh      | 009       | Trung tâm BDNVSP và GDTX tỉnh Hà Tĩnh | Số 52, đường Lê Hồng Phong, phường Thạch Linh, TP Hà Tĩnh   | Khu vực 2    | Không       |
| 2704 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh      | 010       | THPT Phan Đình Phùng                  | Số 65, Đường Phan Đình Phùng, TP Hà Tĩnh                    | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2705 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 011       | THPT ISCHOOL Hà Tĩnh                   | Khối Phố Trung Lân, Đường Nguyễn Du, Phường Thạch Quý, TP Hà Tĩnh        | Khu vực 2    | Không       |
| 2706 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 040       | THPT Chuyên Hà Tĩnh                    | Đường Hà Hoàng, Xã Thạch Trung, Thành phố Hà Tĩnh                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2707 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 052       | Trung tâm DN-HN và GDTX TP Hà Tĩnh     | Phường Thạch Linh, TP Hà Tĩnh                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2708 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 058       | THPT Thành Sen                         | Xã Thạch Trung, Thành phố Hà Tĩnh                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 2709 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 059       | Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh             | KM 509 + 500 - QL 1A. Xóm Thanh Phú Xã Thạch Trung - TP Hà Tĩnh          | Khu vực 2    | Không       |
| 2710 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 060       | Trung cấp Nghề Hà Tĩnh                 | Số 454 Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2711 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 061       | Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh   | Số 371, đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh       | Khu vực 2    | Không       |
| 2712 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 066       | Tiểu học, THCS và THPT Đại học Hà Tĩnh | Số 447, đường 26/3, phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 2713 | 30         | Hà Tĩnh     | 01            | Thành phố Hà Tĩnh | 075       | Cao đẳng nghề Việt Đức Hà Tĩnh         | Số 371, đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh       | Khu vực 2    | Không       |
| 2714 | 30         | Hà Tĩnh     | 02            | Thị xã Hồng Lĩnh  | 035       | Trung tâm GDNN - GDTX Hồng Lĩnh        | Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2715 | 30         | Hà Tĩnh     | 02            | Thị xã Hồng Lĩnh  | 036       | THPT Hồng Lĩnh                         | Số 04, đường Ngô Đức Kế, Phường Bắc Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh | Khu vực 2    | Không       |
| 2716 | 30         | Hà Tĩnh     | 02            | Thị xã Hồng Lĩnh  | 051       | THPT Hồng Lam                          | Tổ Dân phố 8 - Phường Bắc Hồng -Thị xã Hồng Lĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh          | Khu vực 2    | Không       |
| 2717 | 30         | Hà Tĩnh     | 02            | Thị xã Hồng Lĩnh  | 057       | Trung cấp Kỹ nghệ Hà Tĩnh              | Phường Đậu Liêu, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2718 | 30         | Hà Tĩnh     | 02            | Thị xã Hồng Lĩnh  | 082       | Trung tâm DN-HN và GDTX Hồng Lĩnh      | Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2719 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 024       | Trung tâm GDNN - GDTX Hương Sơn        | Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2720 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 025       | THPT Dân lập Nguyễn Khắc Viện          | Xã Sơn Bằng, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 2721 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 026       | THPT Hương Sơn                         | Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2722 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 027       | THPT Lê Hữu Trác                       | Xã Sơn Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 2723 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 028       | THPT Lý Chính Thắng                    | Xã An Hòa Thịnh, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                           | Khu vực 1    | Không       |
| 2724 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 029       | THPT Cao Thắng                         | Xã Sơn Tây, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                                | Khu vực 1    | Không       |
| 2725 | 30         | Hà Tĩnh     | 03            | Huyện Hương Sơn   | 085       | Trung tâm DN-HN và GDTX Hương Sơn      | Thị trấn Phố Châu, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh                         | Khu vực 1    | Không       |
| 2726 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ     | 030       | Trung tâm GDNN - GDTX Đức Thọ          | Thôn Châu Lĩnh - Xã Tùng Ảnh - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh.             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2727 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ     | 031       | THPT Lê Hồng Phong                     | Xã Bùi La Nhân, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2728 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ     | 032       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai              | Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2729 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ     | 033       | THPT Trần Phú                          | Xã Lâm Trung Thủy, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2730 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ     | 034       | THPT Đức Thọ                           | Xã Đức Lạng, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh                                 | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2731 | 30         | Hà Tĩnh     | 04            | Huyện Đức Thọ   | 084       | Trung tâm DN-HN và GDTX Đức Thọ      | Thôn Châu Linh - Xã Tùng Ảnh - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh.              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2732 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 037       | Trung tâm GDNN - GDTX Nghi Xuân      | Xã Xuân Giang, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2733 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 038       | THPT Nguyễn Du                       | Thị trấn Tiên Điền, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2734 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 039       | THPT Nguyễn Công Trứ                 | Khôi 5, Thị trấn Xuân An, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2735 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 050       | THPT Nghi Xuân (đến 24/5/2018)       | Xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 2736 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 064       | THPT Bán công Nghi Xuân              | Xã Xuân Giang, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2737 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 067       | THPT Nghi Xuân (Từ 25/5/2018)        | Xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2738 | 30         | Hà Tĩnh     | 05            | Huyện Nghi Xuân | 083       | Trung tâm DN-HN và GDTX Nghi Xuân    | Xã Xuân Giang, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2739 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 015       | Trung tâm GDNN - GDTX Can Lộc        | Số 122, đường Nguyễn Thiếp, Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2740 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 016       | THPT Can Lộc                         | Xã Kim Song Trường, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2741 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 017       | THPT Đồng Lộc                        | Thị trấn Đồng Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2742 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 018       | THPT Nghèn                           | Số 78, Đường Nguyễn Thiếp, Thị trấn Nghèn, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2743 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 042       | THPT Dân lập Can Lộc                 | Khôi 6A, đường Nguyễn Thiếp, Thị trấn Nghèn, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2744 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 080       | Trung tâm DN-HN và GDTX Can Lộc      | Số 122, đường Nguyễn Thiếp, Thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2745 | 30         | Hà Tĩnh     | 06            | Huyện Can Lộc   | 091       | Trung tâm GDNN - GDTX Can Lộc (TCKN) | Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2746 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 020       | Trung tâm GDNN - GDTX Hương Khê      | Xã Hương Bình, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2747 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 021       | THPT Hương Khê                       | Số 344, đường Trần Phú, Thị trấn Hương Khê, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh | Khu vực 1    | Không       |
| 2748 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 022       | THPT Hàm Nghi                        | Xóm 4, Xã Phúc Đồng, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2749 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 023       | THPT Phúc Trạch                      | Xã Phúc Trạch, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2750 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 055       | THPT Gia Phố                         | Xóm 8, Xã Gia Phố, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                          | Khu vực 1    | Không       |
| 2751 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 063       | THCS và THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh | Số 348 đường Trần Phú, Thị trấn Hương Khê, Hà Tĩnh                        | Khu vực 1    | Có          |
| 2752 | 30         | Hà Tĩnh     | 07            | Huyện Hương Khê | 086       | Trung tâm DN-HN và GDTX Hương Khê    | Xã Hương Bình, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2753 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 012       | Trung tâm GDNN - GDTX Thạch Hà       | Tổ dân phố 9, Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2754 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 013       | THPT Lý Tự Trọng                     | Tổ dân phố 9 Thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2755 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 014       | THPT Nguyễn Trung Thiên                  | Xã Thạch Khê, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2756 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 041       | THPT Lê Quý Đôn                          | Xã Thạch Đài, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2757 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 049       | THPT Mai Kính                            | Xã Việt Xuyên, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2758 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 079       | Trung tâm DN-HN và GDTX Thạch Hà         | Tổ dân phố 9, Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2759 | 30         | Hà Tĩnh     | 08            | Huyện Thạch Hà  | 090       | Trung tâm GDNN - GDTX Thạch Hà (CĐKTVD)  | Số 371, đường Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh     | Khu vực 2    | Không       |
| 2760 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 005       | Trung tâm GDNN - GDTX Cẩm Xuyên          | Xã Cẩm Quan, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                             | Khu vực 1    | Không       |
| 2761 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 006       | THPT Cẩm Xuyên                           | Xã Nam Phúc Thắng, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2762 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 007       | THPT Cẩm Bình                            | Thôn Tân An, Xã Cẩm Bình, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2763 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 008       | THPT Hà Huy Tập                          | Xã Cẩm Sơn, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2764 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 043       | THPT Phan Đình Giót                      | Tổ dân phố 16, Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2765 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 053       | THPT Nguyễn Đình Liễn (Từ 2015 đến 2018) | Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 1    | Không       |
| 2766 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 068       | THPT Nguyễn Đình Liễn (Từ 2019)          | Xã Cẩm Dương, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2767 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 071       | THPT Nguyễn Đình Liễn (Trước 2015)       | Xã Cẩm Huy, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2768 | 30         | Hà Tĩnh     | 09            | Huyện Cẩm Xuyên | 078       | Trung tâm DN-HN và GDTX Cẩm Xuyên        | Xã Cẩm Quan, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh                             | Khu vực 1    | Không       |
| 2769 | 30         | Hà Tĩnh     | 10            | Huyện Kỳ Anh    | 003       | THPT Nguyễn Huệ                          | Xã Kỳ Phong, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                                | Khu vực 1    | Không       |
| 2770 | 30         | Hà Tĩnh     | 10            | Huyện Kỳ Anh    | 004       | THPT Kỳ Lâm                              | Xã Lâm Hợp, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2771 | 30         | Hà Tĩnh     | 10            | Huyện Kỳ Anh    | 044       | THPT Nguyễn Thị Bích Châu                | Xã Kỳ Thư, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2772 | 30         | Hà Tĩnh     | 11            | Huyện Vũ Quang  | 046       | THPT Vũ Quang                            | Tổ dân phố 4, Thị trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh          | Khu vực 1    | Không       |
| 2773 | 30         | Hà Tĩnh     | 11            | Huyện Vũ Quang  | 047       | Trung tâm GDNN - GDTX Vũ Quang           | Thị trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2774 | 30         | Hà Tĩnh     | 11            | Huyện Vũ Quang  | 056       | THPT Cù Huy Cận                          | Xã Đức Lĩnh, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2775 | 30         | Hà Tĩnh     | 11            | Huyện Vũ Quang  | 087       | Trung tâm DN-HN và GDTX Vũ Quang         | Thị trấn Vũ Quang, Huyện Vũ Quang, Tỉnh Hà Tĩnh                        | Khu vực 1    | Không       |
| 2776 | 30         | Hà Tĩnh     | 12            | Huyện Lộc Hà    | 019       | THPT Nguyễn Văn Trỗi                     | Xóm Bắc Sơn, Xã Phù Lưu, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2777 | 30         | Hà Tĩnh     | 12            | Huyện Lộc Hà    | 045       | THPT Mai Thúc Loan                       | Xã Thạch Châu, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2778 | 30         | Hà Tĩnh     | 12            | Huyện Lộc Hà    | 048       | THPT Nguyễn Đồng Chi                     | Xã ích Hậu, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2779 | 30         | Hà Tĩnh     | 12            | Huyện Lộc Hà    | 062       | Trung tâm GDNN - GDTX Lộc Hà             | Thị trấn Lộc Hà, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2780 | 30         | Hà Tĩnh     | 12            | Huyện Lộc Hà    | 081       | Trung tâm DN-HN và GDTX Lộc Hà           | Xã Thạch Bằng, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2781 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh   | 001       | Trung tâm GDNN - GDTX Kỳ Anh             | Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                           | Khu vực 2    | Không       |
| 2782 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh   | 002       | THPT Kỳ Anh                              | Phường Hưng Trí - Thị Xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2783 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh   | 054       | THPT Lê Quảng Chí                        | Số 62, đường Lê Văn Thiêm, phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                           | Địa Chỉ                                                          | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2784 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 065       | Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 2)                 | Km 571, Quốc lộ 1A – Phường Kỳ Trinh – Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh . | Khu vực 2    | Không       |
| 2785 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 072       | THPT Lê Quảng Chí (Trước 2015)                       | Phường Kỳ Long, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2786 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 073       | THPT Kỳ Anh (Trước 2015)                             | Thị trấn Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2787 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 074       | Trung tâm DN-HN và GDTX Kỳ Anh (Trước 2015)          | Thị trấn Kỳ Anh, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2788 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 076       | Cao đẳng Nghề công nghệ Hà Tĩnh (cơ sở 2-đền 4/2017) | Km 571, Quốc lộ 1A – Phường Kỳ Trinh – Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh . | Khu vực 1    | Không       |
| 2789 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 077       | Trung tâm DN-HN và GDTX Kỳ Anh                       | Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2790 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 088       | Trung tâm GDNN - GDTX Kỳ Anh (CĐN-CS1)               | KM 509 + 500 - QL 1A. Xóm Thanh Phú Xã Thạch Trung - TP Hà Tĩnh  | Khu vực 2    | Không       |
| 2791 | 30         | Hà Tĩnh     | 13            | Thị xã Kỳ Anh          | 089       | Trung tâm GDNN - GDTX Kỳ Anh (CĐN-CS2)               | Km 571, Quốc lộ 1A – Phường Kỳ Trinh – Thị xã Kỳ Anh - Hà Tĩnh . | Khu vực 2    | Không       |
| 2792 | 31         | Quảng Bình  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 31                                  |                                                                  | Khu vực 3    | Không       |
| 2793 | 31         | Quảng Bình  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 31                        |                                                                  | Khu vực 3    | Không       |
| 2794 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 002       | THPT Đào Duy Từ                                      | Phường Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                    | Khu vực 2    | Không       |
| 2795 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 003       | THPT Đồng Hới                                        | Phường Đồng Sơn, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                   | Khu vực 2    | Không       |
| 2796 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 004       | THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp                           | Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2797 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 005       | THPT Phan Đình Phùng                                 | Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2798 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 006       | Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh                       | Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Quảng Bình                          | Khu vực 2    | Có          |
| 2799 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 007       | TT GD-DN Đồng Hới                                    | Xã Đức Ninh, TP. Đồng Hới, Quảng Bình                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2800 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 049       | Cao đẳng nghề Quảng Bình                             | Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2801 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 050       | TC nghề số 9                                         | Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2802 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 057       | THCS và THPT Chu Văn An                              | Phường Phú Hải, Tp. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                    | Khu vực 2    | Không       |
| 2803 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 601       | TT GDTX Đồng Hới                                     | Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Quảng Bình                          | Khu vực 2    | Không       |
| 2804 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 602       | TT KTTT HN-DN Đồng Hới                               | Xã Đức Ninh, TP. Đồng Hới, Quảng Bình                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2805 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 620       | THPT Chuyên Quảng Bình                               | Phường Nam Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2806 | 31         | Quảng Bình  | 01            | Thành phố Đồng Hới     | 621       | Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình                          | Phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình                     | Khu vực 2    | Không       |
| 2807 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa        | 009       | THPT Tuyên Hoá                                       | IT. Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2808 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa        | 010       | THPT Lê Trực                                         | Xã Tiến Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình                    | Khu vực 1    | Không       |
| 2809 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa        | 011       | THPT Phan Bội Châu                                   | Xã Phong Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình                   | Khu vực 1    | Không       |
| 2810 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa        | 012       | THCS và THPT Bắc Sơn                                 | Xã Thanh Hóa, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình                   | Khu vực 1    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                | Địa Chỉ                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|---------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2811 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa   | 013       | TT GD-DN Tuyên Hoá        | TT. Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 1    | Không       |
| 2812 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa   | 603       | TT GDTX Tuyên Hóa         | TT. Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 1    | Không       |
| 2813 | 31         | Quảng Bình  | 02            | Huyện Tuyên Hóa   | 604       | TT KTTH HN-DN Tuyên Hóa   | TT. Đồng Lê, Huyện Tuyên Hoá, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 1    | Không       |
| 2814 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 015       | THPT Minh Hoá             | TT. Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình           | Khu vực 1    | Không       |
| 2815 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 016       | THCS và THPT Hoá Tiến     | Xã Hóa Tiến, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình           | Khu vực 1    | Không       |
| 2816 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 017       | TT GD-DN Minh Hoá         | Xã Yên Hóa, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình            | Khu vực 1    | Không       |
| 2817 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 046       | THCS và THPT Trung Hoá    | Xã Trung Hóa, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 1    | Không       |
| 2818 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 605       | TT GDTX Minh Hóa          | TT. Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình           | Khu vực 1    | Không       |
| 2819 | 31         | Quảng Bình  | 03            | Huyện Minh Hóa    | 606       | TT KTTH HN-DN Minh Hóa    | TT. Quy Đạt, Huyện Minh Hoá, Tỉnh Quảng Bình           | Khu vực 1    | Không       |
| 2820 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 021       | THPT Quang Trung          | Xã Quảng Phú, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình       | Khu vực 1    | Không       |
| 2821 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 059       | THPT Quang Trung          | Xã Quảng Phú, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2822 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 607       | THPT số 1 Quảng Trạch     | TT. Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2823 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 608       | THPT số 2 Quảng Trạch     | Xã Quảng Hòa, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2824 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 609       | THPT số 4 Quảng Trạch     | TT. Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2825 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 610       | TT GDTX Quảng Trạch       | Xã Quảng Long, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2826 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 611       | TT KTTH HN-DN Quảng Trạch | TT. Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2827 | 31         | Quảng Bình  | 04            | Huyện Quảng Trạch | 618       | THPT Số 3 Quảng Trạch     | Xã Quảng Phú, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình       | Khu vực 1    | Không       |
| 2828 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 025       | THPT số 1 Bố Trạch        | TT. Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2829 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 026       | THPT số 2 Bố Trạch        | Xã Cự Nẫm, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2830 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 027       | THPT số 3 Bố Trạch        | Xã Bắc Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2831 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 028       | THPT số 5 Bố Trạch        | TT. Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2832 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 029       | THCS và THPT Việt Trung   | TT. NT Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình     | Khu vực 1    | Không       |
| 2833 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch    | 030       | THPT số 4 Bố trạch        | Xã Phúc Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình         | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                                                | Địa Chỉ                                         | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2834 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 031       | TT GD-DN Bố Trạch                                                         | Xã Trung Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2835 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 052       | THPT Lê Quý Đôn                                                           | TT. Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2836 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 053       | THPT Hùng Vương                                                           | Xã Cự Nẫm, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2837 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 054       | THPT Trần Phú                                                             | Xã Bắc Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2838 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 055       | THPT Nguyễn Trãi                                                          | Xã Phúc Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 1    | Không       |
| 2839 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 056       | THPT Ngô Quyền                                                            | TT. Hoàn Lão, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2840 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 612       | TT GDTX Bố Trạch                                                          | TT. Hoàn Lão,Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2841 | 31         | Quảng Bình  | 05            | Huyện Bố Trạch   | 613       | TT KTTH HN-DN Bố Trạch                                                    | TT. Hoàn Lão,Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2842 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 033       | THPT Quảng Ninh                                                           | Xã Xuân Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2843 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 034       | THPT Ninh Châu                                                            | Xã Võ Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2844 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 035       | TT GD-DN Quảng Ninh                                                       | Xã Gia Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2845 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 036       | THPT Nguyễn Hữu Cánh                                                      | Xã Hiền Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2846 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 058       | THPT Nguyễn Hữu Cánh (Trước 2019), khu vực ưu tiên là KV1                 | Xã Hiền Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 1    | Không       |
| 2847 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 061       | THPT Nguyễn Hữu Cánh (Từ 2019),khu vực ưu tiên mới (không còn là KV1 nữa) | Xã Hiền Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2848 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 614       | TT GDTX Quảng Ninh                                                        | TT. Quán Hàu, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2849 | 31         | Quảng Bình  | 06            | Huyện Quảng Ninh | 615       | TT KTTH HN-DN Quảng Ninh                                                  | Xã Gia Ninh, Huyện Quảng Ninh, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2850 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 038       | THPT Lệ Thủy                                                              | TT. Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2851 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 039       | THPT Hoàng Hoa Thám                                                       | TT. NT Lệ Ninh, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 1    | Không       |
| 2852 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 040       | THPT Trần Hưng Đạo                                                        | Xã Hưng Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình    | Khu vực 1    | Không       |
| 2853 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 041       | THPT Nguyễn Chí Thanh                                                     | TT. Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2854 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 042       | TT GD-DN Lệ Thủy                                                          | TT. Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2855 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 043       | THPT KT Lệ Thủy                                                           | Xã Phong Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2856 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy    | 045       | THCS và THPT Dương Văn An                                                 | Xã Thanh Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình   | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                | Địa Chỉ                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 2857 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy          | 616       | TT GDTX Lệ Thủy                           | TT. Kiến Giang, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2858 | 31         | Quảng Bình  | 07            | Huyện Lệ Thủy          | 617       | TT KTTH HN-DN Lệ Thủy                     | Xã Mai Thủy, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2859 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 019       | THPT Lương Thê Vinh                       | Phường Ba Đồn, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình            | Khu vực 2    | Không       |
| 2860 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 020       | THPT Lê Hồng Phong                        | Xã Quảng Hòa, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình             | Khu vực 2    | Không       |
| 2861 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 022       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                    | Phường Ba Đồn, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình            | Khu vực 2    | Không       |
| 2862 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 023       | TT GD-DN Quảng Trạch                      | Phường Quảng Long, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình        | Khu vực 2    | Không       |
| 2863 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 044       | THPT Lê Lợi                               | Xã Quảng Lộc, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình             | Khu vực 1    | Không       |
| 2864 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 051       | TT GD-DN Ba Đồn                           | Phường Ba Đồn, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình            | Khu vực 2    | Không       |
| 2865 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 060       | THPT Lê Lợi                               | Xã Quảng Lộc, TX. Ba Đồn, Tỉnh Quảng Bình             | Khu vực 2    | Không       |
| 2866 | 31         | Quảng Bình  | 08            | Thị xã Ba Đồn          | 619       | THPT Số 5 Quảng Trạch                     | Xã Quảng Lộc, Huyện Quảng Trạch (cũ), Tỉnh Quảng Bình | Khu vực 1    | Không       |
| 2867 | 32         | Quảng Trị   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 32                       | 01 Tạ Quang Bửu                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 2868 | 32         | Quảng Trị   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 32             | 01 Tạ Quang Bửu                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 2869 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 000       | Sở GD&ĐT Quảng Trị                        | Phường 1-TP. Đông Hà                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2870 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 024       | THPT chuyên Lê Quý Đôn                    | Phường 5-TP. Đông Hà                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2871 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 025       | THPT Đông Hà                              | Phường 1- TP. Đông Hà                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2872 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 026       | THPT Lê Lợi                               | Phường 5- TP. Đông Hà                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2873 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 027       | THPT Phan Châu Trinh                      | Phường 1- TP. Đông Hà                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2874 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 028       | Trung tâm KTTH-HN tỉnh                    | Phường 1- TP. Đông Hà                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2875 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 051       | Trung tâm GDTX Đông Hà                    | Phường 1-Thị xã Đông hà                               | Khu vực 2    | Không       |
| 2876 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 063       | TC nghề Quảng Trị                         | Phường 5, TP Đông Hà                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 2877 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 066       | TH, THCS và THPT Trung Vương              | Đông Hà, Quảng Trị                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 2878 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 071       | Trung tâm GDNN-GDTX TP. Đông Hà           | Phường 1, TP. Đông hà                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2879 | 32         | Quảng Trị   | 01            | Thành phố Đông Hà      | 080       | Trường Hội nhập Quốc tế iSchool Quảng Trị | TP Đông Hà                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 2880 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 002       | Phòng GD&ĐT TX Quảng Trị                  | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2881 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 016       | THPT Thị xã Quảng Trị                     | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2882 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 017       | Phổ thông DTNT tỉnh                       | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Có          |
| 2883 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 018       | THPT Nguyễn Huệ                           | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2884 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 053       | Trung tâm GDTX TX Quảng trị               | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2885 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 057       | Trung tâm KTTH-HN TX Quảng trị            | Phường1-Thị xã Quảng Trị                              | Khu vực 2    | Không       |
| 2886 | 32         | Quảng Trị   | 02            | Thị xã Quảng Trị       | 073       | Trung tâm GDNN-GDTX TX. Quảng trị         | Phường1, TX. Quảng Trị                                | Khu vực 2    | Không       |
| 2887 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 003       | Phòng GD&ĐT Vĩnh Linh                     | Thị trấn Hồ Xá-H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2888 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 043       | THPT Vĩnh Linh                            | Thị trấn Hồ Xá-H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2889 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 044       | THPT Cửa Tùng                             | Xã Vĩnh Quang -H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2890 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 045       | THPT Nguyễn Công Trứ                      | Thị trấn Hồ Xá-H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2891 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 046       | THCS&THPT Bến Quan                        | IT Bến Quan-H.Vĩnh Linh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 2892 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 056       | Trung tâm GDTX Vĩnh Linh                  | Thị trấn Hồ Xá-H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2893 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 058       | Trung tâm KTTH-HN Vĩnh Linh               | Thị trấn Hồ Xá-H.Vĩnh Linh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2894 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 067       | THCS&THPT Bến Hải                         | Xã Vĩnh Lâm, H. Vĩnh Linh                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2895 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh        | 076       | Trung tâm GDNN-GDTX Vĩnh Linh             | IT Hồ Xá, H. Vĩnh Linh                                | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                         | Địa Chỉ                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-------------|
| 2896 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh   | 081       | THPT Bến Quan                      | IT Bến Quan, H. Vĩnh Linh              | Khu vực 1    | Không       |
| 2897 | 32         | Quảng Trị   | 03            | Huyện Vĩnh Linh   | 082       | THPT Bến Hải                       | Xã Vĩnh Lâm, H. Vĩnh Linh              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2898 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 004       | Phòng GD&ĐT Gio Linh               | Thị trấn Gio Linh-H. Gio Linh          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2899 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 039       | THCS&THPT Cồn Tiên                 | Xã Hải Thái-H. Gio Linh                | Khu vực 1    | Không       |
| 2900 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 040       | THPT Gio Linh                      | Thị trấn Gio Linh-H. Gio Linh          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2901 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 041       | THPT Nguyễn Du (đến 28/7/2019)     | Thị trấn Gio Linh-H. Gio Linh          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2902 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 055       | Trung tâm GDTX Gio Linh            | Thị trấn Gio Linh-H. Gio Linh          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2903 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 075       | Trung tâm GDNN-GDTX Gio Linh       | IT Gio Linh, H. Gio Linh               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2904 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 077       | THCS&THPT Cửa Việt                 | Thị trấn Cửa Việt, Gio Linh, Quảng Trị | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2905 | 32         | Quảng Trị   | 04            | Huyện Gio Linh    | 083       | THPT Cồn Tiên                      | Xã Hải Thái-H. Gio Linh                | Khu vực 1    | Không       |
| 2906 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 005       | Phòng GD&ĐT Cam Lộ                 | Thị trấn Cam Lộ-H. Cam Lộ              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2907 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 030       | THPT Tân Lâm (đến 23/02/2020)      | Xã Cam Thành-H. Cam Lộ                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2908 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 031       | THPT Cam Lộ                        | Thị trấn Cam Lộ-H. Cam Lộ              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2909 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 032       | THPT Lê Thế Hiếu                   | Xã Cam Chính-H. Cam Lộ                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2910 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 050       | Trung tâm GDTX Cam Lộ              | Thị trấn Cam Lộ-H. Cam Lộ              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2911 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 064       | THPT Chế Lan Viên                  | Xã Thanh An, Cam Lộ, Quảng Trị         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2912 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 070       | Trung tâm GDNN-GDTX Cam Lộ         | IT Cam Lộ, H. Cam Lộ                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2913 | 32         | Quảng Trị   | 05            | Huyện Cam Lộ      | 079       | THCS&THPT Tân Lâm                  | Cam Thành, Cam Lộ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2914 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 006       | Phòng GD&ĐT Triệu Phong            | Thị trấn ái Tử-H. Triệu Phong          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2915 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 020       | THPT Triệu Phong                   | Xã Triệu Phước-H. Triệu Phong          | Khu vực 1    | Không       |
| 2916 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 021       | THPT Chu Văn An                    | Thị trấn ái Tử-H. Triệu Phong          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2917 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 022       | THPT Vĩnh Định                     | Xã Triệu Tài-H. Triệu Phong            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2918 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 054       | Trung tâm GDTX Triệu Phong         | Thị trấn ái Tử-H. Triệu Phong          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2919 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 062       | THPT Nguyễn Hữu Thân               | Triệu Đại, Triệu Phong, Quảng Trị      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2920 | 32         | Quảng Trị   | 06            | Huyện Triệu Phong | 074       | Trung tâm GDNN-GDTX Triệu Phong    | IT ái Tử, H. Triệu Phong               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2921 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 007       | Phòng GD&ĐT Hải Lăng               | Thị trấn Hải Lăng-H. Hải Lăng          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2922 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 011       | THPT Bùi Dục Tài                   | Xã Hải Chánh-H. Hải Lăng               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2923 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 012       | THPT Hải Lăng                      | Thị trấn Hải Lăng-H. Hải Lăng          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2924 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 013       | THPT Trần Thị Tâm                  | Xã Hải Quế -H. Hải Lăng                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2925 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 014       | THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Thị trấn Hải Lăng-H. Hải Lăng          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2926 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 052       | Trung tâm GDTX Hải Lăng            | Thị trấn Hải Lăng-H. Hải Lăng          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2927 | 32         | Quảng Trị   | 07            | Huyện Hải Lăng    | 072       | Trung tâm GDNN-GDTX Hải Lăng       | IT Hải Lăng, H. Hải Lăng               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2928 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 008       | Phòng GD&ĐT Hướng Hóa              | Thị trấn Khe Sanh-H. Hướng Hoá         | Khu vực 1    | Không       |
| 2929 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 034       | THPT Hướng Hoá                     | Thị trấn Khe Sanh-H. Hướng Hoá         | Khu vực 1    | Không       |
| 2930 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 035       | THPT Lao Bảo                       | Thị trấn Lao Bảo-H. Hướng Hoá          | Khu vực 1    | Không       |
| 2931 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 048       | Trung tâm GDTX Hướng Hoá           | Thị trấn Khe Sanh-H. Hướng Hoá         | Khu vực 1    | Không       |
| 2932 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 059       | THPT Hướng Phùng                   | Xã Hướng Phùng-H. Hướng Hoá            | Khu vực 1    | Không       |
| 2933 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 061       | THPT A Túc                         | Xã A Túc H. Hướng Hoá                  | Khu vực 1    | Không       |
| 2934 | 32         | Quảng Trị   | 08            | Huyện Hướng Hóa   | 068       | Trung tâm GDNN-GDTX Hướng Hoá      | IT Khe Sanh, H. Hướng Hoá              | Khu vực 1    | Không       |
| 2935 | 32         | Quảng Trị   | 09            | Huyện Đakrông     | 009       | Phòng GD&ĐT Đakrông                | Xã Mô ó-H. Đakrông                     | Khu vực 1    | Không       |
| 2936 | 32         | Quảng Trị   | 09            | Huyện Đakrông     | 037       | THPT Đakrông                       | IT Krông Klang-H. Đakrông              | Khu vực 1    | Không       |
| 2937 | 32         | Quảng Trị   | 09            | Huyện Đakrông     | 049       | Trung tâm GDTX Đakrông             | IT Krông Klang-H. Đakrông              | Khu vực 1    | Không       |
| 2938 | 32         | Quảng Trị   | 09            | Huyện Đakrông     | 060       | THPT Số 2 Đakrông (đến 23/02/2020) | Xã Tà Rụt-H. Đakrông                   | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                      | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|------------------------------|--------------|-------------|
| 2939 | 32         | Quảng Trị       | 09            | Huyện Đakrông          | 069       | Trung tâm GDNN-GDTX Đakrông           | IT Krông Klang, H. Đakrông   | Khu vực 1    | Không       |
| 2940 | 32         | Quảng Trị       | 09            | Huyện Đakrông          | 078       | THCS&THPT Đakrông                     | Tà Rụt                       | Khu vực 1    | Không       |
| 2941 | 32         | Quảng Trị       | 10            | Huyện đảo Côn Cỏ       | 065       | Huyện đảo Côn Cỏ                      |                              | Khu vực 1    | Không       |
| 2942 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 33                   |                              | Khu vực 3    | Không       |
| 2943 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 33         |                              | Khu vực 3    | Không       |
| 2944 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 000       | Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2945 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 001       | THPT Chuyên Quốc Học-Huế              | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2946 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 002       | THPT Hai Bà Trưng                     | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2947 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 003       | THPT Nguyễn Huệ                       | Ph. Thuận Thành, TP Huế      | Khu vực 2    | Không       |
| 2948 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 004       | THPT Gia Hội                          | Ph. Phú Hiệp, TP Huế         | Khu vực 2    | Không       |
| 2949 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 005       | THPT Bùi Thị Xuân                     | Ph. Thuận Hoà, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2950 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 007       | THPT Nguyễn Trường Tộ                 | Ph. Phú Nhuận, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2951 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 009       | TT GDTX TP Huế                        | Ph. Phước Vĩnh, TP Huế       | Khu vực 2    | Không       |
| 2952 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 010       | Khối chuyên ĐHKH Huế                  | Ph. Phú Nhuận, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2953 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 025       | Phổ thông Dân tộc Nội trú Tỉnh        | Ph. Phường Đức, TP Huế       | Khu vực 1    | Có          |
| 2954 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 028       | Phòng GDCN Sở GD-ĐT TT-Huế            | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2955 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 029       | THPT Đặng Trần Côn                    | Ph. Thuận Hoà, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2956 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 032       | TC Phật Học Huế                       | Ph. Trường An, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2957 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 033       | Học viện Âm nhạc Huế                  | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2958 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 034       | CĐ Công nghiệp Huế                    | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2959 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 036       | THPT Chi Lăng                         | Ph. Phú Cát, TP Huế          | Khu vực 2    | Không       |
| 2960 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 038       | THPT DL Trần Hưng Đạo                 | Ph. Vỹ Dạ, TP Huế            | Khu vực 2    | Không       |
| 2961 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 042       | THPT Cao Thắng                        | Ph. Phú Nhuận, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2962 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 048       | TH VHNT Thừa Thiên Huế                | Ph. Thuận Thành , TP Huế     | Khu vực 2    | Không       |
| 2963 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 052       | CĐ Nghề Du lịch Huế                   | Ph. Phú Hội, TP Huế          | Khu vực 2    | Không       |
| 2964 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 054       | TC Nghề số 10                         | Ph. Vĩnh Ninh, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2965 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 056       | CĐ Nghề số 23 Bộ Quốc phòng           | Ph. Tây Lộc, TP Huế          | Khu vực 2    | Không       |
| 2966 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 058       | TC Nghề Huế                           | Ph. Kim Long, TP Huế         | Khu vực 2    | Không       |
| 2967 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 064       | TTGDNN-GDTX TP Huế                    | Ph. Phước Vĩnh, TP Huế       | Khu vực 2    | Không       |
| 2968 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 01            | Thành phố Huế          | 073       | THPT Thuận Hóa                        | Phường An Tây, TP Huế        | Khu vực 2    | Không       |
| 2969 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 011       | THPT Phong Điền                       | IT Phong Điền, H. Phong Điền | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2970 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 012       | THPT Tam Giang                        | Xã Điền Hải, H. Phong Điền   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2971 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 013       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                | Xã Phong An, H. Phong Điền   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2972 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 037       | THPT Trần Văn Ký                      | Xã Phong Bình, H. Phong Điền | Khu vực 1    | Không       |
| 2973 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 053       | CĐ Nghề Nguyễn Tri Phương             | Xã Phong An, H. Phong Điền   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2974 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 059       | TTGDTX Phong Điền                     | IT Phong Điền, H. Phong Điền | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2975 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 02            | Huyện Phong Điền       | 065       | TTGDNN-GDTX Phong Điền                | IT Phong Điền, H. Phong Điền | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2976 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 008       | THPT Hóa Châu                         | Xã Quảng An, H. Quảng Điền   | Khu vực 1    | Không       |
| 2977 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 014       | THPT Nguyễn Chí Thanh                 | IT Sịa, H. Quảng Điền        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2978 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 044       | THPT Tô Hữu                           | Xã Quảng Công, H. Quảng Điền | Khu vực 1    | Không       |
| 2979 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 049       | TTGDTX Quảng Điền                     | IT Sịa, H. Quảng Điền        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2980 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 057       | TC Nghề Quảng Điền                    | IT Sịa, H. Quảng Điền        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2981 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 066       | TTGDNN-GDTX Quảng Điền                | IT Sịa, H. Quảng Điền        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2982 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 03            | Huyện Quảng Điền       | 080       | THPT Tô Hữu                           | Xã Quảng Công, H. Quảng Điền | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2983 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 015       | THPT Đặng Huy Trứ                     | Ph. Hương Chữ, TX Hương Trà  | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                    | Địa Chỉ                                 | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------|-----------------------------------------|--------------|-------------|
| 2984 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 027       | THPT Hương Vinh               | Xã Hương Vinh, TX Hương Trà             | Khu vực 2    | Không       |
| 2985 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 030       | THPT Bình Điền                | Xã Bình Điền, TX Hương Trà              | Khu vực 1    | Không       |
| 2986 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 041       | THPT Hương Trà                | Ph. Tứ Hạ, TX Hương Trà                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2987 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 060       | TTGDTX Hương Trà              | Ph. Tứ Hạ, TX Hương Trà                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2988 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 067       | TTGDNN-GDTX Hương Trà         | Ph. Tứ Hạ, TX Hương Trà                 | Khu vực 2    | Không       |
| 2989 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 04            | Thị xã Hương Trà       | 079       | THPT Bình Điền                | Xã Bình Thành, TX Hương Trà             | Khu vực 1    | Không       |
| 2990 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 006       | Phổ thông Huế Star            | Xã Phú Thượng H. Phú Vang               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2991 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 016       | THPT Phan Đăng Lưu            | Xã Phú Dương, H. Phú Vang               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2992 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 017       | THPT Nguyễn Sinh Cung         | IT Phú Đa, H. Phú Vang                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2993 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 031       | THPT Vinh Xuân                | Xã Vinh Xuân, H. Phú Vang               | Khu vực 1    | Không       |
| 2994 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 035       | THPT Thuận An                 | IT Thuận An, H. Phú Vang                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2995 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 047       | THPT Hà Trung                 | Xã Vinh Hà, H. Phú Vang                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2996 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 050       | TTGDTX Phú Vang               | Xã Phú Mỹ , H. Phú Vang                 | Khu vực 1    | Không       |
| 2997 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 05            | Huyện Phú Vang         | 068       | TTGDNN-GDTX Phú Vang          | Xã Phú Mỹ , H. Phú Vang                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 2998 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 018       | THPT Hương Thủy               | Ph. Thủy Phương, TX Hương Thủy          | Khu vực 2    | Không       |
| 2999 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 019       | THPT Phú Bài                  | Ph. Thủy Châu, TX Hương Thủy            | Khu vực 2    | Không       |
| 3000 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 046       | THPT Nguyễn Trãi              | Ph. Phú Bài, TX Hương Thủy              | Khu vực 2    | Không       |
| 3001 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 051       | TTGDTX Hương Thủy             | Ph. Thủy Phương, TX Hương Thủy          | Khu vực 2    | Không       |
| 3002 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 055       | CĐ Nghề Thừa Thiên Huế        | Ph. Phú Bài, TX Hương Thủy              | Khu vực 2    | Không       |
| 3003 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 06            | Thị xã Hương Thủy      | 069       | TTGDNN-GDTX Hương Thủy        | Ph. Thủy Phương, TX Hương Thủy          | Khu vực 2    | Không       |
| 3004 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 020       | THPT An Lương Đông            | Xã Lộc An, H. Phú Lộc                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3005 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 021       | THPT Vinh Lộc                 | Xã Vinh Hưng, H. Phú Lộc                | Khu vực 1    | Không       |
| 3006 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 022       | THPT Phú Lộc                  | IT Phú Lộc, H. Phú Lộc                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3007 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 026       | THPT Thừa Lưu                 | Xã Lộc Tiên, H. Phú Lộc                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3008 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 045       | THPT Tư thực Thể Hệ Mới       | Xã Lộc Sơn, H. Phú Lộc                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3009 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 061       | TTGDTX Phú Lộc                | IT Phú Lộc, H. Phú Lộc                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3010 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 070       | TTGDNN-GDTX Phú Lộc           | IT Phú Lộc, H. Phú Lộc                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3011 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 07            | Huyện Phú Lộc          | 074       | THPT Vinh Lộc                 | Xã Vinh Hưng, H. Phú Lộc                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3012 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 08            | Huyện Nam Đông         | 023       | THPT Nam Đông                 | IT Khe Tre, H. Nam Đông                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3013 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 08            | Huyện Nam Đông         | 043       | THPT Hương Giang              | Xã Thương Nhật, H. Nam Đông             | Khu vực 1    | Không       |
| 3014 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 08            | Huyện Nam Đông         | 062       | TTGDTX Nam Đông               | IT Khe Tre, H. Nam Đông                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3015 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 08            | Huyện Nam Đông         | 071       | TTGDNN-GDTX Nam Đông          | Xã Hương Hòa, H. Nam Đông               | Khu vực 1    | Không       |
| 3016 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 024       | THPT A Lưới                   | IT A Lưới, H. A Lưới                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3017 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 039       | THPT Hương Lâm                | Xã Hương Lâm, H. A Lưới                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3018 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 040       | THCS-THPT Hồng Vân            | Xã Hồng Vân, H. A Lưới                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3019 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 063       | TTGDTX A Lưới                 | IT A Lưới, H. A Lưới                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3020 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 072       | TTGDNN-GDTX A Lưới            | Xã Sơn Thủy, H. A Lưới                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3021 | 33         | Thừa Thiên -Huế | 09            | Huyện A Lưới           | 081       | THPT Hương Lâm                | Xã Lâm Đót, H. A Lưới                   | Khu vực 1    | Không       |
| 3022 | 34         | Quảng Nam       | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 34           |                                         | Khu vực 3    | Không       |
| 3023 | 34         | Quảng Nam       | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 34 |                                         | Khu vực 3    | Không       |
| 3024 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 001       | THPT Duy Tân                  | X.Tam Phú, tp Tam Kỳ, Quảng Nam         | Khu vực 2    | Không       |
| 3025 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 002       | THPT Phan Bội Châu            | Đường Phan Châu Trinh, Tam Kỳ, Q. Nam   | Khu vực 2    | Không       |
| 3026 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 003       | THPT Trần Cao Vân             | Ph. An Mỹ, TP. Tam Kỳ, Quảng Nam        | Khu vực 2    | Không       |
| 3027 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 004       | THPT Lê Quý Đôn               | Đường Trần Văn Dư, Tam Kỳ, Quảng Nam    | Khu vực 2    | Không       |
| 3028 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 005       | THPT Hà Huy Tập               | Lý Thường Kiệt, TP Tam Kỳ, Quảng Nam    | Khu vực 2    | Không       |
| 3029 | 34         | Quảng Nam       | 01            | Thành phố Tam Kỳ       | 006       | TT. GDTX tỉnh Quảng Nam       | 124B Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ, Quảng Nam | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                                          | Địa Chỉ                                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3030 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 007       | THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm                                       | Trần Hưng Đạo, TP Tam Kỳ, Quảng Nam           | Khu vực 2    | Không       |
| 3031 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 070       | CD Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Nam                                     | TP Tam Kỳ, Quảng Nam                          | Khu vực 2    | Không       |
| 3032 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 075       | Trường TC Bách khoa Q. Nam                                          | TP Tam Kỳ, Q. Nam                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3033 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 076       | Trường TC VHNT&DL Q. Nam (Trước 01/01//2019)                        | TP Tam Kỳ, Q. Nam                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3034 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 077       | Đại học Quảng Nam                                                   | TP Tam Kỳ, Q. Nam                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3035 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 078       | Trường CD Phương Đông Quảng Nam                                     | TP Tam Kỳ, Q. Nam                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3036 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 079       | Trường CD Nghề Quảng Nam (Trước 15/01/2018)                         | TP Tam Kỳ, Q. Nam                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3037 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 086       | Trường CD Y tế Quảng Nam                                            | Đường Nguyễn Du, tp Tam Kỳ, Q. Nam            | Khu vực 2    | Không       |
| 3038 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 098       | Trường Trung cấp ASEAN                                              | 291 Hùng Vương, Tam Kỳ, Quảng Nam             | Khu vực 2    | Không       |
| 3039 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 102       | Trường TC Kinh tế-Kỹ thuật và Đào tạo cán HTX Miền Trung-Tây Nguyên | Lô 25B đường Phan Bội Châu, Tam Kỳ, Quảng Nam | Khu vực 2    | Không       |
| 3040 | 34         | Quảng Nam   | 01            | Thành phố Tam Kỳ | 104       | Trường CD Công nghệ Quảng Nam (Từ 15/01/2018)                       | TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3041 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 008       | TT. GDTX-HN&DN Hội An                                               | Thành phố Hội An, Quảng Nam                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3042 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 009       | THPT Trần Quý Cáp                                                   | Thành phố Hội An, Quảng Nam                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3043 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 010       | THPT chuyên Lê Thánh Tông                                           | Thành phố Hội An, Quảng Nam                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3044 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 011       | PTDTNT tỉnh Quảng Nam                                               | Thành phố Hội An, Quảng Nam                   | Khu vực 2    | Có          |
| 3045 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 012       | THPT NguyễnTrãi                                                     | Thành phố Hội An, Quảng Nam                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3046 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 065       | THPT Trần Hưng Đạo                                                  | 170 Cửa Đại, Tp Hội An, Quảng Nam             | Khu vực 2    | Không       |
| 3047 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 074       | TT. GDNN-GDTX Hội An                                                | Thành phố Hội An, Q. Nam                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3048 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 083       | Trường CD Điện lực miền Trung                                       | Thành phố Hội An, Q. Nam                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3049 | 34         | Quảng Nam   | 02            | Thành phố Hội An | 084       | Trường CD CN-KT&TL miền Trung                                       | Thành phố Hội An, Q. Nam                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3050 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 013       | THPT Sào Nam                                                        | H. Duy Xuyên, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3051 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 014       | THPT Lê Hồng Phong                                                  | H. Duy Xuyên, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3052 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 015       | TT. GDTX-HN Duy Xuyên                                               | H. Duy Xuyên, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3053 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 016       | THPT Nguyễn Hiền                                                    | Xã Duy Sơn, H. Duy Xuyên, Quảng Nam           | Khu vực 1    | Không       |
| 3054 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 073       | TT. GDNN-GDTX Duy Xuyên                                             | Xã Duy Phước, H. Duy Xuyên, Q. Nam            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3055 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 100       | THPT Hồ Nghinh                                                      | Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3056 | 34         | Quảng Nam   | 03            | Huyện Duy Xuyên  | 103       | Trường TC VHNT&DL Q.Nam (Từ 01/01/2019)                             | Xã Duy Thành, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3057 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 017       | THPT Nguyễn Duy Hiệu                                                | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3058 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 018       | THPT Hoàng Diệu                                                     | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3059 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 019       | THPT Phạm Phú Thứ                                                   | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3060 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 020       | THPT Lương Thê Vinh                                                 | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3061 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 021       | THPT Nguyễn Khuyến                                                  | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3062 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 022       | TT. GDTX-HN Điện Bàn                                                | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3063 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 066       | Trường PT nhiều cấp học Hoàng Sa                                    | Xã Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3064 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 067       | Trường PT nhiều cấp học Quảng Đông                                  | Xã Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam    | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3065 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 071       | Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quảng Đông | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3066 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 081       | Trường TC Nghề Bắc Quảng Nam            | TX. Điện Bàn, Q. Nam                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3067 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 087       | Trường CD Công kỹ nghệ Đông Á           | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3068 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 088       | Trung cấp Quảng Đông                    | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3069 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 089       | Trường PT nhiều cấp học Hoàng Sa        | Xã Điện Ngọc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3070 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 090       | Trường PT nhiều cấp học Quảng Đông      | Xã Điện Thắng Bắc, TX. Điện Bàn, Quảng Nam               | Khu vực 2    | Không       |
| 3071 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 091       | THPT Nguyễn Duy Hiệu                    | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3072 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 092       | THPT Hoàng Diệu                         | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3073 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 093       | THPT Phạm Phú Thứ                       | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3074 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 094       | THPT Lương Thê Vinh                     | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3075 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 095       | THPT Nguyễn Khuyến                      | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3076 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 096       | TT. GDTX-HN Điện Bàn                    | TX. Điện Bàn, Quảng Nam                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3077 | 34         | Quảng Nam   | 04            | Thị xã Điện Bàn  | 099       | Trường Cao đẳng Tâm Trí                 | 09 Nguyễn Gia Thiều, P.Điện Ngọc, TX Điện Bàn, Quảng Nam | Khu vực 2    | Không       |
| 3078 | 34         | Quảng Nam   | 05            | Huyện Đại Lộc    | 023       | THPT Huỳnh Ngọc Huệ                     | H. Đại Lộc, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3079 | 34         | Quảng Nam   | 05            | Huyện Đại Lộc    | 024       | THPT Chu Văn An                         | Xã Đại Đồng, H. Đại Lộc, Quảng Nam                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3080 | 34         | Quảng Nam   | 05            | Huyện Đại Lộc    | 025       | THPT Đỗ Đăng Tuyển                      | H. Đại Lộc, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3081 | 34         | Quảng Nam   | 05            | Huyện Đại Lộc    | 026       | THPT Lương Thúc Kỳ                      | H. Đại Lộc, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3082 | 34         | Quảng Nam   | 05            | Huyện Đại Lộc    | 027       | TT. GDTX-HN&DN Đại Lộc                  | H. Đại Lộc, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3083 | 34         | Quảng Nam   | 06            | Huyện Quế Sơn    | 029       | THPT Quế Sơn                            | H. Quế Sơn, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3084 | 34         | Quảng Nam   | 06            | Huyện Quế Sơn    | 030       | THPT Nguyễn Văn Cừ                      | H. Quế Sơn, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3085 | 34         | Quảng Nam   | 06            | Huyện Quế Sơn    | 032       | THPT Trần Đại Nghĩa                     | H. Quế Sơn, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3086 | 34         | Quảng Nam   | 06            | Huyện Quế Sơn    | 033       | TT. GDTX-HN&DN Quế Sơn                  | H. Quế Sơn, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3087 | 34         | Quảng Nam   | 06            | Huyện Quế Sơn    | 034       | THPT TT Phạm Văn Đồng                   | H. Quế Sơn, Quảng Nam                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3088 | 34         | Quảng Nam   | 07            | Huyện Hiệp Đức   | 035       | THPT Hiệp Đức                           | H. Hiệp Đức, Quảng Nam                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 3089 | 34         | Quảng Nam   | 07            | Huyện Hiệp Đức   | 036       | TT. GDTX-HN&DN Hiệp Đức                 | H. Hiệp Đức, Quảng Nam                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 3090 | 34         | Quảng Nam   | 07            | Huyện Hiệp Đức   | 063       | THPT Trần Phú                           | Xã Bình Lâm, H. Hiệp Đức, Quảng Nam                      | Khu vực 1    | Không       |
| 3091 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 028       | THPT Hùng Vương                         | Xã Bình An, H. Thăng Bình, Quảng Nam                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3092 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 037       | THPT Tiêu La                            | H. Thăng Bình, Quảng Nam                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3093 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 038       | THPT Nguyễn Thái Bình                   | Xã Bình Đào, H. Thăng Bình, Quảng Nam                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3094 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 039       | THPT Thái Phiên                         | H. Thăng Bình, Quảng Nam                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3095 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 040       | THPT Lý Tự Trọng                        | H. Thăng Bình, Quảng Nam                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3096 | 34         | Quảng Nam   | 08            | Huyện Thăng Bình | 041       | TT. GDTX-HN&DN Thăng Bình               | H. Thăng Bình, Quảng Nam                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3097 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 042       | THPT Núi Thành                          | H. Núi Thành, Quảng Nam                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3098 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 043       | THPT Cao Bá Quát (Trước 2018)           | Xã Tam Anh Bắc, H. Núi Thành, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3099 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 044       | THPT Nguyễn Huệ                         | H. Núi Thành, Quảng Nam                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3100 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 045       | TT. GDTX-HN Núi Thành                   | H. Núi Thành, Quảng Nam                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3101 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 080       | Trường TC Nghề Nam Quảng Nam            | Xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, Q. Nam                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3102 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 085       | Trường CD nghề Chu Lai-Trường Hải       | Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, Q. Nam                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3103 | 34         | Quảng Nam   | 09            | Huyện Núi Thành  | 097       | THPT Cao Bá Quát (Từ 2018)              | Xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3104 | 34         | Quảng Nam   | 10            | Huyện Tiên Phước | 046       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                   | H. Tiên Phước, Quảng Nam                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3105 | 34         | Quảng Nam   | 10            | Huyện Tiên Phước | 047       | THPT Phan Châu Trinh                    | H. Tiên Phước, Quảng Nam                                 | Khu vực 1    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                                    | Địa Chỉ                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3106 | 34         | Quảng Nam   | 10            | Huyện Tiên Phước       | 048       | TT. GDTX-HN&DN Tiên Phước                                                     | H. Tiên Phước, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3107 | 34         | Quảng Nam   | 11            | Huyện Bắc Trà My       | 049       | THPT Bắc Trà My                                                               | H. Bắc Trà My, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3108 | 34         | Quảng Nam   | 11            | Huyện Bắc Trà My       | 050       | TT. GDTX-HN Bắc Trà My                                                        | H. Bắc Trà My, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3109 | 34         | Quảng Nam   | 11            | Huyện Bắc Trà My       | 062       | PTDTNT Nước Oa                                                                | H. Bắc Trà My, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Có          |
| 3110 | 34         | Quảng Nam   | 12            | Huyện Đông Giang       | 051       | THPT Quang Trung                                                              | H. Đông Giang, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3111 | 34         | Quảng Nam   | 12            | Huyện Đông Giang       | 064       | THPT Âu Cơ                                                                    | Xã Ba, H. Đông Giang, Quảng Nam          | Khu vực 1    | Không       |
| 3112 | 34         | Quảng Nam   | 13            | Huyện Nam Giang        | 052       | THPT Nam Giang                                                                | H. Nam Giang, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3113 | 34         | Quảng Nam   | 13            | Huyện Nam Giang        | 060       | TT.GDTX Nam Giang                                                             | H. Nam Giang, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3114 | 34         | Quảng Nam   | 13            | Huyện Nam Giang        | 068       | THPT Nguyễn Văn Trỗi                                                          | Xã La Dêê, H. Nam Giang, Quảng Nam       | Khu vực 1    | Không       |
| 3115 | 34         | Quảng Nam   | 13            | Huyện Nam Giang        | 082       | Trường TC Nghề TNDT&MN Quảng Nam                                              | Xã Cà Dy, H. Nam Giang, Q. Nam           | Khu vực 1    | Không       |
| 3116 | 34         | Quảng Nam   | 14            | Huyện Phước Sơn        | 053       | THPT Khâm Đức                                                                 | H. Phước Sơn, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3117 | 34         | Quảng Nam   | 14            | Huyện Phước Sơn        | 059       | TT GDTX-HN&DN Phước Sơn                                                       | H. Phước Sơn, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3118 | 34         | Quảng Nam   | 14            | Huyện Phước Sơn        | 069       | PTDTNT huyện Phước Sơn                                                        | IT Khâm Đức, Phước Sơn, Quảng Nam        | Khu vực 1    | Có          |
| 3119 | 34         | Quảng Nam   | 15            | Huyện Nam Trà My       | 056       | THPT Nam Trà My                                                               | H. Nam Trà My, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3120 | 34         | Quảng Nam   | 15            | Huyện Nam Trà My       | 058       | TT.GDTX-HN Nam Trà My                                                         | H. Nam Trà My, Quảng Nam                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3121 | 34         | Quảng Nam   | 15            | Huyện Nam Trà My       | 072       | PTDTNT huyện Nam Trà My                                                       | Xã Trà Mai, Nam Trà My, Quảng Nam        | Khu vực 1    | Có          |
| 3122 | 34         | Quảng Nam   | 16            | Huyện Tây Giang        | 057       | THPT Tây Giang                                                                | H. Tây Giang, Quảng Nam                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3123 | 34         | Quảng Nam   | 16            | Huyện Tây Giang        | 101       | THPT Võ Chí Công                                                              | Xã Axan, huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam | Khu vực 1    | Không       |
| 3124 | 34         | Quảng Nam   | 17            | Huyện Phú Ninh         | 054       | THPT Trần Văn Dư                                                              | H. Phú Ninh, Quảng Nam                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3125 | 34         | Quảng Nam   | 17            | Huyện Phú Ninh         | 055       | TT GDTX-HN&DN Phú Ninh                                                        | H. Phú Ninh, Quảng Nam                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3126 | 34         | Quảng Nam   | 17            | Huyện Phú Ninh         | 061       | THPT Nguyễn Dục                                                               | Xã Tam Dân, H. Phú Ninh, Quảng Nam       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3127 | 34         | Quảng Nam   | 18            | Huyện Nông Sơn         | 031       | THPT Nông Sơn                                                                 | Xã Quế Trung, H. Nông Sơn, Quảng Nam     | Khu vực 1    | Không       |
| 3128 | 35         | Quảng Ngãi  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 35                                                           | 58, Hùng Vương, TP Quảng Ngãi            | Khu vực 2    | Không       |
| 3129 | 35         | Quảng Ngãi  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 35                                                 | 58 Hùng Vương, TP Quảng Ngãi             | Khu vực 2    | Không       |
| 3130 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 001       | Trường THPT Trần Kỳ Phong                                                     | Xã Bình Nguyên, H. Bình Sơn              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3131 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 002       | Trường THPT Lê Quý Đôn                                                        | Xã Bình Trung, H. Bình Sơn               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3132 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 003       | Trường THPT Bình Sơn                                                          | ITr. Châu ô, H. Bình Sơn                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3133 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 004       | Trường THPT Vạn Tường                                                         | Xã Bình Phú, H. Bình Sơn                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3134 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 005       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn                                            | Xã Bình Long, H. Bình Sơn                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3135 | 35         | Quảng Ngãi  | 01            | Huyện Bình Sơn         | 060       | Trường CDN Kỹ thuật - Công nghệ Dung Quất (Trường Cao đẳng Kỹ nghệ Dung Quất) | Xã Bình Hải, H. Bình Sơn                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3136 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh         | 006       | Trường THPT Ba Gia                                                            | Xã Tịnh Bắc, H. Sơn Tịnh                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3137 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh         | 007       | Trường THPT Tư thực Trương Định                                               | Xã Tịnh Bắc, H. Sơn Tịnh                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3138 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh         | 054       | Trường THPT Võ Nguyên Giáp (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)         | ITr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3139 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh         | 055       | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)       | ITr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3140 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh         | 056       | Trường THPT Sơn Mỹ (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)                 | Xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện       | Mã Trường | Tên Trường                                                                                          | Địa Chỉ                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|-------------|
| 3141 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh       | 057       | Trung tâm DN-GDTX&HN huyện Sơn Tịnh (Học xong lớp 12 từ năm 2015 trở về trước)                      | TTr Sơn Tịnh, huyện Sơn Tịnh           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3142 | 35         | Quảng Ngãi  | 02            | Huyện Sơn Tịnh       | 065       | Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (TN từ năm 2015 trở về trước)                                 | Xã Tịnh Ân Đông, huyện Sơn Tịnh        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3143 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 008       | Trường THPT Võ Nguyên Giáp                                                                          | Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi | Khu vực 2    | Không       |
| 3144 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 009       | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng                                                                        | Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi | Khu vực 2    | Không       |
| 3145 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 010       | Trường THPT Sơn Mỹ                                                                                  | Xã Tịnh Khê, Tp. Quảng Ngãi            | Khu vực 2    | Không       |
| 3146 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 011       | Trường THPT Trần Quốc Tuấn                                                                          | Ph. Nguyễn Nghiêm, Tp. Quảng Ngãi      | Khu vực 2    | Không       |
| 3147 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 012       | Trường THPT Lê Trung Đình                                                                           | Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3148 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 013       | Trường THPT chuyên Lê Khiết                                                                         | Ph. Nghĩa Lộ, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3149 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 014       | Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh Quảng Ngãi                                                         | Ph. Quảng Phú, Tp. Quảng Ngãi          | Khu vực 2    | Có          |
| 3150 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 015       | Trường THPT Tư thực Nguyễn Bình Khiêm                                                               | Ph. Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi      | Khu vực 2    | Không       |
| 3151 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 016       | Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ                                                                   | Ph. Nghĩa Lộ, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3152 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 017       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tịnh                                                                  | Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi | Khu vực 2    | Không       |
| 3153 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 018       | Trung tâm DN-GDTX&HN tỉnh Quảng Ngãi                                                                | Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3154 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 061       | Trường Trung cấp nghề tỉnh Quảng Ngãi (Trung cấp Kỹ thuật Quảng Ngãi) (TN từ năm 2016 đến năm 2019) | Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi | Khu vực 2    | Không       |
| 3155 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 062       | Trường TCN Kinh tế - Công nghệ Dung Quất (Trường Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Dung Quất)           | Ph. Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3156 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 066       | Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi                                                    | 236, Hoàng Hoa Thám, P. Quảng Phú      | Khu vực 2    | Không       |
| 3157 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 068       | Trường Cao đẳng Quảng Ngãi (Trường Cao đẳng Kỹ thuật – Công nghiệp Quảng Ngãi)                      | Ph. Trương Quang Trọng, Tp. Quảng Ngãi | Khu vực 2    | Không       |
| 3158 | 35         | Quảng Ngãi  | 03            | Thành phố Quảng Ngãi | 069       | Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm                                                                 | Ph. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi           | Khu vực 2    | Không       |
| 3159 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 019       | Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa                                                                           | TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3160 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 020       | Trường THPT Chu Văn An                                                                              | TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3161 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 021       | Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa                                                                           | Xã Nghĩa Thuận, H. Tư Nghĩa            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3162 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 022       | Trường THPT Thu Xà                                                                                  | Xã Nghĩa Hoà, H. Tư Nghĩa              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3163 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 023       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tư Nghĩa                                                                  | TTr. La Hà, H. Tư Nghĩa                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3164 | 35         | Quảng Ngãi  | 04            | Huyện Tư Nghĩa       | 063       | Trường Cao đẳng nghề Cơ giới (Cao đẳng Cơ giới)                                                     | Xã Nghĩa Kỳ, H. Tư Nghĩa               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3165 | 35         | Quảng Ngãi  | 05            | Huyện Nghĩa Hành     | 024       | Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành                                                                         | TTr. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành           | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                   | Mã Trường | Tên Trường                                                  | Địa Chỉ                         | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|-------------|
| 3166 | 35         | Quảng Ngãi  | 05            | Huyện Nghĩa Hành                 | 025       | Trường THPT Nguyễn Công Phương                              | TTr. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3167 | 35         | Quảng Ngãi  | 05            | Huyện Nghĩa Hành                 | 026       | Trường THPT Số 2 Nghĩa Hành                                 | Xã Hành Thiện, H. Nghĩa Hành    | Khu vực 1    | Không       |
| 3168 | 35         | Quảng Ngãi  | 05            | Huyện Nghĩa Hành                 | 027       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hành                        | Xã Hành Đức, H. Nghĩa Hành      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3169 | 35         | Quảng Ngãi  | 06            | Huyện Mộ Đức                     | 028       | Trường THPT Số 2 Mộ Đức                                     | Xã Đức Nhuận, H. Mộ Đức         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3170 | 35         | Quảng Ngãi  | 06            | Huyện Mộ Đức                     | 029       | Trường THPT Phạm Văn Đồng                                   | ITr. Mộ Đức, H. Mộ Đức          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3171 | 35         | Quảng Ngãi  | 06            | Huyện Mộ Đức                     | 030       | Trường THPT Nguyễn Công Trứ                                 | Xã Đức Thanh, H. Mộ Đức         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3172 | 35         | Quảng Ngãi  | 06            | Huyện Mộ Đức                     | 031       | Trường THPT Trần Quang Diệu                                 | Xã Đức Lâm, H. Mộ Đức           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3173 | 35         | Quảng Ngãi  | 06            | Huyện Mộ Đức                     | 032       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức                            | ITr. Mộ Đức, H. Mộ Đức          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3174 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 033       | Trường THPT Số 1 Đức Phổ                                    | Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3175 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 034       | Trường THPT Lương Thế Vinh                                  | Xã Phổ Ninh, huyện Đức Phổ      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3176 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 035       | Trường THPT Số 2 Đức Phổ                                    | Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ     | Khu vực 1    | Không       |
| 3177 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 036       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Phổ                           | Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3178 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 058       | Trường THPT số 2 Đức Phổ (Trước 25/01/2017)                 | Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3179 | 35         | Quảng Ngãi  | 07            | Huyện Đức Phổ (Trước 01/02/2020) | 064       | Trường Trung cấp nghề Đức Phổ (TN từ năm 2017 trở về trước) | Thị trấn Đức Phổ, huyện Đức Phổ | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3180 | 35         | Quảng Ngãi  | 08            | Huyện Ba Tơ                      | 037       | Trường THPT Ba Tơ                                           | ITr. Ba Tơ, H. Ba Tơ            | Khu vực 1    | Không       |
| 3181 | 35         | Quảng Ngãi  | 08            | Huyện Ba Tơ                      | 038       | Trường THPT Phạm Kiệt                                       | Xã Ba Vĩ, H. Ba Tơ              | Khu vực 1    | Không       |
| 3182 | 35         | Quảng Ngãi  | 08            | Huyện Ba Tơ                      | 039       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ                             | ITr. Ba Tơ, H. Ba Tơ            | Khu vực 1    | Không       |
| 3183 | 35         | Quảng Ngãi  | 09            | Huyện Minh Long                  | 040       | Trường THPT Minh Long                                       | Xã Long Hiệp, H. Minh Long      | Khu vực 1    | Không       |
| 3184 | 35         | Quảng Ngãi  | 09            | Huyện Minh Long                  | 041       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Minh Long                         | Xã Long Hiệp, H. Minh Long      | Khu vực 1    | Không       |
| 3185 | 35         | Quảng Ngãi  | 10            | Huyện Sơn Hà                     | 042       | Trường THPT Quang Trung                                     | Xã Sơn Thành, H. Sơn Hà         | Khu vực 1    | Không       |
| 3186 | 35         | Quảng Ngãi  | 10            | Huyện Sơn Hà                     | 043       | Trường THPT Sơn Hà                                          | ITr. Di Lăng, H. Sơn Hà         | Khu vực 1    | Không       |
| 3187 | 35         | Quảng Ngãi  | 10            | Huyện Sơn Hà                     | 044       | Trường THCS và THPT Phạm Kiệt                               | Xã Sơn Kỳ, H. Sơn Hà            | Khu vực 1    | Không       |
| 3188 | 35         | Quảng Ngãi  | 10            | Huyện Sơn Hà                     | 045       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Hà                            | ITr. Di Lăng, H. Sơn Hà         | Khu vực 1    | Không       |
| 3189 | 35         | Quảng Ngãi  | 11            | Huyện Sơn Tây                    | 046       | Trường THPT Đinh Tiên Hoàng                                 | Xã Sơn Dung, H. Sơn Tây         | Khu vực 1    | Không       |
| 3190 | 35         | Quảng Ngãi  | 11            | Huyện Sơn Tây                    | 047       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Sơn Tây                           | Xã Sơn Dung, H. Sơn Tây         | Khu vực 1    | Không       |
| 3191 | 35         | Quảng Ngãi  | 12            | Huyện Trà Bồng                   | 048       | Trường THPT Trà Bồng                                        | Xã Trà Sơn, H. Trà Bồng         | Khu vực 1    | Không       |
| 3192 | 35         | Quảng Ngãi  | 12            | Huyện Trà Bồng                   | 049       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trà Bồng                          | Xã Trà Thủy, H. Trà Bồng        | Khu vực 1    | Không       |
| 3193 | 35         | Quảng Ngãi  | 12            | Huyện Trà Bồng                   | 074       | Trường THPT Tây Trà (Từ 01/02/2020)                         | Xã Trà Phong, H. Trà Bồng       | Khu vực 1    | Không       |
| 3194 | 35         | Quảng Ngãi  | 13            | Huyện Tây Trà (Trước 01/02/2020) | 050       | Trường THPT Tây Trà (Trước 01/02/2020)                      | Xã Trà Phong, H. Tây Trà        | Khu vực 1    | Không       |
| 3195 | 35         | Quảng Ngãi  | 13            | Huyện Tây Trà (Trước 01/02/2020) | 051       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tây Trà                           | Xã Trà Phong, H. Tây Trà        | Khu vực 1    | Không       |
| 3196 | 35         | Quảng Ngãi  | 14            | Huyện Lý Sơn                     | 052       | Trường THPT Lý Sơn                                          | Xã An Vĩnh, H. Lý Sơn           | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|-------------|
| 3197 | 35         | Quảng Ngãi  | 14            | Huyện Lý Sơn           | 053       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lý Sơn                   | Xã An Vĩnh, H. Lý Sơn                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3198 | 35         | Quảng Ngãi  | 15            | Thị xã Đức Phổ         | 070       | Trường THPT số 1 Đức Phổ (Từ ngày 01/02/2020)      | Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ         | Khu vực 2 | Không       |
| 3199 | 35         | Quảng Ngãi  | 15            | Thị xã Đức Phổ         | 071       | Trường THPT Lương Thế Vinh (Từ 01/02/2020)         | Phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ         | Khu vực 2 | Không       |
| 3200 | 35         | Quảng Ngãi  | 15            | Thị xã Đức Phổ         | 072       | Trường THPT Số 2 Đức Phổ (Từ 01/02/2020)           | Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ            | Khu vực 1 | Không       |
| 3201 | 35         | Quảng Ngãi  | 15            | Thị xã Đức Phổ         | 073       | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ (Từ 01/02/2020) | Phường Nguyễn Nghiêm, thị xã Đức Phổ    | Khu vực 2 | Không       |
| 3202 | 36         | Kon Tum     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 36                                |                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 3203 | 36         | Kon Tum     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 36                      |                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 3204 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 001       | THPT Kon Tum                                       | Ph. Thống Nhất - Tp Kon Tum - Kon Tum   | Khu vực 1 | Không       |
| 3205 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 002       | PT DTNT tỉnh Kon Tum                               | Ph. Quyết Thắng - Tp Kon Tum - Kon Tum  | Khu vực 1 | Có          |
| 3206 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 003       | THPT chuyên Nguyễn Tất Thành                       | Ph. Thống Nhất - Tp Kon Tum             | Khu vực 1 | Không       |
| 3207 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 013       | Phòng GD&ĐT Tp Kon Tum                             | Phường Thắng Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum | Khu vực 1 | Không       |
| 3208 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 015       | CĐ Sư phạm Kon Tum                                 | Ph. Thống Nhất - Tp Kon Tum             | Khu vực 1 | Không       |
| 3209 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 016       | CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum                      | Ph. Ngô Mây - Tp Kon Tum - Kon Tum      | Khu vực 1 | Không       |
| 3210 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 018       | TT GDTX Tỉnh                                       | Ph. Thắng Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum    | Khu vực 1 | Không       |
| 3211 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 019       | Trung học Y tế Kon Tum                             | Ph. Quyết Thắng -Tp Kon Tum - Kon Tum   | Khu vực 1 | Không       |
| 3212 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 020       | THPT Duy Tân                                       | Ph. Duy Tân - TP Kon Tum - Kon Tum      | Khu vực 1 | Không       |
| 3213 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 025       | THPT Lê Lợi                                        | Ph. Lê Lợi - Tp Kon Tum - Kon Tum       | Khu vực 1 | Không       |
| 3214 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 036       | THPT Ngô Mây                                       | Ph. Ngô Mây - Tp Kon Tum - Kon Tum      | Khu vực 1 | Không       |
| 3215 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 038       | Trường TC Nghề Kon Tum                             | Ph. Nguyễn Trãi - Tp Kon Tum - Kon Tum  | Khu vực 1 | Không       |
| 3216 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 041       | THPT Trường Chinh                                  | Ph. Trường Chinh - Tp Kon Tum - Kon Tum | Khu vực 1 | Không       |
| 3217 | 36         | Kon Tum     | 01            | Thành phố Kon Tum      | 046       | THPT Phan Bội Châu                                 | Xã Ya Chim - Tp Kon Tum - Kon Tum       | Khu vực 1 | Không       |
| 3218 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 008       | Phòng GD&ĐT huyện Đăk Glei                         | Huyện Đăk Glei - Kon Tum                | Khu vực 1 | Không       |
| 3219 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 022       | PT DTNT Đăk Glei                                   | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Có          |
| 3220 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 033       | THPT Lương Thế Vinh                                | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3221 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 037       | TT GDTX Đăk Glei                                   | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3222 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 048       | Phân hiệu THPT Lương Thế Vinh                      | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3223 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 053       | Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei                       | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3224 | 36         | Kon Tum     | 02            | Huyện ĐĂK GLEI         | 702       | Phòng GD&ĐT huyện Đăk Glei                         | H. Đăk Glei - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3225 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 009       | Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi                         | Huyện Ngọc Hồi - Kon Tum                | Khu vực 1 | Không       |
| 3226 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 021       | PT DTNT Ngọc Hồi                                   | H. Ngọc Hồi - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Có          |
| 3227 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 027       | THPT Nguyễn Trãi                                   | H. Ngọc Hồi - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3228 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 042       | TT GDTX Ngọc Hồi                                   | H. Ngọc Hồi- Kon Tum                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3229 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 047       | THPT Phan Chu Trinh                                | Xã Đăk Dục - H. Ngọc Hồi - Kon Tum      | Khu vực 1 | Không       |
| 3230 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 052       | Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi                       | H. Ngọc Hồi - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3231 | 36         | Kon Tum     | 03            | Huyện Ngọc Hồi         | 703       | Phòng GD&ĐT huyện Ngọc Hồi                         | H. Ngọc Hồi - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3232 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đăk Tô           | 007       | PT DTNT Đăk Tô                                     | H. Đăk Tô - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Có          |
| 3233 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đăk Tô           | 010       | Phòng GD&ĐT huyện Đăk Tô                           | Huyện Đăk Tô - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3234 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đăk Tô           | 026       | THPT Nguyễn Văn Cừ                                 | H. Đăk Tô - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3235 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đăk Tô           | 045       | TT GDTX Đăk Tô                                     | H. Đăk Tô - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3236 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đăk Tô           | 051       | Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô                         | H. Đăk Tô - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------------|------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3237 | 36         | Kon Tum     | 04            | Huyện Đắk Tô           | 704       | Phòng GD&ĐT huyện Đắk Tô             | H. Đắk Tô - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3238 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 005       | PT DTNT Sa Thầy                      | H. Sa Thầy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Có          |
| 3239 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 012       | Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy            | Huyện Sa Thầy - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3240 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 034       | THPT Quang Trung                     | H. Sa Thầy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3241 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 043       | TT GDTX Sa Thầy                      | H. Sa Thầy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3242 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 054       | Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy          | H. Sa Thầy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3243 | 36         | Kon Tum     | 05            | Huyện Sa Thầy          | 705       | Phòng GD&ĐT huyện Sa Thầy            | H. Sa Thầy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3244 | 36         | Kon Tum     | 06            | Huyện Kon Plông        | 014       | Phòng GD&ĐT huyện Kon Plong          | Huyện Kon Plông - Kon Tum                | Khu vực 1 | Không       |
| 3245 | 36         | Kon Tum     | 06            | Huyện Kon Plông        | 017       | PT DTNT Kon Plong                    | H. Kon Plông - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Có          |
| 3246 | 36         | Kon Tum     | 06            | Huyện Kon Plông        | 049       | Phân hiệu PT DTNT Kon Plong          | H. Kon Plông - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3247 | 36         | Kon Tum     | 06            | Huyện Kon Plông        | 056       | Trung tâm GDNN-GDTX Kon Plong        | H. Kon Plông - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3248 | 36         | Kon Tum     | 06            | Huyện Kon Plông        | 706       | Phòng GD&ĐT huyện Kon Plông          | H. Kon Plông - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3249 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 006       | PT DTNT Đắk Hà                       | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Có          |
| 3250 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 011       | Phòng GD&ĐT huyện Đắk Hà             | Huyện Đắk Hà - Kon Tum                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3251 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 028       | TT GDTX Đắk Hà                       | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3252 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 030       | THPT Trần Quốc Tuấn                  | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3253 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 032       | THPT Nguyễn Du                       | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3254 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 050       | Trung tâm GDNN-GDTX Đắk Hà           | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3255 | 36         | Kon Tum     | 07            | Huyện Đắk Hà           | 707       | Phòng GD&ĐT huyện Đắk Hà             | H. Đắk Hà - Kon Tum                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3256 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 023       | Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy            | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3257 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 024       | PT DTNT Kon Rẫy                      | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Có          |
| 3258 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 035       | THPT Chu Văn An                      | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3259 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 044       | TT GDTX Kon Rẫy                      | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3260 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 055       | Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy          | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3261 | 36         | Kon Tum     | 08            | Huyện Kon Rẫy          | 708       | Phòng GD&ĐT huyện Kon Rẫy            | H. Kon Rẫy - Kon Tum                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3262 | 36         | Kon Tum     | 09            | Huyện Tu Mơ Rông       | 029       | Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông         | H. Tu Mơ Rông - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3263 | 36         | Kon Tum     | 09            | Huyện Tu Mơ Rông       | 031       | PT DTNT Tu Mơ Rông                   | H. Tu Mơ Rông - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Có          |
| 3264 | 36         | Kon Tum     | 09            | Huyện Tu Mơ Rông       | 057       | Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông       | H. Tu Mơ Rông - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3265 | 36         | Kon Tum     | 09            | Huyện Tu Mơ Rông       | 709       | Phòng GD&ĐT huyện Tu Mơ Rông         | H. Tu Mơ Rông - Kon Tum                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3266 | 36         | Kon Tum     | 10            | Huyện Ia H'Drai        | 058       | Phân hiệu PT DTNT Tỉnh tại Ia H'Drai | Xã Ia Dom, huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum | Khu vực 1 | Có          |
| 3267 | 37         | Bình Định   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 37                  | 08, Trần Phú, TP Quy Nhơn                | Khu vực 3 | Không       |
| 3268 | 37         | Bình Định   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 37        | 08, Trần Phú, TP Quy Nhơn                | Khu vực 3 | Không       |
| 3269 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 000       | Sở GD & ĐT Bình Định                 | TP. Quy Nhơn                             | Khu vực 2 | Không       |
| 3270 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 001       | Quốc Học Quy Nhơn                    | 09 Trần Phú, TP. Quy Nhơn                | Khu vực 2 | Không       |
| 3271 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 002       | THPT Trung Vương                     | 26 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn              | Khu vực 2 | Không       |
| 3272 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 003       | THPT chuyên Lê Quý Đôn               | 02 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn              | Khu vực 2 | Không       |
| 3273 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 004       | THPT Hùng Vương                      | P. Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn         | Khu vực 2 | Không       |
| 3274 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 005       | PTDTNT THPT Bình Định                | 227 Nguyễn Thị Minh khai, TP. Quy Nhơn   | Khu vực 2 | Có          |
| 3275 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 006       | THPT Trần Cao Vân                    | 72 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn            | Khu vực 2 | Không       |
| 3276 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 007       | THPT Nguyễn Thái Học                 | 127 Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn        | Khu vực 2 | Không       |
| 3277 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 008       | TH, THCS&THPT Ischool Quy Nhơn       | P. Nhơn Phú, TP. Quy Nhơn                | Khu vực 2 | Không       |
| 3278 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn     | 009       | THPT Quy Nhơn                        | 325 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Quy Nhơn   | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                            | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3279 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn | 052       | Trung tâm GDTX Tỉnh Bình Định                 | 35 Nguyễn Huệ, Quy Nhơn                            | Khu vực 2    | Không       |
| 3280 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn | 056       | CD nghề Quy Nhơn                              | 172 An Dương Vương TP. Quy Nhơn                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3281 | 37         | Bình Định   | 01            | Thành phố Quy Nhơn | 057       | CD nghề cơ điện xây dựng và Nông lâm Trung bộ | Khu vực 8, P. Bùi Thị Xuân, TP. Quy Nhơn           | Khu vực 1    | Không       |
| 3282 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 045       | THPT An Lão                                   | Xã An Hòa , H. An Lão                              | Khu vực 1    | Không       |
| 3283 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 046       | THPT Số 2 An Lão                              | Xã An Trung, H. An Lão                             | Khu vực 1    | Không       |
| 3284 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 063       | TT GDTX-HN An Lão                             | IT An Lão                                          | Khu vực 1    | Không       |
| 3285 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 064       | PT DTNT An Lão                                | Thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định      | Khu vực 1    | Không       |
| 3286 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 067       | PT DTNT THCS&THPT An Lão                      | Thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định      | Khu vực 1    | Không       |
| 3287 | 37         | Bình Định   | 02            | Huyện An Lão       | 076       | TT GDNN-GDTX An Lão                           | IT An Lão                                          | Khu vực 1    | Không       |
| 3288 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 042       | THPT Hoài Ân                                  | TT Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3289 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 043       | THPT Võ Giừ                                   | Xã Ân Tín, H. Hoài Ân                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3290 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 044       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                        | IT Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3291 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 047       | THPT Trần Quang Diệu                          | Xã Ân Tường Tây, H. Hoài Ân                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3292 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 059       | TT GDTX-HN Hoài Ân                            | 01 Hà Huy Tập, TTr. Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3293 | 37         | Bình Định   | 03            | Huyện Hoài Ân      | 072       | TT GDNN-GDTX Hoài Ân                          | 01 Hà Huy Tập, TTr. Tăng Bạt Hổ, H. Hoài Ân        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3294 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 036       | THPT Tăng Bạt Hổ                              | IT Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3295 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 037       | THPT Nguyễn Trần                              | IT Tam Quan, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3296 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 038       | THPT Nguyễn Du                                | Xã Hoài Hương, H. Hoài Nhơn                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3297 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 039       | THPT Lý Tự Trọng                              | Xã Hoài Châu Bắc, H. Hoài Nhơn                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3298 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 040       | THPT Phan Bội Châu                            | IT Bồng Sơn, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3299 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 041       | THPT Tam Quan                                 | IT Tam Quan, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3300 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 058       | TT GDTX-HN Hoài Nhơn                          | Xã Hoài Tân, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3301 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 071       | TT GDNN-GDTX Hoài Nhơn                        | Xã Hoài Tân, H. Hoài Nhơn                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3302 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 079       | THPT Nguyễn Du (Từ 2018)                      | Xã Hoài Hương                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3303 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 080       | Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghệ Hoài Nhơn | Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3304 | 37         | Bình Định   | 04            | Huyện Hoài Nhơn    | 081       | THPT chuyên Chu Văn An                        | Khởi 5, Phường Bồng sơn, Thị xã Hoài Nhơn          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3305 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 031       | THPT Số 1 Phù Mỹ                              | IT Phù Mỹ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3306 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 032       | THPT Số 2 Phù Mỹ                              | IT Bình Dương, H. Phù Mỹ                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3307 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 033       | THPT An Lương                                 | Xã Mỹ Chánh, H. Phù Mỹ                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3308 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 034       | THPT Nguyễn Trung Trực                        | IT Phù Mỹ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3309 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 035       | THPT Bình Dương                               | IT Bình Dương, H. Phù Mỹ                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3310 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 051       | THPT Mỹ Thọ                                   | Xã Mỹ Thọ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3311 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 062       | TT GDTX-HN Phù Mỹ                             | IT Phù Mỹ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3312 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 075       | TT GDNN-GDTX Phù Mỹ                           | IT Phù Mỹ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3313 | 37         | Bình Định   | 05            | Huyện Phù Mỹ       | 084       | THPT Mỹ Thọ (Từ 2020)                         | Xã Mỹ Thọ, H. Phù Mỹ                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3314 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 026       | THPT Số 1 Phù Cát                             | IT Ngô Mỹ, H. Phù Cát                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3315 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 027       | THPT Số 2 Phù Cát                             | Xã Cát Minh, H. Phù Cát                            | Khu vực 1    | Không       |
| 3316 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 028       | THPT Số 3 Phù Cát                             | Xã Cát Hưng, H. Phù Cát                            | Khu vực 1    | Không       |
| 3317 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 029       | THPT Ngô Mỹ                                   | IT Ngô Mỹ, H. Phù Cát                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3318 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 030       | THPT Nguyễn Hữu Quang                         | Xã Cát Hưng, H. Phù Cát                            | Khu vực 1    | Không       |
| 3319 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 050       | THPT Nguyễn Hồng Đạo                          | Xã Cát Hanh, H. Phù Cát                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3320 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 055       | TT GDTX-HN Phù Cát                            | ITr. Ngô Mỹ, H. Phù Cát                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3321 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 070       | TT GDNN-GDTX Phù Cát                          | ITr. Ngô Mỹ, H. Phù Cát                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3322 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát      | 078       | THPT Ngô Lê Tân                               | Xã Cát Thành, H. Phù Cát                           | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                     | Địa Chỉ                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3323 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát          | 082       | THPT số 2 Phù Cát (Từ 2020)    | Xã Cát Minh, H. Phù Cát                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3324 | 37         | Bình Định   | 06            | Huyện Phù Cát          | 083       | THPT Ngô Lê Tân (Từ 2020)      | Xã Cát Thành, H. Phù Cát                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3325 | 37         | Bình Định   | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh       | 025       | THPT Vĩnh Thạnh                | Thị trấn Vĩnh Thạnh, H. Vĩnh Thạnh                     | Khu vực 1    | Không       |
| 3326 | 37         | Bình Định   | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh       | 048       | PTDTNT THCS & THPT Vĩnh Thạnh  | Xã Vĩnh Hảo, H. Vĩnh Thạnh                             | Khu vực 1    | Không       |
| 3327 | 37         | Bình Định   | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh       | 066       | TT GDTX-HN Vĩnh Thạnh          | IT Vĩnh Thạnh, H. Vĩnh Thạnh                           | Khu vực 1    | Không       |
| 3328 | 37         | Bình Định   | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh       | 077       | TT GDNN-GDTX Vĩnh Thạnh        | IT Vĩnh Thạnh, H. Vĩnh Thạnh                           | Khu vực 1    | Không       |
| 3329 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 021       | THPT Quang Trung               | IT Phú Phong, H. Tây Sơn                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3330 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 022       | THPT Tây Sơn                   | Xã Tây Bình, H. Tây Sơn                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3331 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 023       | THPT Võ Lai                    | Xã Tây Giang, H. Tây Sơn                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3332 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 024       | THPT Nguyễn Huệ                | IT Phú Phong, H. Tây Sơn                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3333 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 060       | TT GDTX-HN Tây Sơn             | Xã Tây Xuân, H. Tây Sơn                                | Khu vực 1    | Không       |
| 3334 | 37         | Bình Định   | 08            | Huyện Tây Sơn          | 073       | TT GDNN-GDTX Tây Sơn           | Xã Tây Xuân, H. Tây Sơn                                | Khu vực 1    | Không       |
| 3335 | 37         | Bình Định   | 09            | Huyện Vân Canh         | 014       | PTDTNT THCS & THPT Vân Canh    | Thị trấn Vân Canh, H. Vân Canh                         | Khu vực 1    | Không       |
| 3336 | 37         | Bình Định   | 09            | Huyện Vân Canh         | 049       | THPT Vân Canh                  | Xã Canh Vinh, H. Vân Canh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 3337 | 37         | Bình Định   | 09            | Huyện Vân Canh         | 061       | TT GDTX-HN Vân Canh            | IT Vân Canh, H. Vân Canh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3338 | 37         | Bình Định   | 09            | Huyện Vân Canh         | 074       | TT GDNN-GDTX Vân Canh          | IT Vân Canh, H. Vân Canh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3339 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 015       | THPT Số 1 An Nhơn              | 89 Lê Hồng Phong, Ph. Bình Định, thị xã An Nhơn        | Khu vực 2    | Không       |
| 3340 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 016       | THPT Số 2 An Nhơn              | 02 Trần Quang Diệu, Ph. Đập Đá, thị xã An Nhơn         | Khu vực 2    | Không       |
| 3341 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 017       | THPT Số 3 An Nhơn              | Thôn Thọ Lộc 1, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn            | Khu vực 2    | Không       |
| 3342 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 018       | THPT Hòa Bình                  | Xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn                          | Khu vực 2    | Không       |
| 3343 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 019       | THPT Nguyễn Đình Chiểu         | 108 Nguyễn Đình Chiểu, Ph. Bình Định, thị xã An Nhơn   | Khu vực 2    | Không       |
| 3344 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 020       | THPT Nguyễn Trường Tộ          | Đường Lê Duẩn, Ph. Đập Đá, thị xã An Nhơn              | Khu vực 2    | Không       |
| 3345 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 054       | TT GDTX-HN An Nhơn             | 599 Ngô Gia Tự, Ph. Bình Định, thị xã An Nhơn          | Khu vực 2    | Không       |
| 3346 | 37         | Bình Định   | 10            | Thị xã An Nhơn         | 069       | TT GDNN-GDTX An Nhơn           | 599 Ngô Gia Tự, Ph. Bình Định, thị xã An Nhơn          | Khu vực 2    | Không       |
| 3347 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 010       | THPT Số 1 Tuy Phước            | IT Tuy Phước, H. Tuy Phước                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3348 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 011       | THPT Số 2 Tuy Phước            | Xã Phước Quang, H. Tuy Phước                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3349 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 012       | THPT Nguyễn Diêu               | Xã Phước Sơn, H. Tuy Phước                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3350 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 013       | THPT Xuân Diệu                 | IT Tuy Phước, H. Tuy Phước                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3351 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 053       | TT GDTX-HN Tuy Phước           | ITr. Tuy Phước, H. Tuy Phước                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3352 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 065       | THPT Số 3 Tuy Phước            | Xã Phước Hòa, H. Tuy Phước                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3353 | 37         | Bình Định   | 11            | Huyện Tuy Phước        | 068       | TT GDNN-GDTX Tuy Phước         | ITr. Tuy Phước, H. Tuy Phước                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3354 | 38         | Gia Lai     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 38            | Thành phố Pleiku                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 3355 | 38         | Gia Lai     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 38  |                                                        | Khu vực 3    | Không       |
| 3356 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 001       | Trường THPT Pleiku             | 90 Tô Vĩnh Diện, Ph. Hoa Lư, thành phố Pleiku, Gia Lai | Khu vực 1    | Không       |
| 3357 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 002       | Trường THPT Phan Bội Châu      | Ph. Ia Kring, thành phố Pleiku, Gia Lai                | Khu vực 1    | Không       |
| 3358 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 003       | Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh | Ph. Yên Thế, thành phố Pleiku, Gia Lai                 | Khu vực 1    | Có          |
| 3359 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 004       | Trường THPT Lê Lợi             | Ph. Hội Thương, thành phố Pleiku, Gia Lai              | Khu vực 1    | Không       |
| 3360 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 005       | Trường THPT Chuyên Hùng Vương  | 48 Hùng Vương, thành phố Pleiku, Gia Lai               | Khu vực 1    | Không       |
| 3361 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku       | 006       | Trường THPT Hoàng Hoa Thám     | Ph. Yên Thế, thành phố Pleiku, Gia Lai                 | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                      | Địa Chỉ                                                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3362 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 023       | TT GDTX tỉnh                                    | 61 Lý Thái Tổ, Ph. Yên Đỗ, thành phố Pleiku, Gia Lai                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3363 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 025       | Trường Cao đẳng nghề Gia Lai                    | Xã Diên Phú, thành phố Pleiku, Gia Lai                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3364 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 026       | TT Kỹ thuật - Tổng hợp - Hướng nghiệp           | Ph. Ia Kring, thành phố Pleiku, Gia Lai                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3365 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 034       | Trường THPT Nguyễn Chí Thanh                    | 138-Nguyễn Chí Thanh. P.Chi Lăng, TP Pleiku, Gia Lai                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3366 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 042       | Trường Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương - Gia Lai | Xã Diên Phú, thành phố Pleiku, Gia Lai                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3367 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 060       | Trường TC nghề số 15                            | Ph. Yên Thế, thành phố Pleiku, Gia Lai.                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3368 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 061       | Trường TC nghề số 21                            | Ph. Thống Nhất, thành phố Pleiku, Gia Lai.                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3369 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 062       | Trường CD nghề số 05 Chi nhánh Gia Lai          | Ph. Thắng Lợi, thành phố Pleiku, Gia Lai.                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3370 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 069       | Trường TC Y tế Gia Lai                          | Xã Trà Đa, thành phố Pleiku, Gia Lai                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3371 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 070       | Trường TC VH-NT Gia Lai                         | P. Chi Lăng, thành phố Pleiku, Gia Lai                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3372 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 071       | Trường Thiếu sinh quân-Quân khu V               | Ph. Thống nhất, thành phố Pleiku, Gia Lai                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3373 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 072       | Trường TH, THCS, THPT Nguyễn văn Linh           | Xã Diên Phú, thành phố Pleiku, Gia Lai                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3374 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 073       | Trường Bỏ tước văn hóa Gia Lai Kon Tum          | Thành phố Kon Tum                                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3375 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 076       | Trường Trung học lâm nghiệp Tây Nguyên          | Phường Chi Lăng, Tp. Pleiku                                                | Khu vực 1 | Không       |
| 3376 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 094       | Trường CDSP Gia Lai                             | Ph. Ia Kring, thành phố Pleiku, Gia Lai                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3377 | 38         | Gia Lai     | 01            | Thành phố Pleiku | 095       | Trường THPT Chi Lăng                            | Số 655 đường Trường Chinh, Tổ 2, phường Chi Lăng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai | Khu vực 1 | Không       |
| 3378 | 38         | Gia Lai     | 02            | Huyện Chư Păh    | 007       | Trường THPT Mạc Đĩnh Chi                        | 21 Quang Trung, T.Tr. Phú Hòa, H. Chư Păh, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3379 | 38         | Gia Lai     | 02            | Huyện Chư Păh    | 008       | Trường THPT Ya Ly                               | ITr. Ia Ly, H. Chư Păh, Gia Lai                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3380 | 38         | Gia Lai     | 02            | Huyện Chư Păh    | 043       | Trường THCS, THPT Phạm Hồng Thái                | Xã Ia Khương, H. Chư Păh, Gia Lai                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3381 | 38         | Gia Lai     | 02            | Huyện Chư Păh    | 047       | TT GDTX Chư Păh                                 | ITr. Phú Hoà, H. Chư Păh, Gia Lai                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3382 | 38         | Gia Lai     | 02            | Huyện Chư Păh    | 080       | TT GDNN-GDTX Chư Păh                            | ITr. Phú Hoà, H. Chư Păh, Gia Lai                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3383 | 38         | Gia Lai     | 03            | Huyện Mang Yang  | 009       | Trường THPT Trần Hưng Đạo                       | Đường Trần Phú, thị trấn Kon Dong, H. Mang Yang, Gia Lai                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3384 | 38         | Gia Lai     | 03            | Huyện Mang Yang  | 041       | Trường THCS&THPT Kpă Klong                      | Xã Kon Thup, H. Mang Yang, Gia Lai                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3385 | 38         | Gia Lai     | 03            | Huyện Mang Yang  | 067       | TT DN&GDTX Mang Yang                            | ITr. Kon Dong, H. Mang Yang, Gia Lai                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3386 | 38         | Gia Lai     | 03            | Huyện Mang Yang  | 092       | TT GDNN-GDTX Mang Yang                          | ITr. Kon Dong, H. Mang Yang, Gia Lai                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3387 | 38         | Gia Lai     | 04            | Huyện KBang      | 010       | Trường THPT Lương Thế Vinh                      | ITr. KBang, H. KBang, Gia Lai                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3388 | 38         | Gia Lai     | 04            | Huyện KBang      | 040       | Trường THPT Anh hùng Núp                        | Xã Kông Long Khong, KBang, Gia Lai                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3389 | 38         | Gia Lai     | 04            | Huyện KBang      | 048       | TT DN&GDTX KBang                                | ITr. KBang, H. KBang, Gia Lai                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3390 | 38         | Gia Lai     | 04            | Huyện KBang      | 079       | TT GDNN-GDTX KBang                              | ITr. KBang, H. KBang, Gia Lai                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3391 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê    | 011       | Trường THPT Quang Trung                         | 27 Chu Văn An, Ph. An Phú, thị xã An Khê, Gia Lai                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3392 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê    | 012       | Trường THPT Nguyễn Khuyến                       | 194 Quang Trung, Ph. An Phú, thị xã An Khê, Gia Lai                        | Khu vực 1 | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                       | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3393 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê   | 028       | TT GDTX An Khê                           | Ph. Tây Sơn, thị xã An Khê, Gia Lai                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3394 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê   | 031       | Trường THPT Nguyễn Trãi                  | Đường Lê Thị Hồng Gấm, Ph. An Bình, thị xã An Khê, Gia Lai    | Khu vực 1 | Không       |
| 3395 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê   | 058       | Trường TC nghề An Khê                    | Ph. An Phú, thị xã An Khê, Gia Lai.                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3396 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê   | 074       | Trường THPT Dân tộc Nội trú Đồng Gia Lai | Ph. An Tân, TX An Khê, Gia Lai                                | Khu vực 1 | Có          |
| 3397 | 38         | Gia Lai     | 05            | Thị xã An Khê   | 093       | TT GDNN-GDTX An Khê                      | 39 Hoàng Hoa Thám, Ph. Tây Sơn, thị xã An Khê, Gia Lai        | Khu vực 1 | Không       |
| 3398 | 38         | Gia Lai     | 06            | Huyện Kông Chro | 013       | Trường THPT Hà Huy Tập                   | ITr. Kông Chro, H. Kông Chro, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3399 | 38         | Gia Lai     | 06            | Huyện Kông Chro | 049       | TT GDTX Kông Chro                        | ITr. Kông Chro, H. Kông Chro, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3400 | 38         | Gia Lai     | 06            | Huyện Kông Chro | 089       | TT GDNN-GDTX Kông Chro                   | ITr. Kông Chro, H. Kông Chro, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3401 | 38         | Gia Lai     | 07            | Huyện Đức Cơ    | 014       | Trường THPT Lê Hoàn                      | ITr. Chư Ty, H. Đức Cơ, Gia Lai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3402 | 38         | Gia Lai     | 07            | Huyện Đức Cơ    | 038       | Trường THPT Nguyễn Trường Tộ             | Xã Ia Nan, H. Đức Cơ, Gia Lai                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3403 | 38         | Gia Lai     | 07            | Huyện Đức Cơ    | 050       | TT GDTX Đức Cơ                           | Số 04 Hai Bà Trưng, TTr. Chư Ty, H. Đức Cơ, Gia Lai           | Khu vực 1 | Không       |
| 3404 | 38         | Gia Lai     | 07            | Huyện Đức Cơ    | 063       | Trường THPT Tôn Đức Thắng                | Xã Ia Din, H. Đức Cơ, Gia Lai                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3405 | 38         | Gia Lai     | 07            | Huyện Đức Cơ    | 078       | TT GDNN-GDTX Đức Cơ                      | Số 04 Hai Bà Trưng, TTr. Chư Ty, H. Đức Cơ, Gia Lai           | Khu vực 1 | Không       |
| 3406 | 38         | Gia Lai     | 08            | Huyện Chư Prông | 015       | Trường THPT Lê Quý Đôn                   | ITr. Chư Prông, H. Chư Prông, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3407 | 38         | Gia Lai     | 08            | Huyện Chư Prông | 030       | Trường THPT Trần Phú                     | Xã Thăng Hưng, H. Chư Prông, Gia Lai.                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3408 | 38         | Gia Lai     | 08            | Huyện Chư Prông | 051       | TT DN&GDTX Chư Prông                     | ITr. Chư Prông, H. Chư Prông, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3409 | 38         | Gia Lai     | 08            | Huyện Chư Prông | 065       | Trường THPT Pleime                       | Xã Ia Ga, H. Chư Prông, Gia Lai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3410 | 38         | Gia Lai     | 08            | Huyện Chư Prông | 084       | TT GDNN-GDTX Chư Prông                   | ITr. Chư Prông, H. Chư Prông, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3411 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 016       | Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm            | 06 Phan Đình Phùng, TTr. Chư Sê, H. Chư Sê, Gia Lai           | Khu vực 1 | Không       |
| 3412 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 024       | TT GDTX Chư Sê                           | Xã Ia Pal, H. Chư Sê, Gia Lai                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3413 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 039       | Trường THPT Trường Chinh                 | Thôn Thanh Bình, TTr. Chư Sê, Gia Lai                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3414 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 044       | Trường THCS, THPT Nguyễn Văn Cừ          | Xã Bờ Ngoong, H. Chư Sê, Gia Lai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3415 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 077       | Trường THPT Trần Cao Vân                 | Xã Ia Hlốp, H. Chư Sê, Gia Lai                                | Khu vực 1 | Không       |
| 3416 | 38         | Gia Lai     | 09            | Huyện Chư Sê    | 085       | TT GDNN-GDTX Chư Sê                      | Xã Ia Pal, H. Chư Sê, Gia Lai                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3417 | 38         | Gia Lai     | 10            | Thị xã Ayun Pa  | 017       | Trường THPT Lê Thánh Tông                | 70 Nguyễn Huệ, thị xã Ayun Pa, Gia Lai                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3418 | 38         | Gia Lai     | 10            | Thị xã Ayun Pa  | 027       | TT GDTX Ayun Pa                          | 71 Nguyễn Huệ, Ph. Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, Gia Lai          | Khu vực 1 | Không       |
| 3419 | 38         | Gia Lai     | 10            | Thị xã Ayun Pa  | 037       | Trường THPT Lý Thường Kiệt               | 48 Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, Gia Lai | Khu vực 1 | Không       |
| 3420 | 38         | Gia Lai     | 10            | Thị xã Ayun Pa  | 059       | Trường TC nghề Ayun Pa                   | Ph. Đoàn kết, thị xã Ayun Pa, Gia Lai.                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3421 | 38         | Gia Lai     | 10            | Thị xã Ayun Pa  | 081       | TT GDNN-GDTX Ayun Pa                     | 71B Nguyễn Huệ, Ph. Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, Gia Lai         | Khu vực 1 | Không       |
| 3422 | 38         | Gia Lai     | 11            | Huyện Krông Pa  | 019       | Trường THPT Chu Văn An                   | ITr. Phú Túc, H. Krông Pa, Gia Lai                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3423 | 38         | Gia Lai     | 11            | Huyện Krông Pa  | 029       | Trường THPT Nguyễn Du                    | Xã Ia Srom, H. Krông Pa, Gia Lai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3424 | 38         | Gia Lai     | 11            | Huyện Krông Pa  | 046       | Trường THPT Đinh Tiên Hoàng              | Xã Ia Dreh, H. Krông Pa, Gia Lai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3425 | 38         | Gia Lai     | 11            | Huyện Krông Pa  | 052       | TT GDTX Krông Pa                         | ITr. Phú Túc, H. Krông Pa, Gia Lai                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3426 | 38         | Gia Lai     | 11            | Huyện Krông Pa  | 088       | TT GDNN-GDTX Krông Pa                    | ITr. Phú Túc, H. Krông Pa, Gia Lai                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3427 | 38         | Gia Lai     | 12            | Huyện Ia Grai   | 020       | Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng             | ITr. Ia Kha, H. Ia Grai, Gia Lai                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3428 | 38         | Gia Lai     | 12            | Huyện Ia Grai   | 021       | Trường THPT Phạm Văn Đồng                | Xã Ia Sao, H. Ia Grai, Gia Lai                                | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3429 | 38         | Gia Lai     | 12            | Huyện Ia Grai          | 068       | TT DN&GDTX Ia Grai               | 01 Hùng Vương, TTr. Ia Kha, H. Ia Grai, Gia Lai             | Khu vực 1 | Không       |
| 3430 | 38         | Gia Lai     | 12            | Huyện Ia Grai          | 075       | Trường THPT A Sanh               | Xã Ia Krăi, H. Ia Grai, Gia Lai                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3431 | 38         | Gia Lai     | 12            | Huyện Ia Grai          | 091       | TT GDNN-GDTX Ia Grai             | 01 Hùng Vương, TTr. Ia Kha, H. Ia Grai, Gia Lai             | Khu vực 1 | Không       |
| 3432 | 38         | Gia Lai     | 13            | Huyện Đak Đoa          | 022       | Trường THPT Nguyễn Huệ           | 154 Nguyễn Huệ, TTr. Đak Đoa, H. Đak Đoa, Gia Lai           | Khu vực 1 | Không       |
| 3433 | 38         | Gia Lai     | 13            | Huyện Đak Đoa          | 035       | Trường THPT Lê Hồng Phong        | Xã Nam Yang, H. Đak Đoa, Gia Lai                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3434 | 38         | Gia Lai     | 13            | Huyện Đak Đoa          | 053       | TT GDTX Đak Đoa                  | ITr. Đak Đoa, H. Đak Đoa, Gia Lai                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3435 | 38         | Gia Lai     | 13            | Huyện Đak Đoa          | 064       | Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai | Xã A Dơk, H. Đak Đoa, Gia Lai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3436 | 38         | Gia Lai     | 13            | Huyện Đak Đoa          | 082       | TT GDNN-GDTX Đak Đoa             | ITr. Đak Đoa, H. Đak Đoa, Gia Lai                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3437 | 38         | Gia Lai     | 14            | Huyện Ia Pa            | 033       | Trường THPT Nguyễn Tất Thành     | Xã Ia Mron, H. Ia Pa, Gia Lai.                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3438 | 38         | Gia Lai     | 14            | Huyện Ia Pa            | 036       | Trường THPT Phan Chu Trinh       | Xã Ia Tul, H. Ia Pa, Gia Lai                                | Khu vực 1 | Không       |
| 3439 | 38         | Gia Lai     | 14            | Huyện Ia Pa            | 056       | TT GDTX-HN Ia Pa                 | ITr. Ia Pa, H. Ia Pa, Gia Lai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3440 | 38         | Gia Lai     | 14            | Huyện Ia Pa            | 083       | TT GDNN-GDTX Ia Pa               | ITr. Ia Pa, H. Ia Pa, Gia Lai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3441 | 38         | Gia Lai     | 15            | Huyện Đak Pơ           | 045       | Trường THPT Y Đôn                | ITr. Đak Pơ, H. Đak Pơ, Gia Lai                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3442 | 38         | Gia Lai     | 15            | Huyện Đak Pơ           | 054       | TT GDTX Đak Pơ                   | ITr. Đak Pơ, H. Đak Pơ, Gia Lai                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3443 | 38         | Gia Lai     | 15            | Huyện Đak Pơ           | 090       | TT GDNN-GDTX Đak Pơ              | ITr. Đak Pơ, H. Đak Pơ, Gia Lai                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3444 | 38         | Gia Lai     | 15            | Huyện Đak Pơ           | 096       | Trường THCS&THPT Y Đôn           | Số 94 đường Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đak Pơ, huyện Đak Pơ | Khu vực 1 | Không       |
| 3445 | 38         | Gia Lai     | 16            | Huyện Phú Thiện        | 018       | Trường THPT Trần Quốc Tuấn       | ITr. Phú Thiện, H. Phú Thiện, Gia Lai                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3446 | 38         | Gia Lai     | 16            | Huyện Phú Thiện        | 055       | TT GDTX Phú Thiện                | ITr. Phú Thiện, H. Phú Thiện, Gia Lai                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3447 | 38         | Gia Lai     | 16            | Huyện Phú Thiện        | 057       | Trường THPT Võ Văn Kiệt          | Xã Ia Piar, H. Phú Thiện, Gia Lai.                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3448 | 38         | Gia Lai     | 16            | Huyện Phú Thiện        | 087       | TT GDNN-GDTX Phú Thiện           | ITr. Phú Thiện, H. Phú Thiện, Gia Lai                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3449 | 38         | Gia Lai     | 17            | Huyện Chư Pưh          | 032       | Trường THPT Nguyễn Thái Học      | ITr. Nhon Hòa, H. Chư Pưh, Gia Lai.                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3450 | 38         | Gia Lai     | 17            | Huyện Chư Pưh          | 066       | TT GDTX-HN Chư Pưh               | ITr. Nhon Hòa, H. Chư Pưh, Gia Lai                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3451 | 38         | Gia Lai     | 17            | Huyện Chư Pưh          | 086       | TT GDNN-GDTX Chư Pưh             | ITr. Nhon Hòa, H. Chư Pưh, Gia Lai                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3452 | 39         | Phú Yên     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 39              |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 3453 | 39         | Phú Yên     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 39    |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 3454 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 001       | THPT Nguyễn Huệ                  | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3455 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 003       | PT Dân tộc nội trú tỉnh          | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 1 | Có          |
| 3456 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 004       | Phổ thông Duy Tân                | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3457 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 005       | THPT Chuyên Lương Văn Chánh      | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3458 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 007       | THPT Ngô Gia Tự                  | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3459 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 017       | THPT Nguyễn Trãi                 | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3460 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 018       | THPT Nguyễn Trường Tộ            | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3461 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 019       | THPT tư thực Nguyễn Bình Khiêm   | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3462 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 022       | Trung tâm GDTX tỉnh              | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3463 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 031       | Trung tâm KTTH-HN tỉnh           | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3464 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 032       | Cao đẳng nghề Phú Yên            | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3465 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 036       | Đại học Xây dựng Miền Trung      | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3466 | 39         | Phú Yên     | 01            | Thành phố Tuy Hòa      | 043       | Cao đẳng Công thương Miền Trung  | Thành phố Tuy Hòa                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3467 | 39         | Phú Yên     | 02            | Huyện Đồng Xuân        | 014       | THPT Lê Lợi                      | Thị trấn La Hai, Đồng Xuân                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3468 | 39         | Phú Yên     | 02            | Huyện Đồng Xuân        | 027       | THPT Nguyễn Thái Bình            | Xã Xuân Phước, H. Đồng Xuân                                 | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                                       | Địa Chỉ                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------|-------------|
| 3469 | 39         | Phú Yên     | 02            | Huyện Đồng Xuân | 028       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Đồng Xuân                     | Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân     | Khu vực 1    | Không       |
| 3470 | 39         | Phú Yên     | 02            | Huyện Đồng Xuân | 042       | THCS và THPT Chu Văn An                                          | Xã Xuân Lãnh, H. Đồng Xuân        | Khu vực 1    | Không       |
| 3471 | 39         | Phú Yên     | 02            | Huyện Đồng Xuân | 048       | THPT Lê Lợi                                                      | Thị trấn La Hai, H. Đồng Xuân     | Khu vực 1    | Không       |
| 3472 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 012       | THPT Phan Đình Phùng                                             | Phường Xuân Phú , thị xã Sông Cầu | Khu vực 2    | Không       |
| 3473 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 013       | THPT Phan Chu Trinh                                              | Xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu     | Khu vực 1    | Không       |
| 3474 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 035       | THCS và THPT Nguyễn Khuyến                                       | Phường Xuân Đài, thị xã Sông Cầu  | Khu vực 2    | Không       |
| 3475 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 039       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX Tx.Sông Cầu                      | Xã Xuân Phương , thị xã Sông Cầu  | Khu vực 1    | Không       |
| 3476 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 046       | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp                                      | Xuân Cảnh, Tx Sông Cầu            | Khu vực 1    | Không       |
| 3477 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 050       | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp                                      | Xã Xuân Cảnh, Thị xã Sông Cầu     | Khu vực 1    | Không       |
| 3478 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 054       | THPT Phan Chu Trinh                                              | Xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu     | Khu vực 2    | Không       |
| 3479 | 39         | Phú Yên     | 03            | Thị Xã Sông Cầu | 055       | THCS và THPT Võ Nguyên Giáp (Từ 25/01/2017 đến trước 01/01/2020) | Xã Xuân Cảnh, Thị xã Sông Cầu     | Khu vực 2    | Không       |
| 3480 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 010       | THPT Lê Thành Phương                                             | An Mỹ, Tuy An                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3481 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 011       | THPT Trần Phú                                                    | Thị Trấn Chí Thạnh, H. Tuy An     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3482 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 025       | THCS và THPT Võ Thị Sáu                                          | Xã An Ninh Tây, H. Tuy An         | Khu vực 1    | Không       |
| 3483 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 034       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Tuy An                        | Thị trấn Chí Thạnh, H. Tuy An     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3484 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 041       | THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân                                    | Xã An Định, H. Tuy An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3485 | 39         | Phú Yên     | 04            | Huyện Tuy An    | 051       | THPT Lê Thành Phương                                             | Xã An Mỹ, H. Tuy An               | Khu vực 1    | Không       |
| 3486 | 39         | Phú Yên     | 05            | Huyện Sơn Hòa   | 015       | THPT Phan Bội Châu                                               | Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa     | Khu vực 1    | Không       |
| 3487 | 39         | Phú Yên     | 05            | Huyện Sơn Hòa   | 026       | Trường Trung cấp nghề thanh niên dân tộc Phú Yên                 | Xã Suối Bạc, H. Sơn Hòa           | Khu vực 1    | Không       |
| 3488 | 39         | Phú Yên     | 05            | Huyện Sơn Hòa   | 040       | THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc                                      | Xã Sơn Long, H. Sơn Hòa           | Khu vực 1    | Không       |
| 3489 | 39         | Phú Yên     | 05            | Huyện Sơn Hòa   | 049       | Trung tâm GDTX-HN H. Sơn Hòa                                     | Thị trấn Củng Sơn, H. Sơn Hòa     | Khu vực 1    | Không       |
| 3490 | 39         | Phú Yên     | 06            | Huyện Sông Hinh | 016       | THPT Nguyễn Du                                                   | Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh  | Khu vực 1    | Không       |
| 3491 | 39         | Phú Yên     | 06            | Huyện Sông Hinh | 033       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H.Sông Hinh                      | Thị trấn Hai Riêng, H. Sông Hinh  | Khu vực 1    | Không       |
| 3492 | 39         | Phú Yên     | 06            | Huyện Sông Hinh | 038       | THPT Tôn Đức Thắng                                               | Xã Eabar, H. Sông Hinh            | Khu vực 1    | Không       |
| 3493 | 39         | Phú Yên     | 06            | Huyện Sông Hinh | 045       | THCS và THPT Võ Văn Kiệt                                         | Xã Sơn Giang, H. Sông Hinh        | Khu vực 1    | Không       |
| 3494 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 030       | THPT DL Lê Thánh Tôn                                             | Xã Hòa Xuân Đông, H. Đông Hòa     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3495 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 052       | THPT Nguyễn Văn Linh                                             | Xã Hòa Hiệp Nam, H.. Đông Hoà     | Khu vực 1    | Không       |
| 3496 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 056       | THPT Lê Trung Kiên                                               | Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3497 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 057       | THPT Nguyễn Công Trứ                                             | Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3498 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 058       | THPT Nguyễn Văn Linh                                             | Xã Hòa Hiệp Trung, H. Đông Hoà    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3499 | 39         | Phú Yên     | 07            | H. Đông Hòa     | 059       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Đông Hòa                      | Thị trấn Hòa Vinh, H. Đông Hòa    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3500 | 39         | Phú Yên     | 08            | Huyện Phú Hòa   | 002       | THPT Trần Quốc Tuấn                                              | Xã Hòa Định Đông, H. Phú Hòa      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3501 | 39         | Phú Yên     | 08            | Huyện Phú Hòa   | 024       | THPT Trần Bình Trọng                                             | Xã Hòa Thắng , H. Phú Hòa         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3502 | 39         | Phú Yên     | 08            | Huyện Phú Hòa   | 029       | THPT Trần Suyền                                                  | Xã Hòa Trị , H. Phú Hòa           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3503 | 39         | Phú Yên     | 08            | Huyện Phú Hòa   | 044       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Phú Hòa                       | Xã Hòa Thắng, H. Phú Hòa          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3504 | 39         | Phú Yên     | 09            | Huyện Tây Hòa   | 008       | THPT Lê Hồng Phong                                               | Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3505 | 39         | Phú Yên     | 09            | Huyện Tây Hòa   | 009       | THPT Phạm Văn Đồng                                               | Xã Hòa Phú, H. Tây Hòa            | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện          | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                                 | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------|-----------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3506 | 39         | Phú Yên     | 09            | Huyện Tây Hòa           | 021       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                    | Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3507 | 39         | Phú Yên     | 09            | Huyện Tây Hòa           | 047       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX H. Tây Hòa   | Thị trấn Phú Thứ, H. Tây Hòa                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3508 | 39         | Phú Yên     | 09            | Huyện Tây Hòa           | 053       | Cấp 2-3 Sơn Thành                            | Sơn Thành Tây, H. Tây Hòa                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3509 | 39         | Phú Yên     | 10            | TX Đông Hòa             | 006       | THPT Lê Trung Kiên                           | Phường Hòa Vinh, TX. Đông Hòa                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 3510 | 39         | Phú Yên     | 10            | TX Đông Hòa             | 020       | THPT Nguyễn Công Trứ                         | Phường Hòa Vinh, TX. Đông Hòa                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 3511 | 39         | Phú Yên     | 10            | TX Đông Hòa             | 023       | Trung tâm GD Nghề nghiệp - GDTX TX. Đông Hòa | Phường Hòa Vinh, TX. Đông Hòa                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 3512 | 39         | Phú Yên     | 10            | TX Đông Hòa             | 037       | THPT Nguyễn Văn Linh                         | P. Hòa Hiệp Trung, TX. Đông Hòa                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 3513 | 40         | Đắk Lắk     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo  | 800       | Học ở nước ngoài_40                          |                                                                         | Khu vực 3    | Không       |
| 3514 | 40         | Đắk Lắk     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo  | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ_40                |                                                                         | Khu vực 3    | Không       |
| 3515 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 000       | Sở GDĐT Đắk Lắk                              | Số 8, Nguyễn Tất Thành, Tp. Buôn Ma Thuột                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3516 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 002       | THPT Buôn Ma Thuột                           | Số 57, Bà Triệu, Tp. Buôn Ma Thuột                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 3517 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 003       | THPT Chu Văn An                              | Số 249, Phan Bội Châu, Tp. Buôn Ma Thuột                                | Khu vực 1    | Không       |
| 3518 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 005       | THPT Trần Phú                                | Km12, QL14, xã Hòa Phú, Tp Buôn Ma Thuột                                | Khu vực 1    | Không       |
| 3519 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 006       | THPT DTNT Nơ Trang Long                      | Số 694/26 Võ Văn Kiệt, phường Khánh Xuân, Tp. Buôn Ma Thuột             | Khu vực 1    | Có          |
| 3520 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 007       | TT GDTX Tinh                                 | Số 1A, Lê Hồng Phong, Tp. Buôn Ma Thuột                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3521 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 022       | THPT Hồng Đức                                | Số 3, Lê Hồng Phong, Tp. Buôn Ma Thuột                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 3522 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 024       | THPT Chuyên Nguyễn Du                        | Đường Trương Quang Giao, phường Tân An, tp Buôn Ma Thuột                | Khu vực 1    | Không       |
| 3523 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 025       | THPT Cao Bá Quát                             | Km 9, Quốc lộ 14, Ea Tu, Tp Buôn Ma Thuột                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3524 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 040       | THPT Lê Quý Đôn                              | Số 27, Trần Nhật Duật, Tp. Buôn Ma Thuột                                | Khu vực 1    | Không       |
| 3525 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 045       | TT GDNN - GDTX Buôn Ma Thuột                 | Số 2, Nguyễn Hữu Thọ, Tp. Buôn Ma Thuột                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3526 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 047       | CD Kỹ thuật Đắk Lắk                          | TP Buôn Ma Thuột                                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3527 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 048       | CD Công nghệ Tây Nguyên                      | TP Buôn Ma Thuột                                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3528 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 049       | THPT Phú Xuân                                | Số 8, Nguyễn Hữu Thọ, Tp. Buôn Ma Thuột                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3529 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 055       | TC Kinh tế Kỹ thuật Đắk Lắk                  | TP Buôn Ma Thuột                                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3530 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 056       | Trường VHNT Đắk Lắk                          | TP Buôn Ma Thuột                                                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3531 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 057       | Trường Văn Hóa III                           | Km 6, Quốc lộ 26, Tp Buôn Ma Thuột                                      | Khu vực 1    | Không       |
| 3532 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 058       | THPT DTNT Tây Nguyên                         | Đường Thủ Khoa Huân, Tổ 38, Khối 4, phường Thành Nhất, tp Buôn Ma Thuột | Khu vực 1    | Có          |
| 3533 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 059       | THPT Thực hành Cao Nguyên                    | Số 567 Lê Duẩn, thành phố Buôn Ma Thuột                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3534 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 062       | THPT Lê Duẩn                                 | Số 129, Phan Huy Chú, Tp. Buôn Ma Thuột                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3535 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 064       | Trường năng khiếu Thể dục Thể thao           | Thành phố Buôn Ma Thuột                                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3536 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 074       | THCS và THPT Đông Du                         | Hẻm 32 Phạm Hùng, phường Tân An, tp Buôn Ma Thuột                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3537 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 076       | Trường TCSP Mầm non Đắk Lắk                  | Số 10 Nguyễn Tất Thành, Tp. Buôn Ma Thuột                               | Khu vực 1    | Không       |
| 3538 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 077       | Trường Trung cấp Đam San                     | Số 300 Hà Huy Tập, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột               | Khu vực 1    | Không       |
| 3539 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 078       | Trường Trung cấp Đắk Lắk                     | Số 01 Đinh Tiên Hoàng, phường Tự An, Thành phố Buôn Ma Thuột            | Khu vực 1    | Không       |
| 3540 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 079       | Trường Trung cấp Tây Nguyên                  | Số 298 Phan Chu Trinh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột           | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện          | Mã Trường | Tên Trường                                  | Địa Chỉ                                                         | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------|-----------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3541 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 080       | Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Đắk Lắk | 144 Phan Chu Trinh, phường Tân Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột     | Khu vực 1 | Không       |
| 3542 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 081       | Trường Trung cấp Trường Sơn                 | Phan Chu Trinh, phường Thắng Lợi, Thành phố Buôn Ma Thuột       | Khu vực 1 | Không       |
| 3543 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 082       | Trường Trung cấp Luật Buôn Ma Thuột         | Tổ Dân phố 8, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột            | Khu vực 1 | Không       |
| 3544 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 085       | Trường TH, THCS và THPT Hoàng Việt          | Số 42 Phạm Hùng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột               | Khu vực 1 | Không       |
| 3545 | 40         | Đắk Lắk     | 01            | Thành phố Buôn Ma Thuột | 086       | Trường TH, THCS và THPT Victory             | Số 1A, Lê Hồng Phong, Tp. Buôn Ma Thuột                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3546 | 40         | Đắk Lắk     | 02            | Huyện Ea H'Leo          | 019       | THPT Ea H'leo                               | Số 31, Điện Biên Phủ, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo         | Khu vực 1 | Không       |
| 3547 | 40         | Đắk Lắk     | 02            | Huyện Ea H'Leo          | 033       | TT GDNN - GDTX Ea H'Leo                     | Số 02 Lý Thường Kiệt, thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo         | Khu vực 1 | Không       |
| 3548 | 40         | Đắk Lắk     | 02            | Huyện Ea H'Leo          | 050       | THPT Phan Chu Trinh                         | Km 92, Quốc lộ 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3549 | 40         | Đắk Lắk     | 02            | Huyện Ea H'Leo          | 066       | THPT Trường Chinh                           | Thôn 2, xã Dlie Yang, huyện Ea H'Leo                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3550 | 40         | Đắk Lắk     | 02            | Huyện Ea H'Leo          | 084       | THPT Võ Văn Kiệt                            | Xã Ea Khăl, huyện Ea H'leo                                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3551 | 40         | Đắk Lắk     | 03            | Huyện Krông Buk         | 061       | THPT Nguyễn Văn Cừ                          | Xã Cừ Né, huyện Krông Buk                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3552 | 40         | Đắk Lắk     | 03            | Huyện Krông Buk         | 065       | THPT Phan Đăng Lưu                          | Xã Pong Drang, huyện Krông Buk                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3553 | 40         | Đắk Lắk     | 04            | Huyện Krông Năng        | 014       | THPT Phan Bội Châu                          | Số 112, đường Hùng Vương, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng | Khu vực 1 | Không       |
| 3554 | 40         | Đắk Lắk     | 04            | Huyện Krông Năng        | 034       | TT GDNN - GDTX Krông Năng                   | Khối 5, thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3555 | 40         | Đắk Lắk     | 04            | Huyện Krông Năng        | 052       | THPT Lý Tự Trọng                            | Xã Phú Xuân, huyện Krông Năng                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3556 | 40         | Đắk Lắk     | 04            | Huyện Krông Năng        | 060       | THPT Nguyễn Huệ                             | Xã Ea Toh, huyện Krông Năng                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3557 | 40         | Đắk Lắk     | 04            | Huyện Krông Năng        | 075       | THPT Tôn Đức Thắng                          | Xã Tam Giang, huyện Krông Năng                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3558 | 40         | Đắk Lắk     | 05            | Huyện Ea Súp            | 021       | THPT Ea Sup                                 | Số 09 Chu Văn An, thị trấn Ea Sup, huyện Ea Sup                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3559 | 40         | Đắk Lắk     | 05            | Huyện Ea Súp            | 054       | TT GDNN - GDTX Ea Súp                       | Số 72, Hùng Vương, thị trấn Ea Sup, huyện Ea Sup                | Khu vực 1 | Không       |
| 3560 | 40         | Đắk Lắk     | 05            | Huyện Ea Súp            | 072       | THPT Ea Rók                                 | Thôn 7, xã Ea Rók, huyện Ea Sup                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3561 | 40         | Đắk Lắk     | 06            | Huyện Cư M'gar          | 011       | THPT Cư M'Gar                               | Số 10, Lê Quý Đôn, thị trấn Quảng phú, huyện Cư M'gar           | Khu vực 1 | Không       |
| 3562 | 40         | Đắk Lắk     | 06            | Huyện Cư M'gar          | 023       | THPT Nguyễn Trãi                            | Km9, QL14, xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3563 | 40         | Đắk Lắk     | 06            | Huyện Cư M'gar          | 032       | TT GDNN - GDTX Cư M'Gar                     | Số 04 Phù Đồng, thị trấn Quảng phú, huyện Cư M'gar              | Khu vực 1 | Không       |
| 3564 | 40         | Đắk Lắk     | 06            | Huyện Cư M'gar          | 038       | THPT Lê Hữu Trác                            | Số 47 Lê Hữu Trác, thị trấn Quảng Phú, huyện Cư M'gar           | Khu vực 1 | Không       |
| 3565 | 40         | Đắk Lắk     | 06            | Huyện Cư M'gar          | 067       | THPT Trần Quang Khải                        | Xã Ea H'Ding, huyện Cư M'gar                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3566 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 004       | THPT Quang Trung                            | Km14, QL26, xã Hòa Đông, huyện Krông Pắc                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3567 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 008       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                      | Xã Ea Yông, huyện Krông Pắc                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3568 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 009       | THPT Lê Hồng Phong                          | Xã Ea Phê, huyện Krông Pắc                                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3569 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 026       | THPT Phan Đình Phùng                        | Thôn 6a, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3570 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 029       | TT GDNN - GDTX Krông Pắc                    | Số 180 Giải Phóng, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc           | Khu vực 1 | Không       |
| 3571 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc         | 036       | THPT Nguyễn Công Trứ                        | Số 436 - Giải Phóng, Khối 2, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3572 | 40         | Đắk Lắk     | 07            | Huyện Krông Pắc        | 063       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                    | Thôn 4, xã Tân Tiến, huyện Krông Pắc                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3573 | 40         | Đắk Lắk     | 08            | Huyện Ea Kar           | 015       | THPT Ngô Gia Tự                              | Km 52, Quốc lộ 26, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar        | Khu vực 1 | Không       |
| 3574 | 40         | Đắk Lắk     | 08            | Huyện Ea Kar           | 016       | THPT Trần Quốc Toàn                          | Km 62, Quốc lộ 26, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar       | Khu vực 1 | Không       |
| 3575 | 40         | Đắk Lắk     | 08            | Huyện Ea Kar           | 039       | THPT Trần Nhân Tông                          | Km 59, Quốc lộ 26, xã Ea Dar, huyện Ea Kar              | Khu vực 1 | Không       |
| 3576 | 40         | Đắk Lắk     | 08            | Huyện Ea Kar           | 042       | TT GDTX Ea Kar                               | Khối 1, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3577 | 40         | Đắk Lắk     | 08            | Huyện Ea Kar           | 068       | THPT Nguyễn Thái Bình                        | Thôn 5, xã Cư Ni, huyện Ea Kar                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3578 | 40         | Đắk Lắk     | 09            | Huyện M'Drăk           | 018       | THPT Nguyễn Tất Thành                        | Khối 10, thị trấn M'Drăk, huyện M'Drăk                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3579 | 40         | Đắk Lắk     | 09            | Huyện M'Drăk           | 041       | TT GDNN - GDTX M'Drăk                        | Xã Cư Mta, huyện M'Drăk                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3580 | 40         | Đắk Lắk     | 09            | Huyện M'Drăk           | 051       | THPT Nguyễn Trường Tộ                        | Xã Ea Riêng, huyện M'Drăk                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3581 | 40         | Đắk Lắk     | 10            | Huyện Krông Ana        | 012       | THPT Krông Ana                               | Số 61, Chu Văn An, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana  | Khu vực 1 | Không       |
| 3582 | 40         | Đắk Lắk     | 10            | Huyện Krông Ana        | 028       | TT GDTX Krông Ana                            | Số 49 Chu Văn An, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana   | Khu vực 1 | Không       |
| 3583 | 40         | Đắk Lắk     | 10            | Huyện Krông Ana        | 046       | THPT Hùng Vương                              | Số 222, Hùng Vương, thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana | Khu vực 1 | Không       |
| 3584 | 40         | Đắk Lắk     | 10            | Huyện Krông Ana        | 071       | THPT Phạm Văn Đồng                           | Thôn Tân Tiến, xã Ea Na, huyện Krông Ana                | Khu vực 1 | Không       |
| 3585 | 40         | Đắk Lắk     | 11            | Huyện Krông Bông       | 017       | THPT Krông Bông                              | Số 02, Nam Cao, Thị trấn Krông Kmar, Huyện Krông Bông   | Khu vực 1 | Không       |
| 3586 | 40         | Đắk Lắk     | 11            | Huyện Krông Bông       | 044       | TT GDNN - GDTX Krông Bông                    | Thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3587 | 40         | Đắk Lắk     | 11            | Huyện Krông Bông       | 073       | THPT Trần Hưng Đạo                           | Xã Cư Drăm, huyện Krông Bông                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3588 | 40         | Đắk Lắk     | 12            | Huyện Lắk              | 020       | THPT Lắk                                     | Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3589 | 40         | Đắk Lắk     | 12            | Huyện Lắk              | 031       | TT GDTX Lắk                                  | Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3590 | 40         | Đắk Lắk     | 12            | Huyện Lắk              | 083       | THPT Nguyễn Chí Thanh                        | Xã Krông Nô, huyện Lắk                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3591 | 40         | Đắk Lắk     | 13            | Huyện Buôn Đôn         | 027       | THPT Buôn Đôn                                | Xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3592 | 40         | Đắk Lắk     | 13            | Huyện Buôn Đôn         | 053       | TT GDNN - GDTX Buôn Đôn                      | Thôn Hà Bắc, Xã Ea Wer, huyện Buôn Đôn                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3593 | 40         | Đắk Lắk     | 13            | Huyện Buôn Đôn         | 069       | THPT Trần Đại Nghĩa                          | Thôn 4, xã Courknia, huyện Buôn Đôn                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3594 | 40         | Đắk Lắk     | 14            | Huyện Cư Kuin          | 013       | THPT Việt Đức                                | Km12, QL27, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3595 | 40         | Đắk Lắk     | 14            | Huyện Cư Kuin          | 037       | THPT Y Jut                                   | Thôn 4, xã Ea Bhok, huyện Cư Kuin                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3596 | 40         | Đắk Lắk     | 14            | Huyện Cư Kuin          | 070       | TT GDNN - GDTX Cư Kuin                       | Xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3597 | 40         | Đắk Lắk     | 15            | Thị Xã Buôn Hồ         | 010       | THPT Buôn Hồ                                 | Số 19, Quang Trung, Tx Buôn Hồ                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3598 | 40         | Đắk Lắk     | 15            | Thị Xã Buôn Hồ         | 030       | TT GDNN - GDTX Buôn Hồ                       | Số 59 Lê Duẩn, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ            | Khu vực 1 | Không       |
| 3599 | 40         | Đắk Lắk     | 15            | Thị Xã Buôn Hồ         | 035       | THPT Hai Bà Trưng                            | Đường Nguyễn Huy Tưởng, phường Thiện An, Tx Buôn Hồ     | Khu vực 1 | Không       |
| 3600 | 40         | Đắk Lắk     | 15            | Thị Xã Buôn Hồ         | 043       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                        | Phường Thông Nhất, Tx Buôn Hồ                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3601 | 41         | Khánh Hoà   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_ 41                         |                                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 3602 | 41         | Khánh Hoà   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_ 41               |                                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 3603 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 001       | Cao đẳng nghề Nha Trang                      | 32 Trần Phú, Vĩnh Nguyên, Nha Trang                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3604 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 002       | Trung cấp Kinh tế Khánh Hòa                  | Số 3 Nguyễn Đình Chiểu, Đồng Đế, Nha Trang              | Khu vực 2 | Không       |
| 3605 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 003       | THPT Phạm Văn Đồng                           | 05 Trường Sơn                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3606 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 005       | Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang | Xã Phước Đồng                                           | Khu vực 2 | Không       |
| 3607 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 015       | THPT Lý Tự Trọng                             | Số 07 Lý Tự Trọng, Phường Lộc Thọ, Nha Trang            | Khu vực 2 | Không       |
| 3608 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang    | 016       | THPT Nguyễn Văn Trỗi                         | Số 32 Hàn Thuyên, Nha Trang                             | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3609 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 017       | THPT chuyên Lê Quý Đôn                   | Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Xã Phước Đồng                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3610 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 018       | THPT Hà Huy Tập                          | Xã Vĩnh Thạnh, Thành phố Nha Trang                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3611 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 019       | THPT Hoàng Văn Thụ                       | Số 02 Hòn Chồng, Phường Vĩnh Phước, Nha Trang                         | Khu vực 2    | Không       |
| 3612 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 020       | THPT BC Nguyễn Trường Tộ                 | Số 02 Hòn Chồng, Phường Vĩnh Phước, Nha Trang                         | Khu vực 2    | Không       |
| 3613 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 021       | THCS&THPT iSchool Nha Trang              | Số 25 Hai Bà Trưng, Phường Xương Huân, Nha Trang                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3614 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 022       | THPT Nguyễn Thiện Thuật                  | Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phước Hòa, Nha Trang                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3615 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 023       | THPT Lê Thánh Tôn                        | Số 10, đường Phước Long, Phường Vĩnh Nguyên, Nha Trang                | Khu vực 1    | Không       |
| 3616 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 031       | THPT Hermann Gmeiner                     | Số 11 Đường Nguyễn Quyền, Phường Vĩnh Hải, Nha Trang                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3617 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 032       | KTTH-HN tỉnh Khánh Hòa                   | 52 Lê Thành Phương, Nha Trang                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 3618 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 034       | GDTX&HN Nha Trang                        | Số 84 Sinh Trung, Nha Trang                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 3619 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 039       | Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Khánh Hòa | Số 02, đường Hòn Chồng, Phường Vĩnh Phước, Nha Trang                  | Khu vực 2    | Có          |
| 3620 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 050       | Cao đẳng nghề Quốc tế Nam Việt           | Thôn Phước Thượng, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang                 | Khu vực 2    | Không       |
| 3621 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 053       | Trung cấp nghề Nha Trang                 | Số 39, Điện Biên Phủ, Thành phố Nha Trang                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3622 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 054       | Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương (APC)     | Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Sông Lô, Phước Hạ, Xã Phước Đồng, Nha Trang  | Khu vực 2    | Không       |
| 3623 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 055       | Quốc Tế Hoàn Cầu Nha Trang               | Phước Hạ, Phước Đồng, Nha Trang                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3624 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 057       | THPT Đại Việt                            | Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3625 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 058       | Trung cấp KTKT Trần Đại Nghĩa            | 84 Sinh Trung, Nha Trang                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3626 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 059       | Trường dự bị ĐH Dân tộc TW Nha Trang     | 46 Nguyễn Thiện Thuật, Nha Trang                                      | Khu vực 2    | Có          |
| 3627 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 061       | THPT Hà Huy Tập (Hệ GDTX)                | Xã Vĩnh Thạnh, Thành phố Nha Trang                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3628 | 41         | Khánh Hoà   | 01            | Thành phố Nha Trang | 063       | TH, THCS&THPT Quốc tế Việt Nam Singapore | Đường A1, Khu dân cư Vĩnh Diêm Trung, xã Vĩnh Hiệp                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3629 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 009       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                    | Thị trấn Vạn Giã, Huyện Vạn Ninh                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3630 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 010       | THPT Tô Văn Ôn                           | Xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh                                          | Khu vực 1    | Không       |
| 3631 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 011       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai                | Tổ dân phố số 8, 183 Lý Thường Kiệt, Thị trấn Vạn Giã, Huyện Vạn Ninh | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3632 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 037       | GDTX&HN Vạn Ninh                         | Thị trấn Vạn Giã, Huyện Vạn Ninh                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3633 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 048       | THPT Lê Hồng Phong                       | Xã Vạn Hưng, Huyện Vạn Ninh                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3634 | 41         | Khánh Hoà   | 02            | Huyện Vạn Ninh      | 056       | Trung cấp nghề Vạn Ninh                  | Thôn Tân Đức Đông, Xã Vạn Lương, Huyện Vạn Ninh                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3635 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 012       | THPT Nguyễn Trãi                         | Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hoà                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3636 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 013       | THPT Trần Quý Cáp                        | Phường Ninh Diêm, Thị xã Ninh Hoà                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3637 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 014       | THPT Trần Cao Vân                        | Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hoà                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3638 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 033       | GDTX&HN Ninh Hoà                         | 469 Trần Quý Cáp, Phường Ninh Hiệp, Thị xã Ninh Hoà                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3639 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 038       | THPT Nguyễn Chí Thanh                    | Thôn Đại Cát, xã Ninh Phụng, Thị xã Ninh Hoà                          | Khu vực 2    | Không       |
| 3640 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa     | 045       | THPT Tôn Đức Thắng                       | Thôn Mỹ Lợi, xã Ninh Lộc, Thị xã Ninh Hoà                             | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                      | Địa Chỉ                                                      | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3641 | 41         | Khánh Hoà   | 03            | Thị xã Ninh Hòa        | 051       | Trung cấp nghề Ninh Hòa         | Quốc lộ 1A Bắc Phường Ninh Hiệp Thị xã Ninh Hòa              | Khu vực 2    | Không       |
| 3642 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 024       | THPT Hoàng Hoa Thám             | Khóm Phú Lộc Đông, Thị trấn Diên Khánh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3643 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 025       | THPT Lê Lợi                     | Xã Diên An, Huyện Diên Khánh                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3644 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 026       | THPT Nguyễn Bình Khiêm          | Xã Diên Lạc, Huyện Diên Khánh                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3645 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 035       | GDTX&HN Diên Khánh              | Thị trấn Diên Khánh, Huyện Diên Khánh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3646 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 043       | THPT Nguyễn Thái Học            | Phước Tuy, Xã Diên Phước, Huyện Diên Khánh                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3647 | 41         | Khánh Hoà   | 04            | Huyện Diên Khánh       | 062       | Trung cấp nghề Diên Khánh       | Thị trấn Diên Khánh                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3648 | 41         | Khánh Hoà   | 05            | Huyện Khánh Vĩnh       | 006       | Trung cấp nghề DTNT Khánh Vĩnh  | Thị trấn Khánh Vĩnh                                          | Khu vực 1    | Không       |
| 3649 | 41         | Khánh Hoà   | 05            | Huyện Khánh Vĩnh       | 040       | THPT Lạc Long Quân              | Số 90, Đường Hùng Vương, Thị trấn Khánh Vĩnh                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3650 | 41         | Khánh Hoà   | 05            | Huyện Khánh Vĩnh       | 044       | GDTX&HN Khánh Vĩnh              | Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3651 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 028       | THPT Trần Hưng Đạo              | Số 386, đường 3/4, Cam Linh, Thành phố Cam Ranh              | Khu vực 2    | Không       |
| 3652 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 030       | THPT Phan Bội Châu              | Khóm I, Phường Cam Lộc, Thành phố Cam Ranh                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3653 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 036       | GDTX&HN Cam Ranh                | 135, Phan Chu Trinh, Cam lộc, Thành phố Cam Ranh             | Khu vực 2    | Không       |
| 3654 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 041       | THPT Ngô Gia Tự                 | Nguyễn Công Trứ, Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh               | Khu vực 2    | Không       |
| 3655 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 047       | THPT Ngô Gia Tự (Hệ GDTX)       | Nguyễn Công Trứ, Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh               | Khu vực 2    | Không       |
| 3656 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 052       | Trung cấp nghề Cam Ranh         | Số 137 Lê Hồng Phong, Phường Cam Lộc, Thành phố Cam Ranh     | Khu vực 2    | Không       |
| 3657 | 41         | Khánh Hoà   | 06            | Thành phố Cam Ranh     | 060       | THPT Thăng Long                 | 35B Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Cam Lộc, Thành phố Cam Ranh | Khu vực 2    | Không       |
| 3658 | 41         | Khánh Hoà   | 07            | Huyện Khánh Sơn        | 007       | GDTX&HN Khánh Sơn               | Thị trấn Tô Hạp, Huyện Khánh Sơn                             | Khu vực 1    | Không       |
| 3659 | 41         | Khánh Hoà   | 07            | Huyện Khánh Sơn        | 008       | Trung cấp nghề DTNT Khánh Sơn   | Thị trấn Tô Hạp                                              | Khu vực 1    | Không       |
| 3660 | 41         | Khánh Hoà   | 07            | Huyện Khánh Sơn        | 042       | THPT Khánh Sơn                  | đường Lê Duẩn, Thị trấn Tô Hạp, Khánh Sơn                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3661 | 41         | Khánh Hoà   | 09            | Huyện Cam Lâm          | 004       | Trung cấp nghề Cam Lâm          | Thôn Bãi Giếng 2                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3662 | 41         | Khánh Hoà   | 09            | Huyện Cam Lâm          | 027       | THPT Nguyễn Huệ                 | 100 Nguyễn Trãi, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3663 | 41         | Khánh Hoà   | 09            | Huyện Cam Lâm          | 029       | THPT Trần Bình Trọng            | Số 08, đường Trường Chinh, Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3664 | 41         | Khánh Hoà   | 09            | Huyện Cam Lâm          | 046       | GDTX&HN Cam Lâm                 | Thị trấn Cam Đức, Huyện Cam Lâm                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3665 | 41         | Khánh Hoà   | 09            | Huyện Cam Lâm          | 049       | THPT Đoàn Thị Điểm              | Tân Xương, xã Suối Cát, Huyện Cam Lâm                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3666 | 42         | Lâm Đồng    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 42             |                                                              | Khu vực 3    | Không       |
| 3667 | 42         | Lâm Đồng    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 42   |                                                              | Khu vực 3    | Không       |
| 3668 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 002       | THPT Trần Phú                   | 10 Trần Quang Diệu - Phường 10 - Đà Lạt - Lâm Đồng           | Khu vực 1    | Không       |
| 3669 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 003       | THPT Bùi Thị Xuân               | Số 242 Bùi Thị Xuân, phường 2, Đà Lạt                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3670 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 004       | THCS & THPT Chi Lăng - Đà Lạt   | Phường 9, Đà Lạt                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 3671 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 005       | THCS&THPT Xuân Trường           | Thôn Cầu Đất, xã Xuân Trường, Đà Lạt                         | Khu vực 1    | Không       |
| 3672 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 006       | THCS&THPT Đồng Đa               | Số 3 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 7, Đà Lạt                     | Khu vực 1    | Không       |
| 3673 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 007       | PT DTNT THPT Tinh               | Số 02 Huyền Trân Công Chúa, phường 5, Đà Lạt                 | Khu vực 1    | Có          |
| 3674 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt       | 008       | THPT Chuyên Thăng Long - Đà Lạt | Số 10 Trần Phú, phường 3, Đà Lạt                             | Khu vực 1    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                                                         | Địa Chỉ                                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3675 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 009       | THCS & THPT Nguyễn Du - Đà Lạt                                     | Phường 2, Đà Lạt                                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3676 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 010       | THPT Phù Đổng                                                      | 02 - Trần Khánh Dư - P8 - Đà Lạt                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3677 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 011       | THCS & THPT Tây Sơn - Đà Lạt                                       | P3 - Đà Lạt - Lâm Đồng                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3678 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 012       | PT Hermann Gmeiner - Đà Lạt                                        | 63- 65 Hùng Vương - P9 - Đà lạt - Lâm Đồng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3679 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 013       | THPT DL Phù Đổng                                                   | 11 Lý Nam Đế - phường 8 - Đà lạt - Lâm Đồng                | Khu vực 1 | Không       |
| 3680 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 039       | Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Lâm Đồng tại thành phố Đà Lạt | 01 Lương Thế Vinh - P3 - Đà Lạt - Lâm Đồng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3681 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 070       | Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Lâm Đồng                        | 39 Trần Phú - Phường 4 - Đà Lạt                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3682 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 077       | THCS & THPT Tà Nung - Đà Lạt                                       | Tổ 8 - Thôn 5 - Xã Tà Nung - Đà Lạt-Lâm Đồng               | Khu vực 1 | Không       |
| 3683 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 078       | THPT Yersin - Đà Lạt                                               | 27 Tôn Thất Tùng - Phường 8 - Đà Lạt-Lâm Đồng              | Khu vực 1 | Không       |
| 3684 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 088       | CD Y tế Lâm Đồng                                                   | 16 Ngô Quyền - Phường 6 - Đà Lạt                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3685 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 089       | Cao đẳng nghề Du lịch Đà Lạt                                       | Km 5 đường Cam Ly - Thôn Măng Lin - Phường 7 - Đà Lạt      | Khu vực 1 | Không       |
| 3686 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 091       | Phân hiệu TC Văn thư lưu trữ TW                                    | 109 Lý Thường Kiệt - Phường 9 - Đà Lạt                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3687 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 095       | Cao đẳng nghề Đà Lạt                                               | 01 Hoàng Văn Thụ - Phường 4 - Đà Lạt                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3688 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 097       | Cao đẳng sư phạm Đà Lạt                                            | 29 Yersin - Phường 10 - Đà Lạt                             | Khu vực 1 | Không       |
| 3689 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 108       | Trung tâm GDTX Đà Lạt                                              | 01 Lương Thế Vinh - P3 - Đà Lạt                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3690 | 42         | Lâm Đồng    | 01            | Thành phố Đà Lạt  | 112       | Trường Trung cấp Du lịch Đà Lạt                                    | 10 - Lý Tự Trọng - Phường 2 - Đà Lạt                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3691 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 026       | THPT Bảo Lộc                                                       | Số 101 - Lê Hồng Phong - Phường 1 - Bảo Lộc - Lâm Đồng     | Khu vực 1 | Không       |
| 3692 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 027       | THPT Lộc Thanh                                                     | Số 149- Lê Lợi -Xã Lộc Thanh - Bảo Lộc- Lâm Đồng           | Khu vực 1 | Không       |
| 3693 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 028       | Dân lập Lê Lợi - Bảo Lộc                                           | Tp. Bảo Lộc - Lâm Đồng                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3694 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 040       | Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lâm Đồng                           | 37 Phan Đình Phùng - phường 2 - Bảo Lộc - Lâm Đồng         | Khu vực 1 | Không       |
| 3695 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 045       | THPT Nguyễn Du - Bảo Lộc                                           | 245 Nguyễn Công Trứ - Phường 2 - Bảo Lộc - Lâm Đồng        | Khu vực 1 | Không       |
| 3696 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 046       | THPT Lê Thị Pha - Bảo Lộc                                          | Thôn 1 - Đại Lào - Bảo Lộc - Lâm Đồng                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3697 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 047       | THPT Nguyễn Tri Phương - Bảo Lộc                                   | 1223 đường Trần Phú - Phường Lộc Tiến - Bảo Lộc - Lâm Đồng | Khu vực 1 | Không       |
| 3698 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 063       | THPT Bá Thiên                                                      | 74 Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, Bảo Lộc                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3699 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 071       | THPT Lộc Phát - Bảo Lộc                                            | 390 Nguyễn Văn Cừ - Phường Lộc Phát - Bảo Lộc - Lâm Đồng   | Khu vực 1 | Không       |
| 3700 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 083       | THPT TT Duy Tân - Bảo Lộc                                          | Tp. Bảo Lộc - Lâm Đồng                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3701 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 087       | TC Nghề Bảo Lộc                                                    | 53 Đào Duy Từ                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3702 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 092       | CD Công nghệ & Kinh tế Bảo Lộc                                     | 454 Trần Phú - Phường 2 - Bảo Lộc                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3703 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 093       | THPT Chuyên Bảo Lộc                                                | 05 - Quang Trung - Phường 2 - Bảo Lộc - Lâm Đồng           | Khu vực 1 | Không       |
| 3704 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 123       | Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương                                     | 74 Huỳnh Thúc Kháng                                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3705 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 135       | TH, THCS và THPT Quốc tế Châu Á Thái Bình Dương Bảo Lộc            | 192 Huỳnh Thúc Kháng, Phường II, Bảo Lộc                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3706 | 42         | Lâm Đồng    | 02            | Thành phố Bảo Lộc | 137       | Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bảo Lộc                              | 37 Phan Đình Phùng                                         | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                     | Địa Chỉ                                                                    | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3707 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 018       | THPT Đức Trọng                                 | Tổ 8 - Quốc lộ 20 - Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng             | Khu vực 1 | Không       |
| 3708 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 019       | THPT Lương Thế Vinh - Đức Trọng                | Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3709 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 050       | THPT Chu Văn An                                | Quốc lộ 20, Thôn Quảng Hiệp, Xã Hiệp Thạnh, Huyện Đức Trọng - Lâm Đồng     | Khu vực 1 | Không       |
| 3710 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 051       | THPT Nguyễn Bình Khiêm - Đức Trọng             | Thôn Đà Lâm - xã Đà Loan - Đức Trọng - Lâm Đồng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3711 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 052       | THPT Nguyễn Thái Bình - Đức Trọng              | Xã Phú Hội - Đức Trọng - Lâm Đồng                                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3712 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 064       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đức Trọng | Lê Hồng Phong - Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3713 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 072       | THPT Hoàng Hoa Thám - Đức Trọng                | Thôn Thái Sơn - Xã NThôn Hạ - Đức Trọng - Lâm Đồng                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3714 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 090       | TC KT-KT Quốc Việt                             | Tổ 62 - Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng                                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3715 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 101       | Trung tâm KTTH-HN Đức Trọng                    | Lê Hồng Phong - Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3716 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 115       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Trọng (+)        | Lê Hồng Phong - Thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3717 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 126       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                         | Thôn Đà Lâm                                                                | Khu vực 1 | Không       |
| 3718 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 127       | THPT Hoàng Hoa Thám                            | Thôn Thái Sơn                                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3719 | 42         | Lâm Đồng    | 03            | Huyện Đức Trọng | 136       | THPT Hoàng Hoa Thám                            | NThôn Hạ                                                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3720 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 020       | THPT Hòa Ninh                                  | Thôn 14 - Xã Hòa Ninh - Di Linh                                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3721 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 021       | THPT Di Linh                                   | Lương Thế Vinh - Tổ 16 - Thị trấn Di Linh - Di Linh - Lâm Đồng             | Khu vực 1 | Không       |
| 3722 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 022       | THPT Phan Bội Châu                             | Phan Bội Châu - Tổ 9 - Thị trấn Di Linh - Di Linh - Lâm Đồng               | Khu vực 1 | Không       |
| 3723 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 041       | THPT Lê Hồng Phong - Di Linh                   | Km số 17 - Thôn 1 - Xã Hoà Ninh - Di Linh, Lâm Đồng                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3724 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 056       | THPT Nguyễn Viết Xuân - Di Linh                | Thôn 7 - Gia Hiệp - Di Linh - Lâm Đồng                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3725 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 065       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Di Linh   | 02 Võ Thị Sáu - Tổ dân phố 3 - Thị trấn Di Linh - Di Linh                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3726 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 073       | THPT Nguyễn Huệ - Di Linh                      | Thôn 5 - Xã Tân Lâm - Di Linh - Lâm Đồng                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3727 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 081       | THPT Trường Chinh                              | Thôn 14 - Xã Hòa Ninh - Di Linh - Lâm Đồng                                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3728 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 104       | Trung tâm KTTH-HN Di Linh                      | 02 Võ Thị Sáu - Tổ dân phố 3 - Thị trấn Di Linh - Di Linh                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3729 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 116       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Di Linh (+)          | 02 Võ Thị Sáu - Tổ dân phố 3 - Thị trấn Di Linh - Di Linh - Lâm Đồng       | Khu vực 1 | Không       |
| 3730 | 42         | Lâm Đồng    | 04            | Huyện Di Linh   | 128       | THPT Nguyễn Huệ                                | Thôn 5                                                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3731 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 014       | THPT Hùng Vương - Đơn Dương                    | 33 Nguyễn Huệ - tổ dân phố 1 - thị trấn D'ran - Đơn Dương - Lâm Đồng       | Khu vực 1 | Không       |
| 3732 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 015       | THPT Đơn Dương                                 | Số 01-Chu Văn An - Thị trấn Thạnh Mỹ - Đơn Dương- Lâm Đồng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3733 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 016       | THPT Ngô Gia Tự - Đơn Dương                    | Số 77 - Nguyễn Trãi - Tổ dân phố 3 - Thị trấn D'ran - Đơn Dương - Lâm Đồng | Khu vực 1 | Không       |
| 3734 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 055       | THPT Pró - Đơn Dương                           | Xã Pró - Đơn Dương - Lâm Đồng                                              | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                                                         | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3735 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 060       | THPT Lê Lợi - Đơn Dương                            | Số 83, đường 2/4, thị trấn Thanh Mỹ, Đơn Dương                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3736 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 066       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đơn Dương     | 05 Lý Tự Trọng - Thị trấn Thanh Mỹ - Đơn Dương                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3737 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 102       | Trung tâm KTTH-HN Đơn Dương                        | 05 Lý Tự Trọng - Thị trấn Thanh Mỹ - Đơn Dương                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3738 | 42         | Lâm Đồng    | 05            | Huyện Đơn Dương | 119       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đơn Dương (+)            | 05 Lý Tự Trọng - Thị trấn Thanh Mỹ - Đơn Dương - Lâm Đồng                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3739 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 017       | THPT Bán trú Lang Biang - Lạc Dương                | Khu phố Đăng Lèn - Thị trấn Lạc Dương - Lạc Dương                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3740 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 053       | THPT Lang Biang - Lạc Dương                        | Khu phố Đăng Lèn - Thị trấn Lạc Dương - Huyện Lạc Dương - tỉnh Lâm Đồng         | Khu vực 1 | Không       |
| 3741 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 074       | THCS & THPT Đa Sar                                 | Thôn 1 - Xã Đa Sar - Lạc Dương - Lâm Đồng                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3742 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 085       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Lạc Dương     | 142 đường Lang Biang - Thị trấn Lạc Dương - Lạc Dương                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3743 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 109       | Trung tâm GDTX-KTTH-HN Lạc Dương                   | 142 đường Lang Biang - Thị trấn Lạc Dương - Lạc Dương                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3744 | 42         | Lâm Đồng    | 06            | Huyện Lạc Dương | 121       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Lạc Dương (+)            | 142 đường Lang Biang - Thị trấn Lạc Dương - Lạc Dương - Lâm Đồng                | Khu vực 1 | Không       |
| 3745 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 030       | THPT Đa Huoai                                      | Số 79 - đường Trần Phú - Tổ dân phố 7 - Thị trấn Madaguoi - Đa Huoai - Lâm Đồng | Khu vực 1 | Không       |
| 3746 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 042       | THPT thị trấn Đạm Ri                               | Tổ dân phố 2 - Thị trấn Đạm Ri - Đa Huoai - Lâm Đồng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3747 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 067       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đa Huoai      | 11 Nguyễn Thái Học - Thị trấn Madaguoi - Đa Huoai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3748 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 105       | Trung tâm KTTH-HN Đa Huoai                         | 11 Nguyễn Thái Học - Thị trấn Madaguoi - Đa Huoai                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3749 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 120       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đa Huoai (+)             | 11 Nguyễn Thái Học - Thị trấn Madaguoi - Đa Huoai - Lâm Đồng                    | Khu vực 1 | Không       |
| 3750 | 42         | Lâm Đồng    | 07            | Huyện Đa Huoai  | 124       | THPT Đa Huoai                                      | 79 Trần Phú                                                                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3751 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 032       | THPT Đa Tềh                                        | Tổ dân phố 6A - Đường 30/4 - Thị trấn Đa Tềh - Đa Tềh - Lâm Đồng                | Khu vực 1 | Không       |
| 3752 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 062       | THPT Lê Quý Đôn - Đa Tềh                           | Thôn Hòa Bình                                                                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3753 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 068       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đa Tềh        | 89 Quang Trung - Thị trấn Đa Tềh - Đa Tềh                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3754 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 082       | THPT TT Nguyễn Khuyến - Đa Tềh                     | Thị trấn Đa Tềh - Lâm Đồng                                                      | Khu vực 1 | Không       |
| 3755 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 084       | THCS & THPT DTNT Liên huyện phía Nam               | Khu phố 5C - Thị trấn Đa Tềh - Đa Tềh - Lâm Đồng                                | Khu vực 1 | Có          |
| 3756 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 106       | Trung tâm KTTH-HN Đa Tềh                           | 89 Quang Trung - Thị trấn Đa Tềh - Đa Tềh                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3757 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 117       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đa Tềh (+)               | 89 Quang Trung - Thị trấn Đa Tềh - Đa Tềh - Lâm Đồng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3758 | 42         | Lâm Đồng    | 08            | Huyện Đa Tềh    | 134       | PTDTNT THCS&THPT Liên huyện phía Nam tỉnh Lâm Đồng | KP 5C, Thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Terh, Lâm Đồng                                 | Khu vực 1 | Có          |
| 3759 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên  | 034       | THPT Cát Tiên                                      | Tổ dân phố 1 - Thị trấn Cát Tiên - Cát Tiên - Lâm Đồng                          | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3760 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 044       | THPT Gia Viễn                                 | Thôn Trán Phú - Xã Gia Viễn - Cát Tiên - Lâm Đồng           | Khu vực 1 | Không       |
| 3761 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 057       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Cát Tiên | Tổ dân phố 13, thị trấn Cát Tiên, huyện Cát Tiên            | Khu vực 1 | Không       |
| 3762 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 059       | THPT Quang Trung - Cát Tiên                   | Xã Phước Cát 1, huyện Cát Tiên                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3763 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 107       | Trung tâm GDTX Cát Tiên                       | Tổ dân phố 13, Thị trấn Cát Tiên - Cát Tiên                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3764 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 113       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cát Tiên (+)        | Tổ dân phố 13, Thị trấn Cát Tiên - Cát Tiên - Lâm Đồng      | Khu vực 1 | Không       |
| 3765 | 42         | Lâm Đồng    | 09            | Huyện Cát Tiên         | 125       | THPT Quang Trung                              | TDP 6                                                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3766 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 036       | THPT Lâm Hà                                   | Tổ dân phố Yên Bình - Thị trấn Đình Văn - Lâm Hà - Lâm Đồng | Khu vực 1 | Không       |
| 3767 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 037       | THPT Thăng Long - Lâm Hà                      | Khu Ba Đình II - Thị trấn Nam Ban - Lâm Hà - Lâm Đồng       | Khu vực 1 | Không       |
| 3768 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 043       | THPT Tân Hà - Lâm Hà                          | Xã Tân Hà - Lâm Hà - Lâm Đồng                               | Khu vực 1 | Không       |
| 3769 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 061       | THPT Lê Quý Đôn - Lâm Hà                      | 731 Hùng Vương, Sê Nhắc, Đình Văn, Lâm Hà                   | Khu vực 1 | Không       |
| 3770 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 069       | Trung Tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Lâm Hà   | Thị trấn Đình Văn - Lâm Hà                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3771 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 079       | THPT Huỳnh Thúc Kháng - Lâm Hà                | Thôn Vinh Quang - Xã Hoài Đức - Lâm Hà - Lâm Đồng           | Khu vực 1 | Không       |
| 3772 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 103       | Trung tâm KTTH-HN Lâm Hà                      | Thị trấn Đình Văn - Lâm Hà                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3773 | 42         | Lâm Đồng    | 10            | Huyện Lâm Hà           | 118       | Trung Tâm GDNN-GDTX huyện Lâm Hà (+)          | Thị trấn Đình Văn - Lâm Hà - Lâm Đồng                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3774 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 024       | THPT Bảo Lâm                                  | Tổ 8 - Thị trấn Lộc Thắng - Bảo Lâm - Lâm Đồng              | Khu vực 1 | Không       |
| 3775 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 048       | THPT Lộc Thành                                | Thôn 11 - Xã Lộc Thành - Bảo Lâm - Lâm Đồng                 | Khu vực 1 | Không       |
| 3776 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 049       | THPT Lộc An - Bảo Lâm                         | Thôn 3 - Xã Lộc An - Bảo Lâm - Lâm Đồng                     | Khu vực 1 | Không       |
| 3777 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 058       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Bảo Lâm  | Tổ 8, thị trấn Lộc Thắng, Bảo Lâm                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3778 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 080       | THCS & THPT Lộc Bắc - Bảo Lâm                 | Thôn 1 - Xã Lộc Bảo - Huyện Bảo Lâm - tỉnh Lâm Đồng         | Khu vực 1 | Không       |
| 3779 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 111       | Trung tâm GDTX Bảo Lâm                        | Tổ 8- Thị trấn Lộc Thắng - Bảo Lâm                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3780 | 42         | Lâm Đồng    | 11            | Huyện Bảo Lâm          | 114       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bảo Lâm (+)         | Tổ 8- Thị trấn Lộc Thắng - Bảo Lâm - Lâm Đồng               | Khu vực 1 | Không       |
| 3781 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 054       | THPT Đa Tông                                  | Xã Đa Tông - Đam Rông - Lâm Đồng                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3782 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 076       | THPT Nguyễn Chí Thanh                         | Xã Phi Liêng - Đam Rông - Lâm Đồng                          | Khu vực 1 | Không       |
| 3783 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 086       | Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp huyện Đam Rông | Số 01, xã Rô Men, huyện Đam Rông                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3784 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 094       | THPT Phan Đình Phùng - Đam Rông               | Thôn Tân Tiến - Xã Đa Rsal - Đam Rông - Lâm Đồng            | Khu vực 1 | Không       |
| 3785 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 110       | Trung tâm GDTX-KTTH-HN Đam Rông               | Huyện Đam Rông                                              | Khu vực 1 | Không       |
| 3786 | 42         | Lâm Đồng    | 12            | Huyện Đam Rông         | 122       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đam Rông (+)        | Số 01, xã Rô Men, huyện Đam Rông, Lâm Đồng                  | Khu vực 1 | Không       |
| 3787 | 43         | Bình Phước  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 43                           |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 3788 | 43         | Bình Phước  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 43                 |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 3789 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài    | 001       | THPT Đồng Xoài                                | QL14, P. Tân Bình, Đồng Xoài, Bình Phước                    | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|--------------------------------------|---------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3790 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài | 002       | THPT Nguyễn Du                       | P Tân Phú, TX Đồng Xoài, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3791 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài | 003       | THPT Chuyên Quang Trung              | QL14, P Tiên Thành, Đồng Xoài, Bình Phước   | Khu vực 1    | Không       |
| 3792 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài | 004       | PTDTNT THPT tỉnh Bình Phước          | QL14, P. Tân Bình, TX Đồng Xoài, Bình Phước | Khu vực 1    | Có          |
| 3793 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài | 005       | THPT Hùng Vương                      | P. Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Bình Phước       | Khu vực 1    | Không       |
| 3794 | 43         | Bình Phước  | 01            | Thành phố Đồng Xoài | 006       | Trung tâm GDTX tỉnh Bình Phước       | P. Tân Phú, TX. Đồng Xoài, Bình Phước       | Khu vực 1    | Không       |
| 3795 | 43         | Bình Phước  | 02            | Huyện Đồng Phú      | 007       | THPT Đồng Phú                        | ITr. Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước          | Khu vực 1    | Không       |
| 3796 | 43         | Bình Phước  | 02            | Huyện Đồng Phú      | 008       | THCS & THPT Đồng Tiến                | Xã Đồng Tiến, Đồng Phú, Bình Phước          | Khu vực 1    | Không       |
| 3797 | 43         | Bình Phước  | 02            | Huyện Đồng Phú      | 009       | Trung tâm GDNN-GDTX Đồng Phú         | IT Tân Phú, Đồng Phú, Bình Phước            | Khu vực 1    | Không       |
| 3798 | 43         | Bình Phước  | 03            | Huyện Chơn Thành    | 010       | THPT Chơn Thành                      | ITr. Chơn Thành, Bình Phước                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3799 | 43         | Bình Phước  | 03            | Huyện Chơn Thành    | 011       | THPT Chu Văn An                      | ITr. Chơn Thành, Chơn Thành Bình Phước      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3800 | 43         | Bình Phước  | 03            | Huyện Chơn Thành    | 012       | THCS & THPT Nguyễn Bình Khiêm        | Xã Nha Bích, Chơn Thành, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3801 | 43         | Bình Phước  | 03            | Huyện Chơn Thành    | 013       | Trung tâm GDNN&GDTX Chơn Thành       | IT Chơn Thành, Chơn Thành, Bình Phước       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3802 | 43         | Bình Phước  | 03            | Huyện Chơn Thành    | 014       | Cao đẳng nghề Bình Phước             | Xã Thành Tâm, Chơn Thành, Bình Phước        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3803 | 43         | Bình Phước  | 04            | Thị xã Bình Long    | 015       | THPT Thị xã Bình Long                | P.Hưng Chiên, TX Bình Long, Bình Phước      | Khu vực 1    | Không       |
| 3804 | 43         | Bình Phước  | 04            | Thị xã Bình Long    | 016       | THPT Nguyễn Huệ                      | P. An Lộc, TX. Bình Long, Bình Phước        | Khu vực 1    | Không       |
| 3805 | 43         | Bình Phước  | 04            | Thị xã Bình Long    | 017       | Trung tâm GDNN&GDTX Bình Long        | P. An Lộc, TX. Bình Long, Bình Phước        | Khu vực 1    | Không       |
| 3806 | 43         | Bình Phước  | 04            | Thị xã Bình Long    | 042       | THPT chuyên Bình Long                | P. Hưng Chiên, Thị xã Bình Long, Bình Phước | Khu vực 1    | Không       |
| 3807 | 43         | Bình Phước  | 05            | Huyện Lộc Ninh      | 018       | THPT Lộc Ninh                        | ITr. Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3808 | 43         | Bình Phước  | 05            | Huyện Lộc Ninh      | 019       | THPT Lộc Thái                        | Xã Lộc Thái, Lộc Ninh, Bình Phước           | Khu vực 1    | Không       |
| 3809 | 43         | Bình Phước  | 05            | Huyện Lộc Ninh      | 020       | THPT Lộc Hiệp                        | Xã Lộc Hiệp, Lộc Ninh, Bình Phước           | Khu vực 1    | Không       |
| 3810 | 43         | Bình Phước  | 05            | Huyện Lộc Ninh      | 021       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Lộc Ninh | ITr. Lộc Ninh, Lộc Ninh, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3811 | 43         | Bình Phước  | 06            | Huyện Bù Đốp        | 022       | THPT Thanh Hòa                       | ITr. Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3812 | 43         | Bình Phước  | 06            | Huyện Bù Đốp        | 023       | THCS & THPT Tân Tiến                 | Xã Tân Tiến, Bù Đốp, Bình Phước             | Khu vực 1    | Không       |
| 3813 | 43         | Bình Phước  | 06            | Huyện Bù Đốp        | 024       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Bù Đốp   | IT Thanh Bình, Thanh Hòa, Bù Đốp            | Khu vực 1    | Không       |
| 3814 | 43         | Bình Phước  | 07            | Thị xã Phước Long   | 025       | THPT Thị xã Phước Long               | P. Long Thủy, TX. Phước Long, Bình Phước    | Khu vực 1    | Không       |
| 3815 | 43         | Bình Phước  | 07            | Thị xã Phước Long   | 026       | THPT Phước Bình                      | P. Long Phước, TX. Phước Long, Bình Phước   | Khu vực 1    | Không       |
| 3816 | 43         | Bình Phước  | 07            | Thị xã Phước Long   | 027       | Trung tâm GDNN-GDTX Phước Long       | P. Long Thủy, TX. Phước Long, Bình Phước    | Khu vực 1    | Không       |
| 3817 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 028       | THPT Bù Đăng                         | ITr. Đức Phong, Bù Đăng, Bình Phước         | Khu vực 1    | Không       |
| 3818 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 029       | THPT Lê Quý Đôn                      | Xã Đức Liêu, Bù Đăng, Bình Phước            | Khu vực 1    | Không       |
| 3819 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 030       | THPT Thống Nhất                      | Xã Thống Nhất, Bù Đăng, Bình Phước          | Khu vực 1    | Không       |
| 3820 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 031       | THCS & THPT Lương Thê Vinh           | Xã Bom Bo, Bù Đăng, Bình Phước              | Khu vực 1    | Không       |
| 3821 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 032       | THCS & THPT Đăng Hà                  | Xã Đăng Hà, Bù Đăng, Bù Đốp                 | Khu vực 1    | Không       |
| 3822 | 43         | Bình Phước  | 08            | Huyện Bù Đăng       | 033       | Trung tâm GDNN-GDTX Bù Đăng          | IT Đức Phong, Bù Đăng, Bình Phước           | Khu vực 1    | Không       |
| 3823 | 43         | Bình Phước  | 09            | Huyện Hớn Quản      | 034       | THPT Nguyễn Hữu Cảnh                 | IT Tân Khai, Hớn Quản, Bình Phước           | Khu vực 1    | Không       |
| 3824 | 43         | Bình Phước  | 09            | Huyện Hớn Quản      | 035       | THPT Trần Phú                        | Xã Tân Hưng, Hớn Quản, Bình Phước           | Khu vực 1    | Không       |
| 3825 | 43         | Bình Phước  | 09            | Huyện Hớn Quản      | 044       | Trung tâm GDNN-GDTX Hớn Quản         | IT Tân Khai, Hớn Quản                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3826 | 43         | Bình Phước  | 10            | Huyện Bù Gia Mập    | 036       | THPT Đắc O                           | Xã Đắc O, Bù Gia Mập, Bình Phước            | Khu vực 1    | Không       |
| 3827 | 43         | Bình Phước  | 10            | Huyện Bù Gia Mập    | 037       | THPT Đa Kía                          | Xã Đa Kía, Bù Gia Mập Bình Phước            | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                      | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 3828 | 43         | Bình Phước  | 10            | Huyện Bù Gia Mập       | 038       | THCS & THPT Võ Thị Sáu                                          | Xã Phú Nghĩa, Bù Gia Mập, Bình Phước                        | Khu vực 1 | Không       |
| 3829 | 43         | Bình Phước  | 10            | Huyện Bù Gia Mập       | 043       | PTDTNT THCS & THPT Bù Gia Mập                                   | Xã Phú Nghĩa, Bù Gia Mập, Bình Phước                        | Khu vực 1 | Có          |
| 3830 | 43         | Bình Phước  | 10            | Huyện Bù Gia Mập       | 045       | THCS & THPT Đắc Mai                                             | Xã Bù Gia Mập, Bù Gia Mập, Bình Phước                       | Khu vực 1 | Không       |
| 3831 | 43         | Bình Phước  | 11            | Huyện Phú Riềng        | 039       | THPT Phú Riềng                                                  | Xã Phú Riềng, Phú Riềng, Bình Phước                         | Khu vực 1 | Không       |
| 3832 | 43         | Bình Phước  | 11            | Huyện Phú Riềng        | 040       | THPT Nguyễn Khuyến                                              | Xã Bù Nho, Phú Riềng, Bình Phước                            | Khu vực 1 | Không       |
| 3833 | 43         | Bình Phước  | 11            | Huyện Phú Riềng        | 041       | THPT Ngô Quyền                                                  | Xã Long Hà, Phú Riềng, Bình Phước                           | Khu vực 1 | Không       |
| 3834 | 44         | Bình Dương  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_44                                             | Tầng 10, Tháp A, TT Hành chính Tỉnh Bình Dương              | Khu vực 3 | Không       |
| 3835 | 44         | Bình Dương  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ_44                                   | Tầng 10, Tháp A, TT Hành chính Tỉnh Bình Dương              | Khu vực 3 | Không       |
| 3836 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 000       | Sở Giáo dục và Đào tạo                                          | Tầng 10, Tháp A, TT Hành chính Tỉnh Bình Dương              | Khu vực 2 | Không       |
| 3837 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 001       | Trung tâm GDTX tỉnh Bình Dương                                  | 30 Tháng 4, p.Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một- BD                  | Khu vực 2 | Không       |
| 3838 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 002       | THPT chuyên Hùng Vương                                          | Đại lộ Bình Dương, Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, BD              | Khu vực 2 | Không       |
| 3839 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 003       | THPT Võ Minh Đức                                                | 30 Tháng 4, Chánh Nghĩa, TDM, BD                            | Khu vực 2 | Không       |
| 3840 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 004       | THPT An Mỹ                                                      | phường Phú Mỹ, Thủ Dầu Một, BD                              | Khu vực 2 | Không       |
| 3841 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 005       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                                          | ĐL Bình Dương, Hiệp Thành, Thủ Dầu Một, BD                  | Khu vực 2 | Không       |
| 3842 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 006       | Trung-Tiểu học PéTrus-Ký                                        | P. Hiệp Thành- Thủ Dầu Một - Bình Dương                     | Khu vực 2 | Không       |
| 3843 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 008       | THPT Bình Phú                                                   | P. Định Hòa , Thủ Dầu Một, Bình Dương                       | Khu vực 2 | Không       |
| 3844 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 035       | TH-THCS-THPT Ngô Thời Nhiệm                                     | P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, BD                             | Khu vực 2 | Không       |
| 3845 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 040       | TCN tỉnh Bình Dương                                             | Số 100, đường Hoàng Hoa Thám, Hiệp Thành, TP. Thủ           | Khu vực 2 | Không       |
| 3846 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 043       | TCN Việt Hàn Bình Dương                                         | Đại lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một,          | Khu vực 2 | Không       |
| 3847 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 045       | THCS-THPT Nguyễn Khuyến                                         | P. Hòa Phú , TP.Thủ Dầu Một                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 3848 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 047       | TCN Nghiệp vụ Bình Dương                                        | K1/A28, Hoàng Hoa Thám, Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Mộ          | Khu vực 2 | Không       |
| 3849 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 048       | TH-THCS-THPT Việt Anh                                           | Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một                          | Khu vực 2 | Không       |
| 3850 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 055       | Trung cấp Mỹ thuật-Văn hóa Bình Dương                           | 29 Bạch Đằng, P.Phú Cường, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương       | Khu vực 2 | Không       |
| 3851 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 056       | Trung cấp Nông lâm nghiệp Bình Dương                            | Phường Định Hòa, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương                 | Khu vực 2 | Không       |
| 3852 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 058       | Trung cấp Kinh tế - Công nghệ Đông Nam                          | 508 ĐL Bình Dương, P.Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương | Khu vực 2 | Không       |
| 3853 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 062       | Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương                           | P.Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương                    | Khu vực 2 | Không       |
| 3854 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 064       | Đại học Thủ Dầu Một                                             | 06 Trần Văn Ôn, Phú Hòa, Thủ Dầu Một, Bình Dương            | Khu vực 2 | Không       |
| 3855 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 067       | Đại học Bình Dương                                              | P. Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương             | Khu vực 2 | Không       |
| 3856 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 070       | Trung tâm GDTX-BDNV tỉnh Bình Dương (Từ 18/6/2019)              | 30 Tháng 4, p.Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một- BD                  | Khu vực 2 | Không       |
| 3857 | 44         | Bình Dương  | 01            | Thành phố Thủ Dầu Một  | 072       | Trung cấp Văn hóa Nghệ Thuật và Du lịch Bình Dương (Trước 2012) | Tp. Thủ Dầu Một                                             | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                          | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3858 | 44         | Bình Dương  | 02            | Thị xã Bến Cát  | 007       | TT GDNN-GDTH TX.Bến Cát                | Mỹ Phước , Bến Cát, Bình Dương                                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3859 | 44         | Bình Dương  | 02            | Thị xã Bến Cát  | 009       | THPT Bến Cát                           | Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương                                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3860 | 44         | Bình Dương  | 02            | Thị xã Bến Cát  | 010       | THPT Tây Nam                           | Xã Phú An , Bến Cát, Bình Dương                                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3861 | 44         | Bình Dương  | 02            | Thị xã Bến Cát  | 054       | Trung cấp Kinh tế Bình Dương           | Ấp 2, Tân Định, Bến Cát, Bình Dương                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3862 | 44         | Bình Dương  | 02            | Thị xã Bến Cát  | 065       | THPT Bán công Lê Quý Đôn               | Mỹ Phước, Bến Cát, Bình Dương                                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3863 | 44         | Bình Dương  | 03            | Thị xã Tân Uyên | 012       | TT GDNN-GDTH TX.Tân Uyên               | P. Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3864 | 44         | Bình Dương  | 03            | Thị xã Tân Uyên | 013       | THPT Huỳnh Văn Nghệ                    | P. Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3865 | 44         | Bình Dương  | 03            | Thị xã Tân Uyên | 014       | THPT Tân Phước Khánh                   | P. Tân Phước Khánh, Tân Uyên , BD                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3866 | 44         | Bình Dương  | 03            | Thị xã Tân Uyên | 015       | THPT Thái Hoà                          | P. Thái Hoà, Tân Uyên, Bình Dương                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3867 | 44         | Bình Dương  | 03            | Thị xã Tân Uyên | 044       | TCN Tân Uyên                           | Tân Uyên, Bình Dương                                                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3868 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 019       | TT GDNN-GDTH TX.Thuận An               | P. Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3869 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 020       | THPT Trịnh Hoài Đức                    | P. An Thạnh, Thuận An, Bình Dương                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3870 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 021       | THPT Nguyễn Trãi                       | P. Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3871 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 022       | THPT Trần Văn Ôn                       | P. Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3872 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 036       | CĐN Việt Nam - Singapore               | Đại lộ Bình Dương, Hoà Lân 2, Thuận Giao, Thuận An                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3873 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 041       | TCN KT và NV Công đoàn                 | Đường N2, Cụm sản xuất An Thạnh, TX. Thuận An, BD                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3874 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 049       | TH-THCS-THPT Đức Trí                   | P. Thuận Giao, TX.Thuận An                                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3875 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 059       | Trung cấp Công nghiệp Bình Dương       | Đường DT 743, KCN Sóng Thần, Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3876 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 060       | Trung cấp Tài chính Kế Toán Bình Dương | 102, Nguyễn Văn Tiết, Khu phố Đông Tư, Phường Lái Thiêu, TX Thuận An, Bình Dương | Khu vực 2    | Không       |
| 3877 | 44         | Bình Dương  | 04            | Thị xã Thuận An | 068       | Đại học Kinh tế Kỹ thuật Bình Dương    | 333 Đường Thuận Giao 16, P Thuận Giao, TX Thuận An, Tỉnh Bình Dương              | Khu vực 2    | Không       |
| 3878 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 023       | TT GDNN-GDTH TX.Dĩ An                  | P. Dĩ An, Dĩ An, Bình Dương                                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3879 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 024       | THPT Dĩ An                             | P. Dĩ An, Dĩ An, Bình Dương                                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3880 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 025       | THPT Nguyễn An Ninh                    | P. Dĩ An, Dĩ An, Bình Dương                                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3881 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 026       | THPT Bình An                           | P. Bình An, Dĩ An, Bình Dương                                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3882 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 037       | CĐN Đồng An                            | P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, BD                                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3883 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 038       | CĐN Công nghệ và NL Nam Bộ             | Quốc lộ 1K, ấp Nội Hoà, P. Bình An, TX. Dĩ An, BD                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3884 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 039       | Phân hiệu CĐN Đường sắt phía Nam       | Số 7, đường Lý Thường Kiệt, P. Dĩ An , TX. Dĩ An,                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3885 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 042       | TCN Dĩ An                              | TX. Dĩ An, Bình Dương                                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 3886 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 046       | TCN Khu Công nghiệp                    | Đường T, khu trung tâm hành chính Dĩ An, Dĩ An, BD                               | Khu vực 2    | Không       |
| 3887 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 050       | TH-THCS-THPT Phan Chu Trinh            | P. Dĩ An, TX. Dĩ An                                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3888 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 053       | THPT Hoàng Diệu                        | P. Dĩ An, TX. Dĩ An, Bình Dương                                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3889 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 061       | Trung cấp Bách Khoa Bình Dương         | Trạm khách A11, Đại Lộ độc Lập, khu công nghiệp Sóng Thần, TX Dĩ An, Bình Dương  | Khu vực 2    | Không       |
| 3890 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 069       | Tiểu học - THCS - THPT Việt Anh 2      | phố nhị đồng 2, Đường số 13, Dĩ An, Bình Dương                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 3891 | 44         | Bình Dương  | 05            | Thị xã Dĩ An    | 073       | THPT Bán Công Dĩ An (Trước 2005)       | Dĩ An, Bình Dương                                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 3892 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo  | 027       | TT GDNN-GDTH H.Phú Giáo                | IT Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương                                              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                 | Mã Trường | Tên Trường                                  | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------------------|-----------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3893 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo                 | 028       | THPT Phước Vĩnh                             | IT Phước Vĩnh, Phú Giáo, Bình Dương                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3894 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo                 | 029       | THPT Nguyễn Huệ                             | Xã Tân Hiệp, Phú Giáo, Bình Dương                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3895 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo                 | 030       | THPT Tây Sơn                                | Xã Tân Long, Phú Giáo, Bình Dương                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3896 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo                 | 051       | THPT Phước Hòa                              | Ấp 1B, Xã Phước Hòa, H.Phú Giáo                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3897 | 44         | Bình Dương  | 06            | Huyện Phú Giáo                 | 057       | Trung cấp Kỹ thuật Phú Giáo                 | Khu phố II, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, Bình Dương | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3898 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 031       | TT GDNN-GDTX H.Dầu Tiếng                    | IT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng, Bình Dương                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3899 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 032       | THPT Dầu Tiếng                              | IT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng, Bình Dương                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3900 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 033       | THPT Thanh Tuyền                            | Xã Thanh Tuyền, Dầu Tiếng, Bình Dương                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3901 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 034       | THPT Phan Bội Châu                          | Xã Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3902 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 052       | THPT Long Hòa                               | Xã Long Hòa, H.Dầu Tiếng, Bình Dương                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3903 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 063       | THPT Bán công Định Thành                    | IT Dầu Tiếng, Dầu Tiếng, Bình Dương                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3904 | 44         | Bình Dương  | 07            | Huyện Dầu Tiếng                | 071       | THCS-THPT Minh Hòa (Từ 21/6/2019)           | Xã Minh Hòa, Dầu Tiếng, Bình Dương                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3905 | 44         | Bình Dương  | 08            | Huyện Bắc Tân Uyên             | 016       | THPT Tân Bình                               | Xã Tân Bình, Bắc Tân Uyên, Bình Dương                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3906 | 44         | Bình Dương  | 08            | Huyện Bắc Tân Uyên             | 017       | THPT Thường Tân                             | Xã Thường Tân, Bắc Tân Uyên, Bình Dương                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3907 | 44         | Bình Dương  | 08            | Huyện Bắc Tân Uyên             | 018       | THPT Lê Lợi                                 | Xã Tân Thành, Bắc Tân Uyên, Bình Dương                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3908 | 44         | Bình Dương  | 09            | Huyện Bàu Bàng                 | 011       | THPT Bàu Bàng                               | Xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3909 | 44         | Bình Dương  | 09            | Huyện Bàu Bàng                 | 066       | THPT Lai Uyên                               | Xã Lai Uyên, Bàu Bàng, Bình Dương                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3910 | 44         | Bình Dương  | 10            | Thành phố Thuận An             | 074       | THPT Trịnh Hoài Đức (Từ 01/02/2020)         | P. An Thạnh, Tp.Thuận An, Bình Dương                        | Khu vực 2    | Không       |
| 3911 | 44         | Bình Dương  | 10            | Thành phố Thuận An             | 075       | THPT Nguyễn Trãi (Từ 01/02/2020)            | P. Lái Thiêu, Thuận An, Bình Dương                          | Khu vực 2    | Không       |
| 3912 | 44         | Bình Dương  | 10            | Thành phố Thuận An             | 076       | THPT Trần Văn Ôn (Từ 01/02/2020)            | P. Thuận Giao, Tp.Thuận An, Bình Dương                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3913 | 44         | Bình Dương  | 10            | Thành phố Thuận An             | 077       | TH-THCS-THPT Đức Trí (Từ 01/02/2020)        | P. Thuận Giao, Tp.Thuận An, Bình Dương                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3914 | 44         | Bình Dương  | 10            | Thành phố Thuận An             | 078       | TT GDNN-GDTX Tp.Thuận An (Từ 01/02/2020)    | P. Lái Thiêu, Tp.Thuận An, Bình Dương                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3915 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 079       | THPT Dĩ An (Từ 01/02/2020)                  | P. Dĩ An, Tp.Dĩ An, Bình Dương                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3916 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 080       | THPT Nguyễn An Ninh (Từ 01/02/2020)         | P. Dĩ An, Tp.Dĩ An, Bình Dương                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3917 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 081       | THPT Bình An (Từ 01/02/2020)                | P. Bình An, Tp.Dĩ An, Bình Dương                            | Khu vực 2    | Không       |
| 3918 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 082       | TT GDNN-GDTX Tp.Dĩ An (Từ 01/02/2020)       | P. Dĩ An, Tp.Dĩ An, Bình Dương                              | Khu vực 2    | Không       |
| 3919 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 083       | TH-THCS-THPT Phan Chu Trinh (Từ 01/02/2020) | P. Dĩ An, Tp. Dĩ An, Bình Dương                             | Khu vực 2    | Không       |
| 3920 | 44         | Bình Dương  | 11            | Thành phố Dĩ An                | 084       | TH - THCS - THPT Việt Anh 2 (Từ 01/02/2020) | phố nhị đồng 2, Đường số 13, Tp.Dĩ An, Bình Dương           | Khu vực 2    | Không       |
| 3921 | 45         | Ninh Thuận  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo         | 800       | Học ở nước ngoài 45                         |                                                             | Khu vực 3    | Không       |
| 3922 | 45         | Ninh Thuận  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo         | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 45               |                                                             | Khu vực 3    | Không       |
| 3923 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 001       | THPT Nguyễn Trãi                            | Ph. Mỹ Hương, TP. Phan Rang -Tháp Chàm                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3924 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 005       | TTGDTX Ninh Thuận                           | Ph. Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm                      | Khu vực 2    | Không       |
| 3925 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 006       | THPT Dân tộc nội trú Ninh Thuận             | Ph. Phú Hà, TP. Phan Rang-Tháp Chàm                         | Khu vực 2    | Có          |
| 3926 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 007       | THPT Tháp Chàm                              | Ph. Bảo An, TP. Phan Rang-Tháp Chàm                         | Khu vực 2    | Không       |
| 3927 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 008       | THPT Ischool                                | Ph. Thanh Sơn, TP. Phan Rang-Tháp Chàm                      | Khu vực 2    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                 | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                            | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------------------|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3928 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 009       | THPT Chu Văn An                      | Ph. Phước Mỹ, TP. Phan Rang-Tháp Chàm              | Khu vực 2    | Không       |
| 3929 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 014       | TT KTTH-HN Phan Rang                 | Ph. Đài Sơn, TP.Phan Rang Tháp Chàm                | Khu vực 2    | Không       |
| 3930 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 017       | THPT chuyên Lê Quý Đôn               | P.Mỹ Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3931 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 021       | Tr. CĐ nghề Ninh Thuận               | Ph.Mỹ Hải, TP.Phan Rang-Tháp Chàm                  | Khu vực 2    | Không       |
| 3932 | 45         | Ninh Thuận  | 01            | Thành phố Phan Rang -Tháp Chàm | 027       | TT GDTX-HN Ninh Thuận                | Ph. Kinh Dinh, TP. Phan Rang-Tháp Chàm             | Khu vực 2    | Không       |
| 3933 | 45         | Ninh Thuận  | 02            | Huyện Ninh Sơn                 | 002       | THPT Nguyễn Du                       | Xã Quảng Sơn, H. Ninh Sơn                          | Khu vực 1    | Không       |
| 3934 | 45         | Ninh Thuận  | 02            | Huyện Ninh Sơn                 | 012       | TT GDTX-DN-HN Ninh Sơn               | ITr. Tân Sơn, Ninh Sơn                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3935 | 45         | Ninh Thuận  | 02            | Huyện Ninh Sơn                 | 013       | THPT Trường Chinh                    | ITr. Tân Sơn, Ninh Sơn                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3936 | 45         | Ninh Thuận  | 02            | Huyện Ninh Sơn                 | 019       | THPT Lê Duẩn                         | Xã Nhơn Sơn, H. Ninh Sơn                           | Khu vực 1    | Không       |
| 3937 | 45         | Ninh Thuận  | 02            | Huyện Ninh Sơn                 | 026       | TT GDNN-GDTX Ninh Sơn                | ITr. Tân Sơn, Ninh Sơn                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3938 | 45         | Ninh Thuận  | 03            | Huyện Ninh Hải                 | 003       | THPT Ninh Hải                        | ITr. Khánh Hải, H. Ninh Hải                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3939 | 45         | Ninh Thuận  | 03            | Huyện Ninh Hải                 | 016       | THPT Tôn Đức Thắng                   | Xã Tân Hải, H. Ninh Hải                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3940 | 45         | Ninh Thuận  | 03            | Huyện Ninh Hải                 | 023       | THPT Phan Chu Trinh                  | Xã Nhơn Hải, H. Ninh Hải                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3941 | 45         | Ninh Thuận  | 04            | Huyện Ninh Phước               | 004       | THPT An Phước                        | ITr. Phước Dân, H. Ninh Phước                      | Khu vực 1    | Không       |
| 3942 | 45         | Ninh Thuận  | 04            | Huyện Ninh Phước               | 010       | THPT Nguyễn Huệ                      | ITr. Phước Dân, H. Ninh Phước                      | Khu vực 1    | Không       |
| 3943 | 45         | Ninh Thuận  | 04            | Huyện Ninh Phước               | 011       | TT GDTX-DN-HN Ninh Phước             | ITr. Phước Dân, Ninh Phước                         | Khu vực 1    | Không       |
| 3944 | 45         | Ninh Thuận  | 04            | Huyện Ninh Phước               | 015       | THPT Phạm Văn Đồng                   | Xã Phước Hậu, H. Ninh Phước                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3945 | 45         | Ninh Thuận  | 04            | Huyện Ninh Phước               | 025       | TT GDNN-GDTX Ninh Phước              | ITr. Phước Dân, Ninh Phước                         | Khu vực 1    | Không       |
| 3946 | 45         | Ninh Thuận  | 05            | Huyện Bác ái                   | 018       | THPT Bác ái                          | Xã Phước Đại, H. Bác ái                            | Khu vực 1    | Không       |
| 3947 | 45         | Ninh Thuận  | 05            | Huyện Bác ái                   | 024       | Phổ thông Dân tộc nội trú Pinăng Tắc | Xã Phước Đại, H. Bác Ái                            | Khu vực 1    | Có          |
| 3948 | 45         | Ninh Thuận  | 05            | Huyện Bác ái                   | 031       | THCS-THPT Bác Ái                     | Xã Phước Đại, H. Bác ái                            | Khu vực 1    | Không       |
| 3949 | 45         | Ninh Thuận  | 06            | Huyện Thuận Bắc                | 022       | THPT Phan Bội Châu                   | Xã Lợi Hải, H. Thuận Bắc                           | Khu vực 1    | Không       |
| 3950 | 45         | Ninh Thuận  | 06            | Huyện Thuận Bắc                | 028       | TT GDNN-GDTX Thuận Bắc               | Huyện Thuận Bắc                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3951 | 45         | Ninh Thuận  | 07            | Huyện Thuận Nam                | 020       | THPT Nguyễn Văn Linh                 | Xã Phước Minh, H. Thuận Nam                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3952 | 45         | Ninh Thuận  | 07            | Huyện Thuận Nam                | 029       | THCS-THPT Đặng Chí Thanh             | Xã Cà Ná, huyện Thuận Nam                          | Khu vực 2NT  | Không       |
| 3953 | 45         | Ninh Thuận  | 07            | Huyện Thuận Nam                | 030       | THCS-THPT Nguyễn Văn Linh            | Xã Phước Minh, H. Thuận Nam                        | Khu vực 1    | Không       |
| 3954 | 46         | Tây Ninh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo         | 800       | Học ở nước ngoài 46                  |                                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3955 | 46         | Tây Ninh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo         | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 46        |                                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 3956 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 001       | THPT Trần Đại Nghĩa                  | Phường 3, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3957 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 002       | THPT Lê Quý Đôn                      | Phường 4, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3958 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 003       | THPT chuyên Hoàng Lê Kha             | Phường 3, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3959 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 004       | THPT Nguyễn Bình Khiêm               | Phường 3, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3960 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 005       | THPT Tây Ninh                        | Phường 3, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3961 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 006       | Phổ thông dân tộc nội trú Tây Ninh   | KP Ninh Trung, Phường Ninh sơn, Tp Tây Ninh        | Khu vực 2    | Có          |
| 3962 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 007       | TTGDTX Thành phố Tây Ninh            | KP 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 3963 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 008       | TC Tân Bách Khoa                     | Số 18 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Tp. Tây Ninh,    | Khu vực 2    | Không       |
| 3964 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 009       | TC Y tế Tây Ninh                     | Đại lộ 30-4 Thành phố Tây Ninh                     | Khu vực 2    | Không       |
| 3965 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 010       | Cao đẳng Nghề Tây Ninh               | Số 19 Võ Thị Sáu, khu phố 3, Phường 3, Tp. TâyNinh | Khu vực 2    | Không       |
| 3966 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 033       | TTGDTX Tỉnh Tây Ninh                 | Phường 4, Thành phố Tây Ninh                       | Khu vực 2    | Không       |
| 3967 | 46         | Tây Ninh    | 01            | Thành phố Tây Ninh             | 048       | TT GDNN-GDTX Thành phố Tây Ninh      | Khu phố 4, Phường 2, Thành phố Tây Ninh            | Khu vực 2    | Không       |
| 3968 | 46         | Tây Ninh    | 02            | Huyện Tân Biên                 | 011       | THPT Trần Phú                        | Thị trấn Tân Biên, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3969 | 46         | Tây Ninh    | 02            | Huyện Tân Biên                 | 012       | THPT Nguyễn An Ninh                  | Thị trấn Tân Biên, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                      | Mã Trường | Tên Trường                                | Địa Chỉ                                            | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------------------|-----------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 3970 | 46         | Tây Ninh    | 02            | Huyện Tân Biên                      | 013       | THPT Lương Thê Vinh                       | Mô Công , Tân Biên, Tây Ninh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3971 | 46         | Tây Ninh    | 02            | Huyện Tân Biên                      | 014       | TTGDTX Tân Biên                           | Thị trấn Tân Biên, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3972 | 46         | Tây Ninh    | 02            | Huyện Tân Biên                      | 049       | TT GDNN-GDTX Tân Biên                     | Thị trấn Tân Biên, Tân Biên                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3973 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 015       | THPT Tân Châu                             | Thị trấn Tân Châu, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3974 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 016       | THPT Lê Duẩn                              | Thị trấn Tân Châu, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3975 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 017       | THPT Tân Hưng                             | Tân Hưng, Tân Châu, Tây Ninh                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3976 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 018       | THPT Tân Đông                             | Tân Đông, Tân Châu, Tây Ninh                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3977 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 019       | TTGDTX Tân Châu                           | Thị trấn Tân Châu, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3978 | 46         | Tây Ninh    | 03            | Huyện Tân Châu                      | 050       | TT GDNN-GDTX Tân Châu                     | Thị trấn Tân Châu, Tân Châu                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3979 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 020       | THPT Dương Minh Châu                      | Thị trấn Dương Minh Châu, Tây Ninh                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3980 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 021       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                    | Ấp Phước Hòa, Suối Đá, Dương Minh Châu, Tây Ninh   | Khu vực 1    | Không       |
| 3981 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 022       | THPT Nguyễn Thái Bình                     | Truông Mít, Dương Minh Châu, Tây Ninh              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3982 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 023       | TTGDTX Dương Minh Châu                    | Thị trấn Dương Minh Châu, Tây Ninh                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3983 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 051       | TT GDNN-GDTX Dương Minh Châu              | Thị trấn Dương Minh Châu, Dương Minh Châu          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3984 | 46         | Tây Ninh    | 04            | Huyện Dương Minh Châu               | 057       | THPT Dương Minh Châu (Cơ sở 2)            | Xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh   | Khu vực 1    | Không       |
| 3985 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 024       | THPT Hoàng Văn Thụ                        | Thị trấn Châu Thành, Tây Ninh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3986 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 025       | THPT Châu Thành                           | Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3987 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 026       | THPT Lê Hồng Phong                        | Hoà Thanh, Châu Thành, Tây Ninh                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3988 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 027       | TTGDTX Châu Thành                         | Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3989 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 028       | TC Kinh tế - Kỹ thuật Tây Ninh            | Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3990 | 46         | Tây Ninh    | 05            | Huyện Châu Thành                    | 052       | TT GDNN-GDTX Châu Thành                   | Thị trấn Châu Thành, Châu Thành                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3991 | 46         | Tây Ninh    | 06            | Huyện Hòa Thành (trước 01/02/2020)  | 029       | THPT Lý Thường Kiệt (Trước 01/02/2020)    | Thị trấn Hoà Thành, Tây Ninh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3992 | 46         | Tây Ninh    | 06            | Huyện Hòa Thành (trước 01/02/2020)  | 030       | THPT Nguyễn Chí Thanh (Trước 01/02/2020)  | Trường Tây, Hoà Thành, Tây Ninh                    | Khu vực 1    | Không       |
| 3993 | 46         | Tây Ninh    | 06            | Huyện Hòa Thành (trước 01/02/2020)  | 031       | THPT Nguyễn Trung Trực (Trước 01/02/2020) | Long Thành Trung, Hoà Thành, Tây Ninh              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3994 | 46         | Tây Ninh    | 06            | Huyện Hòa Thành (trước 01/02/2020)  | 032       | TTGDTX Hoà Thành                          | Cửa số 3 , Nội ô Toà Thánh, TT Hòa Thành, Tây Ninh | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3995 | 46         | Tây Ninh    | 06            | Huyện Hòa Thành (trước 01/02/2020)  | 053       | TT GDNN-GDTX Hòa Thành (Trước 01/02/2020) | Thị trấn Hòa Thành, Hòa Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3996 | 46         | Tây Ninh    | 07            | Huyện Bến Cầu                       | 034       | THPT Nguyễn Huệ                           | Thị trấn Bến Cầu, Tây Ninh                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3997 | 46         | Tây Ninh    | 07            | Huyện Bến Cầu                       | 035       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                     | Long Giang, Bến Cầu, Tây Ninh                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 3998 | 46         | Tây Ninh    | 07            | Huyện Bến Cầu                       | 036       | TTGDTX Bến Cầu                            | Lợi Thuận, Bến Cầu, Tây Ninh                       | Khu vực 1    | Không       |
| 3999 | 46         | Tây Ninh    | 07            | Huyện Bến Cầu                       | 054       | TT GDNN-GDTX Bến Cầu                      | Lợi Thuận, Bến Cầu                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4000 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 037       | THPT Quang Trung                          | Thị trấn Gò Dầu, Tây Ninh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4001 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 038       | THPT Nguyễn Văn Trỗi                      | Bàu Đồn, Gò Dầu, Tây Ninh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4002 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 039       | THPT Trần Quốc Đại                        | Thị trấn Gò Dầu, Tây Ninh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4003 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 040       | THPT Ngô Gia Tự                           | Thanh Đức, Gò Dầu, Tây Ninh                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4004 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 041       | TTGDTX Gò Dầu                             | Thị trấn Gò Dầu, Tây Ninh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4005 | 46         | Tây Ninh    | 08            | Huyện Gò Dầu                        | 055       | TT GDNN-GDTX Gò Dầu                       | Thị trấn Gò Dầu, Gò Dầu                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4006 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 042       | THPT Nguyễn Trãi (Trước 01/02/2020)       | Thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh                      | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                      | Mã Trường | Tên Trường                                      | Địa Chỉ                                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4007 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 043       | THPT Trảng Bàng (Trước 01/02/2020)              | Thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4008 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 044       | THPT Lộc Hưng (Trước 01/02/2020)                | Lộc Hưng, Trảng Bàng, Tây Ninh                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4009 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 045       | THPT Bình Thạnh (Trước 01/02/2020)              | Bình Thạnh, Trảng Bàng, Tây Ninh                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4010 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 046       | TTGDTX Trảng Bàng                               | Thị trấn Trảng Bàng, Tây Ninh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4011 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 047       | TC nghề khu vực Nam Tây Ninh (Trước 01/02/2020) | Gia Lộc, Trảng Bàng, Tây Ninh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4012 | 46         | Tây Ninh    | 09            | Huyện Trảng Bàng (trước 01/02/2020) | 056       | TT GDNN-GDTX Trảng Bàng (Trước 01/02/2020)      | Thị trấn Trảng Bàng, Trảng Bàng                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4013 | 46         | Tây Ninh    | 10            | Thị xã Hòa Thành (từ 01/02/2020)    | 058       | THPT Lý Thường Kiệt (Từ 01/02/2020)             | Phường Long Hoa, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh         | Khu vực 2    | Không       |
| 4014 | 46         | Tây Ninh    | 10            | Thị xã Hòa Thành (từ 01/02/2020)    | 059       | THPT Nguyễn Chí Thanh (Từ 01/02/2020)           | Xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh           | Khu vực 1    | Không       |
| 4015 | 46         | Tây Ninh    | 10            | Thị xã Hòa Thành (từ 01/02/2020)    | 060       | THPT Nguyễn Trung Trực (Từ 01/02/2020)          | Phường Long Thành Trung, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh | Khu vực 2    | Không       |
| 4016 | 46         | Tây Ninh    | 10            | Thị xã Hòa Thành (từ 01/02/2020)    | 061       | TT GDNN-GDTX Hòa Thành (Từ 01/02/2020)          | Phường Long Hoa, Thị xã Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh         | Khu vực 2    | Không       |
| 4017 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 062       | THPT Nguyễn Trãi (Từ 01/02/2020)                | Phường Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh      | Khu vực 2    | Không       |
| 4018 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 063       | THPT Trảng Bàng (Từ 01/02/2020)                 | Phường Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh      | Khu vực 2    | Không       |
| 4019 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 064       | THPT Lộc Hưng (Từ 01/02/2020)                   | Phường Lộc Hưng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh        | Khu vực 2    | Không       |
| 4020 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 065       | THPT Bình Thạnh (Từ 01/02/2020)                 | Xã Phước Bình, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh          | Khu vực 1    | Không       |
| 4021 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 066       | TC nghề khu vực Nam Tây Ninh (Từ 01/02/2020)    | Phường Gia Lộc, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh         | Khu vực 2    | Không       |
| 4022 | 46         | Tây Ninh    | 11            | Thị xã Trảng Bàng (từ 01/02/2020)   | 067       | TT GDNN-GDTX Thị xã Trảng Bàng (Từ 01/02/2020)  | Phường Trảng Bàng, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh      | Khu vực 2    | Không       |
| 4023 | 47         | Bình Thuận  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo              | 800       | Học ở nước ngoài 47                             |                                                          | Khu vực 3    | Không       |
| 4024 | 47         | Bình Thuận  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo              | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 47                   |                                                          | Khu vực 3    | Không       |
| 4025 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 001       | THPT Phan Bội Châu                              | Ph. Phú Thủy - Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4026 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 012       | THPT Phan Chu Trinh                             | Ph. Phú Thủy - Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4027 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 013       | THPT Chuyên Trần Hưng Đạo                       | Ph. Phú Thủy - Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4028 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 017       | THCS và THPT Lê Lợi                             | Ph. Phú Trinh - Tp. Phan Thiết                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4029 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 022       | TH Bổ túc Phan Bội Châu                         | Ph. Phú Thủy - Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4030 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 032       | THPT Bùi Thị Xuân                               | Ph. Mũi Né - Tp. Phan Thiết                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4031 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 034       | Trường TC Nghề Kinh tế - Kỹ thuật CĐ Bình Thuận | 417 Trần Hưng Đạo, Ph. Bình Hưng, Tp. Phan Thiết         | Khu vực 2    | Không       |
| 4032 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 035       | CĐ Nghề Bình Thuận                              | Đường Trường Chinh, Ph. Phú Tài, Tp. Phan Thiết          | Khu vực 2    | Không       |
| 4033 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết                | 036       | THPT Phan Thiết                                 | 251 Trần Hưng Đạo, Ph. Bình Hưng, Tp. Phan Thiết         | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện       | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------------|-----------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4034 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 037       | TH, THCS và THPT Lê Quý Đôn            | 19 Nguyễn Tất Thành, Ph. Bình Hưng, Tp. Phan Thiết                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4035 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 038       | TH, THCS, THPT Châu A' Thái Bình Dương | 79 Từ Văn Tư, Ph. Phú Trinh, Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4036 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 040       | Trường TC Du lịch Mũi Né               | 268 Nguyễn Thông, Ph. Phú Hải, Tp. Phan Thiết                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4037 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 041       | CD Cộng đồng Bình Thuận                | 205 Lê Lợi, Ph. Hưng Long, Tp. Phan Thiết                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4038 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 042       | CD Y tế Bình Thuận                     | 274 Nguyễn Hội, Ph. Xuân An, Tp. Phan Thiết                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4039 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 043       | Trường Đại học Phan Thiết              | 268 Nguyễn Thông, Phường Phú Hải, Tp. Phan Thiết                       | Khu vực 2    | Không       |
| 4040 | 47         | Bình Thuận  | 01            | Thành phố Phan Thiết | 044       | TT GDTX Tỉnh Bình Thuận                | 188 Trần Hưng Đạo, P. Bình Hưng, Tp. Phan Thiết, Bình Thuận            | Khu vực 2    | Không       |
| 4041 | 47         | Bình Thuận  | 02            | Huyện Tuy Phong      | 002       | THPT Tuy Phong                         | ITr. Liên Hương - Tuy Phong                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4042 | 47         | Bình Thuận  | 02            | Huyện Tuy Phong      | 009       | THPT Hòa Đa                            | ITr. Phan Rí Cửa - Tuy Phong                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4043 | 47         | Bình Thuận  | 02            | Huyện Tuy Phong      | 020       | THPT Lê Quý Đôn                        | ITr. Phan Rí Cửa - Tuy Phong                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4044 | 47         | Bình Thuận  | 02            | Huyện Tuy Phong      | 021       | THPT Nguyễn Khuyến                     | ITr. Liên Hương - Tuy Phong                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4045 | 47         | Bình Thuận  | 03            | Huyện Bắc Bình       | 003       | THPT Bắc Bình                          | ITr. Chợ Lầu - Bắc Bình                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4046 | 47         | Bình Thuận  | 03            | Huyện Bắc Bình       | 015       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai              | ITr. Lương Sơn - Bắc Bình                                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4047 | 47         | Bình Thuận  | 03            | Huyện Bắc Bình       | 027       | TT GDTX-HN Bắc Bình                    | ITr. Chợ Lầu - Bắc Bình                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4048 | 47         | Bình Thuận  | 03            | Huyện Bắc Bình       | 045       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bắc Bình     | Thị trấn Chợ Lầu, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4049 | 47         | Bình Thuận  | 04            | Huyện Hàm Thuận Bắc  | 004       | THPT Hàm Thuận Bắc                     | ITr. Ma Lâm - Hàm Thuận Bắc                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4050 | 47         | Bình Thuận  | 04            | Huyện Hàm Thuận Bắc  | 010       | THPT Dân tộc nội trú Tỉnh              | Xã Hàm Thắng - Hàm Thuận Bắc                                           | Khu vực 2 NT | Có          |
| 4051 | 47         | Bình Thuận  | 04            | Huyện Hàm Thuận Bắc  | 031       | THPT Nguyễn Văn Linh                   | Xã Hàm Đức - Hàm Thuận bắc                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4052 | 47         | Bình Thuận  | 05            | Huyện Hàm Thuận Nam  | 005       | THPT Hàm Thuận Nam                     | ITr. Thuận Nam - Hàm Thuận Nam                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4053 | 47         | Bình Thuận  | 05            | Huyện Hàm Thuận Nam  | 030       | THPT Lương Thế Vinh                    | Xã Hàm Kiệm - Hàm Thuận Nam                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4054 | 47         | Bình Thuận  | 06            | Huyện Hàm Tân        | 014       | THPT Đức Tân                           | ITr. Tân Minh - Hàm Tân                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4055 | 47         | Bình Thuận  | 06            | Huyện Hàm Tân        | 033       | THPT Hàm Tân                           | ITr. Tân Nghĩa - Hàm Tân                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4056 | 47         | Bình Thuận  | 06            | Huyện Hàm Tân        | 039       | THPT Huỳnh Thúc Kháng                  | Xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4057 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 007       | THPT Đức Linh                          | ITr. Võ Xu - Đức Linh                                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4058 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 016       | THPT Chu Văn An                        | ITr. Võ Xu - Đức Linh                                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4059 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 019       | THPT Hùng Vương                        | ITr. Đức Tài - Đức Linh                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4060 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 023       | TT GDTX-HN Đức Linh                    | ITr. Đức Tài - Đức Linh                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4061 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 025       | THPT Quang Trung                       | Xã Mê Pu - Đức Linh                                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4062 | 47         | Bình Thuận  | 07            | Huyện Đức Linh       | 046       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Đức Linh     | Xã Nam Chính, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận                          | Khu vực 1    | Không       |
| 4063 | 47         | Bình Thuận  | 08            | Huyện Tánh Linh      | 008       | THPT Tánh Linh                         | ITr. Lạc Tánh - Tánh Linh                                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4064 | 47         | Bình Thuận  | 08            | Huyện Tánh Linh      | 026       | THPT Nguyễn Văn Trỗi                   | Xã Bắc Ruộng - Tánh Linh                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4065 | 47         | Bình Thuận  | 08            | Huyện Tánh Linh      | 028       | TT GDTX-HN Tánh Linh                   | ITr. Lạc Tánh - Tánh Linh                                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4066 | 47         | Bình Thuận  | 08            | Huyện Tánh Linh      | 047       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tánh Linh    | 236 Trần Hưng Đạo, Thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh, Tỉnh Bình Thuận | Khu vực 1    | Không       |
| 4067 | 47         | Bình Thuận  | 09            | Huyện đảo Phú Quý    | 018       | THPT Ngô Quyền                         | H. Đảo Phú Quý                                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4068 | 47         | Bình Thuận  | 10            | Thị xã La Gi         | 006       | THPT Lý Thường Kiệt                    | Ph. Tân An - Thị xã La Gi                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4069 | 47         | Bình Thuận  | 10            | Thị xã La Gi         | 011       | THPT Nguyễn Huệ                        | Ph. Tân An - Thị xã La Gi                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4070 | 47         | Bình Thuận  | 10            | Thị xã La Gi         | 024       | TT GDTX-HN La Gi                       | Ph. Tân An - Thị xã La Gi                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4071 | 47         | Bình Thuận  | 10            | Thị xã La Gi         | 029       | THPT Nguyễn Trường Tộ                  | Xã Tân Hải - Thị xã La Gi                                              | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                          | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 4072 | 47         | Bình Thuận  | 10            | Thị xã La Gi           | 048       | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã La Gi    | 261 Ngô Quyền, Phường Tân An, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận | Khu vực 2 | Không       |
| 4073 | 48         | Đồng Nai    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 48                 |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 4074 | 48         | Đồng Nai    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 48       |                                                             | Khu vực 3 | Không       |
| 4075 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 000       | Sở GD&ĐT                            | P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4076 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 001       | THPT Chuyên Lương Thế Vinh          | P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4077 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 002       | Bổ Túc Văn Hóa Tỉnh                 | P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4078 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 003       | THPT Ngô Quyền                      | P.Trung Dũng, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4079 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 004       | THPT Nam Hà                         | Xã Hiệp Hòa, TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4080 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 005       | THPT Tam Hiệp                       | P. Tam Hiệp, TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4081 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 006       | THPT Nguyễn Trãi                    | Ph. Tân Biên, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4082 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 007       | THPT Lê Hồng Phong                  | Ph. Hồ Nai I, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4083 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 008       | THPT Chu Văn An                     | P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4084 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 040       | THPT Tam Phước                      | Xã Tam Phước, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4085 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 041       | THPT Nguyễn Khuyến                  | Ph. Thống Nhất TP.Biên Hòa                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 4086 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 042       | THPT Đức Trí                        | Ph. Tân Hiệp TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4087 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 043       | THPT Nguyễn Hữu Cánh                | P.Long Bình Tân TP.Biên Hòa                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4088 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 044       | THPT Lê Quý Đôn                     | Ph. Tân Mai TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4089 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 047       | THPT Bùi Thị Xuân                   | Ph. Tân Tiến TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4090 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 049       | TT GDNN-GDTX Biên Hòa               | P.Quyết Thắng TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4091 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 053       | THPT Trần Biên                      | Ph. Tam Hoà TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4092 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 067       | THPT Đinh Tiên Hoàng                | P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4093 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 069       | PT Năng Khiếu Thể Thao              | P.Tân Phong, TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4094 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 070       | CĐ nghề Đồng Nai                    | P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4095 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 071       | CĐ nghề Miền Đông Nam Bộ            | P. Long Bình Tân, TP.Biên Hòa                               | Khu vực 2 | Không       |
| 4096 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 074       | TC nghề GTVT Đồng Nai               | P.Bửu Long, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4097 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 075       | TC nghề 26/3                        | P.Hồ Nai, TP.Biên Hòa                                       | Khu vực 2 | Không       |
| 4098 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 076       | TC nghề Kinh tế - Kỹ thuật số 2     | P.Tam Hiệp, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4099 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 077       | TC nghề Đinh Tiên Hoàng             | P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4100 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 083       | TH-THCS-THPT Tân Hòa                | P.Tân Hòa, TP.Biên Hòa                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 4101 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 088       | TH-THCS-THPT Song Ngự Lạc Hồng      | P. Bửu Long, TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4102 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 089       | TH-THCS-THPT Nguyễn Văn Trỗi        | P. Long Bình Tân, TP.Biên Hòa                               | Khu vực 2 | Không       |
| 4103 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 090       | TH-THCS-THPT Thái Bình Dương        | P. Quyết Thắng, TP.Biên Hòa                                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4104 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 093       | ĐH Đồng Nai                         | P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4105 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 095       | TC Miền Đông                        | P.Hòa Bình, TP.Biên Hòa                                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4106 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 098       | TT KTTH Hướng nghiệp Đồng Nai       | P.Quang Vinh, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4107 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 099       | TT GDTX Tỉnh                        | D10, Thống Nhất, TP. Biên Hòa                               | Khu vực 2 | Không       |
| 4108 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 101       | Cao Đẳng Nghề Số 8                  | P. Long Bình Tân, TP.Biên Hòa                               | Khu vực 2 | Không       |
| 4109 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 102       | Phổ thông Thực hành Sư phạm         | Kp2, Bình Đa, Biên Hòa                                      | Khu vực 2 | Không       |
| 4110 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 202       | CĐ kỹ thuật Đồng Nai                | P.Thống Nhất, TP.Biên Hòa                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4111 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 207       | TC Kinh tế - Kỹ thuật số 2          | P. Tân Mai, TP. Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4112 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 208       | TH-THCS-THPT Bùi Thị Xuân           | Ph. Tân Tiến TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4113 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 210       | TH-THCS-THPT Đức Trí                | Ph. Tân Hiệp TP.Biên Hòa                                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4114 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa     | 211       | TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Quyết Thắng | 154/20, Kp1, Hưng Đạo Vương, P Quyết Thắng                  | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                      | Mã Trường | Tên Trường                      | Địa Chỉ                                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------------------|-----------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4115 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa                  | 213       | TH-THCS-THPT Đinh Tiên Hoàng    | P.Tân Hiệp, TP.Biên Hòa                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 4116 | 48         | Đồng Nai    | 01            | Thành phố Biên Hòa                  | 214       | THPT Lê Quý Đôn-Long Bình Tân   | Số 1, Đường 6A, KCN Biên Hòa 2, P.Long Bình Tân, TP Biên Hòa, Đồng Nai | Khu vực 2    | Không       |
| 4117 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 035       | THPT Vĩnh Cửu                   | Xã Thanh Phú H.Vĩnh Cửu                                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4118 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 036       | THPT Trị An                     | ITr. Vĩnh An H.Vĩnh Cửu                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4119 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 039       | TT GDNN-GDTX Vĩnh Cửu           | ITr. Vĩnh An H.Vĩnh Cửu                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4120 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 061       | THCS-THPT Huỳnh Văn nghệ        | Xã Phú Lý H.Vĩnh Cửu                                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4121 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 082       | TC nghề Cơ Điện Đông Nam Bộ     | Xã Thiện Tân, H.Vĩnh Cửu                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4122 | 48         | Đồng Nai    | 02            | Huyện Vĩnh Cửu                      | 085       | TH-THCS-THPT Hùng Vương         | KP8, TT Vĩnh An, H.Vĩnh Cửu                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4123 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 032       | TT GDNN-GDTX Tân Phú            | ITr. Tân Phú H.Tân Phú                                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4124 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 033       | THPT Đoàn Kết                   | ITr. Tân Phú H.Tân Phú                                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4125 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 034       | THPT Thanh Bình                 | Xã Phú Bình H.Tân Phú                                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4126 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 038       | THCS-THPT Ngọc Lâm              | Xã Phú Thanh H.Tân Phú                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4127 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 060       | THPT Đắc Lua                    | Xã Đắc Lua H.Tân Phú                                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4128 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 063       | THPT Tôn Đức Thắng              | Xã Phú Lập H.Tân Phú                                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4129 | 48         | Đồng Nai    | 03            | Huyện Tân Phú                       | 086       | TH-THCS-THPT Lê Quý Đôn-Tân Phú | Xã Phú Lâm, H.Tân Phú                                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4130 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 028       | TT GDNN-GDTX Định Quán          | IT Định Quán H.Định Quán                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4131 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 029       | THPT Tân Phú                    | IT Định Quán H.Định Quán                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4132 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 030       | THPT Điều Cái                   | Xã Túc Trung H.Định Quán                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4133 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 031       | THPT Định Quán                  | IT Định Quán H.Định Quán                                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4134 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 055       | THPT Phú Ngọc                   | Xã Phú Ngọc H.Định Quán                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4135 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 084       | THCS-THPT Lạc Long Quân         | Xã Phú Lợi, H.Định Quán                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4136 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 091       | THCS-THPT Tây Sơn               | Xã Thanh Sơn, H.Định Quán                                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4137 | 48         | Đồng Nai    | 04            | Huyện Định Quán                     | 400       | THCS-THPT Suối Nho              | Xã Suối Nho, huyện Định Quán                                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4138 | 48         | Đồng Nai    | 05            | Huyện Thống Nhất                    | 010       | TT GDNN-GDTX Thống Nhất         | Xã Xuân Thạnh , H.Thống Nhất                                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4139 | 48         | Đồng Nai    | 05            | Huyện Thống Nhất                    | 012       | THPT Thống Nhất                 | Xã Quang Trung, H. Thống Nhất                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4140 | 48         | Đồng Nai    | 05            | Huyện Thống Nhất                    | 014       | THPT Kiêm Tân                   | Xã Gia Tân 2, H.Thống Nhất                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4141 | 48         | Đồng Nai    | 05            | Huyện Thống Nhất                    | 018       | THPT Dầu Giây                   | Xã Xuân Thạnh, H.Thống Nhất                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4142 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 015       | TT GDNN-GDTX Long Khánh         | P.Xuân Hòa, TX.Long Khánh                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4143 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 016       | THPT Long Khánh                 | P.Xuân Hòa, TX.Long Khánh                                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4144 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 017       | THPT Trần Phú                   | Xã Suối Tre, TX Long Khánh                                             | Khu vực 2    | Không       |
| 4145 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 019       | THPT Văn Hiến                   | Thị Xã Long Khánh                                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4146 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 045       | THPT Nguyễn Huệ                 | Xã Hàng Gòn, TX Long Khánh                                             | Khu vực 2    | Không       |
| 4147 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 058       | THPT Trương Vĩnh Ký             | 170 Nguyễn Văn Bé TX Long Khánh                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4148 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 092       | THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh  | P. Xuân Trung, TX.Long Khánh                                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4149 | 48         | Đồng Nai    | 06            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 209       | TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký     | 170 Nguyễn Văn Bé TX Long Khánh                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4150 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 020       | TT GDNN-GDTX Xuân Lộc           | ITr. Gia Ray H.Xuân Lộc                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4151 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 021       | THPT Xuân Lộc                   | ITr. Gia Ray H.Xuân Lộc                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4152 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 051       | THPT Hồng Bàng                  | ITr. Gia Ray H.Xuân Lộc                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4153 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 059       | THPT Xuân Hưng                  | Xã Xuân Hưng H.Xuân Lộc                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4154 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 068       | THPT Xuân Thọ                   | Xã Xuân Thọ, H.Xuân Lộc                                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4155 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 301       | PTDTNT THCS-THPT Điều Xiềng     | Nông Doanh, xã Xuân Định, Xuân Lộc                                     | Khu vực 1    | Có          |
| 4156 | 48         | Đồng Nai    | 07            | Huyện Xuân Lộc                      | 401       | TH-THCS-THPT Hồng Bàng          | IT Gia Ray, huyện Xuân Lộc                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4157 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 022       | TT GDNN-GDTX Long Thành         | Xã Long Đức, H.Long Thành                                              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện                      | Mã Trường | Tên Trường                         | Địa Chỉ                                      | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------------------|-----------|------------------------------------|----------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4158 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 023       | THPT Long Thành                    | IT Long Thành H.Long Thành                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4159 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 024       | THPT Long Phước                    | Xã Long Phước H.Long Thành                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4160 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 025       | THPT Nguyễn Đình Chiểu             | IT Long Thành H.Long Thành                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4161 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 054       | THPT Bình Sơn                      | Xã Bình Sơn H.Long Thành                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4162 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 072       | CĐ Công Nghệ Quốc Tế LiLaMa2       | IT Long Thành, H.Long Thành                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4163 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 078       | CĐ nghề KV Long Thành-Nhon Trach   | IT Long Thành, H.Long Thành                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4164 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 079       | TC nghề Tri Thức                   | IT Long Thành, H.Long Thành                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4165 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 203       | CĐ nghề công nghệ cao Đồng Nai     | IT Long Thành, H.Long Thành                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4166 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Thị xã Long Khánh (Trước 10/4/2019) | 300       | THPT Hoàng Diệu                    | 126 Ngô Quyền, P. Xuân Thanh, TX. Long Khánh | Khu vực 2    | Không       |
| 4167 | 48         | Đồng Nai    | 08            | Huyện Long Thành                    | 403       | THCS-THPT Tri Thức                 | IT Long Thành, huyện Long Thành              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4168 | 48         | Đồng Nai    | 09            | Huyện Nhơn Trạch                    | 026       | TT GDNN-GDTX Nhơn Trạch            | Xã Long Thọ, H.Nhon Trạch                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4169 | 48         | Đồng Nai    | 09            | Huyện Nhơn Trạch                    | 027       | THPT Nhơn Trạch                    | Xã Phú Đông, H.Nhon Trạch                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4170 | 48         | Đồng Nai    | 09            | Huyện Nhơn Trạch                    | 048       | THPT Phước Thiện                   | Xã Phước Thiện H.Nhon Trạch                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4171 | 48         | Đồng Nai    | 09            | Huyện Nhơn Trạch                    | 087       | THPT Nguyễn Bình Khiêm             | Khu TT, H.Nhon Trạch                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4172 | 48         | Đồng Nai    | 09            | Huyện Nhơn Trạch                    | 097       | TC Kinh tế- Kỹ thuật Đồng Nai      | Xã Phú Hội, H.Nhon Trạch                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4173 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 009       | THPT Dân tộc Nội trú tỉnh Đồng Nai | Xã Trung Hòa, H.Trảng Bom                    | Khu vực 1    | Có          |
| 4174 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 011       | THPT Thống Nhất A                  | IT Trảng Bom, H.Trảng Bom                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4175 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 013       | THPT Ngô Sĩ Liên                   | IT Trảng Bom, H.Trảng Bom                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4176 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 050       | THPT Văn Lang                      | Xã Hưng Thịnh H.Trảng Bom                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4177 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 052       | THPT Trần Quốc Tuấn                | Xã Trung Hòa H.Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4178 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 056       | TT GDNN-GDTX Trảng Bom             | IT Trảng Bom H.Trảng Bom                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4179 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 064       | THPT Trịnh Hoài Đức                | Xã Quảng Tiến H.Trảng Bom                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4180 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 065       | THCS THPT Bàu Hàm                  | Xã Bàu Hàm, H Trảng Bom                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4181 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 066       | THPT Trần Đại Nghĩa                | Xã Hố Nai 3, H Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4182 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 073       | CĐ nghề Cơ giới - Thủy lợi         | Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4183 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 080       | TC nghề Tân Mai                    | Xã Bắc Sơn, H.Trảng Bom                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4184 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 081       | TC nghề Hòa Bình                   | Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4185 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 094       | ĐH Lâm Nghiệp (cơ sở 2)            | IT Trảng Bom, H.Trảng Bom                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4186 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 096       | TC Bách khoa Đồng Nai              | Xã Hưng Thịnh, H.Trảng Bom                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4187 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 204       | CĐ Cơ giới - Thủy lợi              | Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4188 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 205       | CĐ Hòa Bình Xuân Lộc               | Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4189 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 206       | TH-THCS-THPT Trịnh Hoài Đức        | Xã Quảng Tiến H.Trảng Bom                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4190 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 212       | TH-THCS-THPT Trần Đại Nghĩa        | Xã Hố Nai 3, H Trảng Bom                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4191 | 48         | Đồng Nai    | 10            | Huyện Trảng Bom                     | 402       | TH-THCS-THPT Trần Quốc Tuấn        | Xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom                | Khu vực 1    | Không       |
| 4192 | 48         | Đồng Nai    | 11            | Huyện Cẩm Mỹ                        | 037       | THPT Xuân Mỹ                       | Xã Xuân Mỹ H.Cẩm Mỹ                          | Khu vực 1    | Không       |
| 4193 | 48         | Đồng Nai    | 11            | Huyện Cẩm Mỹ                        | 046       | THPT Sông Ray                      | Xã Xuân Tây, H.Cẩm Mỹ                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4194 | 48         | Đồng Nai    | 11            | Huyện Cẩm Mỹ                        | 057       | TT GDNN-GDTX Cẩm Mỹ                | Xã Long Giao H.Cẩm Mỹ                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4195 | 48         | Đồng Nai    | 11            | Huyện Cẩm Mỹ                        | 062       | THPT Vô Trường Toàn                | Xã Xuân Tây, H Cẩm Mỹ                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4196 | 48         | Đồng Nai    | 11            | Huyện Cẩm Mỹ                        | 100       | THPT Cẩm Mỹ                        | Xã Long Giao, H.Cẩm Mỹ                       | Khu vực 1    | Không       |
| 4197 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh                | 404       | TT GDNN-GDTX Long Khánh            | P.Xuân Hòa, TX.Long Khánh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4198 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh                | 405       | THPT Long Khánh                    | P.Xuân Hòa, TX.Long Khánh                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4199 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh                | 406       | THPT Trần Phú                      | Xã Suối Tre, TX Long Khánh                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4200 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh                | 407       | THPT Văn Hiến                      | P.Xuân Hòa, TX.Long Khánh                    | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                          | Địa Chỉ                                                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4201 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh   | 408       | THPT Nguyễn Huệ                                     | Xã Hàng Gòn, TX Long Khánh                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4202 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh   | 409       | THCS-THPT Việt Hoa Quang Chánh                      | P. Xuân Trung, TX.Long Khánh                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4203 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh   | 410       | TH-THCS-THPT Trương Vĩnh Ký                         | P. Xuân Trung, TX.Long Khánh                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4204 | 48         | Đồng Nai    | 13            | Thành phố Long Khánh   | 411       | THPT Hoàng Diệu                                     | P Xuân Thanh, Long Khánh                                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4205 | 49         | Long An     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 49                                 |                                                                   | Khu vực 3    | Không       |
| 4206 | 49         | Long An     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 49                       |                                                                   | Khu vực 3    | Không       |
| 4207 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 001       | THPT Lê Quý Đôn                                     | số 404, Quốc lộ 1, phường 4, Tp. Tân An                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4208 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 002       | THPT Tân An                                         | số 213 Nguyễn Thái Bình, phường 3, TP Tân An                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4209 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 018       | THPT Hùng Vương                                     | Số 53, Nguyễn Văn Tiếp, P5, Tp. Tân An, Long An                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4210 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 028       | THPT Huỳnh Ngọc                                     | 136 Nguyễn Thái Bình P3, TP Tân An, Long An                       | Khu vực 2    | Không       |
| 4211 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 035       | TT.GDNN-GDTX Tp. Tân An                             | 39, Võ Công Tồn, phường 1, TP Tân An, Long An                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4212 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 049       | TT.KTTH-HN Long An                                  | 132, Đường Nguyễn Thị Bảy, phường 6, TP Tân An, Long An           | Khu vực 2    | Không       |
| 4213 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 051       | Trường Thể dục Thể thao tỉnh Long An                | Số 07, Trương Định, Phường 2, TP. Tân An, Long An                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4214 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 052       | TT.GDTX&KTTH                                        | Bình Nam, xã Bình Tâm, TP Tân An, Long An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 4215 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 053       | THCS&THPT Hà Long                                   | 11/300 Nguyễn Minh Trường, P3 TP Tân An, Long An                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4216 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 060       | THPT chuyên Long An                                 | số 112 Nguyễn Minh Đường, Phường 4, Tp. Tân An, Long An           | Khu vực 2    | Không       |
| 4217 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 062       | CĐ nghề Kỹ thuật Công nghệ LADEC                    | 201 Nguyễn Văn Rành, phường 7, Tp. Tân An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 4218 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 063       | CĐ Nghề Long An                                     | Phường 5, TP Tân An, Long An                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4219 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 071       | TC Việt – Nhật                                      | Phường 6, TP Tân An, Long An                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4220 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 073       | THCS&THPT Nguyễn Văn Rành                           | 201 Nguyễn Văn Rành, phường 7, Tp. Tân An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 4221 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 077       | TT.GDTX Tp. Tân An                                  | Đường Võ Công Tồn, phường 1, TP Tân An, Long An                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4222 | 49         | Long An     | 01            | Thành phố Tân An       | 095       | TT.GDTX tỉnh Long An                                | Bình Nam, xã Bình Tâm, TP Tân An, Long An                         | Khu vực 2    | Không       |
| 4223 | 49         | Long An     | 02            | Huyện Vĩnh Hưng        | 017       | THPT Vĩnh Hưng                                      | Nguyễn Thái Bình, TT Vĩnh Hưng, Long An                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4224 | 49         | Long An     | 02            | Huyện Vĩnh Hưng        | 036       | TT.GDNN-GDTX huyện Vĩnh Hưng                        | ấp 1, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, Long An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4225 | 49         | Long An     | 02            | Huyện Vĩnh Hưng        | 061       | THCS&THPT Khánh Hưng                                | Xã Khánh Hưng, Vĩnh Hưng, Long An                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4226 | 49         | Long An     | 02            | Huyện Vĩnh Hưng        | 078       | TT.GDTX&KTTH-HN Vĩnh Hưng                           | ấp 1, xã Vĩnh Bình, huyện Vĩnh Hưng, Long An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4227 | 49         | Long An     | 02            | Huyện Vĩnh Hưng        | 091       | THCS&THPT Khánh Hưng (2016)                         | Xã Khánh Hưng, Vĩnh Hưng, Long An                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4228 | 49         | Long An     | 03            | Huyện Mộc Hóa          | 058       | THCS&THPT Bình Phong Thạnh                          | Khu phố 2, Bình Phong Thạnh, huyện Mộc Hóa, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4229 | 49         | Long An     | 03            | Huyện Mộc Hóa          | 076       | THPT Mộc Hóa (cũ)                                   | Đường Lê Lợi (nối dài), Thị trấn Mộc Hóa, Long An                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4230 | 49         | Long An     | 03            | Huyện Mộc Hóa          | 092       | TT.GDTX&KTTH-HN Mộc Hóa (cũ - từ năm 2013 về trước) | Số 304/06, Lê Lợi, KP 3, Thị trấn Mộc Hóa, huyện Mộc Hóa, Long An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4231 | 49         | Long An     | 04            | Huyện Tân Thạnh        | 015       | THPT Tân Thạnh                                      | Khu phố 5, TT Tân Thạnh, Long An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4232 | 49         | Long An     | 04            | Huyện Tân Thạnh        | 030       | THCS&THPT Hậu Thạnh Đông                            | Ấp Nguyễn Rớt, Xã Hậu Thạnh Đông, huyện Tân Thạnh, Long An        | Khu vực 2 NT | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                      | Địa Chỉ                                                                 | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4233 | 49         | Long An     | 04            | Huyện Tân Thạnh | 038       | TT.GDNN-GDTX huyện Tân Thạnh    | TT Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, Long An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4234 | 49         | Long An     | 04            | Huyện Tân Thạnh | 080       | TT.GDTX&KTTH-HN Tân Thạnh       | Thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, Long An                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4235 | 49         | Long An     | 05            | Huyện Thạnh Hóa | 014       | THPT Thạnh Hóa                  | Khóm II, TT Thạnh Hoá, Long An                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4236 | 49         | Long An     | 05            | Huyện Thạnh Hóa | 039       | TT.GDNN-GDTX huyện Thạnh Hoá    | IT Thạnh Hoá, huyện Thạnh Hoá, Long An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4237 | 49         | Long An     | 05            | Huyện Thạnh Hóa | 081       | TT.GDTX&KTTH-HN Thạnh Hoá       | Thị trấn Thạnh Hoá, huyện Thạnh Hoá, Long An                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4238 | 49         | Long An     | 06            | Huyện Đức Huệ   | 013       | THPT Đức Huệ                    | Khu phố 4, TT Đông Thành, huyện Đức Huệ, Long An                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4239 | 49         | Long An     | 06            | Huyện Đức Huệ   | 040       | TT.GDNN-GDTX huyện Đức Huệ      | IT Đông Thành, huyện Đức Huệ, Long An                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4240 | 49         | Long An     | 06            | Huyện Đức Huệ   | 057       | THCS&THPT Mỹ Quý                | Xã Mỹ Quý Tây, Đức Huệ, Long An                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4241 | 49         | Long An     | 06            | Huyện Đức Huệ   | 068       | THCS&THPT Mỹ Bình               | Xã Mỹ Bình, Đức Huệ, Long An                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4242 | 49         | Long An     | 06            | Huyện Đức Huệ   | 082       | TT.GDTX&KTTH-HN Đức Huệ         | Thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Long An                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4243 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 011       | THPT Đức Hòa                    | IT Đức Hoà, huyện Đức Hoà, Long An                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4244 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 012       | THPT Hậu Nghĩa                  | khu A TT Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, Long An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4245 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 025       | THPT Vô Văn Tàn                 | Khu III, TT Đức Hoà, huyện Đức Hoà, Long An                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4246 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 026       | THPT Nguyễn Công Trứ            | Ô 5, Khu B, TT Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, Long An                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4247 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 031       | THPT An Ninh                    | ấp Hoà Hiệp 1, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hoà, Long An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4248 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 041       | TT.GDNN-GDTX huyện Đức Hòa      | IT Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, Long An                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4249 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 050       | TT.GDTX&KTTH-HN Vô Văn Tàn      | K3, TT Đức Hoà, huyện Đức Hoà, Long An                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4250 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 065       | TC nghề Đức Hòa                 | 180A, đường 3/2, thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4251 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 072       | THPT Năng khiếu Đại học Tân Tạo | Xã Hựu Thạnh, Đức Hòa, Long An                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4252 | 49         | Long An     | 07            | Huyện Đức Hòa   | 083       | TT.GDTX&KTTH-HN Đức Hoà         | Thị trấn Hậu Nghĩa, huyện Đức Hoà, Long An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4253 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 006       | THPT Nguyễn Hữu Thọ             | ấp Phước Tú, Thanh Phú, Bến Lức, Long An                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4254 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 022       | TH,THCS&THPT iSCHOOL Long An    | Số 6, khu phố 3, đường Mai Thị Non, Thị Trấn Bến Lức, Bến Lức, Long An. | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4255 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 033       | THPT Gò Đen                     | ấp 4, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, Long An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4256 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 042       | TT.GDNN-GDTX huyện Bến Lức      | khu phố 3, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, Long An                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4257 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 059       | THCS&THPT Lương Hòa             | xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, Long An                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4258 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 064       | CĐ nghề Tây Sài Gòn             | ấp 8, xã Lương Hòa, Bến Lức, Bến Lức                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4259 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 070       | TC KT-KT Long An                | Số 277, QL 1A, Thị trấn Bến Lức, Bến Lức, Long An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4260 | 49         | Long An     | 08            | Huyện Bến Lức   | 084       | TT.GDTX&KTTH-HN Bến Lức         | khu phố 3, TT Bến Lức, huyện Bến Lức, Long An                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4261 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa  | 005       | THPT Thủ Thừa                   | ấp Cầu Xây, TT Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Long An                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4262 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa  | 021       | THPT Thủ Khoa Thửa              | ấp 3, TT Thủ Thừa, huyện Thủ Thừa, Long An                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4263 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa  | 034       | THPT Mỹ Lạc                     | ấp Bà Mía, Mỹ Lạc, Thủ Thừa, Long An                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4264 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa  | 043       | TT.GDNN-GDTX huyện Thủ Thừa     | ấp Bình Lương 1, Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, Long An                    | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                    | Địa Chỉ                                                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4265 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa   | 069       | TH-THCS&THPT Bồ Đề Phương Duy | 6/115 Nguyễn Trung Trực, TT Thủ Thừa, Thủ Thừa, Long An       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4266 | 49         | Long An     | 09            | Huyện Thủ Thừa   | 085       | TT.GDTX&KTTH-HN Thủ Thừa      | ấp Bình Lương 1, Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa, Long An          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4267 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 003       | THPT Nguyễn Thông             | ấp Phú Thạnh, TT Tầm Vu, huyện Châu Thành, Long An            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4268 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 019       | THPT Châu Thành               | Khóm 3, TT Tầm Vu, huyện Châu Thành, Long An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4269 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 044       | TT.GDNN-GDTX huyện Châu Thành | Khu phố 2, TT Tầm Vu, huyện Châu Thành, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4270 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 054       | THPT Phan Văn Đạt             | ấp Bình Thạnh 2, xã Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4271 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 086       | TT.GDTX&KTTH-HN Châu Thành    | Khu Phố 2, TT Tầm Vu, huyện Châu Thành, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4272 | 49         | Long An     | 10            | Huyện Châu Thành | 093       | THCS&THPT Thuận Mỹ            | ấp Bình Thạnh 2, xã Thuận Mỹ, Châu Thành, Long An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4273 | 49         | Long An     | 11            | Huyện Tân Trụ    | 004       | THPT Tân Trụ                  | ấp Bình Hòa, TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4274 | 49         | Long An     | 11            | Huyện Tân Trụ    | 020       | THPT Nguyễn Trung Trực        | ấp 5, xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ, Long An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4275 | 49         | Long An     | 11            | Huyện Tân Trụ    | 045       | TT.GDNN-GDTX huyện Tân Trụ    | ấp Tân Bình, TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4276 | 49         | Long An     | 11            | Huyện Tân Trụ    | 087       | TT.GDTX&KTTH-HN Tân Trụ       | ấp Tân Bình, TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ, Long An               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4277 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 007       | THPT Cần Đước                 | Khu 1B, TT Cần Đước, huyện Cần Đước, Long An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4278 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 008       | THPT Rạch Kiến                | ấp 5, Long Hoà, huyện Cần Đước, Long An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4279 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 023       | THPT Chu Văn An               | Khu 1B, TT Cần Đước, huyện Cần Đước, Long An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4280 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 024       | THPT Long Hòa                 | ấp 5, Long Hoà, huyện Cần Đước, Long An                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4281 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 046       | TT.GDNN-GDTX huyện Cần Đước   | Khu 1B, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, Long An            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4282 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 055       | THCS&THPT Long Cang           | ấp 3, Long Cang, huyện Cần Đước, Long An                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4283 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 056       | THPT Long Hựu Đông            | ấp Chợ, xã Long Hựu Đông, Cần Đước, Long An                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4284 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 088       | TT.GDTX&KTTH-HN Cần Đước      | Khu 1B,Thị Trấn Cần Đước, Huyện Cần Đước, Long An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4285 | 49         | Long An     | 12            | Huyện Cần Đước   | 094       | THCS&THPT Long Hựu Đông       | ấp Chợ, xã Long Hựu Đông, Cần Đước, Long An                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4286 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc  | 009       | THPT Đông Thạnh               | ấp Bắc, Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc, Long An                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4287 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc  | 010       | THPT Cần Giuộc                | KP. Hoà Thuận 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Long An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4288 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc  | 027       | THPT Nguyễn Đình Chiểu        | Ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, Long An              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4289 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc  | 029       | THCS&THPT Long Thượng         | ấp Long Thạnh, Long Thượng, huyện Cần Giuộc, Long An          | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                      | Địa Chỉ                                                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4290 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc        | 047       | TT.GDNN-GDTX huyện Cần Giuộc                    | Khóm II, TT Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Long An                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4291 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc        | 067       | TC nghề Cần Giuộc                               | 96, đường tỉnh 835A, xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4292 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc        | 075       | THCS&THPT Nguyễn Thị Một                        | Áp Tân Thanh B, Phước Lại, Cần Giuộc, Long An.                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4293 | 49         | Long An     | 13            | Huyện Cần Giuộc        | 089       | TT.GDTX&KTTH-HN Cần Giuộc                       | Khóm II, TT Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, Long An                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4294 | 49         | Long An     | 14            | Huyện Tân Hưng         | 032       | THPT Tân Hưng                                   | Số 01, đường Gò Gòn, Khu phố Rọc Chanh A, Thị trấn Tân Hưng, Tân Hưng, Long An | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4295 | 49         | Long An     | 14            | Huyện Tân Hưng         | 048       | TT.GDNN-GDTX huyện Tân Hưng                     | Thị trấn Tân Hưng, huyện Tân Hưng, Long An                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4296 | 49         | Long An     | 14            | Huyện Tân Hưng         | 074       | THCS&THPT Hưng Điền B                           | Áp Kinh Mới, Hưng Điền B, Tân Hưng, Long An                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4297 | 49         | Long An     | 14            | Huyện Tân Hưng         | 090       | TT.GDTX&KTTH-HN Tân Hưng                        | Thị trấn Tân Hưng, huyện Tân Hưng, Long An                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4298 | 49         | Long An     | 15            | Thị xã Kiến Tường      | 016       | THPT Kiến Tường                                 | 365 Lê Lợi, KP 5, phường 1, TX Kiến Tường, Long An                             | Khu vực 2    | Không       |
| 4299 | 49         | Long An     | 15            | Thị xã Kiến Tường      | 037       | TT.GDNN-GDTX Thị xã Kiến Tường                  | 304/06, Lê Lợi (núi dài), KP 3, phường 1, TX Kiến Tường, Long An               | Khu vực 2    | Không       |
| 4300 | 49         | Long An     | 15            | Thị xã Kiến Tường      | 066       | TC nghề Đồng Tháp Mười                          | Khu phố 3, phường 3, thị xã Kiến Tường, Long An                                | Khu vực 2    | Không       |
| 4301 | 49         | Long An     | 15            | Thị xã Kiến Tường      | 079       | TT.GDTX&KTTH-HN TX Kiến Tường                   | Đường Lê Lợi , KP 3, phường 1, TX Kiến Tường, Long An                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4302 | 50         | Đồng Tháp   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_50                             | 06, Võ Trường Toản, F1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                                 | Khu vực 3    | Không       |
| 4303 | 50         | Đồng Tháp   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_50                   | Đồng Tháp                                                                      | Khu vực 3    | Không       |
| 4304 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 001       | THPT Châu Thành 1                               | Xã Tân Nhuận Đông, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4305 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 002       | THPT Châu Thành 2                               | ITr. Cái Tàu Hạ, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4306 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 003       | THPT Tân Phú Trung                              | Xã Tân Phú Trung, H. Châu Thành, Đồng Tháp                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4307 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 004       | THPT Nha Môn                                    | Xã Tân Nhuận Đông, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4308 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 053       | TT Dạy nghề - GDTX Châu Thành                   | ITr. Cái Tàu Hạ, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4309 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 067       | TT GDTX Châu Thành                              | ITr. Cái Tàu Hạ, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4310 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 078       | THPT bán công Châu Thành                        | Xã Tân Nhuận Đông, Châu Thành, Đồng Tháp                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4311 | 50         | Đồng Tháp   | 01            | Huyện Châu Thành       | 091       | TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Châu Thành | ITr. Cái Tàu Hạ, H.Châu Thành, Đồng Tháp                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4312 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 005       | THPT Lai Vung 1                                 | Xã Long Hậu, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4313 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 006       | THPT Lai Vung 2                                 | Xã Tân Hòa, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4314 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 007       | THPT Lai Vung 3                                 | Xã Tân Thành, H. Lai Vung, Đồng Tháp                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4315 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 008       | THPT Phan Văn Bảy                               | Xã Long Hậu, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4316 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 054       | TT Dạy nghề - GDTX Lai Vung                     | Xã Long Hậu, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4317 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 068       | TT GDTX Lai Vung                                | ITr. Lai Vung, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4318 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 079       | THPT bán công Lai Vung                          | ITr. Lai Vung, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4319 | 50         | Đồng Tháp   | 02            | Huyện Lai Vung         | 092       | TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Lai Vung   | Xã Long Hậu, H.Lai Vung, Đồng Tháp                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4320 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò           | 009       | THPT Lấp Vò 1                                   | ITr. Lấp Vò, H.Lấp Vò, Đồng Tháp                                               | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4321 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 010       | THPT Lấp Vò 2                                      | Xã Tân Mỹ, H.Lấp Vò, Đồng Tháp                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4322 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 011       | THPT Lấp Vò 3                                      | Xã Long Hưng B, H.Lấp Vò, Đồng Tháp                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4323 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 012       | THPT Nguyễn Trãi                                   | ITr. Lấp Vò, H.Lấp Vò, Đồng Tháp                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4324 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 013       | THCS & THPT Bình Thạnh Trung                       | Xã Bình Thạnh Trung, H. Lấp Vò, Đồng Tháp             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4325 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 055       | TT Dạy nghề - GDTX Lấp Vò                          | Xã Bình Thạnh Trung, H.Lấp Vò, Đồng Tháp              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4326 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 069       | TT GDTX Lấp Vò                                     | Xã Bình Thạnh Trung, H.Lấp Vò, Đồng Tháp              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4327 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 080       | THPT bán công Lấp Vò                               | ITr.Lấp Vò, Lấp Vò, Đồng Tháp                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4328 | 50         | Đồng Tháp   | 03            | Huyện Lấp Vò       | 093       | TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Lấp Vò        | Xã Bình Thạnh Trung, H.Lấp Vò, Đồng Tháp              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4329 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 014       | THPT Thành phố Sa Đéc                              | Phường 1, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4330 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 015       | THPT Nguyễn Du                                     | Phường An Hoà, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4331 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 016       | THPT chuyên Nguyễn Đình Chiểu                      | Xã Tân Phú Đông, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4332 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 048       | TT GDTX thành phố Sa Đéc                           | Phường 1, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4333 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 060       | CD nghề Đồng Tháp                                  | Phường 3, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4334 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 077       | THPT thị xã Sa Đéc                                 | Phường 1, TP Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4335 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 081       | THPT bán công Đồ Chiểu                             | Phường 1, TX Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4336 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 088       | THPT Tư thực Đồ Chiểu                              | Phường 1, TX Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4337 | 50         | Đồng Tháp   | 04            | Thành phố Sa Đéc   | 090       | THPT Đồ Chiểu                                      | Phường 1, TX Sa Đéc, Đồng Tháp                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4338 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 017       | THPT thành phố Cao Lãnh                            | Phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4339 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 018       | THPT Trần Quốc Toản                                | Phường 11, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4340 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 019       | THPT Kỹ Thuật                                      | Phường 1, TP.Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4341 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 020       | THPT Đỗ Công Tường                                 | Phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp              | Khu vực 2    | Không       |
| 4342 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 021       | THPT Thiên Hộ Dương                                | Phường 6, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4343 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 022       | Năng khiếu TDTT                                    | Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4344 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 023       | THPT chuyên Nguyễn Quang Diêu                      | Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4345 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 049       | TT GDTX - KTHN tỉnh Đồng Tháp                      | Phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4346 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 061       | Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải Đồng Tháp | Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4347 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 065       | CD Nghề Cơ điện Xây dựng Việt Xô                   | Phường Trung Sơn, Thành phố Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình. | Khu vực 2    | Không       |
| 4348 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 066       | Cao đẳng cộng đồng Đồng Tháp                       | Phường Hòa Thuận, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp              | Khu vực 2    | Không       |
| 4349 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 082       | THPT bán công TX Cao Lãnh                          | Phường 1, TX Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4350 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 098       | Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao   | Phường Mỹ Phú, TP cao Lãnh, Đồng Tháp                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4351 | 50         | Đồng Tháp   | 05            | Thành phố Cao Lãnh | 102       | TT GDTX tỉnh Đồng Tháp                             | Phường 1, TP Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4352 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 024       | THPT Cao Lãnh 1                                    | ITr. Mỹ Thọ, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4353 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 025       | THPT Cao Lãnh 2                                    | Xã Mỹ Long, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4354 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 026       | THPT Thống Linh                                    | Xã Phương Trà, H. Cao Lãnh, Đồng Tháp                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4355 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 027       | THPT Kiên Văn                                      | Xã Mỹ Hội, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4356 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 028       | THCS và THPT Nguyễn Văn Khai                       | Xã Bình Hàng Trung, H. Cao Lãnh, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4357 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 056       | TT Dạy nghề - GDTX H.Cao Lãnh                      | ITr. Mỹ Thọ, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4358 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 070       | TT GDTX huyện Cao Lãnh                             | ITr. Mỹ Thọ, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4359 | 50         | Đồng Tháp   | 06            | Huyện Cao Lãnh     | 083       | THPT bán công H. Cao Lãnh                          | Xã Mỹ Hội, H.Cao Lãnh, Đồng Tháp                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4360 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười    | 029       | THPT Tháp Mười                                     | ITr. Mỹ An, H.Tháp Mười, Đồng Tháp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4361 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười    | 030       | THPT Trường Xuân                                   | Xã Trường Xuân, H.Tháp Mười, Đồng Tháp                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4362 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười    | 031       | THPT Mỹ Quý                                        | Xã Mỹ Quý, H.Tháp Mười, Đồng Tháp                     | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                    | Địa Chỉ                                           | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4363 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 032       | THPT Đốc Bình Kiều                            | ITr. Mỹ An, H. Tháp Mười, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4364 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 033       | THPT Phú Điền                                 | Xã Phú Điền, H. Tháp Mười, Đồng Tháp              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4365 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 050       | Trung cấp nghề - GDTX Tháp Mười               | ITr. Mỹ An, H. Tháp Mười, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4366 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 062       | Trường TC Nghề Tháp Mười                      | ITr. Mỹ An, H. Tháp Mười, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4367 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 071       | TT GDTX Tháp Mười                             | ITr. Mỹ An, H. Tháp Mười, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4368 | 50         | Đồng Tháp   | 07            | Huyện Tháp Mười  | 084       | THPT bán công Tháp Mười                       | ITr. Mỹ An, H. Tháp Mười, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4369 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 034       | THPT Tam Nông                                 | Xã Phú Ninh, H. Tam Nông, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4370 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 035       | THPT Tràm Chim                                | ITr. Tràm Chim, H. Tam Nông, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4371 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 036       | THCS và THPT Hòa Bình                         | Xã Hòa Bình, H. Tam Nông, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4372 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 057       | TT Dạy nghề - GDTX Tam Nông                   | ITr. Tràm Chim, H. Tam Nông, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4373 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 072       | TT GDTX Tam Nông                              | ITr. Tràm Chim, H. Tam Nông, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4374 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 085       | THPT bán công Tam Nông                        | Xã An Long, Tam Nông, Đồng Tháp                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4375 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 089       | THPT Lê Quý Đôn                               | xã An Long, Tam Nông, Đồng Tháp                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4376 | 50         | Đồng Tháp   | 08            | Huyện Tam Nông   | 099       | THCS - THPT Phú Thành A                       | xã Phú Thành A, huyện Tam Nông, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4377 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 037       | THPT Thanh Bình 1                             | ITr. Thanh Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4378 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 038       | THPT Thanh Bình 2                             | Xã Tân Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4379 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 039       | THPT Trần Văn Năng                            | ITr. Thanh Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4380 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 051       | Trung cấp nghề - GDTX Thanh Bình              | ITr. Thanh Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4381 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 063       | Trung cấp nghề Thanh Bình                     | ITr. Thanh Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4382 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 073       | TT GDTX Thanh Bình                            | ITr. Thanh Bình, H. Thanh Bình, Đồng Tháp         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4383 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 086       | THPT bán công Thanh Bình                      | ITr. Thanh Bình, Thanh Bình, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4384 | 50         | Đồng Tháp   | 09            | Huyện Thanh Bình | 100       | THCS - THPT Tân Mỹ                            | xã Tân Mỹ, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4385 | 50         | Đồng Tháp   | 10            | Thị xã Hồng Ngự  | 040       | THPT Hồng Ngự 1                               | Phường An Lộc, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp            | Khu vực 2    | Không       |
| 4386 | 50         | Đồng Tháp   | 10            | Thị xã Hồng Ngự  | 041       | THPT Chu Văn An                               | Phường An Thạnh, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp          | Khu vực 2    | Không       |
| 4387 | 50         | Đồng Tháp   | 10            | Thị xã Hồng Ngự  | 052       | Trung cấp nghề - GDTX Hồng Ngự                | Xã An Bình A, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp             | Khu vực 2    | Không       |
| 4388 | 50         | Đồng Tháp   | 10            | Thị xã Hồng Ngự  | 064       | Trường TC Nghề Hồng Ngự                       | Phường An Lộc, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp            | Khu vực 2    | Không       |
| 4389 | 50         | Đồng Tháp   | 10            | Thị xã Hồng Ngự  | 074       | TT GDTX TX Hồng Ngự                           | Phường An Thạnh, TX. Hồng Ngự, Đồng Tháp          | Khu vực 2    | Không       |
| 4390 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 042       | THPT Hồng Ngự 2                               | Xã Phú Thuận A, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4391 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 043       | THPT Hồng Ngự 3                               | Thị trấn Thường Thới Tiền, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4392 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 044       | THPT Long Khánh A                             | Xã Long Khánh A, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4393 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 058       | TT Dạy nghề - GDTX huyện Hồng Ngự             | Xã Thường Thới Tiền, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4394 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 075       | TT GDTX huyện Hồng Ngự                        | Xã Thường Thới Tiền, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4395 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 087       | THPT bán công Hồng Ngự                        | ITr. Hồng Ngự, Hồng Ngự, Đồng Tháp                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4396 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 094       | TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Hồng Ngự | Xã Thường Thới Tiền, H. Hồng Ngự, Đồng Tháp       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4397 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 096       | THPT Hồng Ngự 1                               | QL 30, Hồng Ngự, Đồng Tháp                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4398 | 50         | Đồng Tháp   | 11            | Huyện Hồng Ngự   | 097       | THPT Chu Văn An                               | Hồng Ngự, Đồng Tháp                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4399 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng   | 045       | THPT Tân Hồng                                 | ITr. Sa Rài, H. Tân Hồng, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4400 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng   | 046       | THPT Giồng Thị Đam                            | Xã An Phước, H. Tân Hồng, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4401 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng   | 047       | THPT Tân Thành                                | Xã Tân Thành A H. Tân Hồng, Đồng Tháp             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4402 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng   | 059       | TT Dạy nghề - GDTX Tân Hồng                   | ITr. Sa Rài, H. Tân Hồng, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4403 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng   | 076       | TT GDTX Tân Hồng                              | ITr. Sa Rài, H. Tân Hồng, Đồng Tháp               | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                  | Địa Chỉ                                                    | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4404 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng         | 095       | TT Giáo dục nghề nghiệp - GDTX huyện Tân Hồng               | TTr. Sa Rài, H.Tân Hồng, Đồng Tháp                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4405 | 50         | Đồng Tháp   | 12            | Huyện Tân Hồng         | 101       | THCS và THPT Giồng Thị Đam                                  | xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, Đồng Tháp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4406 | 51         | An Giang    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 51                                         |                                                            | Khu vực 3    | Không       |
| 4407 | 51         | An Giang    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 51                               | 0000                                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 4408 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 001       | THPT Long Xuyên                                             | Ph. Mỹ Long, Long Xuyên                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4409 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 002       | THPT Chuyên Thoại Ngọc Hầu                                  | 5B Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, TP.Long Xuyên                | Khu vực 2    | Không       |
| 4410 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 003       | PT ISCHOOL Long Xuyên                                       | khóm Bình Thới 3, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên            | Khu vực 2    | Không       |
| 4411 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 004       | THPT Mỹ Thới                                                | P. Mỹ Thới, Long Xuyên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4412 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 005       | CĐ Nghề An Giang                                            | 165A Trần Hưng Đạo, P.Bình Khánh,Long Xuyên, AG            | Khu vực 2    | Không       |
| 4413 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 006       | TT GDTX An Giang                                            | P. Mỹ Xuyên, Long Xuyên                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4414 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 007       | PT Chương Binh Lễ                                           | P. Mỹ Bình, Long Xuyên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4415 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 045       | THY Tế                                                      | số 20 Nguyễn Văn Linh, P. Mỹ Phước,Long Xuyên, AG          | Khu vực 2    | Không       |
| 4416 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 051       | THPT Bình Khánh                                             | P. Bình Khánh, Long Xuyên                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4417 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 068       | Năng khiếu thể thao                                         | P. Mỹ Bình, Long Xuyên, AG                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4418 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 069       | THPT Mỹ Hòa Hưng                                            | ấp Mỹ an 1, xã Mỹ Hòa Hưng, TP Long Xuyên, AG              | Khu vực 2    | Không       |
| 4419 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 070       | TC Nghề KTKT Công Đoàn AG                                   | Đường Quân Cơ Thành, P. Bình Khánh, Long Xuyên, AG         | Khu vực 2    | Không       |
| 4420 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 074       | PT Thực hành Sư phạm                                        | 20 Võ Thị Sáu, P. Đông Xuyên, Long Xuyên, AG               | Khu vực 2    | Không       |
| 4421 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 075       | PT Quốc tế GIS                                              | P. Mỹ Hòa (khu hành chính), Long Xuyên, AG                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4422 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 078       | THPT Nguyễn Công Trứ                                        | P. Mỹ Thới, Long Xuyên                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4423 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 086       | THPT Nguyễn Hiền                                            | P. Bình Khánh, Long Xuyên, AG                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4424 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 096       | THCS-THPT Mỹ Hòa Hưng                                       | ấp Mỹ an 1, xã Mỹ Hòa Hưng, TP Long Xuyên, AG              | Khu vực 2    | Không       |
| 4425 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 101       | Cao Đẳng Y Tế An Giang                                      | số 20 Nguyễn Văn Linh, P. Mỹ Phước,Long Xuyên, AG          | Khu vực 2    | Không       |
| 4426 | 51         | An Giang    | 01            | Thành phố Long Xuyên   | 102       | Trung tâm Đào tạo, Huấn luyện & Thi đấu Thể dục thể thao AG | 25 Yết Kiêu, phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang | Khu vực 2    | Không       |
| 4427 | 51         | An Giang    | 02            | Thành phố Châu Đốc     | 008       | THPT Chuyên Thủ Khoa Nghĩa                                  | Nguyễn Đình Chiểu, P. Châu phú A, TP. Châu Đốc             | Khu vực 2    | Không       |
| 4428 | 51         | An Giang    | 02            | Thành phố Châu Đốc     | 009       | THPT Võ Thị Sáu                                             | Lê Lợi, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4429 | 51         | An Giang    | 02            | Thành phố Châu Đốc     | 055       | TT. GDTX Châu Đốc                                           | P. Châu phú A, thị xã Châu Đốc                             | Khu vực 2    | Không       |
| 4430 | 51         | An Giang    | 02            | Thành phố Châu Đốc     | 071       | TC Nghề Châu Đốc                                            | khóm Châu Long 8, P.Châu Long, TP. Châu Đốc                | Khu vực 2    | Không       |
| 4431 | 51         | An Giang    | 02            | Thành phố Châu Đốc     | 081       | PT DTNT THPT An Giang                                       | Khóm Châu Thới 1, P. Châu Phú B, TP Châu Đốc, AG           | Khu vực 1    | Có          |
| 4432 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú           | 010       | THPT An Phú                                                 | TTr. An Phú, H. An Phú                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4433 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú           | 011       | THPT An Phú 2                                               | TTr. An Phú, H. An Phú                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4434 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú           | 012       | THPT Quốc Thái                                              | Ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, H. An phú                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4435 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú           | 062       | TTDN-GDTX An Phú                                            | ấp An Hưng, TTr. An Phú, H. An Phú                         | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện  | Mã Trường | Tên Trường                     | Địa Chỉ                                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-----------------|-----------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4436 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú    | 066       | THPT Vĩnh Lộc                  | ấp 1, xã Vĩnh Lộc, An Phú                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4437 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú    | 092       | TT GDNN-GDTX An Phú            | ấp An Hưng, TTr. An Phú, H. An Phú, AG                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4438 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú    | 098       | THCS-THPT Vĩnh Lộc             | Ấp Vĩnh Thạnh, Xã Vĩnh Lộc, An Phú, AG                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4439 | 51         | An Giang    | 03            | Huyện An Phú    | 099       | THPT Lương Thê Vinh            | ITr. An Phú, H. An Phú, AG                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4440 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 013       | THPT Tân Châu                  | Thị xã Tân Châu, An Giang                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4441 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 014       | THPT Đức Trí (Trước 29/7/2019) | Thị xã Tân Châu, An Giang                                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4442 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 015       | THPT Vĩnh Xương                | Xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, AG                          | Khu vực 1    | Không       |
| 4443 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 050       | THPT Châu Phong                | Vĩnh Lợi I, Châu Phong, TX.Tân Châu                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4444 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 056       | IT. GDTX Tân Châu              | ITr. Tân Châu, H. Tân Châu                                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4445 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 067       | THPT Nguyễn Quang Điều         | ấp Tân Phú B, xã Tân An, Thị xã Tân Châu, AG                | Khu vực 2    | Không       |
| 4446 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 072       | TC Nghề Tân Châu               | ấp Tân Phú, xã Tân An, Thị xã Tân Châu, AG                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4447 | 51         | An Giang    | 04            | Thị xã Tân Châu | 103       | THPT Nguyễn Sinh Sắc           | Tỉnh lộ 954, nhóm Long Hưng 2, P. Long Sơn, TX Tân Châu, AG | Khu vực 2    | Không       |
| 4448 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 016       | THPT Chu Văn An                | ITr. Phú Mỹ, H. Phú Tân                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4449 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 017       | PT Phú Tân                     | ITr. Phú Mỹ, H. Phú Tân                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4450 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 018       | THPT Nguyễn Chí Thanh          | ITr. Chợ Vàm, H. Phú Tân                                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4451 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 046       | THPT Hoà Lạc                   | Xã Hòa Lạc, H. Phú Tân                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4452 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 052       | THPT Bình Thạnh Đông           | Xã Bình Thạnh Đông, Phú Tân                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4453 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 057       | TTDN-GDTX Phú Tân              | ấp trung 1, TTr. Phú Mỹ, H. Phú Tân                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4454 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 079       | THCS-THPT Phú Tân              | ITr. Phú Mỹ, H. Phú Tân                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4455 | 51         | An Giang    | 05            | Huyện Phú Tân   | 087       | TT GDNN-GDTX Phú Tân           | ấp trung 1, TTr. Phú Mỹ, H. Phú Tân, AG                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4456 | 51         | An Giang    | 06            | Huyện Tịnh Biên | 024       | THPT Tịnh Biên                 | ITr. Nhà Bàng, H. Tịnh Biên                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4457 | 51         | An Giang    | 06            | Huyện Tịnh Biên | 025       | THPT Chi Lăng                  | ITr. Chi Lăng, H. Tịnh Biên                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4458 | 51         | An Giang    | 06            | Huyện Tịnh Biên | 026       | THPT Xuân Tô                   | ITr. Tịnh Biên, H. Tịnh Biên                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4459 | 51         | An Giang    | 06            | Huyện Tịnh Biên | 064       | TTDN-GDTX Tịnh Biên            | Khóm Xuân Phú, TTr. Tịnh Biên, H. Tịnh Biên                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4460 | 51         | An Giang    | 06            | Huyện Tịnh Biên | 094       | TT GDNN-GDTX Tịnh Biên         | Khóm Xuân Phú, TTr. Tịnh Biên, H. Tịnh Biên, AG             | Khu vực 1    | Không       |
| 4461 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 027       | THPT Nguyễn Trung Trực         | ITr. Tri Tôn, H. Tri Tôn                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4462 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 028       | THPT Dân Tộc Nội Trú           | Xã Châu Lăng, H. Tri Tôn                                    | Khu vực 1    | Có          |
| 4463 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 029       | THPT Ba Chúc                   | ITr. Ba Chúc, H. Tri Tôn                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4464 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 065       | TT. GDTX Tri Tôn               | ITr. Tri Tôn, H. Tri Tôn                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4465 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 073       | TC Nghề Dân tộc Nội Trú AG     | ấp Tô Hạ, xã Núi Tô, H. Tri Tôn, AG                         | Khu vực 1    | Có          |
| 4466 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 077       | PT Cô Tô                       | Sóc Triết, xã Cô Tô, Tri Tôn, An Giang                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4467 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 095       | TT GDNN-GDTX Tri Tôn           | ITr. Tri Tôn, H. Tri Tôn, AG                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4468 | 51         | An Giang    | 07            | Huyện Tri Tôn   | 097       | THCS-THPT Cô Tô                | Sóc Triết, xã Cô Tô, Tri Tôn, An Giang                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4469 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 019       | THPT Trần Văn Thành            | ITr. Cái Dầu, H. Châu Phú                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4470 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 020       | THPT Châu Phú                  | Xã Mỹ Đức, H. Châu phú                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4471 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 021       | THPT Thanh Mỹ Tây              | Xã Thanh Mỹ Tây, H. Châu Phú                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4472 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 022       | THPT Bình Mỹ                   | Xã Bình Mỹ, H. Châu Phú                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4473 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 023       | PT Bình Long                   | Xã Bình Long, H. Châu Phú                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4474 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 061       | TTDN-GDTX Châu Phú             | ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, H. Châu Phú, AG         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4475 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 076       | TC Kinh tế - Kỹ thuật AG       | QL91, tổ10, ấpVĩnh Phú, xã Vĩnh Thạnh Trung, Châu Phú, AG   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4476 | 51         | An Giang    | 08            | Huyện Châu Phú  | 080       | THCS-THPT Bình Long            | Xã Bình Long, H. Châu Phú                                   | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                       | Địa Chỉ                                                              | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4477 | 51         | An Giang        | 08            | Huyện Châu Phú         | 091       | TT GDNN-GDTX Châu Phú            | ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, H. Châu Phú, AG                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4478 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 030       | THPT Nguyễn Hữu Cảnh             | TTr. Chợ Mới, H. Chợ Mới                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4479 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 031       | THPT Châu Văn Liêm               | TTr. Mỹ Luông, H. Chợ Mới                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4480 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 032       | THPT Huỳnh Thị Hường             | Xã Hội An, H. Chợ Mới                                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4481 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 033       | THPT Long Kiên                   | Xã Long Kiên, H. Chợ Mới                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4482 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 034       | THPT Mỹ Hiệp                     | Xã Mỹ Hiệp, H. Chợ Mới                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4483 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 047       | THPT Mỹ Hội Đông                 | Xã Mỹ Hội Đông, H. Chợ Mới                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4484 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 049       | THPT Hòa Bình                    | Xã Hòa Bình, H. Chợ Mới                                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4485 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 058       | TT. GDTX Chợ Mới                 | TTr. Chợ Mới, H. Chợ Mới                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4486 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 059       | TT. GDTX Mỹ Luông                | TTr. Mỹ Luông, H. Chợ Mới                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4487 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 082       | THPT Ung Văn Khiêm               | Xã Long Kiên, H. Chợ Mới, AG                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4488 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 083       | THPT Nguyễn Văn Hường            | Xã Mỹ Hiệp, H. Chợ Mới, AG                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4489 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 084       | THPT Lương Văn Cù                | Xã Mỹ Hội Đông, H. Chợ Mới, AG                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4490 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 085       | THPT Võ Thành Trinh              | Xã Hòa Bình, H. Chợ Mới, AG                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4491 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 088       | TT GDNN-GDTX Chợ Mới             | Châu văn Liêm, TTr. Chợ Mới, H. Chợ Mới, AG                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4492 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 089       | TC Nghề Chợ Mới                  | TTr. Mỹ Luông, H. Chợ Mới, AG                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4493 | 51         | An Giang        | 09            | Huyện Chợ Mới          | 100       | TC Kỹ thuật - Công nghệ An Giang | Đường 942, Lô Vòng cung, ấp Mỹ Hòa, TTr. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, AG | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4494 | 51         | An Giang        | 10            | Huyện Châu Thành       | 037       | THPT Nguyễn Bình Khiêm           | ấp Hòa Long 3, TTr. An Châu, H. Châu Thành                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4495 | 51         | An Giang        | 10            | Huyện Châu Thành       | 039       | THPT Vĩnh Bình                   | Xã Vĩnh Bình, H. Châu Thành                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4496 | 51         | An Giang        | 10            | Huyện Châu Thành       | 053       | THPT Cần Đăng                    | Xã Cần Đăng, H. Châu Thành                                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4497 | 51         | An Giang        | 10            | Huyện Châu Thành       | 063       | TTDN-GDTX Châu Thành             | ấp Hòa Long 1, TTr. An Châu, H. Châu Thành                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4498 | 51         | An Giang        | 10            | Huyện Châu Thành       | 093       | TT GDNN-GDTX Châu Thành          | ấp Hòa Long 1, TTr. An Châu, H. Châu Thành, AG                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4499 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 040       | THPT Nguyễn Văn Thoại            | Nam Sơn, TTr. Núi Sập, H. Thoại Sơn                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4500 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 041       | THPT Nguyễn Khuyến               | Ấp Phú An, TTr. Phú Hòa, H. Thoại Sơn                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4501 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 044       | THPT Vọng Thê                    | TTr. ốc Eo, H. Thoại Sơn                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4502 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 048       | THPT Vĩnh Trạch                  | Xã Vĩnh Trạch, H. Thoại Sơn                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4503 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 060       | TTDN-GDTX Thoại Sơn              | ấp Tây Sơn, TTr. Núi Sập, H. Thoại Sơn                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4504 | 51         | An Giang        | 11            | Huyện Thoại Sơn        | 090       | TT GDNN-GDTX Thoại Sơn           | ấp Tây Sơn, TTr. Núi Sập, H. Thoại Sơn, AG                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4505 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_52              |                                                                      | Khu vực 3    | Không       |
| 4506 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ_52    |                                                                      | Khu vực 3    | Không       |
| 4507 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 001       | THPT Vũng Tàu                    | Số 9,đường Thi Sách, Phường 8                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4508 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 002       | THPT Trần Nguyên Hân             | số 16, đường 30/4, Phường 9                                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4509 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 003       | THPT Đinh Tiên Hoàng             | 16/15/2 XVNT, phường Thắng Tam, Tp Vũng Tàu                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4510 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 004       | THPT Chuyên Lê Quý Đôn           | Đường 3/2 Ph. 11, TP Vũng Tàu                                        | Khu vực 2    | Không       |
| 4511 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 005       | THPT Nguyễn Huệ                  | Số 977 Bình Giã, Phường Rạch Dừa                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4512 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 006       | THPT Lê Hồng Phong               | Số 209, đường Bình Giã, Phường 8                                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4513 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 007       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai        | Số 935/10/7 Bình Giã, phường Rạch Dừa, Tp Vũng Tàu                   | Khu vực 2    | Không       |
| 4514 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 008       | THCS - THPT Song ngữ             | Số 1 A Nguyễn Trường Tộ, P.3, Tp Vũng Tàu                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4515 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 034       | TTGDTX-HN Vũng Tàu               | 15 Nguyễn Du, phường 1                                               | Khu vực 2    | Không       |
| 4516 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu     | 046       | Tiểu học, THCS, THPT Việt Mỹ     | Phường 1, TP.Vũng Tàu, BRVT                                          | Khu vực 2    | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện              | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                             | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-----------------|---------------|-----------------------------|-----------|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4517 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 061       | BT VH Cấp 2,3 Nguyễn Thái Học          | Ph. 8 Vũng Tàu                                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4518 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 062       | CĐ nghề Dầu khí                        | Số 43 đường 30 tháng 4, Ph. 9, Tp Vũng Tàu                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4519 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 063       | TC nghề Giao thông vận tải             | Đường 3 tháng 2, Ph. 11, Tp Vũng Tàu                                | Khu vực 2    | Không       |
| 4520 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 064       | TC Công nghệ thông tin TM. COMPUTER    | Số 565 Trương Công Định, P.7, Tp Vũng Tàu                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4521 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 067       | CĐ nghề Du lịch Vũng Tàu               | Số 459 Trương Công Định, P.7, Tp Vũng Tàu                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4522 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 01            | Thành phố Vũng Tàu          | 068       | TC nghề KTKT Công đoàn Bà Rịa - VT     | Số 1A Nguyễn Trường Tộ, P.3, Tp Vũng Tàu                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4523 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 009       | THPT Châu Thành                        | số 174, đường 27/4, phường Phước Hiệp, Thành phố Bà Rịa             | Khu vực 2    | Không       |
| 4524 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 010       | THPT Bà Rịa                            | Nguyễn Tấn Thành, P.Phước Nguyên, Tp Bà Rịa                         | Khu vực 2    | Không       |
| 4525 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 011       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                 | Ph. Long Tân, Thành phố Bà Rịa                                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4526 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 012       | THPT DL Chu Văn An                     | Ph. Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4527 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 035       | TTGDTX tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu          | Ph. Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa                                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4528 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 02            | Thành phố Bà Rịa            | 042       | Tiểu học, THCS, THPT Học viện Anh Quốc | 165 Nguyễn Hữu Thọ, P.Phước Hiệp, Tp.Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Khu vực 2    | Không       |
| 4529 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 013       | THPT Xuyên Mộc                         | IT Phước Bửu, H. Xuyên Mộc                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4530 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 014       | THPT Phước Bửu                         | IT Phước Bửu, H. Xuyên Mộc                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4531 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 015       | THPT Hòa Bình                          | Xã hòa Bình, H Xuyên mộc                                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4532 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 016       | THPT Hoà Hội                           | Xã Hoà Hội H. Xuyên Mộc                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4533 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 017       | THPT Bưng Riềng                        | ấp 4, Xã Bưng Riềng, H. Xuyên Mộc                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4534 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 03            | Huyện Xuyên Mộc             | 036       | TTGDTX-DN-GTVL Xuyên Mộc               | IT Phước Bửu, H. Xuyên Mộc                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4535 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 021       | THPT Trần Văn Quan                     | IT Long Điền, H Long Điền                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4536 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 022       | THPT Long Hải - Phước Tinh             | IT Long Hải, H. Long Điền                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4537 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 023       | THPT Trần Quang Khải                   | Số 25 Trần Xuân Độ, T.Tr. Long Điền                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4538 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 024       | THPT Minh Đạm                          | Xã Phước Hưng, H. Long Điền                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4539 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 038       | TTGDTX Long Điền (Trước 01/7/2019)     | IT Long Điền, H. Long Điền                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4540 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 048       | TTGDTX Long Điền - Đất Đỏ              | Nguyễn Văn Trỗi, kp.Long Sơn, tt.Long Điền                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4541 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 04            | Huyện Long Điền             | 066       | CĐ nghề tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu           | IT Đất Đỏ, H. Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4542 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 05            | Huyện Côn Đảo               | 027       | THPT Võ Thị Sáu - Côn Đảo              | H. Côn Đảo                                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4543 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 05            | Huyện Côn Đảo               | 040       | TTGDTX Côn Đảo                         | Số 3 đường Nguyễn Huệ, H. Côn Đảo                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4544 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 018       | THPT Phú Mỹ (Trước 12/4/2018)          | IT Phú Mỹ, H. Tân Thành                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4545 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 019       | THPT Hắc Dịch                          | Phường Hắc Dịch, H. Tân Thành                                       | Khu vực 1    | Không       |
| 4546 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 020       | THPT Trần Hưng Đạo (Trước 12/4/2018)   | Xã Hội Bài, H. Tân thành                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4547 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 037       | TTGDTX Tân Thành (Trước 12/4/2018)     | Xã Phước Hòa, H. Tân Thành                                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4548 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 043       | THPT Phú Mỹ                            | Đường Trường Chinh, TT Phú Mỹ, tx.Phú Mỹ, BRVT                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4549 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 045       | THPT Trần Hưng Đạo                     | Tân Hải, Tx.Phú Mỹ, BRVT                                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4550 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 047       | TTGDTX Thị xã Phú Mỹ                   | Đường Trường Chinh, TT Phú Mỹ, tx.Phú Mỹ, BRVT                      | Khu vực 2    | Không       |
| 4551 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 06            | Thị xã Phú Mỹ (H.Tân Thành) | 065       | CĐ nghề quốc tế Hồng Lam               | ấp Vạn Hạnh, TT Phú Mỹ, H.Tân Thành, tỉnh BR-VT                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4552 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức              | 028       | THPT Nguyễn Du                         | IT Ngãi Giao, H. Châu Đức                                           | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP     | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                      | Địa Chỉ                                             | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-----------------|---------------|------------------------|-----------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4553 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 029       | THPT Nguyễn Trãi                                | IT Ngãi Giao, H. Châu Đức                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4554 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 030       | THPT Ngô Quyền                                  | Xã Đá Bạc, H. Châu Đức                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4555 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 031       | THPT Trần Phú                                   | Xã Kim Long, H. Châu Đức                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4556 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 032       | THPT Nguyễn Văn Cừ                              | Xã Xuân Sơn, H. Châu Đức                            | Khu vực 1    | Không       |
| 4557 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 033       | Phổ thông DTNT tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu           | Xã Bàu Chinh, H. Châu Đức                           | Khu vực 1    | Có          |
| 4558 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 07            | Huyện Châu Đức         | 041       | TTGDTX-DN-GTVL Châu Đức                         | IT Ngãi Giao, H. Châu Đức                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4559 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 08            | Huyện Đất Đỏ           | 025       | THPT Võ Thị Sáu                                 | Xã Phước Long Thọ, H. Đất Đỏ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4560 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 08            | Huyện Đất Đỏ           | 026       | THPT Dương Bạch Mai                             | Xã Phước Hội , H. Đất Đỏ                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4561 | 52         | Bà Rịa-Vũng Tàu | 08            | Huyện Đất Đỏ           | 039       | TTGDTX-HN Đất Đỏ (Trước 01/7/2019)              | Xã Phước Thạnh, H. Đất Đỏ                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4562 | 53         | Tiền Giang      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 53                             | Số 5, Hùng Vương                                    | Khu vực 3    | Không       |
| 4563 | 53         | Tiền Giang      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 53                   | Số 5, Hùng Vương                                    | Khu vực 3    | Không       |
| 4564 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 015       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                          | 8 Bis, Hùng Vương, Phường 1, TP. Mỹ Tho             | Khu vực 2    | Không       |
| 4565 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 016       | THPT Chuyên TG                                  | Áp Bình Tạo-Xã Trung An- TP.Mỹ Tho                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4566 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 017       | THPT Trần Hưng Đạo                              | Số 199, Trần Hưng Đạo Phường 6, TP Mỹ Tho           | Khu vực 2    | Không       |
| 4567 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 018       | THPT Áp Bắc                                     | Số 555 Áp Bắc , P5, TP Mỹ Tho , TG                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4568 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 035       | THPT Phước Thạnh                                | Xã Phước Thạnh, TP. Mỹ Tho                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4569 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 037       | Năng Khiếu Thể dục Thể Thao                     | Số 1A, Phan Lương Trục, Phường 6, TP MT             | Khu vực 2    | Không       |
| 4570 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 038       | Trung tâm GDTX Mỹ Tho                           | 121 Phan Thanh Giản, Phường 2, TP. Mỹ Tho           | Khu vực 2    | Không       |
| 4571 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 044       | Trường Văn hóa II- Bộ Công An                   | Số 55 Áp Bắc, Phường 10, TP. Mỹ Tho                 | Khu vực 2    | Có          |
| 4572 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 045       | Trường CD Nghề Tiền Giang                       | 11B/17 đường Học Lạc, Phường 8, TP. Mỹ Tho          | Khu vực 2    | Không       |
| 4573 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 046       | Trường TC Kinh tế-Kỹ Thuật Tiền Giang           | Số 11 Hùng Vương, Phường 7, TP. Mỹ Tho              | Khu vực 2    | Không       |
| 4574 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 052       | Trường CD Nông nghiệp Nam Bộ                    | Xã Tân Mỹ Chánh, TP Mỹ Tho                          | Khu vực 2    | Không       |
| 4575 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 063       | Trường Cao đẳng Tiền Giang                      | 11B/17 đường Học Lạc, Phường 8, TP. Mỹ Tho          | Khu vực 2    | Không       |
| 4576 | 53         | Tiền Giang      | 01            | Thành phố Mỹ Tho       | 064       | Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Tiền Giang | Số 07, Hùng Vương, Phường 7, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang | Khu vực 2    | Không       |
| 4577 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 025       | THPT Trương Định                                | 10 Nguyễn Văn Côn, Phường 2, thị xã Gò Công         | Khu vực 2    | Không       |
| 4578 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 026       | THPT Gò Công                                    | Phường 5, TX Gò Công                                | Khu vực 2    | Không       |
| 4579 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 032       | THPT Bình Đông                                  | Áp Muôn Nghiệp, Xã Bình Đông, TX Gò Công            | Khu vực 1    | Không       |
| 4580 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 049       | Trường TC Nghề Khu vực Gò Công                  | 26/1 Võ Thị Lớ, khu phố 5, phường 4, thị xã Gò Công | Khu vực 2    | Không       |
| 4581 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 051       | Trường TC Bách Khoa Gò Công                     | Số 91, Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Gò Công       | Khu vực 2    | Không       |
| 4582 | 53         | Tiền Giang      | 02            | Thị xã Gò Công         | 062       | Trường Trung cấp Gò Công                        | Số 91, Hai Bà Trưng, Phường 1, Thị xã Gò Công       | Khu vực 2    | Không       |
| 4583 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 001       | THPT Cái Bè                                     | Khu 3, Thị trấn Cái Bè, H. Cái Bè                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4584 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 002       | THPT Phạm Thành Trung                           | Áp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4585 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 003       | THPT Thiên Hộ Dương                             | Xã Hậu Mỹ Bắc A, H. Cái Bè                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4586 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 004       | THPT Huỳnh Văn Sâm                              | Thị trấn Cái Bè, H. Cái Bè                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4587 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 005       | THPT Lê Thanh Hiền                              | Áp 1, Xã An Hữu, Huyện Cái Bè                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4588 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 036       | THCS&THPT Ngô Văn Nhạc                          | Áp Lợi Thuận, xã Mỹ Lợi B, H. Cái Bè                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4589 | 53         | Tiền Giang      | 03            | Huyện Cái Bè           | 047       | Trường TC Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè           | Thị trấn Cái Bè, H. Cái Bè                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4590 | 53         | Tiền Giang      | 04            | Huyện Cai Lậy          | 007       | THPT Lưu Tấn Phát                               | Xã Tam Bình, H. Cai Lậy                             | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                     | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4591 | 53         | Tiền Giang  | 04            | Huyện Cai Lậy      | 031       | THPT Phan Việt Thông                   | Ấp Bình Ninh, Xã Bình Phú, H Cai Lậy                                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4592 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 010       | THPT Tân Hiệp                          | Ấp Thân Đức, xã Thân Cửu Nghĩa, H. Châu Thành                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4593 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 011       | THPT Vĩnh Kim                          | Ấp Thới, xã Đông Hoà, H. Châu Thành                                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4594 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 012       | THPT Dương Diễm                        | Xã Dương Diễm, H. Châu Thành                                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4595 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 013       | THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa                 | Thị trấn Tân Hiệp, H.Châu Thành                                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4596 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 014       | THPT Rạch Gầm-Xoài Mút                 | Ấp Bình Thới A xã Bình Trung H.Châu Thành                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4597 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 039       | Trung tâm GDTX HN Châu Thành           | Ấp Thân Ngãi, xã Thân Cửu Nghĩa, H. Châu Thành                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4598 | 53         | Tiền Giang  | 05            | Huyện Châu Thành   | 055       | Trung tâm GDNN - GDTX Châu Thành (+)   | Ấp Thân Ngãi, xã Thân Cửu Nghĩa, H. Châu Thành                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4599 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 019       | THPT Chợ Gạo                           | Ô 3, khu 1, Thị trấn Chợ Gạo H Chợ Gạo                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4600 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 020       | THPT Thủ Khoa Huân                     | Ấp An Thị, xã Mỹ Tịnh An, huyện Chợ Gạo                                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4601 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 021       | THPT Trần Văn Hoài                     | Ô 3 khu 1 Thị Trấn Chợ Gạo, H. Chợ Gạo                                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4602 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 033       | THPT Bình Phục Nhứt                    | Xã Bình Phục Nhứt, H. Chợ Gạo                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4603 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 040       | Trung tâm GDTX HN Chợ Gạo              | Xã Long Bình Điền, H. Chợ Gạo                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4604 | 53         | Tiền Giang  | 06            | Huyện Chợ Gạo      | 056       | Trung tâm GDNN - GDTX Chợ Gạo (+)      | Ấp Tân Hưng, Xã Tân Thuận Bình, H. Chợ Gạo                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4605 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 022       | THPT Vĩnh Bình                         | Xã Đồng Thạnh, H. Gò Công Tây                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4606 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 023       | THPT Long Bình                         | Xã Long Bình, H Gò Công Tây                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4607 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 024       | THPT Nguyễn Văn Thịn                   | Thị trấn Vĩnh Bình, H Gò Công Tây                                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4608 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 041       | Trung tâm GDTX HN Gò Công Tây          | Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, H. Gò Công Tây                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4609 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 057       | Trung tâm GDNN - GDTX Gò Công Tây (+)  | Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, H. Gò Công Tây                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4610 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 060       | THCS và THPT Long Bình                 | Xã Long Bình, H Gò Công Tây                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4611 | 53         | Tiền Giang  | 07            | Huyện Gò Công Tây  | 065       | THCS và THPT Phú Thành                 | Ấp Bình Lạc, Xã Thành Công, H. Gò Công Tây                                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4612 | 53         | Tiền Giang  | 08            | Huyện Gò Công Đông | 027       | THPT Nguyễn Văn Côn                    | Thị trấn Tân Hoà, H Gò Công Đông                                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4613 | 53         | Tiền Giang  | 08            | Huyện Gò Công Đông | 028       | THPT Gò Công Đông                      | Tỉnh lộ 871, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4614 | 53         | Tiền Giang  | 08            | Huyện Gò Công Đông | 042       | Trung tâm GDTX HN Gò Công Đông         | Đường Nguyễn Văn Côn, khu phố Hòa Thơm 3, thị trấn Tân Hòa, H. Gò Công Đông | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4615 | 53         | Tiền Giang  | 08            | Huyện Gò Công Đông | 058       | Trung tâm GDNN - GDTX Gò Công Đông (+) | Đường Nguyễn Văn Côn, khu phố Hòa Thơm 3, Thị trấn Tân Hòa, H. Gò Công Đông | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4616 | 53         | Tiền Giang  | 09            | Huyện Tân Phước    | 029       | THPT Tân Phước                         | Khu 3, Thị trấn Mỹ Phước, H Tân Phước                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4617 | 53         | Tiền Giang  | 09            | Huyện Tân Phước    | 030       | THPT Nguyễn Văn Tiếp                   | Số 0209, ấp Tân Quới, xã Tân Hòa Thành, huyện Tân Phước                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4618 | 53         | Tiền Giang  | 09            | Huyện Tân Phước    | 043       | Trung tâm GDTX HN Tân Phước            | Khu 3 Thị Trấn Mỹ Phước, H. Tân Phước                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4619 | 53         | Tiền Giang  | 09            | Huyện Tân Phước    | 059       | Trung tâm GDNN - GDTX Tân Phước (+)    | Khu 3 Thị Trấn Mỹ Phước, H. Tân Phước                                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4620 | 53         | Tiền Giang  | 10            | Huyện Tân Phú Đông | 034       | THCS&THPT Phú Thạnh                    | Huyện lộ 17, Ấp Tân Phú, Xã Phú Thạnh, H. Tân Phú Đông                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4621 | 53         | Tiền Giang  | 10            | Huyện Tân Phú Đông | 054       | THCS&THPT Tân Thới                     | Tỉnh lộ 877B, Ấp Tân Tân Hiệp, Xã Tân Thới, H. Tân Phú Đông                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4622 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy     | 006       | THPT Đốc Bình Kiều                     | Phường 4, TX. Cai Lậy                                                       | Khu vực 2    | Không       |
| 4623 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy     | 008       | THPT Mỹ Phước Tây                      | Xã Mỹ Phước Tây, TX. Cai Lậy                                                | Khu vực 2    | Không       |
| 4624 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy     | 009       | THPT Tứ Kiệt                           | Phường 4, TX. Cai Lậy                                                       | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                       | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 4625 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy         | 048       | Trường TC Kinh tế - Công nghệ Cai Lậy   | Phường 5, TX. Cai Lậy                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 4626 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy         | 050       | Trường TC Nghề Khu vực Cai Lậy          | Khu 1, Phường 1, TX. Cai Lậy                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 4627 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy         | 053       | THPT Lê Văn Phàm                        | Xã Mỹ Phước Tây, TX. Cai Lậy                                  | Khu vực 2 | Không       |
| 4628 | 53         | Tiền Giang  | 11            | Thị xã Cai Lậy         | 061       | Trường Trung cấp Cai Lậy                | Đường Trần Xuân Hòa, Phường 1, TX. Cai Lậy                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4629 | 53         | Tiền Giang  | 02            | Thị xã Gò Công         | 072       | THPT Bình Đông                          | Áp Muôn Nghiệp, Xã Bình Đông, TX Gò Công                      | Khu vực 2 | Không       |
| 4630 | 54         | Kiên Giang  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 54                     | Học ở nước ngoài 54                                           | Khu vực 3 | Không       |
| 4631 | 54         | Kiên Giang  | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 54           | Quân nhân, Công an tại ngũ 54                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 4632 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 001       | THPT Nguyễn Trung Trực                  | 393 Nguyễn Bình Khiêm, P Vĩnh Thanh, Tp Rạch Giá, Kiên Giang  | Khu vực 2 | Không       |
| 4633 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 002       | THPT chuyên Huỳnh Mẫn Đạt               | Trần Công An, P Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang             | Khu vực 2 | Không       |
| 4634 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 003       | THPT Nguyễn Hùng Sơn                    | 14 Mai Thị Hồng Hạnh, P Rạch Sỏi, Tp Rạch Giá, Kiên Giang     | Khu vực 2 | Không       |
| 4635 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 004       | THPT iSCHOOL Rạch Giá                   | 487/15 Nguyễn Trung Trực, P Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang | Khu vực 2 | Không       |
| 4636 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 005       | Trung cấp Kỹ thuật-Nghiệp vụ Kiên Giang | 31 Chi Lăng, P Vĩnh Bảo, Tp Rạch Giá, Kiên Giang              | Khu vực 2 | Không       |
| 4637 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 013       | PT Dân tộc Nội trú tỉnh Kiên Giang      | 196 Đường Đồng Đa, P Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang        | Khu vực 2 | Có          |
| 4638 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 022       | Trung tâm GDTX tỉnh Kiên Giang          | C5 - Đặng Huyền Thông, P Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang    | Khu vực 2 | Không       |
| 4639 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 041       | THPT Phó Cơ Điều                        | Lê Hồng Phong, P An Hoà, Tp Rạch Giá, Kiên Giang              | Khu vực 2 | Không       |
| 4640 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 061       | THPT Ngô Sĩ Liên                        | X Phi Thông, Tp Rạch Giá, Kiên Giang                          | Khu vực 1 | Không       |
| 4641 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 079       | Cao đẳng Nghề tỉnh Kiên Giang           | 1022 Nguyễn Trung Trực, P An Hoà, Tp Rạch Giá, Kiên Giang     | Khu vực 2 | Không       |
| 4642 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 085       | PT Đức Trí                              | Không                                                         | Khu vực 2 | Không       |
| 4643 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 087       | CD Cộng đồng Kiên Giang                 | 217 Chu Văn An, P An Hòa, Tp Rạch Giá, Kiên Giang             | Khu vực 2 | Không       |
| 4644 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 088       | Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kiên Giang  | 425 Mạc Cửu, P Vĩnh Thanh, Tp Rạch Giá, Kiên Giang            | Khu vực 2 | Không       |
| 4645 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 089       | CD Sư phạm Kiên Giang                   | 449 Nguyễn Chí Thanh, P Rạch Sỏi, Tp Rạch Giá, Kiên Giang     | Khu vực 2 | Không       |
| 4646 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 090       | CD Y tế Kiên Giang                      | 14 Phạm Ngọc Thạch, P Vĩnh Thanh, Tp Rạch Giá, Kiên Giang     | Khu vực 2 | Không       |
| 4647 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 091       | Chính trị tỉnh Kiên Giang               | 84 Đường Lạc Hồng                                             | Khu vực 2 | Không       |
| 4648 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 092       | THPT Võ Văn Kiệt                        | Lô 7-9, Đường Tôn Đức Thắng                                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4649 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 093       | PTNC iSchool Rạch Giá                   | 487/15 Nguyễn Trung Trực, P Vĩnh Lạc, Tp Rạch Giá, Kiên Giang | Khu vực 2 | Không       |
| 4650 | 54         | Kiên Giang  | 01            | Thành phố Rạch Giá     | 109       | Năng khiếu TDTT Kiên Giang              | P An Bình, Tp Rạch Giá, Kiên Giang                            | Khu vực 2 | Không       |
| 4651 | 54         | Kiên Giang  | 02            | Thành phố Hà Tiên      | 006       | THPT Nguyễn Thân Hiến                   | 10 Tỉnh lộ 28, P Pháo Đài, Tp Hà Tiên, Kiên Giang             | Khu vực 2 | Không       |
| 4652 | 54         | Kiên Giang  | 02            | Thành phố Hà Tiên      | 043       | Trung tâm GDTX TX Hà Tiên               | 08 Tỉnh lộ 28, P Pháo Đài, Tx Hà Tiên , Kiên Giang            | Khu vực 2 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện    | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------|-----------|----------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4653 | 54         | Kiên Giang  | 02            | Thành phố Hà Tiên | 095       | Trung tâm GDNN-GDTX TP Hà Tiên         | 08 Tinh lộ 28, P Pháo Đài, Tx Hà Tiên , Kiên Giang    | Khu vực 2    | Không       |
| 4654 | 54         | Kiên Giang  | 03            | Huyện Kiên Lương  | 007       | THPT Kiên Lương                        | TT Kiên Lương, H Kiên Lương, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4655 | 54         | Kiên Giang  | 03            | Huyện Kiên Lương  | 044       | Trung tâm GDTX Kiên Lương              | TT Kiên Lương, H Kiên Lương, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4656 | 54         | Kiên Giang  | 03            | Huyện Kiên Lương  | 076       | THPT Ba Hòn                            | TT Kiên Lương, Huyện Kiên Lương, Tỉnh Kiên Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 4657 | 54         | Kiên Giang  | 03            | Huyện Kiên Lương  | 096       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kiên Lương   | TT Kiên Lương, H Kiên Lương, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4658 | 54         | Kiên Giang  | 03            | Huyện Kiên Lương  | 107       | Trung cấp Nghề vùng Tứ Giác Long Xuyên | X Bình An, H Kiên Lương, Kiên Giang                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4659 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 008       | THPT Hòn Đất                           | TT Hòn Đất, H Hòn Đất, Kiên Giang                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4660 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 038       | THPT Sóc Sơn                           | TT Sóc Sơn, H Hòn Đất, Kiên Giang                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4661 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 045       | Trung tâm GDTX Hòn Đất                 | TT Hòn Đất, Hòn Đất, Kiên Giang                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4662 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 055       | THPT Bình Sơn                          | X Bình Sơn, H Hòn Đất, Kiên Giang                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4663 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 062       | THPT Phan Thị Ràng                     | X Thổ Sơn, H Hòn Đất, Kiên Giang                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4664 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 071       | THPT Nguyễn Hùng Hiệp                  | X Mỹ Hiệp Sơn, H Hòn Đất,, Kiên Giang                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4665 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 077       | THPT Nam Thái Sơn                      | X Nam Thái Sơn, H Hòn Đất, Kiên Giang                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4666 | 54         | Kiên Giang  | 04            | Huyện Hòn Đất     | 097       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Hòn Đất      | TT Hòn Đất, Hòn Đất, Kiên Giang                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4667 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 009       | THPT Tân Hiệp                          | TT Tân Hiệp, H Tân Hiệp, Kiên Giang                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4668 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 011       | THPT Thanh Đông                        | X Thanh Đông A, H Tân Hiệp, Kiên Giang                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4669 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 046       | Trung tâm GDTX Tân Hiệp                | IT Tân Hiệp, H Tân Hiệp, Kiên Giang                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4670 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 056       | THPT Cây Dương                         | X Tân Thành, H Tân Hiệp, Kiên Giang                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4671 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 075       | THPT Thanh Tây                         | X Thanh Đông, H Tân Hiệp, Kiên Giang                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4672 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 098       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tân Hiệp     | TT Tân Hiệp, H Tân Hiệp, Kiên Giang                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4673 | 54         | Kiên Giang  | 05            | Huyện Tân Hiệp    | 108       | Trung cấp Nghề Tân Hiệp                | TT Tân Hiệp, H Tân Hiệp, Kiên Giang                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4674 | 54         | Kiên Giang  | 06            | Huyện Châu Thành  | 012       | THPT Châu Thành                        | TT Minh Lương, H Châu Thành, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4675 | 54         | Kiên Giang  | 06            | Huyện Châu Thành  | 047       | Trung tâm GDTX Châu Thành              | X Vĩnh Hòa Hiệp, H Châu Thành, Kiên Giang             | Khu vực 1    | Không       |
| 4676 | 54         | Kiên Giang  | 06            | Huyện Châu Thành  | 067       | THPT Mong Thọ                          | X Mong Thọ, H Châu Thành, Kiên Giang                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4677 | 54         | Kiên Giang  | 06            | Huyện Châu Thành  | 099       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành   | X Vĩnh Hòa Hiệp, H Châu Thành, Kiên Giang             | Khu vực 1    | Không       |
| 4678 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 014       | THPT Giồng Riềng                       | Lê Quý Đôn, TT Giồng Riềng, H Giồng Riềng, Kiên Giang | Khu vực 1    | Không       |
| 4679 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 039       | THPT Hòa Thuận                         | X Ngọc Hòa, H Giồng Riềng, Kiên Giang                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4680 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 040       | THPT Long Thạnh                        | X Long Thạnh, H Giồng Riềng, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4681 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 048       | Trung tâm GDTX Giồng Riềng             | IT Giồng Riềng, H Giồng Riềng, Kiên Giang             | Khu vực 1    | Không       |
| 4682 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 057       | THPT Thanh Lộc                         | X Thanh Lộc, H Giồng Riềng, Kiên Giang                | Khu vực 1    | Không       |
| 4683 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 063       | THPT Hòa Hưng                          | X Hoà Hưng, H Giồng Riềng, Kiên Giang                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4684 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 069       | THPT Bàn Tân Định                      | X Bàn Tân Định, H Giồng Riềng, Kiên Giang             | Khu vực 1    | Không       |
| 4685 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 082       | Trung cấp Nghề DTNT tỉnh Kiên Giang    | X Long Thạnh, H Giồng Riềng, Kiên Giang               | Khu vực 1    | Không       |
| 4686 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 084       | THCS Thạnh Phước                       | X Thạnh Phước, H Giồng Riềng, Kiên Giang              | Khu vực 1    | Không       |
| 4687 | 54         | Kiên Giang  | 07            | Huyện Giồng Riềng | 100       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giồng Riềng  | IT Giồng Riềng, H Giồng Riềng, Kiên Giang             | Khu vực 1    | Không       |
| 4688 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao     | 015       | THPT Gò Quao                           | IT Gò Quao, H Gò Quao, Kiên Giang                     | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                    | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|---------------------------------------|--------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4689 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 049       | Trung tâm GDTX Gò Quao                | TT Gò Quao, H Gò Quao, Kiên Giang          | Khu vực 1    | Không       |
| 4690 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 064       | THPT Định An                          | X Định An, H Gò Quao, Kiên Giang           | Khu vực 1    | Không       |
| 4691 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 065       | THPT Vĩnh Thắng                       | X Vĩnh Thắng, H Gò Quao, Kiên Giang        | Khu vực 1    | Không       |
| 4692 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 070       | THPT Vĩnh Hoà Hưng Bắc                | X Vĩnh Hoà Hưng Bắc, H Gò Quao, Kiên Giang | Khu vực 1    | Không       |
| 4693 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 072       | THPT Thới Quản                        | X Thới Quản, H Gò Quao, Kiên Giang         | Khu vực 1    | Không       |
| 4694 | 54         | Kiên Giang  | 08            | Huyện Gò Quao       | 101       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Gò Quao     | TT Gò Quao, H Gò Quao, Kiên Giang          | Khu vực 1    | Không       |
| 4695 | 54         | Kiên Giang  | 09            | Huyện An Biên       | 016       | THPT An Biên                          | IT Thứ 3, H An Biên, Kiên Giang            | Khu vực 1    | Không       |
| 4696 | 54         | Kiên Giang  | 09            | Huyện An Biên       | 042       | THPT Đông Thái                        | X Đông Thái, H An Biên, Kiên Giang         | Khu vực 1    | Không       |
| 4697 | 54         | Kiên Giang  | 09            | Huyện An Biên       | 050       | Trung tâm GDTX An Biên                | IT Thứ 3, H An Biên, Kiên Giang            | Khu vực 1    | Không       |
| 4698 | 54         | Kiên Giang  | 09            | Huyện An Biên       | 068       | THPT Nam Yên                          | X Nam Yên, H An Biên, Kiên Giang           | Khu vực 1    | Không       |
| 4699 | 54         | Kiên Giang  | 09            | Huyện An Biên       | 102       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Biên     | IT Thứ 3, H An Biên, Kiên Giang            | Khu vực 1    | Không       |
| 4700 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 017       | THPT An Minh                          | IT Thứ 11, H An Minh, Kiên Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4701 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 051       | Trung tâm GDTX An Minh                | IT Thứ 11, H An Minh, Kiên Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4702 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 059       | THPT Nguyễn Văn Xiện (Trước 2017)     | X Tân Thạnh, H An Minh, Kiên Giang         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4703 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 066       | THPT Vân Khánh                        | X Vân Khánh, H An Minh, Kiên Giang         | Khu vực 1    | Không       |
| 4704 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 094       | THPT Nguyễn Văn Xiện (Từ 2017)        | X Tân Thạnh, H An Minh, Kiên Giang         | Khu vực 1    | Không       |
| 4705 | 54         | Kiên Giang  | 10            | Huyện An Minh       | 103       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện An Minh     | IT Thứ 11, H An Minh, Kiên Giang           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4706 | 54         | Kiên Giang  | 11            | Huyện Vĩnh Thuận    | 010       | THPT Vĩnh Phong                       | X Vĩnh Phong, H Vĩnh Thuận, Kiên Giang     | Khu vực 1    | Không       |
| 4707 | 54         | Kiên Giang  | 11            | Huyện Vĩnh Thuận    | 018       | THPT Vĩnh Thuận                       | IT Vĩnh Thuận, H Vĩnh Thuận, Kiên Giang    | Khu vực 1    | Không       |
| 4708 | 54         | Kiên Giang  | 11            | Huyện Vĩnh Thuận    | 052       | Trung tâm GDTX Vĩnh Thuận             | IT Vĩnh Thuận, H Vĩnh Thuận, Kiên Giang    | Khu vực 1    | Không       |
| 4709 | 54         | Kiên Giang  | 11            | Huyện Vĩnh Thuận    | 060       | THPT Vĩnh Bình Bắc                    | X Vĩnh Bình Bắc, H Vĩnh Thuận, Kiên Giang  | Khu vực 1    | Không       |
| 4710 | 54         | Kiên Giang  | 11            | Huyện Vĩnh Thuận    | 104       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Vĩnh Thuận  | IT Vĩnh Thuận, H Vĩnh Thuận, Kiên Giang    | Khu vực 1    | Không       |
| 4711 | 54         | Kiên Giang  | 12            | Huyện Phú Quốc      | 019       | THPT Phú Quốc                         | IT Dương Đông, H Phú Quốc, Kiên Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 4712 | 54         | Kiên Giang  | 12            | Huyện Phú Quốc      | 020       | THPT An Thới                          | IT An Thới, H Phú Quốc, Kiên Giang         | Khu vực 1    | Không       |
| 4713 | 54         | Kiên Giang  | 12            | Huyện Phú Quốc      | 053       | Trung tâm GDTX Phú Quốc               | IT Dương Đông, H Phú Quốc, Kiên Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 4714 | 54         | Kiên Giang  | 12            | Huyện Phú Quốc      | 080       | THPT Dương Đông                       | IT Dương Đông, H Phú Quốc, Kiên Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 4715 | 54         | Kiên Giang  | 12            | Huyện Phú Quốc      | 105       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Phú Quốc    | IT Dương Đông, H Phú Quốc, Kiên Giang      | Khu vực 1    | Không       |
| 4716 | 54         | Kiên Giang  | 13            | Huyện Kiên Hải      | 021       | THPT Kiên Hải                         | X Hòn Tre, H Kiên Hải, Kiên Giang          | Khu vực 1    | Không       |
| 4717 | 54         | Kiên Giang  | 13            | Huyện Kiên Hải      | 074       | THPT Lại Sơn                          | X Lại Sơn, H Kiên Hải, Kiên Giang          | Khu vực 1    | Không       |
| 4718 | 54         | Kiên Giang  | 13            | Huyện Kiên Hải      | 081       | THCS An Sơn                           | X An Sơn, H Kiên Hải, Kiên Giang           | Khu vực 1    | Không       |
| 4719 | 54         | Kiên Giang  | 13            | Huyện Kiên Hải      | 110       | TH&THCS Nam Du                        | X Nam Du, H Kiên Hải, Kiên Giang           | Khu vực 1    | Không       |
| 4720 | 54         | Kiên Giang  | 14            | Huyện U Minh Thượng | 058       | THPT U Minh Thượng                    | X Thạnh Yên, H U Minh Thượng, Kiên Giang   | Khu vực 1    | Không       |
| 4721 | 54         | Kiên Giang  | 14            | Huyện U Minh Thượng | 073       | THPT Minh Thuận                       | X Minh Thuận, H U Minh Thượng, Kiên Giang  | Khu vực 1    | Không       |
| 4722 | 54         | Kiên Giang  | 14            | Huyện U Minh Thượng | 078       | THPT Vĩnh Hoà                         | X Vĩnh Hoà, H U Minh Thượng, Kiên Giang    | Khu vực 1    | Không       |
| 4723 | 54         | Kiên Giang  | 14            | Huyện U Minh Thượng | 086       | Trung cấp Nghề vùng U Minh Thượng     | X Thạnh Yên, H U Minh Thượng, Kiên Giang   | Khu vực 1    | Không       |
| 4724 | 54         | Kiên Giang  | 15            | Huyện Giang Thành   | 054       | THPT Thoại Ngọc Hầu                   | X Tân Khánh Hòa, H Giang Thành, Kiên Giang | Khu vực 1    | Không       |
| 4725 | 54         | Kiên Giang  | 15            | Huyện Giang Thành   | 083       | Trung tâm GDTX Giang Thành            | X Phú Lợi, H Giang Thành, Kiên Giang       | Khu vực 1    | Không       |
| 4726 | 54         | Kiên Giang  | 15            | Huyện Giang Thành   | 106       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giang Thành | X Phú Lợi, H Giang Thành, Kiên Giang       | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 4727 | 55         | Cần Thơ     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 55                          | Học ở nước ngoài                                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4728 | 55         | Cần Thơ     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 55                | Quân nhân, Công an tại ngũ                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 4729 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 000       | Sở GD - ĐT Cần Thơ                           | Phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TP CT                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4730 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 002       | THPT Châu Văn Liêm                           | Phường An Cư, Q.Ninh Kiều, TP CT                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4731 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 003       | THPT Nguyễn Việt Hồng                        | Phường An Bình, Q.Ninh Kiều, TP CT                                        | Khu vực 3 | Không       |
| 4732 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 004       | THPT Phan Ngọc Hiền                          | Phường An Cư, Q.Ninh Kiều, TP CT                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4733 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 005       | THPT Bán công An Bình                        | Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ                                                 | Khu vực 3 | Không       |
| 4734 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 006       | THCS&THPT Nguyễn Bình Khiêm                  | Phường An Cư, Q.Ninh Kiều, TP CT                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4735 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 007       | Phổ Thông Thái Bình Dương                    | Phường Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TP CT                                        | Khu vực 3 | Không       |
| 4736 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 008       | GDNN - GDTX quận Ninh Kiều                   | Phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TP CT                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4737 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 009       | TT Ngoại ngữ - Tin học và Bồi dưỡng nhà giáo | Phường Tân An, Q.Ninh Kiều, TP CT                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4738 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 010       | TTGDTX-KTTH-HN Cần Thơ                       | Phường An Cư, Q.Ninh Kiều, TP CT                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4739 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 011       | Phòng GD&ĐT Q.Ninh Kiều                      | Phường Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TP CT                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4740 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 046       | Trường trung cấp Bách Nghệ CT                | 93/4 Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, TPCT                                    | Khu vực 3 | Không       |
| 4741 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 047       | Trường TC Kinh tế - Kỹ thuật CT              | 62 Mậu Thân, Quận Ninh Kiều, TPCT                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4742 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 049       | Trường TC Miền Tây                           | 133C-133D Nguyễn V.Cử nổi dài, Q.Ninh Kiều, TPCT                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4743 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 051       | CD Nghề Việt Mỹ, Phân hiệu CT                | 135P Trần Hưng Đạo, Q.Ninh Kiều, TPCT                                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4744 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 052       | CD Nghề ISPACE, Phân hiệu CT                 | 118 đường 3/2, Q.Ninh Kiều, TPCT                                          | Khu vực 3 | Không       |
| 4745 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 053       | TC Nghề Cần Thơ                              | 30-32 Hùng Vương, Q.Ninh Kiều, TPCT                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4746 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 060       | TH, THCS và THPT Quốc Văn                    | 435 đường 30/4, Q.Ninh Kiều, TPCT                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4747 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 061       | Phổ thông Việt Mỹ                            | 31 - 33 - 35 Châu Văn Liêm, P. An Lạc, Q.Ninh Kiều, TPCT                  | Khu vực 3 | Không       |
| 4748 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 062       | Phổ thông năng khiếu Thể dục Thể thao        | Khu Liên hợp TDTT, P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TPCT                           | Khu vực 3 | Không       |
| 4749 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 063       | THPT Thực hành sư phạm - ĐHCT                | Khu II Đại học Cần Thơ, P.Xuân Khánh, Q.Ninh Kiều, TPCT                   | Khu vực 3 | Không       |
| 4750 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 065       | TC Phạm Ngọc Thạch Cần Thơ                   | 144 đường 30/4, Q. Ninh Kiều, TP Cần Thơ                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 4751 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 066       | TC Đại Việt TP. Cần Thơ                      | 390 CMT8, Q. Ninh Kiều, TPCT                                              | Khu vực 3 | Không       |
| 4752 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 068       | CD Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ                | 09 CMT8, Q.Ninh Kiều, TPCT                                                | Khu vực 3 | Không       |
| 4753 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 069       | Cao đẳng Cần Thơ                             | 209 đường 30/4, Q.Ninh Kiều, TPCT                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4754 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 070       | CD Y tế Cần Thơ                              | 340 Nguyễn Văn Cừ, Q.Ninh Kiều, TPCT                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 4755 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 072       | CD Nghề Du lịch Cần Thơ                      | 85 Phan Đăng Lưu, Q.Ninh Kiều, TPCT                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4756 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 074       | TC Văn hóa - Nghệ thuật Cần Thơ              | 188/35A Nguyễn Văn Cừ, Q.Ninh Kiều, TPCT                                  | Khu vực 3 | Không       |
| 4757 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 075       | TC Thể dục - Thể Thao Cần Thơ                | Khu liên hợp TDTT, P.Cái Khế, Q.Ninh Kiều, TPCT                           | Khu vực 3 | Không       |
| 4758 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 076       | TC Giao Thông Vận tải Miền Nam               | 288 Nguyễn Văn Linh, P. An Khánh, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ               | Khu vực 3 | Không       |
| 4759 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 080       | THPT An Khánh                                | Số 106, đường số 2, KDC Thới Nhứt 2,Phường An Khánh, Q.Ninh Kiều, TPCT    | Khu vực 3 | Không       |
| 4760 | 55         | Cần Thơ     | 01            | Quận Ninh Kiều         | 081       | Trường TH, THCS và THPT Quốc tế Hòa Bình     | 105B, Nguyễn Văn Cừ                                                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4761 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy         | 012       | THPT Bùi Hữu Nghĩa                           | 55 Cách mạng tháng Tám, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | Khu vực 3 | Không       |
| 4762 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy         | 014       | THPT Bình Thủy                               | Phường Bình Thủy, Q.Bình Thủy, TP CT                                      | Khu vực 3 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                  | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 4763 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 016       | GDNN - GDTX quận Bình Thủy                   | Phường An Thới, Q.Bình Thủy, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4764 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 017       | Phòng GD&ĐT Q.Bình Thủy                      | Phường An Thới, Q.Bình Thủy, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4765 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 050       | CE Nghề Cần Thơ                              | 57 CMT8, Q.Bình Thủy, TPCT                               | Khu vực 3 | Không       |
| 4766 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 054       | TC Nghề số 9, cơ sở 2 CT                     | 27 CMT8, Q.Bình Thủy, TPCT                               | Khu vực 3 | Không       |
| 4767 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 064       | TC Y dược MeKong                             | 366 Cách mạng tháng 8, Q.Bình Thủy, TP.Cần Thơ.          | Khu vực 3 | Không       |
| 4768 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 071       | CE Kinh tế Đối ngoại TPHCM (Cơ sở 2 Cần Thơ) | 8 Lê Hồng Phong, Q. Bình Thủy, TPCT                      | Khu vực 3 | Không       |
| 4769 | 55         | Cần Thơ     | 02            | Quận Bình Thủy   | 073       | TC Hồng Hà                                   | Số 557/9 đường Trần Quang Diệu, P. An Thới, Q. Bình Thủy | Khu vực 3 | Không       |
| 4770 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 013       | THPT Chuyên Lý Tự Trọng                      | Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ             | Khu vực 3 | Không       |
| 4771 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 015       | THPT Trần Đại Nghĩa                          | Phường Hưng Phú, Q.Cái Răng, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4772 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 018       | THPT Nguyễn Việt Dũng                        | Phường Lê Bình, Q.Cái Răng, TP.CT                        | Khu vực 3 | Không       |
| 4773 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 019       | GDNN - GDTX quận Cái Răng                    | Phường Lê Bình, Q.Cái Răng, TP CT                        | Khu vực 3 | Không       |
| 4774 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 020       | Phòng GD&ĐT Q.Cái Răng                       | Phường Lê Bình, Q.Cái Răng, TP CT                        | Khu vực 3 | Không       |
| 4775 | 55         | Cần Thơ     | 03            | Quận Cái Răng    | 055       | TC Nghề Đông Dương                           | Khu DC Nông thôn sản 2, Q.Cái Răng, CT                   | Khu vực 3 | Không       |
| 4776 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 021       | THPT Lưu Hữu Phước                           | Phường Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP CT                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4777 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 022       | THPT Thới Long                               | Phường Long Hưng, Q.Ô Môn, TP CT                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4778 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 024       | Phổ thông Dân Tộc Nội trú                    | Phường Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP CT                     | Khu vực 3 | Có          |
| 4779 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 025       | THPT Lương Định Của                          | Phường Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP CT                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4780 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 026       | GDNN - GDTX quận Ô Môn                       | Phường Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP CT                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4781 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 027       | Phòng GD&ĐT Q.Ô Môn                          | Phường Châu Văn Liêm, Q.Ô Môn, TP CT                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4782 | 55         | Cần Thơ     | 04            | Quận Ô Môn       | 067       | CE Cơ điện và Nông nghiệp Nam Bộ             | Phường Phước Thới, Q.Ô Môn, Tp. Cần Thơ                  | Khu vực 3 | Không       |
| 4783 | 55         | Cần Thơ     | 05            | Huyện Phong Điền | 028       | THPT Phan Văn Trị                            | TT Phong Điền, huyện Phong Điền, TP CT                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4784 | 55         | Cần Thơ     | 05            | Huyện Phong Điền | 029       | GDNN - GDTX huyện Phong Điền                 | TT Phong Điền, huyện Phong Điền, TP CT                   | Khu vực 2 | Không       |
| 4785 | 55         | Cần Thơ     | 05            | Huyện Phong Điền | 030       | Phòng GD&ĐT H.Phong Điền                     | Xã Nhơn ái, huyện Phong Điền, TP CT                      | Khu vực 2 | Không       |
| 4786 | 55         | Cần Thơ     | 05            | Huyện Phong Điền | 058       | THPT Giai Xuân                               | Xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TPCT                     | Khu vực 2 | Không       |
| 4787 | 55         | Cần Thơ     | 06            | Huyện Cờ Đỏ      | 023       | THCS và THPT Trần Ngọc Hoảng                 | Xã Thới Hưng, H.Cờ Đỏ, TP CT                             | Khu vực 2 | Không       |
| 4788 | 55         | Cần Thơ     | 06            | Huyện Cờ Đỏ      | 032       | THPT Hà Huy Giáp                             | Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP CT                       | Khu vực 2 | Không       |
| 4789 | 55         | Cần Thơ     | 06            | Huyện Cờ Đỏ      | 034       | Phòng GD&ĐT H.Cờ Đỏ                          | Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP CT                       | Khu vực 2 | Không       |
| 4790 | 55         | Cần Thơ     | 06            | Huyện Cờ Đỏ      | 040       | THPT Trung An                                | Xã Trung An, H.Cờ Đỏ, TP CT                              | Khu vực 2 | Không       |
| 4791 | 55         | Cần Thơ     | 06            | Huyện Cờ Đỏ      | 057       | GDNN - GDTX huyện Cờ Đỏ                      | Thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, TP CT                       | Khu vực 2 | Không       |
| 4792 | 55         | Cần Thơ     | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh | 035       | THPT Thạnh An                                | Thị trấn Thạnh An, H.Vĩnh Thạnh, TPCT                    | Khu vực 2 | Không       |
| 4793 | 55         | Cần Thơ     | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh | 037       | GDNN - GDTX huyện Vĩnh Thạnh                 | Thị trấn Vĩnh Thạnh, H.Vĩnh Thạnh, TP CT                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4794 | 55         | Cần Thơ     | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh | 038       | Phòng GD&ĐT H.Vĩnh Thạnh                     | Thị trấn Vĩnh Thạnh, H.Vĩnh Thạnh, TP CT                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4795 | 55         | Cần Thơ     | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh | 045       | THPT Vĩnh Thạnh                              | Thị trấn Vĩnh Thạnh, H.Vĩnh Thạnh, TP CT                 | Khu vực 2 | Không       |
| 4796 | 55         | Cần Thơ     | 07            | Huyện Vĩnh Thạnh | 077       | THCS và THPT Thạnh Thắng                     | Xã Thạnh Thắng, H. Vĩnh Thạnh, TPCT                      | Khu vực 2 | Không       |
| 4797 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 039       | THPT Thốt Nốt                                | Phường Thuận An, Q.Thốt Nốt, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4798 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 041       | THPT Thuận Hưng                              | Phường Thuận Hưng, Q.Thốt Nốt, TP CT                     | Khu vực 3 | Không       |
| 4799 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 042       | GDNN - GDTX quận Thốt Nốt                    | Phường Thuận An, Q.Thốt Nốt, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4800 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 043       | Phòng GD&ĐT Q.Thốt Nốt                       | Phường Thuận An, Q.Thốt Nốt, TP CT                       | Khu vực 3 | Không       |
| 4801 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 078       | THCS và THPT Thới Thuận                      | Phường Thới Thuận, Q.Thốt Nốt, TPCT                      | Khu vực 3 | Không       |
| 4802 | 55         | Cần Thơ     | 08            | Quận Thốt Nốt    | 079       | THCS và THPT Tân Lộc                         | Phường Tân Lộc, Q.Thốt Nốt, TPCT                         | Khu vực 3 | Không       |
| 4803 | 55         | Cần Thơ     | 09            | Huyện Thới Lai   | 031       | THPT Thới Lai                                | Thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP CT                 | Khu vực 2 | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                               | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4804 | 55         | Cần Thơ     | 09            | Huyện Thới Lai         | 033       | GDNN - GDTX huyện Thới Lai            | Thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP CT              | Khu vực 2    | Không       |
| 4805 | 55         | Cần Thơ     | 09            | Huyện Thới Lai         | 044       | Phòng GD&ĐT H.Thới Lai                | Thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, TP CT              | Khu vực 2    | Không       |
| 4806 | 55         | Cần Thơ     | 09            | Huyện Thới Lai         | 056       | TC Nghề Thới Lai                      | TT Thới Lai, H.Thới Lai, CT                           | Khu vực 2    | Không       |
| 4807 | 55         | Cần Thơ     | 09            | Huyện Thới Lai         | 059       | THCS và THPT Trường Xuân              | Xã Trường Xuân B, huyện Thới Lai, TPCT                | Khu vực 2    | Không       |
| 4808 | 56         | Bến Tre     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 56                   |                                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 4809 | 56         | Bến Tre     | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 56         |                                                       | Khu vực 3    | Không       |
| 4810 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 002       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                | Phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2    | Không       |
| 4811 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 023       | THPT Bán Công Thị Xã                  | Phường 3-TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4812 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 030       | THPT Chuyên Bến Tre                   | Phường Phú Tân -TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2    | Không       |
| 4813 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 040       | THPT Võ Trường Toản                   | Xã Phú Hưng-TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4814 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 045       | Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Tre | Phường Phú Khương , thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre   | Khu vực 2    | Không       |
| 4815 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 050       | Phổ thông Hermann Gmeiner             | Phường 6-TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4816 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 051       | Trung cấp Y Tế Bến Tre                | Phường 6-TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre                    | Khu vực 2    | Không       |
| 4817 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 062       | CD Bến Tre                            | Xã Sơn Đông, TP Bến Tre-Tỉnh Bến Tre                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4818 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 066       | THPT Lạc Long Quân                    | Xã Mỹ Thạnh An- Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre       | Khu vực 2    | Không       |
| 4819 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 068       | CD nghề Đồng Khởi                     | 17A4,QL60, P.Phú Tân, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre        | Khu vực 2    | Không       |
| 4820 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 069       | TC nghề Bến Tre                       | 59A1, Khu phố 1, P. Phú Tân, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre | Khu vực 2    | Không       |
| 4821 | 56         | Bến Tre     | 01            | Thành phố Bến Tre      | 072       | Năng khiếu TDTT Bến Tre               | Phường Phú Khương, TP Bến Tre, Tỉnh Bến Tre           | Khu vực 2    | Không       |
| 4822 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 004       | THPT Trần Văn Ôn                      | Xã Phú An Hòa, H.Châu Thành, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4823 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 005       | THPT Diệp Minh Châu                   | Xã Tiên Thủy, H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4824 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 026       | THPT BC Châu Thành A                  | IT Châu Thành, H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4825 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 027       | THPT BC Châu Thành B                  | Xã Tiên Thủy, H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4826 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 049       | THPT Mạc Đĩnh Chi                     | Xã An Hóa, H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4827 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 054       | Trung tâm GDNN-GDTX Châu Thành        | IT Châu Thành, H.Châu Thành, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4828 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 067       | THPT Nguyễn Huệ                       | Xã Tiên Thủy- H. Châu Thành, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4829 | 56         | Bến Tre     | 02            | Huyện Châu Thành       | 073       | Nuôi Dạy Trẻ em khuyết tật            | Xã Hữu Định, Huyện Châu Thành,Tỉnh Bến Tre            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4830 | 56         | Bến Tre     | 03            | Huyện Chợ Lách         | 007       | THPT Trần Văn Kiệt                    | IT Chợ Lách, H.Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4831 | 56         | Bến Tre     | 03            | Huyện Chợ Lách         | 008       | THPT Trương Vĩnh Ký                   | Xã Vĩnh Thành, H. Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4832 | 56         | Bến Tre     | 03            | Huyện Chợ Lách         | 029       | THPT Bán công Chợ Lách                | IT Chợ Lách, H. Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4833 | 56         | Bến Tre     | 03            | Huyện Chợ Lách         | 034       | THPT Bán công Vĩnh Thành              | Xã Vĩnh Thành, H. Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4834 | 56         | Bến Tre     | 03            | Huyện Chợ Lách         | 055       | Trung tâm GDNN-GDTX Chợ Lách          | IT Chợ Lách, H. Chợ Lách, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4835 | 56         | Bến Tre     | 04            | Huyện Mô Cày Bắc       | 024       | THPT Ngô Văn Cẩn                      | Xã Tân Thanh Tây, H.Mô Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4836 | 56         | Bến Tre     | 04            | Huyện Mô Cày Bắc       | 035       | THPT Bán công Phước Mỹ Trung          | Xã Phước Mỹ Trung, H Mô Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4837 | 56         | Bến Tre     | 04            | Huyện Mô Cày Bắc       | 048       | THPT Lê Anh Xuân                      | Xã Tân Thành Bình, H Mô Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4838 | 56         | Bến Tre     | 04            | Huyện Mô Cày Bắc       | 070       | Trung tâm GDNN-GDTX Mô Cày Bắc        | Xã Phước Mỹ Trung, H. Mô Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4839 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 014       | THPT Phan Văn Trị                     | Xã Bình Hòa, H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                                | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|--------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4840 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 015       | THPT Nguyễn Ngọc Thắng               | Xã Phước Long, H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4841 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 028       | THPT Dân lập Giồng Trôm              | TT Giồng Trôm, H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4842 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 039       | THPT Bán công Giồng Trôm             | Xã Bình Thành, H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4843 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 057       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Giồng Trôm | ấp 5, X. Bình Thành, H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4844 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 061       | THPT Nguyễn Thị Định                 | Xã Lương Hòa-H. Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4845 | 56         | Bến Tre     | 05            | Huyện Giồng Trôm       | 063       | THPT Nguyễn Trãi                     | Xã Tân Hào,H. Giồng Trôm,Tỉnh Bến Tre                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4846 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 017       | THPT Lê Hoàng Chiêu                  | IT Bình Đại, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4847 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 018       | THPT Huỳnh Tấn Phát                  | Xã Châu Hưng, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4848 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 025       | THPT Lê Quý Đôn                      | Xã Định Trung, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4849 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 032       | THPT Bán công Bình Đại               | IT Bình Đại, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4850 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 037       | THPT Bán công Lộc Thuận              | Xã Lộc Thuận, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4851 | 56         | Bến Tre     | 06            | Huyện Bình Đại         | 058       | Trung tâm GDNN-GDTX Bình Đại         | IT Bình Đại, H. Bình Đại, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4852 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 020       | THPT Phan Thanh Giản                 | IT Ba Tri, H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4853 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 036       | THPT Bán công Ba Tri                 | IT Ba Tri, H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4854 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 038       | THPT Tấn Kế                          | Xã Mỹ Thạnh, H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4855 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 047       | THPT Sương Nguyệt Anh                | Xã Phú Ngãi, H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4856 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 059       | Trung tâm GDNN-GDTX Ba Tri           | IT Ba Tri, H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4857 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 064       | THPT Phan Ngọc Tông                  | Xã An Ngãi Tây,H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4858 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 071       | THPT Phan Liêm                       | Xã An Hòa Tây-H. Ba Tri, Tỉnh Bến Tre                  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4859 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 076       | THPT Phan Liêm                       | Xã An Hòa Tây                                          | Khu vực 1    | Không       |
| 4860 | 56         | Bến Tre     | 07            | Huyện Ba Tri           | 078       | THPT Phan Ngọc Tông                  | Xã An Ngãi Tây.H.Ba Tri. T.Bến Tre                     | Khu vực 1    | Không       |
| 4861 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 022       | THPT Lê Hoài Đôn                     | Thị trấn Thạnh Phú, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4862 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 033       | THPT Bán công Thạnh Phú              | IT Thạnh Phú, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4863 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 043       | THPT Trần Trường Sinh                | Xã Giao Thạnh, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4864 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 044       | THPT Đoàn Thị Điểm                   | Xã Tân Phong, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4865 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 060       | Trung tâm GDNN-GDTX Thạnh Phú        | IT Thạnh Phú, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4866 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 075       | THPT Lê Hoài Đôn                     | Xã Bình Thạnh, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 1    | Không       |
| 4867 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 077       | THPT Trần Trường Sinh                | Xã Giao Thạnh.h. Thạnh Phú                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4868 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 079       | THPT Lương Thế Vinh                  | Ấp An Phú, xã An Quy, huyện Thạnh Phú                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4869 | 56         | Bến Tre     | 08            | Huyện Thạnh Phú        | 080       | THPT Đoàn Thị Điểm                   | Xã Tân Phong, H. Thạnh Phú, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 1    | Không       |
| 4870 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 010       | THPT Chê-Ghêvara                     | Khu phố 4, TTr Mô Cày Nam, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4871 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 011       | THPT Ca Văn Thỉnh                    | Xã An Định, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4872 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 012       | THPT Bán công Mô Cày                 | IT Mô Cày Nam, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4873 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 041       | THPT Bán công An Thới                | Xã An Thới, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4874 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 042       | THPT Quán Trọng Hoàng                | Xã An Thạnh, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4875 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 046       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai            | Xã Hương Mỹ, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4876 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 056       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mô Cày Nam | IT Mô Cày Nam, H. Mô Cày Nam, Tỉnh Bến Tre             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4877 | 56         | Bến Tre     | 09            | Huyện Mô Cày Nam       | 074       | THPT An Thới                         | Xã An Thới, Huyện Mô Cày Nam,Tỉnh Bến Tre              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4878 | 57         | Vĩnh Long   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 000       | Sở Giáo dục- Đào tạo                 | Ph. 1, Thành phố Vĩnh Long                             | Khu vực 2    | Không       |
| 4879 | 57         | Vĩnh Long   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_ 57                 |                                                        | Khu vực 3    | Không       |
| 4880 | 57         | Vĩnh Long   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ_ 57       |                                                        | Khu vực 3    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                           | Địa Chỉ                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|--------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4881 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 001       | THPT Lưu Văn Liệt                    | Ph. 1, Thành phố Vĩnh Long                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4882 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 002       | THPT Nguyễn Thông                    | Ph. 8, Thành phố Vĩnh Long                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4883 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 003       | THPT Vĩnh Long                       | Ph. 4, Thành phố Vĩnh Long                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4884 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 015       | THPT chuyên Nguyễn Bình Khiêm        | Ph. 4, Thành phố Vĩnh Long                     | Khu vực 2    | Không       |
| 4885 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 024       | THCS và THPT Trung Vương             | Ph. 9, TP Vĩnh Long                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4886 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 032       | TTGDTX TP Vĩnh Long                  | Ph. 4, TP Vĩnh Long                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4887 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 042       | Năng khiếu Thể dục thể thao          | Ph.2 , TP Vĩnh Long                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4888 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 043       | Cao đẳng Kinh tế Tài chính Vĩnh Long | Phường 8, Thành phố Vĩnh Long                  | Khu vực 2    | Không       |
| 4889 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 044       | IT GDNN-GDTX TP Vĩnh Long            | Ph. 4, TP Vĩnh Long                            | Khu vực 2    | Không       |
| 4890 | 57         | Vĩnh Long   | 01            | Thành phố Vĩnh Long | 052       | Trung học Sư phạm Cửu Long           | Phường 2, thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long     | Khu vực 2    | Không       |
| 4891 | 57         | Vĩnh Long   | 02            | Huyện Long Hồ       | 004       | THPT Phạm Hùng                       | IT Long Hồ, H. Long Hồ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4892 | 57         | Vĩnh Long   | 02            | Huyện Long Hồ       | 029       | THCS và THPT Phú Quới                | Xã Phú Quới, H. Long Hồ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4893 | 57         | Vĩnh Long   | 02            | Huyện Long Hồ       | 033       | TTGDTX huyện Long Hồ                 | IT Long Hồ, H. Long Hồ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4894 | 57         | Vĩnh Long   | 02            | Huyện Long Hồ       | 041       | THPT Hòa Ninh                        | Xã Hòa Ninh, H. Long Hồ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4895 | 57         | Vĩnh Long   | 02            | Huyện Long Hồ       | 045       | IT GDNN-GDTX huyện Long Hồ           | IT Long Hồ, H. Long Hồ                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4896 | 57         | Vĩnh Long   | 03            | Huyện Mang Thít     | 005       | THPT Mang Thít                       | IT Cái Nhum, H. Mang Thít                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4897 | 57         | Vĩnh Long   | 03            | Huyện Mang Thít     | 006       | THPT Nguyễn Văn Thiệt                | IT Cái Nhum, H. Mang Thít                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4898 | 57         | Vĩnh Long   | 03            | Huyện Mang Thít     | 023       | THCS và THPT Mỹ Phước                | Xã Mỹ Phước, H. Mang Thít                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4899 | 57         | Vĩnh Long   | 03            | Huyện Mang Thít     | 034       | TTGDTX huyện Mang Thít               | IT Cái Nhum, H. Mang Thít                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4900 | 57         | Vĩnh Long   | 03            | Huyện Mang Thít     | 046       | IT GDNN-GDTX huyện Mang Thít         | IT Cái Nhum, H. Mang Thít                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4901 | 57         | Vĩnh Long   | 04            | Thị xã Bình Minh    | 009       | THPT Bình Minh                       | Ph. Thành Phước, thị xã Bình Minh              | Khu vực 2    | Không       |
| 4902 | 57         | Vĩnh Long   | 04            | Thị xã Bình Minh    | 021       | THPT Hoàng Thái Hiếu                 | Ph. Cái Vồn, thị xã Bình Minh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4903 | 57         | Vĩnh Long   | 04            | Thị xã Bình Minh    | 035       | TTGDTX Thị xã Bình Minh              | Ph. Cái Vồn, thị xã Bình Minh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4904 | 57         | Vĩnh Long   | 04            | Thị xã Bình Minh    | 047       | IT GDNN-GDTX Thị xã Bình Minh        | Ph. Cái Vồn, thị xã Bình Minh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4905 | 57         | Vĩnh Long   | 04            | Thị xã Bình Minh    | 056       | THCS - THPT Đông Thành               | Xã Đông Thành- Thị xã Bình Minh                | Khu vực 1    | Không       |
| 4906 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 011       | THPT Trần Đại Nghĩa                  | Xã Tường Lộc, H. Tam Bình                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4907 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 012       | THCS và THPT Long Phú                | Xã Long Phú, H. Tam Bình                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4908 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 018       | THPT Tam Bình                        | IT Tam Bình, H. Tam Bình                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4909 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 026       | Phổ thông Dân tộc Nội trú            | Xã Tường Lộc, H. Tam Bình                      | Khu vực 2 NT | Có          |
| 4910 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 027       | THCS và THPT Phú Thịnh               | Xã Phú Thịnh, H. Tam Bình                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4911 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 028       | THPT Phan Văn Hòa                    | Xã Hậu Lộc, H. Tam Bình                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4912 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 036       | TTGDTX huyện Tam Bình                | IT Tam Bình, H. Tam Bình                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4913 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 048       | IT GDNN-GDTX huyện Tam Bình          | IT Tam Bình, H. Tam Bình                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4914 | 57         | Vĩnh Long   | 05            | Huyện Tam Bình      | 053       | THPT Song Phú                        | Áp Phú trường Yên, Xã Song Phú, huyện Tam Bình | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4915 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 013       | THPT Trà Ôn                          | IT Trà Ôn, H. Trà Ôn                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4916 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 014       | THPT Hựu Thành                       | Xã Hựu Thành, H. Trà Ôn                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4917 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 019       | THPT Lê Thanh Mừng                   | Xã Thiện Mỹ, H. Trà Ôn                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4918 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 020       | THPT Vĩnh Xuân                       | Xã Vĩnh Xuân, H. Trà Ôn                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4919 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 030       | THCS và THPT Hoà Bình                | Xã Hoà Bình, H. Trà Ôn                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4920 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 037       | TTGDTX huyện Trà Ôn                  | Xã Thiện Mỹ, H. Trà Ôn                         | Khu vực 1    | Không       |
| 4921 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn        | 049       | IT GDNN-GDTX huyện Trà Ôn            | Xã Thiện Mỹ, H. Trà Ôn                         | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4922 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn           | 054       | THPT Lê Thanh Mừng (Từ ngày 28/4/2017)             | Xã Thiện Mỹ, H. Trà Ôn                                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4923 | 57         | Vĩnh Long   | 06            | Huyện Trà Ôn           | 055       | TT GDNN-GDTX huyện Trà Ôn (Từ ngày ngày 28/4/2017) | Xã Thiện Mỹ, H. Trà Ôn                                                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4924 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 007       | THPT Võ Văn Kiệt                                   | IT Vũng Liêm, H. Vũng Liêm                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4925 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 008       | THPT Hiếu Phụng                                    | Xã Hiếu Phụng, H. Vũng Liêm                                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4926 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 022       | THPT Nguyễn Hiếu Tự                                | IT Vũng Liêm, H. Vũng Liêm                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4927 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 031       | THCS và THPT Hiếu Nhơn                             | Xã Hiếu Nhơn, H. Vũng Liêm                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4928 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 038       | TTGDTX huyện Vũng Liêm                             | IT Vũng Liêm, H. Vũng Liêm                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4929 | 57         | Vĩnh Long   | 07            | Huyện Vũng Liêm        | 050       | TT GDNN-GDTX huyện Vũng Liêm                       | Xã Trung Thành, H. Vũng Liêm                                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4930 | 57         | Vĩnh Long   | 08            | Huyện Bình Tân         | 010       | THPT Tân Quới                                      | Xã Tân Quới, H. Bình Tân                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4931 | 57         | Vĩnh Long   | 08            | Huyện Bình Tân         | 025       | THPT Tân Lược                                      | Xã Tân Lược, H. Bình Tân                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4932 | 57         | Vĩnh Long   | 08            | Huyện Bình Tân         | 039       | THCS và THPT Mỹ Thuận                              | Xã Mỹ Thuận, H. Bình Tân                                                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4933 | 57         | Vĩnh Long   | 08            | Huyện Bình Tân         | 040       | TTGDTX huyện Bình Tân                              | Xã Thành Đông, H. Bình Tân                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4934 | 57         | Vĩnh Long   | 08            | Huyện Bình Tân         | 051       | TT GDNN-GDTX huyện Bình Tân                        | Xã Thành Đông, H. Bình Tân                                               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4935 | 58         | Trà Vinh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 58                                |                                                                          | Khu vực 3    | Không       |
| 4936 | 58         | Trà Vinh    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 58                      |                                                                          | Khu vực 3    | Không       |
| 4937 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 001       | THPT Phạm Thái Bường                               | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4938 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 011       | Phổ thông Dân Tộc Nội Trú - THPT tỉnh Trà Vinh     | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, hưởng ưu tiên theo hộ khẩu. | Khu vực 1    | Có          |
| 4939 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 012       | THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành                     | Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4940 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 016       | Trung tâm GDTX-HNDN thành phố Trà Vinh             | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4941 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 017       | THPT Thành Phố Trà Vinh                            | Phường 9, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4942 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 039       | Cao đẳng nghề Trà Vinh                             | xã Long Đức, TP Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4943 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 043       | Thực Hành Sư Phạm                                  | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4944 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 047       | Trung cấp Pali Khmer                               | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4945 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 054       | THPT Chuyên Trà Vinh (2011)                        | Phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 2    | Không       |
| 4946 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 055       | Cao đẳng Sư phạm Trà Vinh                          | Phường 1, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4947 | 58         | Trà Vinh    | 01            | Thành phố Trà Vinh     | 059       | Phổ thông Dân tộc Nội trú - THPT tỉnh Trà Vinh     | Phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 2    | Có          |
| 4948 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 002       | THPT Nguyễn Đáng                                   | Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4949 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 003       | THPT Nguyễn Văn Hai                                | Xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4950 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 013       | Trung tâm GDTX – DN huyện Càng Long                | Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4951 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 014       | THPT Hồ Thị Nhâm                                   | Xã Nhị Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4952 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 015       | THPT Dương Hảo Học                                 | Xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4953 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 020       | THPT Bùi Hữu Nghĩa                                 | Xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4954 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 048       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Càng Long              | Thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                       | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4955 | 58         | Trà Vinh    | 02            | Huyện Càng Long        | 056       | THPT Bùi Hữu Nghĩa                                 | Xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh                             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4956 | 58         | Trà Vinh    | 03            | Huyện Cầu Kè           | 004       | THPT Cầu Kè                                        | Thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh                             | Khu vực 1    | Không       |
| 4957 | 58         | Trà Vinh    | 03            | Huyện Cầu Kè           | 025       | THPT Phong Phú                                     | Xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh                                | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện   | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------|-----------|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4958 | 58         | Trà Vinh    | 03            | Huyện Cầu Kè     | 035       | THPT Tam Ngãi                              | Xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4959 | 58         | Trà Vinh    | 03            | Huyện Cầu Kè     | 036       | Trung tâm GDTX- DN huyện Cầu Kè            | Xã Hòa Tân , huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4960 | 58         | Trà Vinh    | 03            | Huyện Cầu Kè     | 051       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cầu Kè         | Xã Hòa Tân , huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh                                  | Khu vực 1    | Không       |
| 4961 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 005       | THPT Tiểu Cần                              | xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4962 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 019       | THPT Cầu Quan                              | Thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                          | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4963 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 028       | Trung tâm GDTX- DN huyện Tiểu Cần          | TT Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4964 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 031       | THPT Hiếu Tử                               | Xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4965 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 050       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Tiểu Cần       | TT Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                | Khu vực 1    | Không       |
| 4966 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 057       | Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tiểu Cần | Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 1    | Có          |
| 4967 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 060       | Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Tiểu Cần | Xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 2 NT | Có          |
| 4968 | 58         | Trà Vinh    | 04            | Huyện Tiểu Cần   | 061       | THPT Tiểu Cần                              | Xã Phú Cần                                                                | Khu vực 2 NT |             |
| 4969 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 006       | THPT Vũ Đình Liệu                          | Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4970 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 021       | THPT Hòa Minh                              | Xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4971 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 027       | Trung tâm GDTX- DN huyện Châu Thành        | Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4972 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 030       | THPT Hòa Lợi                               | Xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                               | Khu vực 1    | Không       |
| 4973 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 040       | THCS và THPT Lương Hòa A                   | Xã Lương Hòa A, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                           | Khu vực 1    | Không       |
| 4974 | 58         | Trà Vinh    | 05            | Huyện Châu Thành | 049       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Châu Thành     | Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh                      | Khu vực 1    | Không       |
| 4975 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 007       | THPT Trà Cú                                | Thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4976 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 008       | THPT Đại An                                | Xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                                    | Khu vực 1    | Không       |
| 4977 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 018       | THPT Long Hiệp                             | Xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4978 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 024       | THPT Hàm Giang                             | Xã Hàm Giang, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                                 | Khu vực 1    | Không       |
| 4979 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 026       | THPT Tập Sơn                               | Xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 4980 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 038       | Trung tâm GDTX-HNDN huyện Trà Cú           | Thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh                              | Khu vực 1    | Không       |
| 4981 | 58         | Trà Vinh    | 06            | Huyện Trà Cú     | 041       | Phổ thông DTNT THCS và THPT huyện Trà Cú   | Thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, hưởng ưu tiên theo hộ khẩu. | Khu vực 1    | Có          |
| 4982 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang  | 009       | THPT Dương Quang Đông                      | Thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh                        | Khu vực 1    | Không       |
| 4983 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang  | 022       | THPT Cầu Ngang A                           | Xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4984 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang  | 023       | THPT Cầu Ngang B                           | Xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4985 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang  | 032       | THPT Nhị Trường                            | Xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh                             | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                   | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 4986 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang        | 037       | Trung tâm GDTX- DN huyện Cầu Ngang           | xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh               | Khu vực 1    | Không       |
| 4987 | 58         | Trà Vinh    | 07            | Huyện Cầu Ngang        | 052       | Trung tâm GDNN - GDTX huyện Cầu Ngang        | xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh               | Khu vực 1    | Không       |
| 4988 | 58         | Trà Vinh    | 08            | Huyện Duyên Hải        | 029       | THPT Long Khánh                              | IT Long Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh             | Khu vực 1    | Không       |
| 4989 | 58         | Trà Vinh    | 08            | Huyện Duyên Hải        | 033       | THPT Đôn Châu                                | Xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh               | Khu vực 1    | Không       |
| 4990 | 58         | Trà Vinh    | 08            | Huyện Duyên Hải        | 044       | THPT Duyên Hải                               | Thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4991 | 58         | Trà Vinh    | 08            | Huyện Duyên Hải        | 045       | THPT Long Hữu                                | Xã Long Hữu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh               | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4992 | 58         | Trà Vinh    | 08            | Huyện Duyên Hải        | 046       | Trung Tâm GDTX-DN huyện Duyên Hải            | Thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 4993 | 58         | Trà Vinh    | 09            | Thị xã Duyên Hải       | 010       | THPT Duyên Hải                               | Phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4994 | 58         | Trà Vinh    | 09            | Thị xã Duyên Hải       | 034       | THPT Long Hữu                                | Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4995 | 58         | Trà Vinh    | 09            | Thị xã Duyên Hải       | 042       | Trung tâm GDTX - DN thị xã Duyên Hải         | Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4996 | 58         | Trà Vinh    | 09            | Thị xã Duyên Hải       | 053       | Trung tâm GDNN - GDTX thị xã Duyên Hải       | Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh                 | Khu vực 2    | Không       |
| 4997 | 58         | Trà Vinh    | 09            | Thị xã Duyên Hải       | 058       | THCS và THPT Dân Thành                       | Xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh             | Khu vực 2    | Không       |
| 4998 | 59         | Sóc Trăng   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Công an, Quân nhân tại ngũ 59                | Tỉnh Sóc Trăng                                            | Khu vực 3    | Không       |
| 4999 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 002       | THPT Hoàng Diệu                              | l Mạc Đĩnh Chi, P4, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng            | Khu vực 1    | Không       |
| 5000 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 003       | THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai             | Đường Hồ Nước Ngọt, P6, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng        | Khu vực 1    | Không       |
| 5001 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 004       | TH, THCS&THPT iSchool Sóc Trăng              | 19 Tôn Đức Thắng, P6, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng          | Khu vực 1    | Không       |
| 5002 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 005       | Trung tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng                | 41 Nguyễn Văn Cừ, Phường 1, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng    | Khu vực 1    | Không       |
| 5003 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 006       | THPT DTNT Huỳnh Cương                        | 473 Lê Hồng Phong, P3, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng         | Khu vực 1    | Có          |
| 5004 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 007       | BTVH Pali Trung cấp Nam Bộ                   | 51A, Tôn Đức Thắng, Phường 6, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng  | Khu vực 1    | Không       |
| 5005 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 036       | THPT Thành phố Sóc Trăng                     | 1115 Trần Hưng Đạo, Phường 10, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng | Khu vực 1    | Không       |
| 5006 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 059       | Trung tâm dạy nghề và GDTX TP. Sóc Trăng     | Phường 2, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5007 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 090       | THPT Lê Lợi                                  | 19 Tôn Đức Thắng, P6, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng          | Khu vực 1    | Không       |
| 5008 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 091       | Phổ thông DTNT Sóc Trăng                     | 473 Lê Hồng Phong, P3, TP Sóc Trăng, T. Sóc Trăng         | Khu vực 1    | Có          |
| 5009 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 092       | THCS&THPT Lê Hồng Phong                      | 66B Nguyễn Thị Minh Khai, Khóm 6, Phường 3, TP. Sóc Trăng | Khu vực 1    | Không       |
| 5010 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 094       | Hệ thiếu sinh quân Trường Quân sự Quân khu 9 | Phường 3, TP. Sóc Trăng                                   | Khu vực 1    | Không       |
| 5011 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng    | 104       | Trung tâm GDNN-GDTX TP. Sóc Trăng            | Phường 2, TP. Sóc Trăng, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                                 | Địa Chỉ                                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5012 | 59         | Sóc Trăng   | 01            | Thành phố Sóc Trăng | 800       | Học ở nước ngoài 59                        |                                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 5013 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 008       | THPT Kế Sách                               | Ấp An Khương, TT Kế Sách, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng             | Khu vực 1    | Không       |
| 5014 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 009       | THPT An Lạc Thôn (Trước 2017)              | Xã An Lạc Thôn, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5015 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 010       | THPT Phan Văn Hùng                         | Xã Đại Hải, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                           | Khu vực 1    | Không       |
| 5016 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 025       | THPT Thiều Văn Chỏi                        | Xã Trinh Phú, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5017 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 032       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Kế Sách   | Thị trấn Kế Sách, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5018 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 097       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Kế Sách          | Thị trấn Kế Sách, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5019 | 59         | Sóc Trăng   | 02            | Huyện Kế Sách       | 106       | THPT An Lạc Thôn (Từ 2017)                 | TT. An Lạc Thôn, H. Kế Sách, T. Sóc Trăng                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5020 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 011       | THPT Mỹ Hương                              | Xã Mỹ Hương, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                            | Khu vực 1    | Không       |
| 5021 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 021       | THPT Huỳnh Hữu Nghĩa                       | IT Huỳnh Hữu Nghĩa, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5022 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 027       | THPT An Ninh                               | Xã Thuận Hưng, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5023 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 031       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Mỹ Tú     | Xã Thuận Hưng, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5024 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 037       | THCS&THPT Mỹ Thuận                         | Xã Mỹ Thuận, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                            | Khu vực 1    | Không       |
| 5025 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 065       | THCS&THPT Long Hưng                        | Ấp Mỹ Khánh A, xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5026 | 59         | Sóc Trăng   | 03            | Huyện Mỹ Tú         | 096       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Tú            | Xã Thuận Hưng, H. Mỹ Tú, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5027 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 013       | THPT Mỹ Xuyên                              | IT Mỹ Xuyên, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5028 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 014       | THPT Văn Ngọc Chính                        | Xã Thạnh Phú, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5029 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 023       | THPT Ngọc Tô                               | Xã Ngọc Tô, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5030 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 033       | THPT Hòa Tú                                | Xã Hòa Tú I, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5031 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 060       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Mỹ Xuyên  | Xã Thạnh Phú, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5032 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 064       | Phổ thông DTNT THCS&THPT Thạnh Phú         | Cần Đước, Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng                       | Khu vực 1    | Có          |
| 5033 | 59         | Sóc Trăng   | 04            | Huyện Mỹ Xuyên      | 105       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mỹ Xuyên         | Xã Thạnh Phú, H. Mỹ Xuyên, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5034 | 59         | Sóc Trăng   | 05            | Huyện Thạnh Trị     | 018       | THPT Trần Văn Bảy                          | IT Phú Lộc, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5035 | 59         | Sóc Trăng   | 05            | Huyện Thạnh Trị     | 030       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Thạnh Trị | Ấp 3 Thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, T. Sóc Trăng           | Khu vực 1    | Không       |
| 5036 | 59         | Sóc Trăng   | 05            | Huyện Thạnh Trị     | 038       | THPT Thạnh Tân                             | Xã Thạnh Tân, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5037 | 59         | Sóc Trăng   | 05            | Huyện Thạnh Trị     | 051       | THCS&THPT Hưng Lợi                         | IT Hưng Lợi, H. Thạnh Trị, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5038 | 59         | Sóc Trăng   | 05            | Huyện Thạnh Trị     | 095       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Thạnh Trị        | Ấp 3 Thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, T. Sóc Trăng           | Khu vực 1    | Không       |
| 5039 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 015       | THPT Lương Định Của                        | IT Long Phú, H. Long Phú, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5040 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 017       | THPT Đại Ngãi                              | IT Đại Ngãi, huyện Long Phú, T. Sóc Trăng                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5041 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 052       | THCS&THPT Tân Thạnh                        | Xã Tân Thạnh, H. Long Phú, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5042 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 057       | Trung tâm dạy nghề và GDTX H. Long Phú     | Thị trấn Long Phú, H. Long Phú, T. Sóc Trăng                   | Khu vực 1    | Không       |
| 5043 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 066       | THCS&THPT Dương Kỳ Hiệp                    | Quốc lộ 60, ấp Trường Thành A, xã Trường Khánh, huyện Long Phú | Khu vực 1    | Không       |
| 5044 | 59         | Sóc Trăng   | 06            | Huyện Long Phú      | 102       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Long Phú         | Thị trấn Long Phú, H. Long Phú, T. Sóc Trăng                   | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                   | Địa Chỉ                                                              | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 5045 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 020       | THPT Nguyễn Khuyến                           | Phường 1, TX Vĩnh Châu, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5046 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 028       | THPT Vĩnh Hải                                | Xã Lạc Hòa, TX Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                               | Khu vực 1 | Không       |
| 5047 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 034       | Trung tâm dạy nghề và GDTX Thị xã Vĩnh Châu  | Phường 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                                | Khu vực 1 | Không       |
| 5048 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 053       | THCS&THPT Lai Hòa                            | Xã Lai Hòa, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                              | Khu vực 1 | Không       |
| 5049 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 054       | THCS&THPT DTNT Vĩnh Châu                     | Phường Vĩnh Phước, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                       | Khu vực 1 | Có          |
| 5050 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 061       | THCS&THPT Khánh Hoà                          | Phường Khánh Hoà, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                        | Khu vực 1 | Không       |
| 5051 | 59         | Sóc Trăng   | 07            | Thị xã Vĩnh Châu       | 098       | Trung tâm GDNN-GDTX Thị xã Vĩnh Châu         | Phường 1, TX. Vĩnh Châu, T. Sóc Trăng                                | Khu vực 1 | Không       |
| 5052 | 59         | Sóc Trăng   | 08            | Huyện Cù Lao Dung      | 022       | THPT Đoàn Văn Tố                             | IT Cù Lao Dung, H. Cù Lao Dung, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1 | Không       |
| 5053 | 59         | Sóc Trăng   | 08            | Huyện Cù Lao Dung      | 029       | THPT An Thạnh 3                              | Xã An Thạnh 3, H. Cù Lao Dung, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1 | Không       |
| 5054 | 59         | Sóc Trăng   | 08            | Huyện Cù Lao Dung      | 056       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Cù Lao Dung | Thị trấn Cù Lao Dung, H. Cù Lao Dung, T. Sóc Trăng                   | Khu vực 1 | Không       |
| 5055 | 59         | Sóc Trăng   | 08            | Huyện Cù Lao Dung      | 101       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Cù Lao Dung        | Thị trấn Cù Lao Dung, H. Cù Lao Dung, T. Sóc Trăng                   | Khu vực 1 | Không       |
| 5056 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 019       | THPT Mai Thanh Thế                           | Phường 1, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5057 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 026       | THPT Lê Văn Tám                              | Xã Mỹ Quới, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                                | Khu vực 1 | Không       |
| 5058 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 055       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Ngã Năm     | Phường 1, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5059 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 063       | THPT Ngã Năm                                 | Khóm 1, Phường 2, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                          | Khu vực 1 | Không       |
| 5060 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 093       | THPT Mỹ Quới                                 | Xã Mỹ Quới, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                                | Khu vực 1 | Không       |
| 5061 | 59         | Sóc Trăng   | 09            | Thị xã Ngã Năm         | 100       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ngã Năm            | Phường 1, TX. Ngã Năm, T. Sóc Trăng                                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5062 | 59         | Sóc Trăng   | 10            | Huyện Châu Thành       | 012       | THPT Phú Tâm                                 | Xã Phú Tâm, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng                              | Khu vực 1 | Không       |
| 5063 | 59         | Sóc Trăng   | 10            | Huyện Châu Thành       | 024       | THPT Thuận Hòa                               | IT Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng                           | Khu vực 1 | Không       |
| 5064 | 59         | Sóc Trăng   | 10            | Huyện Châu Thành       | 035       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Châu Thành  | Thị trấn Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1 | Không       |
| 5065 | 59         | Sóc Trăng   | 10            | Huyện Châu Thành       | 099       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Châu Thành         | Thị trấn Châu Thành, H. Châu Thành, T. Sóc Trăng                     | Khu vực 1 | Không       |
| 5066 | 59         | Sóc Trăng   | 11            | Huyện Trần Đề          | 016       | THPT Lịch Hội Thượng                         | IT Lịch Hội Thượng, H. Trần Đề, T. Sóc Trăng                         | Khu vực 1 | Không       |
| 5067 | 59         | Sóc Trăng   | 11            | Huyện Trần Đề          | 058       | Trung tâm dạy nghề và GDTX huyện Trần Đề     | Xã Trung Bình, H. Trần Đề, T. Sóc Trăng                              | Khu vực 1 | Không       |
| 5068 | 59         | Sóc Trăng   | 11            | Huyện Trần Đề          | 062       | THCS&THPT Trần Đề                            | Thị trấn Trần Đề, H. Trần Đề, T. Sóc Trăng                           | Khu vực 1 | Không       |
| 5069 | 59         | Sóc Trăng   | 11            | Huyện Trần Đề          | 103       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Trần Đề            | Xã Trung Bình, H. Trần Đề, T. Sóc Trăng                              | Khu vực 1 | Không       |
| 5070 | 60         | Bạc Liêu    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_60                          |                                                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 5071 | 60         | Bạc Liêu    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_60                |                                                                      | Khu vực 3 | Không       |
| 5072 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu     | 002       | THPT Bạc Liêu                                | Đường Nguyễn Tất Thành, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu  | Khu vực 2 | Không       |
| 5073 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu     | 008       | THPT Phan Ngọc Hiền                          | Số 51 Đường Cao Văn Lầu, Phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu | Khu vực 2 | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện     | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                             | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|--------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5074 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 009       | THPT Chuyên Bạc Liêu                    | Đường Trần Huỳnh, Phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu       | Khu vực 2    | Không       |
| 5075 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 010       | TT GDTX tỉnh Bạc Liêu                   | Đường Võ Thị Sáu, Phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu       | Khu vực 2    | Không       |
| 5076 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 021       | THPT Hiệp Thành                         | Đường Bạch Đằng, Phường Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu  | Khu vực 2    | Không       |
| 5077 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 034       | Trung học Kinh tế - Kỹ thuật Bạc Liêu   | Đường Cách Mạng, Phường 1, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 2    | Không       |
| 5078 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 035       | Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Bạc Liêu | Phường 8, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                               | Khu vực 2    | Không       |
| 5079 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 036       | Cao đẳng Nghề Bạc Liêu                  | Phường 1, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                               | Khu vực 2    | Không       |
| 5080 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 041       | Trung học Sư phạm Bạc Liêu              | Phường 1, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                               | Khu vực 2    | Không       |
| 5081 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 042       | Trung học Sư phạm Minh Hải              | TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                                         | Khu vực 2    | Không       |
| 5082 | 60         | Bạc Liêu    | 01            | Thành phố Bạc Liêu | 043       | Cao đẳng Sư phạm Bạc Liêu               | Phường 7, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu                               | Khu vực 2    | Không       |
| 5083 | 60         | Bạc Liêu    | 02            | Huyện Vĩnh Lợi     | 004       | THPT Lê Văn Đẩu                         | Áp Cái Dây, TT Châu Hưng, Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5084 | 60         | Bạc Liêu    | 02            | Huyện Vĩnh Lợi     | 017       | Trung tâm GD&DN Vĩnh Lợi                | Áp Nhà Việc, Xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5085 | 60         | Bạc Liêu    | 02            | Huyện Vĩnh Lợi     | 020       | THPT Vĩnh Hưng                          | Áp Tam Hưng, xã Vĩnh Hưng Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu                   | Khu vực 1    | Không       |
| 5086 | 60         | Bạc Liêu    | 02            | Huyện Vĩnh Lợi     | 038       | Trung cấp Nghề Bạc Liêu                 | Xã Long Thạnh, H. Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu                           | Khu vực 1    | Không       |
| 5087 | 60         | Bạc Liêu    | 02            | Huyện Vĩnh Lợi     | 048       | TTGDNN-GDTX huyện Vĩnh Lợi              | Áp Nhà Việc, Xã Châu Thới, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5088 | 60         | Bạc Liêu    | 03            | Huyện Hồng Dân     | 007       | THPT Ngan Dừa                           | Áp Thống Nhất, TT Ngan Dừa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5089 | 60         | Bạc Liêu    | 03            | Huyện Hồng Dân     | 019       | Trung tâm GD&DN Hồng Dân                | Áp Kinh Xáng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu            | Khu vực 1    | Không       |
| 5090 | 60         | Bạc Liêu    | 03            | Huyện Hồng Dân     | 024       | THPT Ninh Quới                          | Áp Ninh Phước, xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5091 | 60         | Bạc Liêu    | 03            | Huyện Hồng Dân     | 025       | THPT Ninh Thạnh Lợi                     | Áp Ninh Thạnh Tây, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu | Khu vực 1    | Không       |
| 5092 | 60         | Bạc Liêu    | 03            | Huyện Hồng Dân     | 052       | TTGDNN-GDTX huyện Hồng Dân              | Áp Kinh Xáng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu            | Khu vực 1    | Không       |
| 5093 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 005       | THPT Giá Rai                            | Khóm 1, Phường 1, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu                     | Khu vực 2    | Không       |
| 5094 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 013       | THPT Nguyễn Trung Trực                  | Khóm 4, Phường 1, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu                     | Khu vực 2    | Không       |
| 5095 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 016       | Trung tâm GD&DN Giá Rai                 | Khóm 1, Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 1    | Không       |
| 5096 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 040       | THPT Tân Phong                          | Áp Khúc Tréo A, xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5097 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 049       | TTGDNN-GDTX thị xã Giá Rai              | Khóm 1, Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 1    | Không       |
| 5098 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai     | 053       | THPT Tân Phong                          | Áp Khúc Tréo A, xã Tân Phong, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu         | Khu vực 2    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                              | Địa Chỉ                                                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5099 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai         | 054       | THPT Giá Rai                            | Khóm 4, Phường 1, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu               | Khu vực 1    | Không       |
| 5100 | 60         | Bạc Liêu    | 04            | Thị xã Giá Rai         | 055       | THPT Nguyễn Trung Trực                  | Khóm 4, Phường 1, Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu               | Khu vực 1    | Không       |
| 5101 | 60         | Bạc Liêu    | 05            | Huyện Phước Long       | 006       | THPT Võ Văn Kiệt                        | Áp Long Hòa, TT Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5102 | 60         | Bạc Liêu    | 05            | Huyện Phước Long       | 012       | THPT Trần Văn Bảy                       | Xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5103 | 60         | Bạc Liêu    | 05            | Huyện Phước Long       | 015       | Trung tâm GD&DN Phước Long              | Áp Long Thành, TT Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5104 | 60         | Bạc Liêu    | 05            | Huyện Phước Long       | 046       | TTGDTX Phước Long                       | Áp Long Thành, TT Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5105 | 60         | Bạc Liêu    | 05            | Huyện Phước Long       | 051       | TTGDNN-GDTX huyện Phước Long            | Áp Long Thành, TT Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5106 | 60         | Bạc Liêu    | 06            | Huyện Đông Hải         | 014       | THPT Điền Hải                           | Áp Gò Cát, xã Điền Hải, Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu               | Khu vực 1    | Không       |
| 5107 | 60         | Bạc Liêu    | 06            | Huyện Đông Hải         | 018       | Trung tâm GD&DN Đông Hải                | Áp 4, TT Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5108 | 60         | Bạc Liêu    | 06            | Huyện Đông Hải         | 022       | THPT Gành Hào                           | Áp 3, TT Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5109 | 60         | Bạc Liêu    | 06            | Huyện Đông Hải         | 023       | THPT Định Thành                         | Áp Lung Chim, xã Định Thành, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5110 | 60         | Bạc Liêu    | 06            | Huyện Đông Hải         | 050       | TTGDNN-GDTX huyện Đông Hải              | Áp 4, TT Gành Hào, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5111 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 003       | THPT Lê Thị Riêng                       | Áp Thị trấn A, TT Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu     | Khu vực 1    | Không       |
| 5112 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 011       | Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Bạc Liêu | Quốc lộ 1A, TT Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu        | Khu vực 1    | Có          |
| 5113 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 026       | Trung tâm GD&DN Hòa Bình                | Áp B1, TT Hòa Bình, H. Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu                | Khu vực 1    | Không       |
| 5114 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 039       | Trường THCS&THPT Trần Văn Lắm           | Áp Thanh Sơn, xã Vĩnh Bình; huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5115 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 045       | TTGDTX Hòa Bình                         | Áp B1, TT Hòa Bình, H. Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu                | Khu vực 1    | Không       |
| 5116 | 60         | Bạc Liêu    | 07            | Huyện Hòa Bình         | 047       | TTGDNN-GDTX huyện Hòa Bình              | Áp B1, TT Hòa Bình, H. Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu                | Khu vực 1    | Không       |
| 5117 | 61         | Cà Mau      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài_61                     | 70 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | Khu vực 3    | Không       |
| 5118 | 61         | Cà Mau      | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ_61           | 70 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau          | Khu vực 3    | Không       |
| 5119 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau       | 002       | THPT Hồ Thị Kỷ                          | Số 7 Lý Bôn, Phường 2, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                 | Khu vực 1    | Không       |
| 5120 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau       | 003       | THPT Tắc Vân                            | Áp 1, xã Tắc Vân, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5121 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau       | 015       | THPT Cà Mau                             | Số 41 Phan Đình Phùng, Phường 2, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau       | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                             | Địa Chỉ                                                                  | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5122 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 016       | THPT Chuyên Phan Ngọc Hiển             | Nguyễn Cư Trinh, Khu đô thị mới Licogi, Phường 1, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau | Khu vực 2    | Không       |
| 5123 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 017       | TTGDTX TP. Cà Mau                      | Phường 2, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5124 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 019       | Phổ thông Dân tộc nội trú              | Ngô Quyền, khóm 6, Phường 1, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 2    | Có          |
| 5125 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 020       | THPT Nguyễn Việt Khái                  | Khóm 1, Nguyễn Tất Thành, Phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau               | Khu vực 1    | Không       |
| 5126 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 030       | Phổ thông Hermann Gmeiner              | Tôn Đức Thắng, Phường 5, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5127 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 037       | THPT Thanh Bình Cà Mau                 | Phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5128 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 041       | Trường TC Nghề Cà Mau                  | Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5129 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 042       | THCS-THPT Lý Văn Lâm                   | Áp Bà Điều, xã Lý Văn Lâm, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5130 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 043       | TTGDNN TP. Cà Mau                      | Số 7C Lý Bôn, Phường 4, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                           | Khu vực 1    | Không       |
| 5131 | 61         | Cà Mau      | 01            | Thành phố Cà Mau    | 052       | Cao đẳng Nghề Việt Nam-Hàn Quốc Cà Mau | Mậu Thân, Khóm 6, Phường 9, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5132 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 004       | THPT Thới Bình                         | Áp 4, xã Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5133 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 005       | THPT Lê Công Nhân                      | Khóm 2, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau                 | Khu vực 1    | Không       |
| 5134 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 022       | TTGDTX Thới Bình                       | Thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau                         | Khu vực 1    | Không       |
| 5135 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 028       | THPT Nguyễn Văn Nguyễn                 | Xã Trí Phải, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau                                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5136 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 044       | TTGDNN Thới Bình                       | Đường 19/5, khóm 2, thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau     | Khu vực 1    | Không       |
| 5137 | 61         | Cà Mau      | 02            | Huyện Thới Bình     | 053       | THPT Tân Bằng                          | Áp Nguyễn Huệ, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau                 | Khu vực 1    | Không       |
| 5138 | 61         | Cà Mau      | 03            | Huyện U Minh        | 006       | THPT U Minh                            | Khóm 1, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5139 | 61         | Cà Mau      | 03            | Huyện U Minh        | 023       | TTGDTX U Minh                          | Thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau                               | Khu vực 1    | Không       |
| 5140 | 61         | Cà Mau      | 03            | Huyện U Minh        | 031       | THPT Khánh Lâm                         | Áp 4, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau                            | Khu vực 1    | Không       |
| 5141 | 61         | Cà Mau      | 03            | Huyện U Minh        | 040       | THPT Khánh An                          | Áp 1, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau                             | Khu vực 1    | Không       |
| 5142 | 61         | Cà Mau      | 03            | Huyện U Minh        | 045       | TTGDNN U Minh                          | Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5143 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 007       | THPT Trần Văn Thời                     | Khóm 7, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau         | Khu vực 1    | Không       |
| 5144 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 008       | THPT Huỳnh Phi Hùng                    | Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau         | Khu vực 1    | Không       |
| 5145 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 018       | THPT Khánh Hưng                        | Áp Nhà Máy A, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau            | Khu vực 1    | Không       |
| 5146 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 021       | THPT Sông Đốc                          | Khóm 9, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau              | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện      | Mã Trường | Tên Trường                | Địa Chỉ                                                                   | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|---------------------|-----------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5147 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 024       | TTGDTX Trần Văn Thời      | Thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5148 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 039       | THPT Võ Thị Hồng          | Ấp Đá Bạc, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau            | Khu vực 1    | Không       |
| 5149 | 61         | Cà Mau      | 04            | Huyện Trần Văn Thời | 046       | TTGDNN Trần Văn Thời      | Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau          | Khu vực 1    | Không       |
| 5150 | 61         | Cà Mau      | 05            | Huyện Cái Nước      | 011       | THPT Cái Nước             | Hồ Thị Kỳ, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5151 | 61         | Cà Mau      | 05            | Huyện Cái Nước      | 012       | THPT Nguyễn Mai           | Võ Thị Sáu, khóm 1, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5152 | 61         | Cà Mau      | 05            | Huyện Cái Nước      | 025       | TTGDTX Cái Nước           | Thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau                            | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5153 | 61         | Cà Mau      | 05            | Huyện Cái Nước      | 029       | THPT Phú Hưng             | Ấp Lộ Xe, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5154 | 61         | Cà Mau      | 05            | Huyện Cái Nước      | 047       | TTGDNN Cái Nước           | Ấp Đông Hưng, xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau               | Khu vực 1    | Không       |
| 5155 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 009       | THPT Đầm Dơi              | Khóm 4, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5156 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 010       | THPT Thái Thanh Hoà       | Khóm 5, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5157 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 026       | TTGDTX Đầm Dơi            | Thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                              | Khu vực 1    | Không       |
| 5158 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 034       | THPT Tân Đức              | Ấp Thuận Hoà, xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5159 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 048       | TTGDNN Đầm Dơi            | Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5160 | 61         | Cà Mau      | 06            | Huyện Đầm Dơi       | 059       | THPT Quách Văn Phẩm       | Ấp Xóm Dừa, xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5161 | 61         | Cà Mau      | 07            | Huyện Ngọc Hiển     | 032       | TTGDTX Ngọc Hiển          | Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5162 | 61         | Cà Mau      | 07            | Huyện Ngọc Hiển     | 035       | THPT Viên An              | Ấp Ông Trang, xã Viên An, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau                    | Khu vực 1    | Không       |
| 5163 | 61         | Cà Mau      | 07            | Huyện Ngọc Hiển     | 038       | THPT Ngọc Hiển            | Thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau                           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5164 | 61         | Cà Mau      | 07            | Huyện Ngọc Hiển     | 049       | TTGDNN Ngọc Hiển          | Đường số 13/12, khóm 8, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5165 | 61         | Cà Mau      | 08            | Huyện Năm Căn       | 014       | THPT Phan Ngọc Hiển       | Khóm Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau                | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5166 | 61         | Cà Mau      | 08            | Huyện Năm Căn       | 027       | TTGDTX Năm Căn            | Thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau                              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5167 | 61         | Cà Mau      | 08            | Huyện Năm Căn       | 050       | TTGDNN Năm Căn            | Châu Văn Đặng, khóm Cái Nai, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5168 | 61         | Cà Mau      | 09            | Huyện Phú Tân       | 013       | THPT Nguyễn Thị Minh Khai | Ấp Cái Đồi, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5169 | 61         | Cà Mau      | 09            | Huyện Phú Tân       | 033       | TTGDTX Phú Tân            | Thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau                          | Khu vực 2 NT | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện          | Mã Trường | Tên Trường                            | Địa Chỉ                                                   | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|-------------------------|-----------|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5170 | 61         | Cà Mau      | 09            | Huyện Phú Tân           | 036       | THPT Phú Tân                          | Áp Cái Đồi Nhỏ, xã Nguyễn Việt Khái, Phú Tân, tỉnh Cà Mau | Khu vực 1    | Không       |
| 5171 | 61         | Cà Mau      | 09            | Huyện Phú Tân           | 051       | TTGDNN Phú Tân                        | Khóm 1, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau  | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5172 | 61         | Cà Mau      | 09            | Huyện Phú Tân           | 060       | THCS-THPT Vàm Đĩnh                    | Áp Vàm Đĩnh, xã Phú Thuận, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5173 | 62         | Điện Biên   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo  | 800       | Học ở nước ngoài 62                   |                                                           | Khu vực 3    | Không       |
| 5174 | 62         | Điện Biên   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo  | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 62         |                                                           | Khu vực 3    | Không       |
| 5175 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 000       | Sở Giáo dục và Đào tạo                | Tổ 15, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên phủ        | Khu vực 1    | Không       |
| 5176 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 001       | Trường THPT thành phố Điện Biên Phủ   | Phố 8, Phường Mường Thanh, Thành phố Điện Biên Phủ        | Khu vực 1    | Không       |
| 5177 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 002       | Trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn         | Tổ 10, Mường Thanh Thành phố Điện Biên Phủ                | Khu vực 1    | Không       |
| 5178 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 003       | Trường THPT Phan Đình Giót            | Phố 16, Phường Him Lam-Thành phố Điện Biên Phủ            | Khu vực 1    | Không       |
| 5179 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 004       | Trường Phổ thông Dân tộc Nội Trú Tỉnh | Tổ 4, Phường Tân Thanh-Thành phố Điện Biên Phủ            | Khu vực 1    | Có          |
| 5180 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 005       | Trung tâm GDTX Tỉnh                   | Tổ 4-Thanh Bình-Thành phố Điện Biên Phủ                   | Khu vực 1    | Không       |
| 5181 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 038       | Trường Cao đẳng Nghề Điện Biên        | Phường Thanh Bình , TP Điện Biên                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5182 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 048       | Trường CD Kinh tế Kỹ thuật Điện Biên  | P. Him Lam, Tp. Điện Biên Phủ, Điện Biên                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5183 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 049       | Trường CD Y tế Điện Biên              | P. Noong Bua, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên           | Khu vực 1    | Không       |
| 5184 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 050       | Trường CD Sư phạm Điện Biên           | P. Mường Thanh, Tp. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên         | Khu vực 1    | Không       |
| 5185 | 62         | Điện Biên   | 01            | Thành phố Điện Biên Phủ | 051       | Trường THPT Lương Thế Vinh            | Phường Him Lam, TP Điện Biên Phủ                          | Khu vực 1    | Không       |
| 5186 | 62         | Điện Biên   | 02            | Thị xã Mường Lay        | 007       | Trường THPT thị xã Mường Lay          | Phường Na Lay, Thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên           | Khu vực 1    | Không       |
| 5187 | 62         | Điện Biên   | 02            | Thị xã Mường Lay        | 062       | Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Mường Lay  | Tổ 6, Phường Sông Đà, Thị xã Mường Lay                    | Khu vực 1    | Không       |
| 5188 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 009       | Trường THPT huyện Điện Biên           | Xã Noong Hẹt, Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên             | Khu vực 1    | Không       |
| 5189 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 010       | Trường THPT Thanh Chấn                | Xã Thanh Chấn, Huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên            | Khu vực 1    | Không       |
| 5190 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 011       | Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên           | Pú Tiu, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên   | Khu vực 1    | Không       |
| 5191 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 022       | Trường THPT Mường Nhà                 | Xã Mường Nhà, huyện Điện Biên                             | Khu vực 1    | Không       |
| 5192 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 024       | Trường THPT Nà Tấu                    | Xã Nà Tấu, huyện Điện Biên                                | Khu vực 1    | Không       |
| 5193 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 027       | Trung tâm GDTX huyện Điện Biên        | Xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên                             | Khu vực 1    | Không       |
| 5194 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 039       | Trường PT DTNT THPT huyện Điện Biên   | Phường Nam Thanh- T.P Điện Biên Phủ                       | Khu vực 1    | Có          |
| 5195 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 046       | Trường THPT Thanh Nưa                 | Xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên                             | Khu vực 1    | Không       |
| 5196 | 62         | Điện Biên   | 03            | Huyện Điện Biên         | 055       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên   | Xã Noong Hẹt, huyện Điện Biên                             | Khu vực 1    | Không       |
| 5197 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo         | 012       | Trường THPT Tuần Giáo                 | Khối 2A, thị trấn Tuần Giáo                               | Khu vực 1    | Không       |
| 5198 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo         | 030       | Trung tâm GDTX huyện Tuần Giáo        | Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5199 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo         | 033       | Trường THPT Mùn Chung                 | Xã Mùn Chung, huyện Tuần Giáo                             | Khu vực 1    | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện       | Mã Trường | Tên Trường                               | Địa Chỉ                                           | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|----------------------|-----------|------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------|-------------|
| 5200 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo      | 040       | Trường PT DTNT THPT huyện Tuần Giáo      | Thị trấn Tuần Giáo, huyện Tuần Giáo               | Khu vực 1 | Có          |
| 5201 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo      | 053       | Trường THCS và THPT Quài Tở              | Bản Pầu, Xã Quài Tở, huyện Tuần Giáo              | Khu vực 1 | Không       |
| 5202 | 62         | Điện Biên   | 04            | Huyện Tuần Giáo      | 058       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tuần Giáo      | Khối Đồng Tâm, Thị trấn Tuần Giáo                 | Khu vực 1 | Không       |
| 5203 | 62         | Điện Biên   | 05            | Huyện Mường Chà      | 015       | Trường THPT Mường Chà                    | Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà               | Khu vực 1 | Không       |
| 5204 | 62         | Điện Biên   | 05            | Huyện Mường Chà      | 028       | Trung tâm GDTX huyện Mường Chà           | Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà               | Khu vực 1 | Không       |
| 5205 | 62         | Điện Biên   | 05            | Huyện Mường Chà      | 045       | Trường PT DTNT THPT huyện Mường Chà      | Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà               | Khu vực 1 | Có          |
| 5206 | 62         | Điện Biên   | 05            | Huyện Mường Chà      | 056       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Chà      | Tổ 14                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 5207 | 62         | Điện Biên   | 06            | Huyện Tủa Chùa       | 017       | Trường THPT Tủa Chùa                     | Phố Thắng Lợi, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa  | Khu vực 1 | Không       |
| 5208 | 62         | Điện Biên   | 06            | Huyện Tủa Chùa       | 029       | Trung tâm GDTX huyện Tủa Chùa            | Phố Thắng Lợi, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa  | Khu vực 1 | Không       |
| 5209 | 62         | Điện Biên   | 06            | Huyện Tủa Chùa       | 036       | Trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng         | Xã Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa                   | Khu vực 1 | Không       |
| 5210 | 62         | Điện Biên   | 06            | Huyện Tủa Chùa       | 041       | Trường PT DTNT THPT huyện Tủa Chùa       | Khu Thành Công, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa | Khu vực 1 | Có          |
| 5211 | 62         | Điện Biên   | 06            | Huyện Tủa Chùa       | 057       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Tủa Chùa       | Phố Thắng Lợi, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa  | Khu vực 1 | Không       |
| 5212 | 62         | Điện Biên   | 07            | Huyện Điện Biên Đông | 019       | Trường THPT Trần Can                     | Thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông     | Khu vực 1 | Không       |
| 5213 | 62         | Điện Biên   | 07            | Huyện Điện Biên Đông | 023       | Trường THPT Mường Luân                   | Xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông               | Khu vực 1 | Không       |
| 5214 | 62         | Điện Biên   | 07            | Huyện Điện Biên Đông | 026       | Trung tâm GDTX huyện Điện Biên Đông      | Thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông     | Khu vực 1 | Không       |
| 5215 | 62         | Điện Biên   | 07            | Huyện Điện Biên Đông | 044       | Trường PT DTNT THPT huyện Điện Biên Đông | Thị trấn Điện Biên Đông, huyện Điện Biên Đông     | Khu vực 1 | Có          |
| 5216 | 62         | Điện Biên   | 07            | Huyện Điện Biên Đông | 054       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Điện Biên Đông | Tổ 10                                             | Khu vực 1 | Không       |
| 5217 | 62         | Điện Biên   | 08            | Huyện Mường Nhé      | 031       | Trường THPT Mường Nhé                    | Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé                     | Khu vực 1 | Không       |
| 5218 | 62         | Điện Biên   | 08            | Huyện Mường Nhé      | 037       | Trung tâm GDTX huyện Mường Nhé           | Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé                     | Khu vực 1 | Không       |
| 5219 | 62         | Điện Biên   | 08            | Huyện Mường Nhé      | 043       | Trường PT DTNT THPT huyện Mường Nhé      | Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé                     | Khu vực 1 | Có          |
| 5220 | 62         | Điện Biên   | 08            | Huyện Mường Nhé      | 060       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Nhé      | Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé                     | Khu vực 1 | Không       |
| 5221 | 62         | Điện Biên   | 09            | Huyện Mường Ảng      | 013       | Trường THPT Mường Ảng                    | Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng               | Khu vực 1 | Không       |
| 5222 | 62         | Điện Biên   | 09            | Huyện Mường Ảng      | 025       | Trường THPT Búng Lao                     | Xã Búng Lao, huyện Mường ăng                      | Khu vực 1 | Không       |
| 5223 | 62         | Điện Biên   | 09            | Huyện Mường Ảng      | 034       | Trung tâm GDTX huyện Mường Ảng           | Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng               | Khu vực 1 | Không       |
| 5224 | 62         | Điện Biên   | 09            | Huyện Mường Ảng      | 042       | Trường PT DTNT THPT huyện Mường Ảng      | Thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng               | Khu vực 1 | Có          |
| 5225 | 62         | Điện Biên   | 09            | Huyện Mường Ảng      | 059       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mường Ảng      | Bản Hón, thị trấn Mường Ảng                       | Khu vực 1 | Không       |
| 5226 | 62         | Điện Biên   | 10            | Huyện Nậm Pồ         | 035       | Trường THPT Chà Cang                     | Xã Chà Cang, huyện Nậm Pồ                         | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                                      | Địa Chỉ                                 | Khu Vực   | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------|-------------|
| 5227 | 62         | Điện Biên   | 10            | Huyện Nậm Pồ           | 052       | Trường THPT Nậm Pồ                                              | Bản Phiêng Ngúa, xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ | Khu vực 1 | Không       |
| 5228 | 62         | Điện Biên   | 10            | Huyện Nậm Pồ           | 061       | Trung tâm GDNN-GDTX huyện Nậm Pồ                                | Bản Nà Hỳ 1, Xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ     | Khu vực 1 | Không       |
| 5229 | 63         | Đắk Nông    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 63                                             |                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 5230 | 63         | Đắk Nông    | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quân nhân, Công an tại ngũ 63                                   |                                         | Khu vực 3 | Không       |
| 5231 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 000       | Sở GD&ĐT Đắk Nông                                               | Thị xã Gia Nghĩa                        | Khu vực 1 | Không       |
| 5232 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 001       | THPT Chu Văn An                                                 | Thị xã Gia Nghĩa                        | Khu vực 1 | Không       |
| 5233 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 002       | Trung học phổ thông Dân tộc nội trú N' Trang Long tỉnh Đắk Nông | Thị xã Gia Nghĩa                        | Khu vực 1 | Có          |
| 5234 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 022       | THPT Gia Nghĩa                                                  | Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông              | Khu vực 1 | Không       |
| 5235 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 024       | TT GDTX-Ngoại ngữ, tin học tỉnh Đắk Nông                        | Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông              | Khu vực 1 | Không       |
| 5236 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 033       | Trung cấp nghề Đắk Nông                                         |                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 5237 | 63         | Đắk Nông    | 01            | Thành phố Gia Nghĩa    | 037       | THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh                                    | Thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông              | Khu vực 1 | Không       |
| 5238 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 003       | THPT Phạm Văn Đồng                                              | IT kiến Đức, H. Đắk RLấp                | Khu vực 1 | Không       |
| 5239 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 004       | THPT Nguyễn Tất Thành                                           | Xã Nghĩa Thắng, H. Đắk RLấp             | Khu vực 1 | Không       |
| 5240 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 010       | TT GDNN - GDTX Đắk RLấp                                         | IT kiến Đức, H. Đắk RLấp                | Khu vực 1 | Không       |
| 5241 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 017       | THPT Trường Chinh                                               | Xã Đắk Wer, H. Đắk RLấp                 | Khu vực 1 | Không       |
| 5242 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 030       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk RLấp                         | ITr. Kiến Đức, H. Đắk RLấp              | Khu vực 1 | Có          |
| 5243 | 63         | Đắk Nông    | 02            | Huyện Đắk R'Lấp        | 035       | THPT Nguyễn Đình Chiểu                                          | Xã Đắk Ru, H. Đắk R'Lấp                 | Khu vực 1 | Không       |
| 5244 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 006       | THPT Đắk Mil                                                    | IT Đắk Mil, H. Đắk Mil                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5245 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 007       | THPT Trần Hưng Đạo                                              | IT Đắk Mil, H. Đắk Mil                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5246 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 011       | TT GDNN - GDTX Đắk Mil                                          | IT Đắk Mil, H. Đắk Mil                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5247 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 015       | THPT Quang Trung                                                | Xã Đắk RLa, H. Đắk Mil                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5248 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 027       | THPT Nguyễn Du                                                  | Xã Đắk Sác, H. Đắk Mil                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5249 | 63         | Đắk Nông    | 03            | Huyện Đắk Mil          | 028       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Mil                          | Thị trấn Đắk Mil, huyện Đắk Mil         | Khu vực 1 | Có          |
| 5250 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 008       | THPT Phan Chu Trinh                                             | IT EaTLinh, H. Cư Jút                   | Khu vực 1 | Không       |
| 5251 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 013       | TT GDNN - GDTX Cư Jút                                           | IT EaTLinh, H. Cư Jút                   | Khu vực 1 | Không       |
| 5252 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 014       | THPT Phan Bội Châu                                              | Xã Nam Dong, H. Cư Jút                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5253 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 019       | THPT Nguyễn Bình Khiêm                                          | X Đắk Drông, H. Cư Jút                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5254 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 026       | THPT Đào Duy Từ                                                 |                                         | Khu vực 1 | Không       |
| 5255 | 63         | Đắk Nông    | 04            | Huyện Cư Jút           | 032       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Cư Jút                           | Thị trấn Eatling, huyện Cư Jút          | Khu vực 1 | Có          |
| 5256 | 63         | Đắk Nông    | 05            | Huyện Đắk Song         | 005       | THPT Đắk Song                                                   | IT Đức An, H. Đắk Song                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5257 | 63         | Đắk Nông    | 05            | Huyện Đắk Song         | 020       | TT GDNN - GDTX Đắk Song                                         | IT Đức An, H. Đắk Song                  | Khu vực 1 | Không       |
| 5258 | 63         | Đắk Nông    | 05            | Huyện Đắk Song         | 025       | THPT Phan Đình Phùng                                            | Xã Đắk DNRung, H. Đắk Song              | Khu vực 1 | Không       |
| 5259 | 63         | Đắk Nông    | 05            | Huyện Đắk Song         | 029       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Song                         | ITr. Đức An, H. Đắk Song                | Khu vực 1 | Có          |
| 5260 | 63         | Đắk Nông    | 05            | Huyện Đắk Song         | 039       | THPT Lương Thế Vinh                                             | Xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song           | Khu vực 1 | Có          |
| 5261 | 63         | Đắk Nông    | 06            | Huyện Krông Nô         | 009       | THPT Krông Nô                                                   | IT Đắk Mâm. H. Krông Nô                 | Khu vực 1 | Không       |
| 5262 | 63         | Đắk Nông    | 06            | Huyện Krông Nô         | 012       | TT GDNN - GDTX Krông Nô                                         | IT Đắk Mâm. H. Krông Nô                 | Khu vực 1 | Không       |
| 5263 | 63         | Đắk Nông    | 06            | Huyện Krông Nô         | 016       | THPT Hùng Vương                                                 | Xã Quảng Phú, H. Krông Nô               | Khu vực 1 | Không       |
| 5264 | 63         | Đắk Nông    | 06            | Huyện Krông Nô         | 021       | THPT Trần Phú                                                   | Xã Đắk Sô, H. Krông Nô                  | Khu vực 1 | Không       |

| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện         | Mã Trường | Tên Trường                                         | Địa Chỉ                                        | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|-------------|---------------|------------------------|-----------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5265 | 63         | Đắk Nông    | 06            | Huyện Krông Nô         | 034       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Krông Nô            | Thị trấn Đắk Mâm, Huyện Krông Nô               | Khu vực 1    | Có          |
| 5266 | 63         | Đắk Nông    | 07            | Huyện Đắk GLong        | 023       | THPT Đắk Glong                                     | Xã Quảng Khê-H. Đắk Glong                      | Khu vực 1    | Không       |
| 5267 | 63         | Đắk Nông    | 07            | Huyện Đắk GLong        | 031       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Đắk Glong           | Xã Quảng Khê, H. Đắk Glong                     | Khu vực 1    | Có          |
| 5268 | 63         | Đắk Nông    | 07            | Huyện Đắk GLong        | 036       | THPT Lê Duẩn                                       | Xã Quảng Sơn, H. Đắk Glong                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5269 | 63         | Đắk Nông    | 08            | Huyện Tuy Đức          | 018       | THPT Lê Quý Đôn                                    | H. Tuy Đức                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5270 | 63         | Đắk Nông    | 08            | Huyện Tuy Đức          | 038       | TT GDNN - GDTX Tuy Đức                             | H. Tuy Đức                                     | Khu vực 1    | Không       |
| 5271 | 63         | Đắk Nông    | 08            | Huyện Tuy Đức          | 040       | Phổ thông DTNT THCS-THPT huyện Tuy Đức             | xã Đắk Buk So                                  | Khu vực 1    | Có          |
| 5272 | 64         | Hậu Giang   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 800       | Học ở nước ngoài 64                                |                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 5273 | 64         | Hậu Giang   | 00            | Sở Giáo dục và Đào tạo | 900       | Quản nhân, Công an tại ngũ 64                      |                                                | Khu vực 3    | Không       |
| 5274 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 001       | Sở GD và ĐT Hậu Giang                              | Sở GD và ĐT Hậu Giang                          | Khu vực 2    | Không       |
| 5275 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 002       | THPT Vị Thanh                                      | Phường III thành phố Vị Thanh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5276 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 018       | Phòng Giáo dục thành phố Vị Thanh                  | Phường III Thành phố Vị Thanh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5277 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 028       | THPT Chiêm Thành Tấn                               | Phường VII thành phố Vị Thanh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5278 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 029       | TT GDTX thành phố Vị Thanh                         | Phường III thành phố Vị Thanh                  | Khu vực 1    | Không       |
| 5279 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 039       | THPT chuyên Vị Thanh                               | Phường I thành phố Vị Thanh                    | Khu vực 1    | Không       |
| 5280 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 042       | TC nghề tỉnh Hậu Giang                             | Khu vực IV, Phường IV, TP. Vị Thanh, Hậu Giang | Khu vực 1    | Không       |
| 5281 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 229       | TT GDTX tỉnh Hậu Giang                             | Phường I thành phố Vị Thanh                    | Khu vực 1    | Không       |
| 5282 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 349       | Trường Trung cấp Kỹ thuật-Công nghệ tỉnh Hậu Giang | Đường 19/8, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh      | Khu vực 1    | Không       |
| 5283 | 64         | Hậu Giang   | 01            | Thành phố Vị Thanh     | 350       | Trường Cao đẳng Cộng đồng Hậu Giang                | Đường 19/8, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh      | Khu vực 1    | Không       |
| 5284 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 004       | THPT Vị Thủy                                       | TT Nàng Mau H. Vị Thủy                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5285 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 019       | Phòng Giáo dục H. Vị Thủy                          | TT Nàng Mau H. Vị Thủy                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5286 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 027       | THPT Lê Hồng Phong                                 | Xã Vị Thanh H. Vị Thủy                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5287 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 030       | TT GDTX H. Vị Thủy                                 | TT Nàng Mau H. Vị Thủy                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5288 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 046       | THPT Vĩnh Tường                                    | Xã Vĩnh Tường, H. Vị Thủy                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5289 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 230       | TT GDNN-GDTX H. Vị Thủy                            | TT Nàng Mau H. Vị Thủy                         | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5290 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 248       | Trường Trung cấp Luật Vị Thanh                     | Xã Vị Trung, huyện Vị Thủy, Hậu Giang          | Khu vực 1    | Không       |
| 5291 | 64         | Hậu Giang   | 02            | Huyện Vị Thủy          | 351       | Trường Trung cấp Kinh tế-Kỹ thuật tỉnh Hậu Giang   | QL61C, xã Vị Trung, huyện Vị Thủy              | Khu vực 1    | Không       |
| 5292 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 005       | THPT Long Mỹ (huyện LM)                            | TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5293 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 006       | THPT Tây Đô                                        | Xã Vĩnh Viễn H. Long Mỹ                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5294 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 020       | Phòng Giáo dục H. Long Mỹ                          | xã Vĩnh Viễn H. Long Mỹ                        | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5295 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 025       | Phổ thông Dân tộc nội trú (huyện LM)               | xã Long Bình, huyện Long Mỹ                    | Khu vực 2 NT | Có          |
| 5296 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 026       | THPT Tân Phú (huyện LM)                            | Xã Tân Phú, huyện Long Mỹ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5297 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 031       | TT GDTX Long Mỹ                                    | TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5298 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 037       | THPT Lương Tâm                                     | Xã Lương Tâm H. Long Mỹ                        | Khu vực 1    | Không       |
| 5299 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 406       | THPT Tây Đô (Từ 01/05/2019)                        | Thị trấn Vĩnh Viễn, H. Long Mỹ                 | Khu vực 1    | Không       |
| 5300 | 64         | Hậu Giang   | 03            | Huyện Long Mỹ          | 247       | TT GDNN-GDTX H. Long Mỹ                            | ấp 6, xã Thuận Hưng, huyện Long Mỹ             | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5301 | 64         | Hậu Giang   | 04            | Huyện Phụng Hiệp       | 009       | THPT Lương Thế Vinh                                | IT Kinh Cùnh H. Phụng Hiệp                     | Khu vực 2 NT | Không       |



| STT  | Mã Tỉnh/TP | Tên Tỉnh/TP    | Mã Quận/Huyện | Tên Quận/Huyện            | Mã Trường | Tên Trường                                     | Địa Chỉ                                       | Khu Vực      | Trường DTNT |
|------|------------|----------------|---------------|---------------------------|-----------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------|-------------|
| 5302 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 010       | THPT Cây Dương                                 | IT Cây Dương H. Phụng Hiệp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5303 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 017       | THPT Tân Long                                  | Xã Tân Long, H. Phụng Hiệp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5304 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 021       | Phòng Giáo dục H. Phụng Hiệp                   | IT Cây Dương H. Phụng Hiệp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5305 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 032       | TT GDTX H. Phụng Hiệp                          | IT Cây Dương H. Phụng Hiệp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5306 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 036       | THPT Hòa An                                    | Xã Hòa An H. Phụng Hiệp                       | Khu vực 1    | Không       |
| 5307 | 64         | Hậu Giang      | 04            | Huyện Phụng Hiệp          | 232       | TT GDNN-GDTX H. Phụng Hiệp                     | IT Cây Dương H. Phụng Hiệp                    | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5308 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 012       | THPT Ngã Sáu                                   | IT Ngã Sáu H. Châu Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5309 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 022       | Phòng Giáo dục H. Châu Thành                   | IT Ngã Sáu H. Châu Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5310 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 033       | IT GDTX H. Châu Thành                          | IT Ngã Sáu H. Châu Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5311 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 038       | THPT Phú Hữu                                   | Xã Phú Hữu H. Châu Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5312 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 045       | CĐ Nghề Trần Đại Nghĩa                         | Khu ĐT Đông Phú, Đông Phú, Châu Thành, HG     | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5313 | 64         | Hậu Giang      | 05            | Huyện Châu Thành          | 233       | TT GDNN-GDTX H. Châu Thành                     | IT Ngã Sáu H. Châu Thành                      | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5314 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 013       | THPT Tầm Vu                                    | Xã Thanh Xuân H. Châu Thành A                 | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5315 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 014       | THPT Cái Tắc                                   | Thị trấn Cái Tắc huyện Châu Thành A           | Khu vực 1    | Không       |
| 5316 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 015       | THPT Châu Thành A                              | IT Một Ngàn H. Châu Thành A                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5317 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 023       | Phòng Giáo dục H. Châu Thành A                 | IT Một ngàn H. Châu Thành A                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5318 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 034       | TT GDTX H. Châu Thành A                        | IT Một ngàn H. Châu Thành A                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5319 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 041       | THPT Trường Long Tây                           | Xã Trường Long Tây, H. Châu Thành A           | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5320 | 64         | Hậu Giang      | 06            | Huyện Châu Thành A        | 234       | TT GDNN-GDTX H. Châu Thành A                   | IT Một ngàn H. Châu Thành A                   | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5321 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 011       | THPT Nguyễn Minh Quang                         | Phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy               | Khu vực 2    | Không       |
| 5322 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 024       | Phòng Giáo dục Thị xã Ngã Bảy                  | Phường Ngã Bảy thị xã Ngã Bảy                 | Khu vực 1    | Không       |
| 5323 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 035       | TT GDTX thị xã Ngã Bảy                         | Phường Lái Hiếu thị xã Ngã Bảy                | Khu vực 2    | Không       |
| 5324 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 040       | THPT Lê Quý Đôn                                | Phường Lái Hiếu thị xã Ngã Bảy                | Khu vực 2    | Không       |
| 5325 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 043       | TC nghề Ngã Bảy                                | Số 3567, Hùng Vương, Khu vực IV, P.Hiệp Thành | Khu vực 2    | Không       |
| 5326 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 311       | THPT Nguyễn Minh Quang                         | Phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy               | Khu vực 1    | Không       |
| 5327 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 335       | TT GDNN-GDTX thị xã Ngã Bảy                    | Phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy               | Khu vực 1    | Không       |
| 5328 | 64         | Hậu Giang      | 07            | Thị xã Ngã Bảy            | 340       | THPT Lê Quý Đôn                                | Phường Lái Hiếu, thị xã Ngã Bảy               | Khu vực 1    | Không       |
| 5329 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 047       | Phòng Giáo dục thị xã Long Mỹ (huyện LM)       | Phường Bình Thạnh thị xã Long Mỹ              | Khu vực 2 NT | Không       |
| 5330 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 105       | THPT Long Mỹ                                   | Phường Bình Thạnh thị xã Long Mỹ              | Khu vực 2    | Không       |
| 5331 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 125       | Phổ thông Dân tộc nội trú                      | Phường Vĩnh Tường thị xã Long Mỹ              | Khu vực 2    | Có          |
| 5332 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 126       | THPT Tân Phú                                   | Xã Tân Phú thị xã Long Mỹ                     | Khu vực 2    | Không       |
| 5333 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 131       | TT GDTX Long Mỹ                                | Phường Thuận An thị xã Long Mỹ                | Khu vực 2    | Không       |
| 5334 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 147       | Phòng Giáo dục thị xã Long Mỹ                  | Phường Bình Thạnh thị xã Long Mỹ              | Khu vực 2    | Không       |
| 5335 | 64         | Hậu Giang      | 08            | Thị xã Long Mỹ            | 231       | TT GDNN-GDTX TX Long Mỹ                        | Phường Thuận An thị xã Long Mỹ                | Khu vực 2    | Không       |
| 5336 | 64         | Hậu Giang      | 09            | Thành phố Ngã Bảy         | 411       | THPT Nguyễn Minh Quang (Từ 01/02/2020)         | Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy            | Khu vực 1    | Không       |
| 5337 | 64         | Hậu Giang      | 09            | Thành phố Ngã Bảy         | 435       | TT GDNN-GDTX thành phố Ngã Bảy (Từ 01/02/2020) | Phường Lái Hiếu, thành phố Ngã Bảy            | Khu vực 1    | Không       |
| 5338 | 64         | Hậu Giang      | 09            | Thành phố Ngã Bảy         | 440       | THPT Lê Quý Đôn (Từ 01/02/2020)                | Phường Lái Hiếu, Thành phố Ngã Bảy            | Khu vực 1    | Không       |
| 5339 | 65         | Cục nhà trường | 01            | Cục Nhà trường - Hà Nội   | 001       | Trường Đại học văn hóa nghệ thuật Quân đội     | Số 67B phố Cửa Bắc- Quận Ba Đình              | Khu vực 3    | Không       |
| 5340 | 65         | Cục nhà trường | 02            | Cục Nhà trường - Đồng Nai | 002       | Trường Cao đẳng nghề Số 8                      |                                               | Khu vực 2    | Không       |